

9. Mô tả nội dung học phần

9.1. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TRIẾT HỌC MÁC - LÊ NIN/ Philosophy of Marxism-Leninism

3 TC (32,26,0)

- Mã số học phần: 196055
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Nguyên lý
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần:

- *Nội dung học phần:* Gồm 3 chương. Chương 1: Trình bày khái quát về nguồn gốc, bản chất của triết học; sự hình thành, phát triển của triết học Mác – Lênin và vai trò của nó trong đời sống xã hội. Chương 2: Trình bày quan điểm của triết học Mác – Lênin về vật chất, ý thức; các nguyên lý, các quy luật, các cặp phạm trù; lý luận nhận thức. Chương 3: Trình bày quan điểm duy vật lịch sử về sự tồn tại, vận động, phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp, dân tộc, nhà nước, cách mạng xã hội, ý thức xã hội và triết học về con người.

- *Năng lực đạt được:* Người học nắm vững lý luận triết học Mác – Lênin, trên cơ sở đó xác lập được thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận khoa học và vận dụng lý luận đó để nhận thức và cải tạo thế giới; xác lập được phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Về kiến thức: Khái quát về nguồn gốc, bản chất của triết học; sự hình thành, phát triển và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội. Quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức; các nguyên lý, các quy luật, các cặp phạm trù; bản chất của nhận thức, thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức. Quan điểm duy vật lịch sử về sự tồn tại, vận động, phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội trong lịch sử; về nguồn gốc, bản chất giai cấp, đấu tranh giai cấp, dân tộc, nhà nước, cách mạng xã hội, ý thức xã hội và con người.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Hình thành kỹ năng phân tích, đánh giá và giải quyết các hiện tượng của tự nhiên, xã hội và tư duy trên lập trường DVBC và phương pháp luận biện chứng duy vật.
- Biết vận dụng kiến thức lý luận của môn học vào việc tiếp cận các môn khoa học chuyên ngành, vào hoạt động thực tiễn của bản thân một cách năng động và sáng tạo;
- Biết vận dụng những vấn đề lý luận để hiểu rõ và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2.3. Mục tiêu về thái độ người học

- Rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng.
- Nhìn nhận một cách khách quan về vai trò của chủ nghĩa Mác-Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.

3. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1: TRIẾT HỌC VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI (9LT:08TL)

1. TRIẾT HỌC VÀ VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA TRIẾT HỌC

- 1.1. Khái lược về triết học
- 1.2. Vấn đề cơ bản của triết học
- 1.3. Biện chứng và siêu hình

2. TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

- 2.1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mac – Lênin
- 2.2. Đối tượng và chức năng của triết học Mac – Lênin
- 2.3. Vai trò của triết học Mac – Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.

CHƯƠNG 2: CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG (9LT:08TL)

1. VẬT CHẤT VÀ Ý THỨC

- 1.1. Vật chất và các hình thức tồn tại của vật chất
- 1.2. Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức
- 1.3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức

2. PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT

- 2.1. Hai loại hình biện chứng và phép biện chứng duy vật
- 2.2. Nội dung của phép biện chứng duy vật

3. LÝ LUẬN NHẬN THỨC

- 3.1. Các nguyên tắc của lý luận nhận thức duy vật biện chứng
- 3.2. Nguồn gốc, bản chất của nhận thức
- 3.3. Thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức
- 3.4. Các giai đoạn cơ bản của quá trình nhận thức
- 3.5. Tính chất của chân lý

CHƯƠNG 3: CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ (14LT:10TL)

1. HỌC THUYẾT HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI

- 1.1. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội
- 1.2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất
- 1.3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội
- 1.4. Sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên

2. GIAI CẤP VÀ DÂN TỘC

- 2.1. Giai cấp và đấu tranh giai cấp
- 2.2. Dân tộc
- 2.3. Mối quan hệ giai cấp – dân tộc – nhân loại

3. NHÀ NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG XÃ HỘI

- 3.1. Nhà nước
- 3.2. Cách mạng xã hội

4. Ý THỨC XÃ HỘI

- 4.1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội

4.2. Ý thức xã hội và kết cấu của ý thức xã hội

5. TRIẾT HỌC VỀ CON NGƯỜI

5.1. Khái niệm con người và bản chất con người

5.2. Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người

5.3. Quan hệ cá nhân và xã hội; vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử

5.4. Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tự vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo:

9.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Bộ Giáo dục & ĐT (2019), *Giáo trình Triết học Mác-Lênin*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội. (dự thảo)

9.2. Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Giáo dục & ĐT (2007), *Giáo trình Triết học Mác-Lênin*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

2. Nguyễn Hữu Vui (2003), *Lịch sử triết học*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

3. Bộ Giáo dục & ĐT (2008), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

9.2. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN

- Số tín chỉ: 2 (21, 18)

- Mã học phần: 196060

- Bộ môn phụ trách giảng dạy:

- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác-Lênin

1. Mô tả học phần:

- Nội dung học phần gồm: Nội dung học phần bao gồm 6 chương: Trong đó chương 1 trình bày về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị

Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 4 trình bày nội dung cốt lõi của chủ nghĩa Mác – Lênin về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Chương 5 và chương 6 trình bày những vấn đề chủ yếu về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

- Năng lực đạt được: Người học biết vận dụng kiến thức của môn học vào việc tiếp cận các môn khoa học chuyên ngành và hoạt động thực tiễn của bản thân một cách năng động, sáng tạo; Vận dụng các vấn đề lý luận đã học để hiểu rõ và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- *Về kiến thức:* Khái quát lịch sử hình thành, đối tượng, phương pháp, chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về hàng hóa, tiền tệ, thị trường, các quy luật kinh tế chủ yếu của sản xuất hàng hóa; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng: Hình thành kỹ năng phân tích, đánh giá các vấn đề kinh tế trong nền kinh tế thị trường hiện nay; Biết vận dụng kiến thức của môn học vào việc tiếp cận các môn khoa học chuyên ngành và hoạt động thực tiễn của bản thân một cách năng động, sáng tạo; Vận dụng các vấn đề lý luận đã học để hiểu rõ và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ CHỨC NĂNG CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN (4LT:3TL)

I. Khái quát sự hình thành và phát triển của kinh tế chính trị Mác - Lênin

1. Chủ nghĩa trọng thương
2. Chủ nghĩa trọng nông
3. Kinh tế chính trị tư sản cổ điển Anh
4. Kinh tế chính trị Mác - Lênin

II. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác - Lênin

1. Đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác - Lênin
2. Phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác - Lênin

III. Chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin

1. Chức năng nhận thức
2. Chức năng thực tiễn
3. Chức năng tư tưởng
4. Chức năng phương pháp luận

Chương 2: HÀNG HÓA, THỊ TRƯỜNG VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG (4LT:3TL)

I. Lý luận của C.Mác về hàng hóa

1. Điều kiện ra đời, tồn tại của sản xuất hàng hoá
2. Hàng hoá
3. Tiền tệ

II. Thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường

1. Thị trường
2. Vai trò của một số chủ thể chính tham gia thị trường

Chương 3: GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG (4LT:3TL)

I. Nguồn gốc, bản chất của giá trị thặng dư.

1. Công thức chung của tư bản
2. Hàng hoá sức lao động và tiền công trong chủ nghĩa tư bản
3. Sản xuất giá trị thặng dư
4. Tư bản bất biến và tư bản khả biến
5. Tỷ suất giá trị thặng dư và khối lượng giá trị thặng dư
6. Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa

II. Tuần hoàn và chu chuyển tư bản. Tư bản cố định và tư bản lưu động

1. Tuần hoàn của tư bản
2. Chu chuyển của tư bản
3. Tư bản cố định và tư bản lưu động

III. Tích lũy tư bản

1. Thực chất của tích lũy tư bản và các nhân tố quyết định quy mô tích lũy tư bản
2. Quy luật chung của tích lũy tư bản

IV. Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường

1. Lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận
2. Lợi nhuận bình quân
3. Các hình thái tư bản và lợi nhuận của chúng

Chương 4: CẠNH TRANH VÀ ĐỘC QUYỀN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG (4LT:3TL)

I. Quan hệ giữa cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường

II. Chủ nghĩa tư bản độc quyền

1. Nguyên nhân hình thành và bản chất của chủ nghĩa tư bản độc quyền
2. Đặc điểm kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản độc quyền

II. Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước

1. Nguyên nhân ra đời và bản chất của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước
2. Những biểu hiện chủ yếu của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước

III. Vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản

1. Vai trò tích cực của chủ nghĩa tư bản
2. Giới hạn phát triển của chủ nghĩa tư bản
3. Xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản

Chương 5: KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ CÁC QUAN HỆ LỢI ÍCH KINH TẾ Ở VIỆT NAM (3LT:3TL)

I. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

1. Khái niệm kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam
2. Tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam
3. Đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

II. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

1. Sự cần thiết phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam
2. Nội dung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

III. Các quan hệ lợi ích ở Việt nam

1. Lợi ích kinh tế và quan hệ lợi ích kinh tế
2. Vai trò nhà nước trong đảm bảo hài hòa các quan hệ lợi ích

Chương 6: CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM (3LT:3TL)

I. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam

1. Khái quát cách mạng công nghiệp và công nghiệp hóa
2. Tính tất yếu khách quan và nội dung của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam

II. Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

1. Khái niệm và nội dung hội nhập kinh tế quốc tế
2. Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến phát triển của Việt Nam
3. Phương hướng nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo:

9.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Bộ GD & ĐT (2019), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin*, NXB CTQG Hà Nội (*dự thảo*).

9.1. Tài liệu tham khảo:

1. Bộ GD & ĐT (2006), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin*, NXB CTQG.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII, IX, X, XI, XII (1996; 2001; 2006; 2011; 2016)*, NXB STHN.

9.3. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC 2TC(21,18)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy:

- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin

1. Mô tả học phần:

- Nội dung học phần gồm: Học phần có 7 chương, cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học: xác định đối tượng, mục đích, yêu cầu, phương pháp học tập, nghiên cứu môn học; quá trình hình thành, phát triển CNXH; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; CNXH và các vấn đề xã hội, giai cấp, dân tộc, tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH.

- Năng lực đạt được: Người học có được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức về chủ nghĩa xã hội vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta. Sinh viên lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức: Người học có được kiến thức cơ bản, hệ thống về sự ra đời, các giai đoạn phát triển; đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu CNXH, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lênin

2.2. Mục tiêu về kỹ năng: Người học có khả năng luận chứng được khách thể và đối tượng nghiên cứu của một khoa học và của một vấn đề nghiên cứu, phân biệt được những vấn đề chính trị - xã hội trong đời sống hiện thực.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: NHẬP MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC (4LT:0TL)

1. Sự ra đời của Chủ nghĩa xã hội khoa học

2. Các giai đoạn phát triển cơ bản của CNXH

3. Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXH

CHƯƠNG 2: SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN (3LT:3TL)

1. Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân.

1.1. Khái niệm và đặc điểm của giai cấp công nhân

1.2. Nội dung và đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

1.3. Những điều kiện và quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

2. Giai cấp công nhân và việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay.

2.1. Giai cấp công nhân hiện nay.

2.2. Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trên thế giới hiện nay

3. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam

3.1. Đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam

3.2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay.

3.3. Phương hướng và một số giải pháp chủ yếu để xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay.

CHƯƠNG 3: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CNXH (3LT:3TL)

1. Chủ nghĩa xã hội

1.1. Chủ nghĩa xã hội, giai đoạn đầu của hình thái KT-XH cộng sản chủ nghĩa.

1.2. Điều kiện ra đời của CNXH

1.3. Những đặc trưng cơ bản của CNXH

2. Thời kỳ quá độ lên CNXH

2.1. Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên CNXH

2.2. Đặc điểm của thời kỳ quá độ lên CNXH

3. Quá độ lên CNXH ở Việt Nam

3.1. Quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa.

3.2. Những đặc trưng của CNXH và phương hướng xây dựng CNXH ở Việt Nam hiện nay.

CHƯƠNG 4: DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (3LT:3TL)

1. Dân chủ và dân chủ XHCN

1.1. Dân chủ và sự ra đời, phát triển của dân chủ

1.2. Dân chủ xã hội chủ nghĩa

2. Nhà nước xã hội chủ nghĩa

2.1. Sự ra đời, bản chất, chức năng của nhà nước XHCN.

2.2. Mối quan hệ giữa XHCN và nhà nước XHCN

3. Dân chủ XHCN và nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam

3.1. Dân chủ XHCN ở Việt Nam

3.2. Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam

3.3. Phát huy dân chủ XHCN, xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam hiện nay

CHƯƠNG 5: CƠ CẤU XÃ HỘI – GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN XHCN (3LT:3TL)

1. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên XHCN

1.1. Khái niệm và vị trí của cơ cấu xã hội – giai cấp trong cơ cấu xã hội

1.2. Sự biến đổi có tính qui luật của cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên XHCN

2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên XHCN

3. Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên XHCN ở Việt Nam

3.1. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên XHCN ở Việt Nam

3.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên XHCN ở Việt Nam

CHƯƠNG 6: VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN XHCN (3LT:3TL)

1. Dân tộc trong thời kỳ quá độ lên CNXH

1.1. Chủ nghĩa Mác – Lênin về dân tộc

1.2. Dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam

2. Tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH

2.1. Chủ nghĩa Mác – Lênin về tôn giáo

2.2. Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước hiện nay

3. Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam

3.1. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam

3.2. Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay

CHƯƠNG 7: VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CNXH (3LT:3TL)

1. Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình

1.1. Khái niệm gia đình

1.2. Vị trí của gia đình trong xã hội

1.3 Chức năng cơ bản của gia đình

2. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH

2.1. Cơ sở kinh tế - xã hội

2.2. Cơ sở chính trị - xã hội

2.3. Cơ sở văn hóa

2.4. Chế độ hôn nhân tiến bộ

3. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH

3.1. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH

3.2. Phương hướng cơ bản xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo

9.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Bộ GD&ĐT (2019), *Chủ nghĩa xã hội khoa học*, NXB CTQG (Dự thảo).

9.2. Tài liệu tham khảo:

1. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn (2018), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*. NXB Chính trị quốc gia Hà Nội.
2. *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học* (2018) NXB Chính trị quốc gia.
3. Bộ GD&ĐT (2003), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

9.4. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

- Số tín chỉ: 2 (21, 18)
- Mã học phần: 199030
- Bộ môn phụ trách giảng dạy:
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học

1. Mô tả học phần:

- Nội dung học phần: Những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920- 1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930- 1945), trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945- 1975), trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975- 2018).

- Năng lực đạt được: Sinh viên có phương pháp tư duy khoa học về lịch sử; có nhận thức, niềm tin đối với sự lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam, phát huy được truyền thống tốt đẹp của Đảng Cộng sản Việt Nam. Sinh viên vận dụng được kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức: Cung cấp những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920- 1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930- 1945), trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945- 1975), trong

sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975- 2018).

2.2. Mục tiêu về kỹ năng: Trang bị cho sinh viên phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học, qua đó giúp sinh viên nâng cao nhận thức, niềm tin đối với sự lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam, phát huy truyền thống tốt đẹp của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đồng thời, sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương nhập môn: ĐỐI TƯỢNG, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (6LT:5TL)

1. Đối tượng nghiên cứu của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

1.1. Đối tượng nghiên cứu

1.2. Phạm vi nghiên cứu

II. Chức năng, nhiệm vụ của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

2.1. Chức năng của khoa học Lịch sử Đảng

2.2. Nhiệm vụ của môn học

III. Phương pháp nghiên cứu, học tập môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

3.1. Phương pháp luận

3.2 Các phương pháp cụ thể

Chương 1: ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930 - 1945) (6LT:5TL)

1.1. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 2-1930)

1.1.1. Bối cảnh lịch sử

1.1.2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng

1.1.3. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

1.1.4. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

1.2. Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)

1.2.1. Phong trào cách mạng 1930-1931 và khôi phục phong trào 1932- 1935

1.2.2. Phong trào dân chủ 1936-1939

1.2.3. Phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945

1.2.4. Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám năm 1945

Chương 2: ĐẢNG LÃNH ĐẠO HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN, HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1945 - 1975)

(6LT:5TL)

2.1. Đảng lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)

2.1.1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng 1945-1946

2.1.2. Đường lối kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược và quá trình tổ chức thực hiện từ năm 1946 đến năm 1950

2.1.3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ đến thắng lợi 1951-1954

2.1.4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ

2.2. Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975)

2.2.1. Lãnh đạo cách mạng hai miền giai đoạn 1954-1965

2.2.2. Lãnh đạo cách mạng cả nước giai đoạn 1965-1975

2.2.3. Ý nghĩa và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954- 1975

Chương 3: ĐẢNG LÃNH ĐẠO CẢ NƯỚC QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ TIẾN HÀNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (1975 - 2018) (3LT:3TL)

3.1. Đảng lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986)

3.1.1. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 1975-1981

3.1.2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế 1982- 1986

3.2. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1986-2018)

3.2.1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội 1986-1996

3.2.2 Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế 1996-2018

3.2.3. Thành tựu, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo

9.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Bộ GD&ĐT (2019), *Lịch sử Đảng CSVN*, NXB CTQG.

9.2. Tài liệu tham khảo:

1. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn (2018), *Lịch sử Đảng CSVN*, NXB CTQG

2. Bộ GD&ĐT (2006), *Lịch sử Đảng CSVN*, NXB CTQG.

3. Đảng CS Việt Nam (2001), *Văn kiện Đảng toàn tập*, NXB CTQG

9.5. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

- Số tín chỉ: 2 (21, 18)

- Mã học phần: 197035

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh và Pháp luật

- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác Lenin

1. Mô tả học phần:

- Nội dung học phần gồm: Khái niệm Tư tưởng HCM, bản chất, đặc điểm, đối tượng và ý nghĩa của việc nghiên cứu TTHCM; quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh. Các nội dung chủ yếu của tư tưởng HCM về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; về CNXH và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam; về Đảng Cộng sản VN; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân; về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới.

- Năng lực đạt được: Người học nắm vững khái niệm, đặc điểm và ý nghĩa của việc nghiên cứu TTHCM, các quá trình hình thành phát triển TTHCM; phân tích được các nội dung chủ yếu của TTHCM, vận dụng được các vấn đề về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân; về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về nguồn gốc, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh

- Trình bày được những kiến thức có tính hệ thống về những vấn đề cơ bản của đường lối cách mạng Việt Nam: Về dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc, về xây dựng Đảng, Nhà nước, về CNXH, và quá độ lên CNXH, về đoàn kết dân tộc và quốc tế, về dân chủ.

- Trình bày được những kiến thức về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh; xây dựng nền tảng đạo đức con người mới XHCN.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Xây dựng được tư duy lý luận, phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, năng lực tổ chức hoạt động thực tiễn, khả năng vận dụng vào thực tiễn, giải quyết tốt những vấn đề biến đổi trong thực tiễn đặt ra.

Vận dụng được lý luận với thực tiễn, học đi đôi với hành.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương mở đầu: ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH (2LT: 0TL)

1. Đối tượng nghiên cứu

- 1.1. Khái niệm tư tưởng và tư tưởng Hồ Chí Minh.
- 1.2. Đối tượng của môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh.
- 1.3. Mối quan hệ của môn học này với môn học Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin và môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Phương pháp nghiên cứu:

- 2.1. Cơ sở phương pháp luận.
- 2.2. Các phương pháp cụ thể.

3. Ý nghĩa của việc học tập môn học đối với sinh viên

- 3.1. Nâng cao năng lực tư duy lý luận và phương pháp học tập, công tác.
- 3.2. Bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng và rèn luyện bản lĩnh chính trị.

Chương 1: CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH (2LT: 2TL)

1.1. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh

- 1.1.1. Cơ sở khách quan
- 1.1.2. Nhân tố chủ quan

1.2. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh

- 1.2.1. Thời kỳ trước năm 1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng cứu nước
- 1.2.2. Thời kỳ từ năm 1911-1920 Tìm con đường cứu nước giải phóng dân tộc
- 1.2.3. Thời kỳ từ năm 1921-1930: Hình thành cơ bản tư tưởng về cách mạng VN.
- 1.2.4. Thời kỳ từ 1930 - 1945: Vượt qua thử thách, kiên trì giữ vững lập trường CM.
- 1.2.5. Thời kỳ từ 1945 - 1969: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, hoàn thiện.

1.3. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh

- 1.3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng con đường giải phóng và phát triển dân tộc.
- 1.3.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự phát triển thế giới.

Chương 2: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC (2LT: 0TL)

2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc

- 2.1.1. Vấn đề dân tộc thuộc địa.
- 2.1.2. Mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp.

2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc

- 2.2.1. Mục tiêu của cách mạng giải phóng dân tộc.
- 2.2.2. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường CM vô sản.
- 2.2.3. Cách mạng giải phóng dân tộc trong thời đại mới phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo.
- 2.2.4. Lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc bao gồm toàn dân tộc.
- 2.2.5. Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc.

2.2.6. Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng con đường CM bạo lực.

Chương 3: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM (2LT: 2TL)

3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

3.1.1. Tính tất yếu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

3.1.2. Đặc trưng của CNXH ở Việt Nam.

3.1.3. Quan điểm Hồ Chí Minh về động lực của CNXH ở Việt Nam.

3.2. Con đường, biện pháp quá độ lên CNXH ở Việt Nam

3.2.1. Con đường.

3.2.2. Biện pháp.

Chương 4: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CS VIỆT NAM

(2LT:6TL)

4.1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về vai trò và bản chất của Đảng CSVN

4.1.1. Về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

4.1.2. Vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam.

4.1.3. Bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam.

4.1.4. Quan niệm về Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền.

4.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng CSVN trong sạch, vững mạnh

4.2.1. Xây dựng Đảng - Quy luật tồn tại và phát triển của Đảng.

4.2.2. Nội dung công tác xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam.

Chương 5: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ (2LT: 4TL)

5.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc

5.1.1. Vai trò của đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp cách mạng.

5.1.2. Nội dung của đại đoàn kết dân tộc.

5.1.3. Hình thức tổ chức khối đại đoàn kết dân tộc.

5.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế.

5.2.1. Sự cần thiết xây dựng đoàn kết quốc tế.

5.2.2. Nội dung và hình thức đoàn kết quốc tế.

5.2.3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế.

Chương 6: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ DÂN CHỦ VÀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN (4LT, 4TL)

6.1. Quan điểm của Hồ Chí Minh về dân chủ

6.1.1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về dân chủ

6.1.2. Dân chủ trong các lĩnh vực đời sống xã hội.

6.1.3. Thực hành dân chủ.

6.2. Quan điểm Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân

6.2.1. Xây dựng Nhà nước thể hiện quyền làm chủ của nhân dân.

6.2.2. Quan điểm Hồ Chí Minh về sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc của Nhà nước.

6.2.3. Xây dựng Nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ.

6.2.4. Xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu quả.

Chương 7: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HOÁ ĐẠO ĐỨC VÀ XÂY DỰNG CON NGƯỜI MỚI (5LT:6TL)

7.1. Những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về văn hóa

7.1.1. Khái niệm văn hóa theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

7.1.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về các vấn đề chung của văn hóa.

7.1.3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về một số lĩnh vực chính của văn hóa.

7.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức

7.2.1. Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức.

7.2.2. Sinh viên học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

7.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng con người mới

7.3.1. Quan niệm Hồ Chí Minh về con người.

7.3.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người và chiến lược “trồng người”

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Bộ Giáo dục & Đào tạo (2009), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo:

1. Hội đồng Trung ương biên soạn (2003), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB CTQG, Hà Nội.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII, IX, X, XI, XII (1996; 2001; 2006; 2011; 2016)*, NXB STHN.

9.6. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

- Số tín chỉ: 02 (18,24)

- Mã học phần: 197030

- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, khoa Lý luận chính trị, trường Đại học Hồng Đức.

- Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin

1. Mô tả học phần:

- Nội dung học phần: Những vấn đề cơ bản nhất, chung nhất về nhà nước và pháp luật, đồng thời có sự liên hệ với nhà nước và pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Luật hiến pháp, luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động.

- Năng lực đạt được: Sinh viên vận dụng được kiến thức đã học vào việc xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật tại nơi làm việc và trong cộng đồng dân cư; phân biệt được tính hợp pháp, không hợp pháp của các hành vi biểu hiện trong đời sống hàng ngày; có khả năng tổ chức các hoạt động góp phần thực hiện kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội.

2. Mục tiêu học phần:

2.1.1. Về kiến thức:

- Phân tích được những vấn đề lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật.

- Trình bày được những nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam: Luật hiến pháp, luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động.

2.2. Về kỹ năng

- Vận dụng được kiến thức đã học trong việc giải quyết một cách chủ động, tích cực những vấn đề liên quan đến pháp luật tại nơi học tập, làm việc, và trong cộng đồng dân cư.

- Vận dụng được tính hợp pháp, không hợp pháp của các hành vi biểu hiện trong đời sống hàng ngày. Tổ chức được các hoạt động góp phần thực hiện kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội.

2.3. Về thái độ:

- Biết tôn trọng pháp luật, rèn luyện tác phong sống và làm việc theo pháp luật;

- Vận dụng kiến thức của học phần Pháp luật đại cương vào trong quá trình học tập và công tác sau này.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương I: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC (2LT:3TL)

1.1. Nguồn gốc nhà nước.

1.1.1. Một số quan điểm phi Mác-xít về nguồn gốc nhà nước.

1.1.2. Quan điểm của học thuyết Mác-Lênin về nguồn gốc nhà nước.

1.2. Bản chất, các dấu hiệu cơ bản và chức năng của nhà nước.

1.2.1. Bản chất của nhà nước.

1.2.2. Khái niệm và các dấu hiệu cơ bản của nhà nước.

1.2.3. Chức năng của nhà nước.

1.3. Nhà nước CHXHCN Việt Nam.

1.3.1. Bản chất nhà nước CHXHCN Việt Nam.

1.3.2. Chức năng của nhà nước ta.

Chương 2: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ PHÁP LUẬT (2LT:3TL)

2.1. Nguồn gốc, bản chất của pháp luật.

2.1.1. Nguồn gốc của pháp luật.

2.1.2. Bản chất của pháp luật.

2.2. Khái niệm và những đặc trưng cơ bản của pháp luật.

2.2.1. Khái niệm và đặc trưng cơ bản của pháp luật

2.2.2. Quan hệ giữa pháp luật với các hiện tượng xã hội khác.

2.3. Hình thức pháp luật.

2.3.1. Khái niệm

2.3.2. Các hình thức pháp luật.

2.4. Quy phạm pháp luật và văn bản quy phạm pháp luật xhcn.

2.4.1. Quy phạm pháp luật.

2.4.2. Văn bản quy phạm pháp luật XHCN.

2.5. Quan hệ pháp luật.

2.5.1. Khái niệm quan hệ pháp luật.

2.5.2. Thành phần của quan hệ pháp luật.

2.6. Thực hiện pháp luật. Vi phạm pháp luật. Trách nhiệm pháp lý.

2.6.1. Thực hiện pháp luật.

2.6.2. Vi phạm pháp luật.

2.6.3. Trách nhiệm pháp lý.

2.7. Pháp chế XHCN.

2.7.1. Khái niệm.

2.7.2. Những yêu cầu cơ bản của pháp chế XHCN.

2.7.3. Các biện pháp tăng cường pháp chế XHCN.

Chương 3: LUẬT HIẾN PHÁP (2LT:3TL)

3.1. Khái quát chung về luật hiến pháp.

3.1.1. Định nghĩa Luật hiến pháp.

3.1.2. Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh

3.2. Tổ chức bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam.

3.2.1. Khái quát về bộ máy nhà nước chxhcn Việt Nam

3.2.2. Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước ta

3.2.3. Các cơ quan trong bộ máy nhà nước

3.3. Các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

3.3.1. Các quyền và nghĩa vụ cơ bản về kinh tế - xã hội

3.3.2. Các quyền và nghĩa vụ cơ bản về chính trị

3.3.3. Các quyền và nghĩa vụ cơ bản về văn hóa, giáo dục

3.3.4. Các quyền và nghĩa vụ cơ bản về tự do dân chủ và tự do cá nhân

Chương 4: LUẬT HÀNH CHÍNH (2LT:3TL)

4.1. Khái quát chung về luật hành chính.

4.1.1. Định nghĩa Luật hành chính

4.1.2. Đối tượng điều chỉnh phương pháp điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh

4.2. Quan hệ pháp luật hành chính, trách nhiệm hành chính

4.2.1. Quan hệ pháp luật hành chính

4.2.2. Trách nhiệm hành chính

4.3. Vi phạm hành chính và xử lý vi phạm hành chính

4.3.1. Định nghĩa vi phạm hành chính

4.3.2. Xử lý vi phạm hành chính

4.4. Cán bộ, công chức. Nghĩa vụ và quyền lợi của cán bộ công chức.

4.4.1. Khái niệm cán bộ, công chức

4.4.2. Nghĩa vụ và quyền lợi của cán bộ, công chức.

Chương 5: LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG (2LT:3TL)

5.1. Khái niệm, đặc điểm của tham nhũng

5.1.1. Khái niệm tham nhũng

5.1.2. Đặc điểm của tham nhũng

5.1.3. Những hành vi tham nhũng theo quy định của pháp luật hiện hành

5.2. Nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh tham nhũng

5.2.1. Nguyên nhân khách quan

5.2.2. Nguyên nhân chủ quan

5.3. Tác hại của tham nhũng

5.3.1. Chính trị

5.3.2. Kinh tế

5.3.3. Xã hội

5.4. Các biện pháp phòng chống tham nhũng

5.4.1. Nhóm các biện pháp phòng ngừa tham nhũng

5.4.2. Nhóm các biện pháp phòng chống tham nhũng

Chương 6: LUẬT DÂN SỰ - LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH (3LT:3TL)

A. Luật dân sự.

6.1. Khái quát chung về luật dân sự.

6.1.1. Định nghĩa luật dân sự

6.1.2. Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh

6.2. Nội dung cơ bản của luật dân sự.

6.2.1. Quyền sở hữu

6.2.2. Thừa kế.

6.2.3. Hợp đồng và trách nhiệm dân sự.

B. Luật hôn nhân và gia đình

6.3. Khái quát chung về luật hôn nhân và gia đình.

6.3.1. Định nghĩa luật hôn nhân gia đình

6.3.2. Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh

6.4. Nội dung cơ bản.

6.4.1. Kết hôn.

6.4.2. Quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng, cha mẹ và con.

6.4.3. Chấm dứt hôn nhân.

Chương 7: LUẬT HÌNH SỰ

(2LT:3TL)

7.1. Khái quát chung về luật hình sự.

7.1.1. Định nghĩa Luật hình sự

7.1.2. Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh

7.2. Tội phạm.

7.2.1. Khái niệm, đặc điểm của tội phạm.

7.2.2. Phân loại tội phạm.

7.3. Hình phạt và các biện pháp tư pháp.

7.3.1. Hình phạt.

7.3.2. Các biện pháp tư pháp khác

Chương 8: LUẬT LAO ĐỘNG

(3LT:3TL)

8.1. Khái quát chung về luật lao động.

8.1.1. Định nghĩa luật lao động

8.1.2. Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh

8.2. Những nội dung cơ bản.

8.2.1. Hợp đồng lao động.

8.2.2. Quyền, nghĩa vụ của người lao động và người sử dụng lao động.

8.2.3. Công đoàn.

8.2.4. Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi.

8.2.5. Tiền lương và phụ cấp

8.2.6. Kỷ luật lao động. Trách nhiệm vật chất.

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy:Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Lê Văn Minh (2016), *Pháp luật đại cương*, NXB Lao động.

9.2. Tài liệu tham khảo:

1. Lê Minh Tâm (chủ biên) (2015), *Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật*, NXB CAND.

2. Lê Minh Tâm, Nguyễn Minh Đoan (2015), *Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật*, NXB CAND

9.7. TIẾNG ANH 1/ENGLISH 1

- Số tín chỉ: 4 (36, 48)

- Mã học phần: 133031

- Bộ môn phụ trách: Bộ môn ngoại ngữ không chuyên – khoa Ngoại ngữ

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

- Nội dung học phần gồm: Kiến thức cơ bản về ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng giao tiếp tiếng Anh: Nghe, Nói, Đọc

- Năng lực đạt được: Người học có thể tự học và nghiên cứu để nâng cao trình độ của mình, phục vụ cho công việc sau này. Chẳng hạn, người học có thể học thuộc bài đối thoại ngắn theo từng cặp hoặc viết một đoạn văn tả về bức tranh nào đó trong phần nghe rồi học thuộc lòng...

2. Mục tiêu của học phần

2.1 Mục tiêu kiến thức:

- Nắm vững được kiến thức về ngữ pháp tiếng Anh cơ bản: Các thì, thể của động từ; Các trợ động từ; Các cấu trúc câu; Câu bị động; câu bị động; điều kiện...

- Giải thích và trình bày được một lượng từ vựng cần thiết dùng trong giao tiếp hàng ngày ở môi trường sống và làm việc: Những từ mà các doanh nhân thường dùng trong văn bản hợp đồng, tiếp thị, quảng cáo, triển khai kế hoạch hội nghị, sử dụng máy tính, viết thư giao dịch, kiểm toán...

2.2 Mục tiêu kỹ năng:

- Nghe hiểu được ngôn ngữ nói ở mức độ chậm và đã được đơn giản hoá về những nhu cầu thiết yếu.

- Có khả năng vận dụng và thể hiện những thông tin đã học thuộc. Song, diễn đạt ngôn ngữ ở mức độ còn rời rạc nhưng có phần tự nhiên và linh hoạt.

- Đọc hiểu được những yết thị và ký hiệu, những bài viết ngắn và đơn giản về những chủ đề quen thuộc trong sinh hoạt, lao động hàng ngày.

- Có khả năng viết thông báo, kể lại sự kiện đơn giản, miêu tả người, địa điểm, các vật thể

- Có khả năng làm việc theo nhóm và tự học.

2.3 Mục tiêu về thái độ người học:

Người học có thái độ tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp, chủ động chuẩn bị bài và làm bài tập ở nhà, trung thực trong kiểm tra, đánh giá.

3. Nội dung học phần

Nội dung của học phần giúp người học củng cố, luyện tập và thiết lập các kỹ năng giao tiếp tiếng Anh, đồng thời người học còn có khả năng tự học, tự nghiên cứu, có thái độ học tập tích cực, tham gia các hoạt động tự học ở nhà như làm bài tập nhóm, bài tập Portfolio, thực hành các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết.

Chương 1: (1LT: 5TL)

- 1.1. Course Introduction
- 1.2. Orientation
- 1.3. Diagnostic test
- 1.4. Basic grammar review

Chương 2: Unit 1 - works and leisure (2LT: 4TL)

- 2.1. Grammar: auxiliary verbs, *so* and *neither*
- 2.2. Listening: grammar focus on auxiliary verbs
- 2.3. Reading: grammar focus on auxiliary verbs
- 2.4. Speaking: making small talks, comparing stages of life
- 2.5. Writing: describing a stage of life

Chương 3: Unit 2 - Language and senses (3LT: TL 3)

- 3.1. Grammar: Tenses, stative verbs,
- 3.2. Listening: grammar focus on tenses
- 3.3. Reading: grammar focus on tenses
- 3.4. Speaking: talking about favorite words, talking about sensations
- 3.5. Writing: describing one of the senses

Chương 4: Unit 3 - movies and television (3LT:3TL)

- 4.1. Grammar: Infinitives and gerunds
- 4.2. Listening: grammar focus on infinitives and gerunds
- 4.3. Reading: grammar focus on infinitives and gerunds
- 4.4. Speaking: a survey on movies, opinions about TV
- 4.5. Writing: a movie review

Chương 5: Unit 4 - memory (3, 3)

- 5.1. Grammar: participle and participle clauses
- 5.2. Listening: grammar focus on participle and participle clauses
- 5.3. Reading: grammar focus on participle and participle clauses
- 5.4. Speaking: describing your earliest memory

Chương 6: Unit 5 - favorite objects and how things work (3LT: 3TL)

- 6.1. Grammar: negation and parallel structures
- 6.2. Listening: grammar focus on negation and parallel structures
- 6.3. Reading: grammar focus on negation and parallel structures
- 6.4. Speaking: describing favorite things, discussing useful inventions
- 6.5. Writing: describing a new invention

Chương 7: Unit 6 - friends and other interesting people (3LT: 3TL)

- 7.1. Grammar: comparisons
- 7.2. Listening: grammar focus on comparisons
- 7.3. Reading: grammar focus on comparisons
- 7.4. Speaking: describing types of friends
- 7.5. Writing: describing an interesting or unusual perso

Chương 8: Unit 7 - using money and exchanging services (3LT: 3TL)

- 8.1. Grammar: tag questions, agreement
- 8.2. Listening: grammar focus on agreement
- 8.3. Reading: grammar focus on agreement
- 8.4. Speaking: sayings about money
- 8.5. Writing: barter notices

Chương 9: Unit 8 - agriculture and industry, food preparation (3LT: 3TL)

- 9.1. Grammar: relative clauses
- 9.2. Listening: grammar focus on relative clauses
- 9.3. Reading: grammar focus on relative clauses
- 9.4. Speaking: discussing local products
- 9.5. Writing: a cooking show script

Chương 10: Unit 9 - travel and exploration (3LT: 3TL)

- 10.1. Grammar: modification and word order
- 10.2. Listening: grammar focus on modification and word order
- 10.3. Reading: grammar focus on modification and word order
- 10.4. Speaking: discussing views on travelling
- 10.5. Writing: a personal travel story

Chương 11: Unit 10 Belief and first expressions (3LT: 3TL)

- 11.1. Grammar: First conditional, indefinite pronouns
- 11.2. Listening: grammar focus on indefinite pronouns
- 11.3. Reading: grammar focus on indefinite pronouns
- 11.4. Speaking: discussing first impressions
- 11.5. Writing: personal stories of first impressions

Chương 12: Unit 11 - physical and animal worlds, geography (3LT: 3TL)

- 12.1. Grammar: Voice, reported requests with ask, tell, want
- 12.2. Listening & Reading : grammar focus on Voice
- 12.3. Speaking: comparing landscapes, choosing an appropriate pet
- 12.4. Writing: A story about a special characteristic of an animal

Chương 13: Unit 12 - office life and social customs (3LT: 3TL)

- 13.1. Grammar: second condition, making indirect questions, conjunctions and prepositions
- 13.2. Listening & Reading : grammar focus on conjunctions and prepositions
- 13.3. Speaking: “The *if* ...game”; -Writing: asking for and giving advice

Chương 14: Closing the course (0LT, 6TL)

- 14.1. Submission of assignments
- 14.2. Grammar revision
- 14.3. Listening skills revision
- 14.4. Reading skills revision
- 14.5. Instruction for final test

4. Yêu cầu của môn học

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như đọc hiểu, phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm....
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Clive Oxenden, *Christina Latham – Koenig and Paul Seligson, New English File. Elementary*, Oxford University Press.
2. Nguyễn Thị Quyết và các cộng sự (2016), *Ngữ pháp tiếng Anh căn bản – trình độ A*, quyển 1. Nhà xuất bản Thanh Hoá.

9.2. Tài liệu tham khảo:

1. Raymond Murphy, *Essential Grammar In Use*, NXB Thời đại / Từ điển Bách khoa
2. *Cambridge Key (KET) English Test*. (2004). Cambridge University Press.
3. Longman, *KET, Practice Test*. Cambridge University Press

9.12. TIẾNG ANH 2/ENGLISH 2

- Số tín chỉ: 3 (27, 36)
- Mã học phần: 133032
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn ngoại ngữ không chuyên – khoa Ngoại ngữ
- Điều kiện tiên quyết: Tiếng anh 1

1. Mô tả học phần

- Nội dung học phần gồm: Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày và để nói về các chủ điểm quen thuộc như gia đình, sở thích, lĩnh vực quan tâm, công việc, du lịch, sự kiện đang diễn ra; Bên cạnh đó, sinh viên cũng được học cách cấu tạo và sử dụng các loại từ vựng như tính từ, trạng từ, đại từ, động từ tình thái, cụm động từ, cách kết hợp từ, quy tắc cấu tạo từ;

- Năng lực đạt được: Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ tiền trung cấp.

2. Mục tiêu của học phần

2.1 Mục tiêu kiến thức:

- Trình bày được những kiến thức ngữ pháp tiếng Anh cơ bản đã học ở học phần Tiếng Anh 1 như: các thì, thể của động từ; trợ động từ; câu bị động; câu điều kiện...đồng thời người học tiếp thu được các kiến thức ngữ pháp mới như: mệnh đề quan hệ xác định - không xác định, lời nói trực tiếp, gián tiếp, câu hỏi đuôi, đảo ngữ...

- Nêu được một lượng từ vựng cần thiết dùng trong giao tiếp hàng ngày ở môi trường làm việc như văn bản hợp đồng, tiếp thị, quảng cáo, triển khai kế hoạch hội nghị, sử dụng máy tính, viết thư giao dịch, kiểm toán...

2.2 Mục tiêu kỹ năng:

Kết thúc học phần này, người học cần đạt được những kỹ năng giao tiếp sau :

- Xây dựng được những câu hỏi cần thiết trong giao tiếp; có khả năng tạo ra và duy trì được những cuộc hội thoại đơn giản về các chủ đề đã học trong công việc và cuộc sống thường nhật ở môi trường thường xuyên giao tiếp với người nước ngoài. Ở trình độ này, người học còn mắc lỗi ngữ pháp, phát âm và sử dụng từ, nhưng không cản trở nhiều đến nội dung thông điệp.

- Nghe hiểu được những cuộc hội thoại đơn giản về những chủ đề đã học; hiểu được những thông báo đơn giản.

- Có thể đọc hiểu được những bài viết đơn giản phục vụ cho mục đích nắm bắt thông tin hoặc mở rộng kiến thức: những sự kiện xã hội, quảng cáo, những tiêu đề trên báo và những bài báo viết về những chủ đề quen thuộc; Có khả năng phán đoán nghĩa từ, câu trong văn cảnh cụ thể.

- Có khả năng viết một đoạn văn khoảng 80-100 từ về những chủ đề quen thuộc: mô tả địa điểm, kể về một kỳ nghỉ...(về những chủ đề đã học); có khả năng viết một lá thư ngắn, không nghi thức: ví dụ, viết thư cho bạn... hoặc viết một bưu thiếp...

- Có khả năng làm việc theo nhóm và tự học.

2.3 Mục tiêu về thái độ người học: Người học có thái độ tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp, chủ động chuẩn bị bài và làm bài tập ở nhà, trung thực trong kiểm tra, đánh giá.

3. Nội dung học phần: Các nội dung phân bố đều trong 13 tuần. Mỗi nội dung bài học bao gồm các phần ngữ pháp và thực hành nghe, nói, đọc, viết

3.1 Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Unit 1 - From me to you

(3LT: 1TL)

- 1.1. Introduction
- 1.2. Course Introduction
- 1.3. Unit 1: From me to you
- Chương 2: Unit 2 - From me to you (continued) (2LT: 2TL)**
- 2.1. Grammar: tag questions
- 2.2. Listening: A sociologist talks about gossip, an informal phone conversation
- 2.3. Reading: “*In Touch*”
- 2.4. Speaking: Conversation strategies
- 2.5. ToEIC Listening strategies: Part 1: Photos
- Chương 3: Unit 3 - In the limelight (2LT: 2TL)**
- 3.1. Topics: The performing arts
- 3.2. Grammar: review of present perfect continuous/present perfect simple
- 3.3. Listening: An opera singer
- 3.4. Reading: “*Prince Eyango*”
- 3.5. Speaking: Talking about musicians
- Chương 4: Unit 4 - In the limelight (Continued) (2LT: 2TL)**
- 4.1. Grammar: questions with prepositions
- 4.2. Listening: A TV game show
- 4.3. Reading: “*The Writing Life*”
- 4.4. Speaking: Talking about hobbies and working styles
- 4.5. ToEIC Listening strategies: Part 2: Question-response
- Chương 5: Unit 5 - By coincidence (2LT: 2TL)**
- 5.1. Topics: coincidence and connections
- 5.2. Grammar: Past perfect
- 5.3. Listening: “*Table for Two*”
- 5.4. Reading: The story of Deborah and Josep/“*Six Degrees of Separation*”
- 5.5. Speaking: Telling a story about a coincidence
- 5.6. Writing: a story about a coincidence
- Chương 6: Unit 6 - By coincidence (Continued) (2LT: 2TL)**
- 6.1. Grammar: Relative clauses (object)
- 6.2. Listening: Confirmation/Song
- 6.3. Speaking: Sending a package to people, Confirmation
- 6.4. ToEIC Listening strategies: Part 3: Conversations
- Chương 7: Unit 7- A day’s work (2LT: 2TL)**
- 7.1. Topics: Job and work experience
- 7.2. Grammar: Gerunds and infinitive
- 7.3. Listening: People talking about their job/Dangerous job
- 7.4. Reading: Extract from a book – “*Tis*”
- 7.5. Speaking: Discussing important features in a job
- Chương 8: Unit 8 - A day’s work (Continued) (2LT: 2TL)**
- 8.1. Grammar: It...+infinitive

8.2. Reading: Extract from a book – “*Tis*”

8.3. Speaking: Talking about workplace problems

8.4. ToEIC Listening strategies: Part 4: Talks

Chương 9: Unit 9 - The nature of things (2LT:2TL)

9.1. Topics: Ecology and natural phenomena

9.2. Grammar: passive: continuous and perfect form

9.3. Listening: A park ranger

9.4. Reading: “*Best-dressed penguins are wearing wool this year*”

9.5. Speaking: Debating an environmental issue

9.6. Writing: A letter to a newspaper

Chương 10: Unit 10- The nature of things (Continued) (2LT: 2LT)

10.1. Grammar: Time clauses (future)

10.2. Listening: A news report about the weather

10.3. Reading: *Volcano*

10.4. Speaking: Discussing places to live

10.5. ToEIC Reading Strategies: Part 5: Incomplete Sentences

Chương 11: Unit 11 - Make your mark (2LT: 2TL)

11.1. Topics: Heroes and fame

11.2. Grammar: Ability: *Could and able to*

11.3. Listening: Who do you admire

11.4. Reading: An article about folk tales

11.5. Speaking: describing someone you admire /Telling a folk tale

11.6. Writing: A folk tale

11.7. ToEIC Reading Strategies: Part 6: Text completion

Chương 12: Unit 12 - Make your mark (Continued) (2LT: 2TL)

12.1. Grammar: First and second conditional

12.2. Listening: A survey about fame

12.3. ToEIC Reading Strategies: Part 7: Reading comprehension

Chương 13: (2LT: 1TL)

13.1. Review of ToEIC listening Skills

13.2. Review of ToEIC Reading Skills

13.3. A real actual TOEIC test

4. Yêu cầu của môn học

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như đọc hiểu, phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm.....
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, loa đài và tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Clive Oxenden, Christina Latham – Koenig and Paul Seligson, *New English File*. Pre-intermediate. Oxford University Press.

2. Nguyễn Thị Quyết và các cộng sự (2016). *Ngữ pháp tiếng Anh căn bản – trình độ B, quyển 2*. Nhà xuất bản Thanh Hoá

9.2 Tài liệu tham khảo:

1. Raymond Murphy, *Essential Grammar In Use*, NXB Thời đại /Từ điển Bách khoa

2. *Cambridge PET*. (2004). Cambridge University Press.

9.13. TIẾNG ANH 3/ENGLISH 3

- Số tín chỉ: 3(27, 36)

- Mã học phần: 133033

- Bộ môn phụ trách: Bộ môn ngoại ngữ không chuyên – khoa Ngoại ngữ

- Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 2

1. Mô tả học phần

- Nội dung học phần gồm: Các kiến thức ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng giao tiếp tiếng Anh: Nghe, Nói, Đọc.

- Năng lực đạt được: Người học có khả năng sử dụng ngôn ngữ trong các tình huống của cuộc sống hàng ngày cũng như trong công việc. Với kiến thức đã học, người học có thể tự học và nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn của mình, phục vụ cho công việc sau này.

2. Mục tiêu của học phần

2.1 Mục tiêu kiến thức

- Trình bày được những kiến thức ngữ pháp tiếng Anh đã học ở học phần Tiếng Anh 1 và Tiếng Anh 2, đồng thời mở rộng kiến thức ngữ pháp nâng cao.

- Nêu được vốn từ vựng cần thiết dùng trong giao tiếp hàng ngày ở môi trường làm việc như văn bản hợp đồng, tiếp thị, quảng cáo, triển khai kế hoạch hội nghị, sử dụng máy tính, viết thư giao dịch, kiểm toán...

2.2 Mục tiêu kỹ năng

- Có khả năng giao tiếp trong những tình huống thông thường của cuộc sống cũng như trong môi trường làm việc.

- Có khả năng nghe hiểu những cuộc hội thoại thông thường về những chủ đề đã học; hiểu được những thông báo trong công việc.

- Có khả năng đọc hiểu những bài viết phục vụ cho mục đích nắm bắt thông tin hoặc mở rộng kiến thức: những sự kiện xã hội, quảng cáo, những tiêu đề trên báo và những bài báo viết về những chủ đề quen thuộc; Có khả năng phán đoán nghĩa từ, câu trong văn cảnh cụ thể, có khả năng suy luận.

- Có khả năng viết một đoạn văn khoảng 80 -100 từ về những chủ đề thông thường trong cuộc sống. Có khả năng viết một lá thư ngắn, theo nghi thức.

- Có khả năng nâng cao vai trò làm việc theo nhóm và tự học.

3. Nội dung học phần

Chương 1: Unit 7 – By design (2LT: 2TL)

1.1. Introduction

1.2. Course Introduction

1.3. Unit 7: By design

Chương 2: Unit 7 – By design (continued) (2LT: 2TL)

2.1. Grammar: so/such...that

2.2. Listening: Features of cars

2.3. Reading: Read the description of Plaza Olavide

2.4. Speaking: Planning a public park, Role-play: Buying/selling a car

2.5. Writing: Describing a public place

Chương 3: Unit 8 - Special offer (2LT: 3TL)

3.1. Topics: Services and advertising

3.2. Grammar: have/get st done

3.3. Listening: An errand-running service

3.4. Vocabulary: damaged goods

3.5. Speaking: Creating a service

3.6. Writing: A formal letter

Chương 4: Unit 8 - Special offer (2LT: 3TL)

4.1. Grammar: Verb +object + infinitive

4.2. Listening: Radio commercials

4.3. Reading: “*Motion Ads may make commute seem faster*”

4.4. Speaking: planning a radio commercial

4.5. Writing: Write a radio commercial for a product

Chương 5: Unit 9 - Mysteries and science (2LT: 3TL)

5.1. Topics: Unsolved mysteries and scientific explanation

5.2. Grammar: Possibilities

5.3. Listening: A surprising story

5.4. Reading: “*Mysteries of the Southwest*”

- 5.5. Speaking: Talking about a frightening or surprising experience
- Chương 6: Unit 9 - Mysteries and science (continued) (2LT: 3TL)**
- 6.1. Grammar: Noun clauses
- 6.2. Listening: A radio program about science
- 6.3. Reading: “*Unraveling the mysteries of fossils*”
- 6.4. Speaking: “*How much do you know about science*”
- 6.5. Pronunciation: Vowel sounds
- Chương 7: Unit 10 - Mind your manners (2LT: 3TL)**
- 7.1. Topics: Misunderstanding and manners
- 7.2. Grammar: Reported speech
- 7.3. Listening: Soap operas
- 7.4. Vocabulary: speaking verbs
- 7.5. Speaking: Language in action: Misunderstandings
- Chương 8: Unit 10 - Mind your manners (continued) (2LT: 3TL)**
- 8.1. Grammar: would have, should have
- 8.2. Listening: Are manners going out of styles?
- 8.3. Reading: “*The power of poetry*”
- 8.4. Speaking: Discussing good and bad manners
- 8.5. Writing: writing a haiku
- Chương 9: Unit 11 - Make or bread (2LT: 3TL)**
- 9.1. Topics: Justice and life decisions, crimes
- 9.2. Grammar: Third conditional
- 9.3. Listening: Unusual punishments
- 9.4. Reading: An article about a robbery
- 9.5. Speaking: Choosing and appropriate punishment
- Chương 10: Unit 11 - Make or bread (continued) (2LT: 3TL)**
- 10.1. Grammar: whatever, wherever, whoever...
- 10.2. Listening: Good advice
- 10.3. Reading: “*Point of view*”
- 10.4. Speaking: Gratitude
- 10.5. Writing: Describing a life-changing experience
- Chương 11: Unit 12 - A laugh a day (2LT: 3TL)**
- 11.1. Topics: Health and laughter, sickness and health
- 11.2. Grammar: Structure with there+be
- 11.3. Listening: A laughter club
- 11.4. Reading: “*Musician on call*”
- 11.5. Speaking: Discussing how lifestyle affects health
- Chương 12: Unit 12 - A laugh a day (continued) (2LT: 3TL)**
- 12.1. Grammar: Connectors
- 12.2. Listening: Jokes
- 12.3. Reading: “*Why do we laugh?*”

- 12.4. Speaking: Practice telling jokes
12.5. Writing: Learning English outside the classroom

Chương 13:

(2LT: 3TL)

- 13.1. Review of Toeic listening Skills
13.2. Review of Toeic Reading Skills
13.3. A real actual TOEIC test

4. Yêu cầu của môn học

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như đọc hiểu, phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm.....
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của SV.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Học liệu

9.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Sue Ireland, Joanna Kosta. *Target PET*. Richmond Publishing.
2. Trịnh Thị Thơm và các cộng sự (2016). *Rèn luyện kỹ năng Viết (Bổ trợ cho bài thi B1 KNLNN Việt Nam)*. Nhà xuất bản Thanh Hoá.

9.2. Tài liệu tham khảo:

1. Cambridge PET (2004), Cambridge University Press.
2. Malcom Mann & Steve Taylore-Knowles (2008), *Destination B1-Grammar and Vocabulary*, MacMillan.

9.10. XÁC SUẤT THỐNG KÊ/STATISTICS PROBABILITY 3TC (27;36;0)

Mã HP: 114005

Điều kiện tiên quyết: Giải tích cổ điển hoặc Toán cao cấp

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Biên cố, xác suất của biến cố, tính chất của xác suất, công thức tính xác suất; Đại lượng ngẫu nhiên rời rạc và đại lượng ngẫu nhiên liên tục, đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên: kỳ vọng, phương sai, trung vị, mốt, ... ; quy

luật phân phối xác suất quan trọng: phân phối nhị thức, phân phối Poisson, phân phối mũ, phân phối chuẩn, phân phối đều, phân phối Student, ...; Vectơ ngẫu nhiên và đặc trưng của vectơ ngẫu nhiên; Luật số lớn, xấp xỉ phân bố nhị thức bằng phân bố chuẩn và phân bố Poisson, định lý giới hạn trung tâm và mở đầu về quá trình Markov; mô hình thống kê, lý thuyết mẫu, lý thuyết ước lượng và kiểm định, tương quan và hồi quy.

Năng lực đạt được: Vận dụng kiến thức xác suất thống kê vào việc nghiên cứu các hiện tượng ngẫu nhiên và xử lý số liệu trong điều kiện bất định (tức là điều kiện thông tin không đầy đủ) thuộc các lĩnh vực trong thực tiễn như kinh tế, dân số, xã hội, kỹ thuật, ...; Có khả năng tổ chức dạy học tích hợp kiến thức lý thuyết xác suất và thống kê theo chương trình toán học phổ thông mới và các bộ môn khác.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Về kiến thức

Học phần cung cấp cho người học bản chất xác suất và cách tính xác suất bằng định nghĩa (Định nghĩa cổ điển, hình học) và bằng các công thức xác suất (Cộng, Nhân, Xác suất toàn phần và công thức Bayes, Phép thử lặp - công thức Bernoulli, Các định lý giới hạn Moivre-Laplace và Poisson). Lập được dãy phân phối xác suất, tìm được kỳ vọng số, phương sai, Số trội, số trung vị của một tập hợp số liệu quan sát.

2.2. Về kỹ năng

Sau khi học xong học phần người học biết sắp xếp số liệu thu được qua thực nghiệm để xử lý thống kê; Hiểu được bản chất các loại số trung bình thường gặp (Trung bình cộng, trung bình nhân, trung bình các bình phương) và tính được chúng; Biết ước lượng và kiểm định các tham số thống kê (Trung bình cộng, phân suất), so sánh phân phối; Biết dùng phương pháp phân tích phương sai để đánh giá mức độ ảnh hưởng các yếu tố khác nhau lên đối tượng nghiên cứu; Biết cách tìm hệ số tương quan về số lượng cũng như chất lượng của hai tập hợp; lập được phương trình hồi quy một tham số và đa tham số; Sử dụng đúng và thành thạo các bảng số thường dùng trong xác suất và thống kê.

2.3. Về thái độ

Chủ động, tích cực trong học tập và nghiên cứu, có phong cách làm việc khoa học, yêu nghề.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương I: Xác suất.

1. Sơ lược về giải tích tổ hợp.
2. Phép thử và biến cố ngẫu nhiên.
3. Định nghĩa xác suất.
4. Xác suất có điều kiện. Sự độc lập của các biến cố. Dãy phép thử Bernoulli.
5. Công thức cộng xác suất.
6. Công thức nhân xác suất.
7. Công thức xác suất đầy đủ và công thức xác suất Bayes.

8. Công thức xác suất nhị thức.

Chương II: Biến ngẫu nhiên.

1. Những khái niệm cơ bản.

2. Các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên.

2.1 Kỳ vọng của biến ngẫu nhiên.

2.2 Phương sai của biến ngẫu nhiên

2.3 Các số đặc trưng khác.

3. Một số phân phối thường dùng.

3.1 Phân phối nhị thức.

3.2 Phân phối Poisson

3.3 Phân phối siêu bội.

3.4 Phân phối đều.

3.5 Phân phối chuẩn.

3.6 Phân phối Student.

3.7 Phân phối khi bình phương.

3.8 Phân phối Fisher

4. Luật số lớn. Một số định lý giới hạn.

4.1 Luật số lớn.

4.2 Định lý giới hạn địa phương.

4.3 Định lý giới hạn trung tâm.

4.4 Định lý giới hạn Poisson.

Chương III: Thống kê toán học.

1. Mẫu ngẫu nhiên.

2. Ước lượng tham số.

2.1 Ước lượng xác suất trong phân phối nhị thức.

2.2 Ước lượng hiệu 2 xác suất trong 2 phân phối nhị thức.

2.3 Ước lượng kỳ vọng trong phân phối chuẩn.

2.4 Ước lượng hiệu 2 kỳ vọng trong 2 phân phối chuẩn.

2.5 Ước lượng phương sai trong phân phối chuẩn.

3. Kiểm định giả thiết thống kê.

3.1 Kiểm định xác suất trong phân phối nhị thức.

3.1 So sánh 2 xác suất trong 2 phân phối nhị thức.

3.1 Kiểm định kỳ vọng trong phân phối chuẩn.

3.1 So sánh 2 kỳ vọng trong 2 phân phối chuẩn.

Chương IV. Tương quan và hồi quy

1. Hệ số tương quan mẫu.

2. Hàm hồi quy và phương pháp bình phương bé nhất.

3. Tỷ số tương quan và độ sai số dự báo.

4. Yêu cầu đối với môn học

- Sinh viên lên lớp tối thiểu 80% số tiết của chương trình đào tạo môn học.

- Chuẩn bị đầy đủ tài liệu chính, tài liệu tham khảo và tham gia đầy đủ các giờ học lý thuyết và làm bài tập. Làm đầy đủ các bài tập và bài kiểm tra theo quy định.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận, xêmina, làm bài tập đầy đủ theo yêu cầu của cán bộ giảng dạy.

5. Phương pháp giảng dạy:

Thuyết trình, thảo luận, làm bài tập trên lớp.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn sinh viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Giờ lý thuyết được bố trí học tại phòng học chức năng (có máy chiếu đa năng, máy vi tính), nếu phòng học lớn cần có thêm micro, loa.

8. Phương pháp đánh giá

Tiêu chuẩn đánh giá:

- Dự lớp: Bắt buộc
- Thuyết trình và thảo luận: theo nhóm
- Kiểm tra cuối kỳ: Theo kế hoạch của nhà trường

8.1. Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: 4 bài - Trọng số 30%.

8.2. Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: 1 bài - Trọng số 20%

8.3. Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: 1 bài - Trọng số 50%.

8.4. Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Đào Hữu Hồ (2001), *Xác suất và Thống kê*, Đại học Quốc gia HN.

9.2. Tài liệu tham khảo:

1. Phạm Văn Kiều, Lê Thiên Hương (2001), *Xác suất thống kê*, NXB GD.

2. Tống Đình Quý, (2000), *Hướng dẫn giải bài tập xác suất thống kê*, NXB Giáo dục

9.11. HÓA HỌC/CHEMISTRY

Số tín chỉ: 2 (18, 24, 90)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy:

- Các học phần tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần:

- Hóa học phân tích: Các phương pháp nhận biết cation, anion trong dung dịch. Các phương pháp phân tích định lượng, phương pháp lấy mẫu nước, đất, cách xử lý và phân tích mẫu.

- Hóa học hữu cơ: các khái niệm cơ bản về lý thuyết hóa hữu cơ, tính chất hóa học và phương pháp điều chế các hợp chất hữu cơ quan trọng: Hydrocacbon, dẫn xuất halogen, ancol và phenol, anđehit và xeton, axit cacboxylic, gluxit, các hợp chất

chứa nitơ, các hợp chất dị vòng. Tính chất của một số hợp chất quan trọng trong thiên nhiên, các hợp chất có liên quan đến thuốc bảo vệ thực vật.

Năng lực đạt được :

- Trình bày được các kiến thức cơ bản về hóa phân tích, hóa hữu cơ. Làm tốt các bài tập theo yêu cầu. Có năng lực so sánh, phân tích, đánh giá những kiến thức đã được học trong học phần.
- Có năng lực độc lập trong học tập và trong nghiên cứu khoa học.
- Có năng lực vận dụng tư duy nghiên cứu khoa học trong nghiên cứu và trong công việc.
- Có năng lực giao tiếp, tổ chức các hoạt động tập thể như nghiên cứu theo nhóm, semina, thảo luận về các vấn đề như sản xuất và sử dụng phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật, chăm sóc cây trồng, xử lý môi trường...

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

- Người học trình bày được hệ thống những kiến thức cơ bản về hóa phân tích và hóa hữu cơ;
- Người học trình bày được các phương pháp nhận biết cation, anion trong dung dịch. Các phương pháp phân tích định lượng, phương pháp lấy mẫu nước, đất, cách xử lý và phân tích mẫu.
- Người học nêu được tính chất vật lý, hóa học và phương pháp điều chế của một số hợp chất hữu cơ quan trọng.
- Người học trình bày được tác dụng và ứng dụng của một số chất trong nông-lâm nghiệp như các chất bảo vệ thực vật, thuốc trừ sâu, trừ nấm.

2.2. Về mặt kỹ năng

- Người học vận dụng được các kiến thức về hóa học phân tích, hóa học hữu cơ để làm tốt các bài tập liên quan.
- Vận dụng các kiến thức về hóa học để học các học phần tiếp theo về chuyên ngành như phân tích đất, thuốc bảo vệ thực vật..., phù hợp với mục đích đào tạo người lao động có văn hóa, khoa học kỹ thuật phục vụ sản xuất và đời sống
- Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng về phân tích và tổng hợp tài liệu. Kỹ năng tự học, tư duy sáng tạo, phân tích tổng hợp và vận dụng sáng tạo kiến thức đã học để giải quyết vấn đề gặp phải trong thực tiễn và dạy học.
- Có kỹ năng phân tích tổng hợp vấn đề; kỹ năng giải bài tập hoá học; kỹ năng trình bày vấn đề trước đông người.
- Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, trình bày, thảo luận.

2.3. Về thái độ

- Sinh viên đánh giá được chính xác kết quả học tập của bản thân.
- Có tư duy nghiên cứu khoa học và biết cách tạo được nhiệt huyết trong nghiên cứu học tập cho nhóm nghiên cứu cũng như cho nhóm học sinh sau này.

- Sinh viên có tác phong làm việc cẩn thận, khoa học, chính xác. Xây dựng được phong cách tự học, tự nghiên cứu khoa học.
- Sinh viên lao động có tổ chức, có kế hoạch.
- Sinh viên có thái độ làm việc nghiêm túc, kỷ luật, có trách nhiệm với bản thân và tập thể.
- Sinh viên có ý thức bảo vệ môi trường, tuyên truyền bảo vệ môi trường
- Sinh viên có thái độ tích cực tham gia các hoạt động Hóa học vì môi trường xanh.

3. Nội dung chi tiết học phần

Phần thứ nhất. Hoá phân tích

Chương I. Phân tích định tính

1. Phương pháp thực nghiệm nghiên cứu tính chất các ion.

2. Phân loại các cation theo nhóm.

2.1. Phân loại theo phương pháp H₂S.

2.2. Phân loại theo phương pháp axit- bazơ.

3. Kỹ thuật thực nghiệm.

4. Phân tích cation theo nhóm.

4.1. Phân tích cation nhóm 1(K⁺, Na⁺, NH₄⁺)

4.2. Phân tích cation nhóm 2(Ca²⁺, Ba²⁺, Sr²⁺)

4.3. Phân tích cation nhóm 3(Ag⁺, Pb²⁺, Hg₂²⁺)

4.4. Phân tích cation nhóm 4(Zn²⁺, Al³⁺, Cr³⁺, Sn²⁺, Sn⁴⁺).

4.5. Phân tích cation nhóm 5(Cu²⁺, Cd²⁺, Ni²⁺, Co²⁺, Hg²⁺).

4.6. Phân tích cation nhóm 6(Fe²⁺, Fe³⁺, Mg²⁺, Mn²⁺).

4.7. Sơ đồ phân tích hỗn hợp cation từ nhóm 2 đến nhóm 6.

5. Phân tích một số anion: Cl⁻, Br⁻, I⁻, NO₃⁻, CO₃²⁻, SO₄²⁻, PO₄³⁻, SO₃²⁻.

Chương II. Đại cương về phân tích định lượng và phân tích khối lượng phân tích định lượng.

1.1. Nhiệm vụ; chức năng của phân tích định lượng

1.2. Quá trình phân tích và lưu ý sử dụng dụng cụ trong phân tích định lượng

1.3. Phân loại các phương pháp phân tích định lượng.

2. Biểu diễn kết quả phân tích

2.1. Biểu diễn hóa học

2.2. Biểu diễn số học

3. Biểu diễn nồng độ trong phân tích định lượng

3.1. Nồng độ phần trăm

3.2. Nồng độ mol/l

3.3. Nồng độ đương lượng

3.4. Độ chuẩn

4. Lấy mẫu và xử lý mẫu phân tích

4.1. Lấy mẫu

4.2. Lập hồ sơ mẫu

4.3. Khoáng hóa mẫu

5. Phân tích khối lượng.

5.1. Nguyên tắc chung. Dạng kết tủa và dạng cân.

5.2. Lựa chọn điều kiện làm kết tủa.

5.3. Lọc và rửa kết tủa.

5.4. Chuyển dạng kết tủa thành dạng cân.

Chương III. Phân tích thể tích

1. Phân tích thể tích.

1.1. Những khái niệm cơ bản

1.2. Cách pha dung dịch tiêu chuẩn

1.3. Phản ứng và thuốc thử dùng trong phân tích chuẩn độ

1.4. Điểm cuối trong phân tích chuẩn độ

2. Chuẩn độ axit – bazơ.

2.1. Chất chỉ thị trong chuẩn độ axit – bazơ.

2.2. Chuẩn độ axit mạnh bằng bazơ mạnh.

2.3. Chuẩn độ bazơ mạnh bằng axit mạnh.

2.4. Chuẩn độ đơn axit và đơn bazơ yếu.

3. Chuẩn độ oxi hóa khử

3.1. Đường chuẩn độ oxi hóa – khử.

3.2. Chất chỉ thị dùng trong chuẩn độ oxi hóa – khử.

3.3. Các phương pháp chuẩn độ oxi hóa – khử.

4. Chuẩn độ kết tủa

4.1. Đường chuẩn độ.

4.2. Các phương pháp xác định điểm cuối chuẩn độ trong chuẩn độ đo bạc.

Phần thứ hai . Hóa hữu cơ

Chương IV. Đại cương về hóa học hữu cơ và hydrocarbon

1. Khái niệm cơ bản

1.1. Hợp chất hữu cơ.

1.2. Các loại công thức hợp chất hữu cơ

1.3. Phản ứng hữu cơ.

2. Hydrocarbon

2.1. Hydrocarbon no.

2.2. Hydrocarbon không no.

2.3. Hydrocarbon thơm.

2.4. Các hydrocarbon có trong thiên nhiên

Chương V. Dẫn xuất hydrocarbon

1. Ancol - Phenol

1.1. Ancol

1.2. Phenol

2. Anđehit và xeton .

2.1. Anđehit

2.2. Xeton

3. Axit cacboxylic.

3.1. Dẫn xuất của axit cacboxylic.

3.2. Giới thiệu một số chất điều hòa sinh trưởng thực vật: 2,4-D; 2,4,5-T...

3.3. Lipit. Khái niệm chung về lipit. Phân loại. Tính chất vật lý. Phản ứng thủy phân. Phản ứng hidro hóa. Sơ lược về sự trao đổi lipit trong cơ thể.

4. Amin.

5. Các dẫn xuất hidrocarbon trong tự nhiên

Chương VI. Hợp chất tạp chức

1. Gluxit

1.1. Khái niệm chung về gluxit.

1.2. Monosacarit.

1.3. Disaccarit. Sản xuất saccarozơ từ mía.

1.4. Polisaccarit.

1.5. Sơ lược về sự trao đổi gluxit trong cơ thể.

2. Aminoaxit.

2.1. Aminoaxit

2.2. Peptit

2.3. Protit.

2.4. Sơ lược về sự trao đổi protit trong cơ thể

4. Chính sách đối với môn học: Yêu cầu sinh viên:

- Lên lớp tối thiểu 80 % số tiết của chương trình đào tạo môn học:

+ Lên lớp lý thuyết: 18 tiết, yêu cầu tích cực tham gia xây dựng bài.

+ Làm bài tập, thảo luận 24 tiết, yêu cầu tích cực tham gia thảo luận trong các giờ xemine, làm đầy đủ các bài tập và báo cáo trên lớp.

- Tự NC, tự học: 90 tiết.

- Chuẩn bị đầy đủ tài liệu chính, tài liệu tham khảo và tham gia đầy đủ các giờ học lý thuyết, các tiết thảo luận, các buổi thực hành.

- Làm đầy đủ các bài tập và bài kiểm tra theo quy định.

5. Phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá kết quả môn học

- Kiểm tra thường xuyên: 3 bài, trọng số 30%.

Đánh giá nhận thức, thái độ tham gia học trên lớp và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần thực hành

+ 2 bài kiểm tra viết theo hình thức tự luận

+ 1 bài kiểm tra vào giờ bài tập, thảo luận trên lớp hoặc chấm vở bài tập.

Tiêu chí đánh giá:

+ Kiểm tra mức độ nhớ, thuộc bài (hiểu và biết) của người học (2/10)

+ Đánh giá khả năng phân tích, suy xét, nhận định của người học về vấn đề đặt ra. (3/10)

+ Đánh giá khả năng ứng dụng, giải quyết vấn đề của người học trong từng trường hợp cụ thể. (5/10)

- **Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ:** Trọng số 20%

Hình thức: kiểm tra viết 100 phút

- **Kiểm tra đánh giá cuối kỳ:** Trọng số 50%

Hình thức: Thi viết 90 phút hoặc làm bài tập lớn

+ **Thi viết 90 phút :** Nội dung trong chương trình đã học

+ **Làm bài tập lớn:** cho phép người học được tự lựa chọn 1 chủ đề (trong số các chủ đề cho sẵn).

6. Các yêu cầu khác của giảng viên

- Yêu cầu SV đi đầy đủ tất cả các tiết lý thuyết

- Trước khi lên lớp SV phải chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của GV.

- Ngoài giờ lên lớp SV phải tích cực tự học, tự nghiên cứu để hoàn thành tốt môn học.

7. Học liệu

7.1. Học liệu bắt buộc

1. Nguyễn Tinh Dung (2000), *Hoá học phân tích phần II,III* NXB Giáo dục.

2. Trần Quốc Sơn, Đặng Văn Liễu (2005) *Hóa học hữu cơ*. NXB ĐHSP.

7.2. Học liệu tham khảo

1. Nguyễn Hữu Đĩnh (2008), *Bài tập hóa hữu cơ*. NXB Giáo dục.

2. Đặng Như Tại, Trần Quốc Sơn (2001, *Hóa học hữu cơ Tập I, II*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

9.12. TIN HỌC/ INFORMATICS

- Số tín chỉ: 2 (10, 0,40)

- Mã học phần: 173080

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Tin học ứng dụng

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần:

- Nội dung học phần: Tổng quan về tin học, máy tính, hệ điều hành Windows, mạng máy tính, Internet, các phần mềm soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính và trình chiếu.

- Năng lực đạt được: sinh viên sử dụng máy tính đúng cách, tổ chức dữ liệu trên máy tính một cách khoa học, có hệ thống; khai thác các tài nguyên trong máy tính và trên mạng Internet một cách an toàn, hiệu quả; sử dụng thành thạo các phần mềm soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính, trình chiếu, dịch vụ Email để phục vụ việc học tập, nghiên cứu và làm việc.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Nắm được các kiến thức cơ bản nhất về công nghệ thông tin (CNTT), máy tính; sử dụng máy tính với hệ điều hành Windows;
- Nắm được khái niệm cơ bản về mạng máy tính và Internet; các phần mềm tiện ích thông dụng; các phần mềm soạn thảo văn bản, trình diễn văn bản và xử lý bảng tính.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Sinh viên sử dụng được một cách thành thạo máy tính với hệ điều hành Windows; sử dụng được thư điện tử, Website, biết được cách tìm kiếm, xử lý thông tin trên Internet; sử dụng được các phần mềm tiện ích thông dụng, thiết thực, các phần mềm soạn thảo văn bản, trình diễn văn bản và xử lý được bảng tính để làm việc, học tập và nghiên cứu.

3. Nội dung học phần:

Mô đun A1: CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ CNTT

(2LT,3TL)

1.1. Thông tin và dữ liệu

- 1.1.1. Khái niệm thông tin, dữ liệu
- 1.1.2. Xử lý thông tin bằng máy tính
- 1.1.3. Khái niệm phần cứng, phần mềm

1.2. Biểu diễn thông tin trong máy tính

- 1.2.1. Biểu diễn số trong các hệ đếm
- 1.2.2. Chuyển đổi số giữa các hệ đếm
- 1.2.3. Các phép toán đối với số nhị phân
- 1.2.4. Biểu diễn thông tin trong máy tính

1.3. Hệ thống máy tính

- 1.3.1. Các bộ phận cơ bản của máy tính
- 1.3.2. Bộ xử lý trung tâm - CPU
- 1.3.3. Bộ nhớ
- 1.3.4. Các thiết bị nhập, xuất
- 1.3.5. Cấu hình cần biết khi mua máy tính

1.4. Phần mềm và thuật toán

- 1.4.1. Phần mềm
- 1.4.2. Thuật toán

Mô đun A2: MÁY TÍNH VÀ HỆ ĐIỀU HÀNH

(3LT,3TL)

2.1. Các thao tác cơ bản

- 2.1.1. Khởi động máy tính
- 2.1.2. Màn hình nền (desktop) và nút Start
- 2.1.3. Sử dụng bàn phím và chuột
- 2.1.4. Cửa sổ và các thao tác với cửa sổ
- 2.1.5. Tắt máy đúng kiểu

2.2. Quản lý và khai thác máy tính

- 2.2.1. Tổ chức dữ liệu trên máy tính
- 2.2.2. Khai thác và sử dụng My Computer
- 2.2.3. Biểu tượng tệp tin, thư mục

- 2.2.4. Các thao tác cơ bản với tệp tin và thư mục
- 2.2.5. Sử dụng chương trình Windows Explorer
- 2.3. Sử dụng máy tính**
 - 2.3.1. Cài đặt máy in và in tài liệu
 - 2.3.2. Tìm kiếm tệp tin, thư mục
 - 2.3.3. Nén dữ liệu
 - 2.3.4. Xem thông tin về máy tính
 - 2.3.5. Thiết lập Control Panel
 - 2.3.6. Cài đặt, cập nhật, gỡ bỏ các chương trình ứng dụng
 - 2.3.7. Một số phím tắt

2.4. Tiếng Việt trên máy tính

- 2.4.1. Vấn đề mã hóa tiếng Việt
- 2.4.2. Kiểu gõ Telex
- 2.4.3. Các bộ gõ thông dụng

2.5. Một số phần mềm tiện ích

Mô đun A3: MẠNG MÁY TÍNH VÀ INTERNET

(4LT,3TL)

3.1. Khái niệm mạng máy tính và Internet

3.2. Một số thuật ngữ tiếng Anh khi sử dụng Internet

3.3. Thư điện tử - Email

- 3.3.1. Khái niệm
- 3.3.2. Tên hộp thư điện tử
- 3.3.3. Thiết lập và sử dụng thư điện tử: gmail, yahoo

3.4. Website, Blog, diễn đàn

- 3.4.1. Khái niệm WWW, Website, Blog, diễn đàn
- 3.4.2. Tên miền URL
- 3.4.3. Trang chủ (Home page)
- 3.4.4. Một số Website, Blog, diễn đàn thông dụng

3.5. Tìm kiếm thông tin trên Internet

- 3.5.1. Vai trò của thông tin và tìm kiếm thông tin
- 3.5.2. Kỹ năng tìm kiếm thông tin với Google Search

3.6. Các văn bản pháp luật quy định về sử dụng Internet

3.7. Thuê bao kết nối Internet

Mô đun A4: PHẦN MỀM SOẠN THẢO VĂN BẢN

(3LT,5TL)

4.1. Giới thiệu

- 4.1.1. Khởi động
- 4.1.2. Cửa sổ làm việc
- 4.1.3. Hệ thống trình đơn và các công cụ
- 4.1.4. Thoát khỏi

4.2. Các thao tác cơ bản

- 4.2.1. Nhập và điều chỉnh văn bản
- 4.2.2. Thao tác trên một khối văn bản

4.2.3. Các thao tác cơ bản với file văn bản

4.3. Định dạng và in ấn văn bản

4.3.1. Định dạng ký tự

4.3.2. Định dạng đoạn văn bản

4.3.3. Một số định dạng khác

4.3.4. Định dạng trang in và in văn bản

4.4. Chèn đối tượng vào văn bản

4.4.1. Chèn ký tự đặc biệt

4.4.2. Chèn chữ nghệ thuật

4.4.3. Chèn tranh

4.4.4. Chèn các hình ảnh đồ họa

4.4.5. Chèn công thức toán học

4.4.6. Chèn biểu đồ

4.5. Bảng biểu

4.5.1. Tạo bảng mới

4.5.2. Hiệu chỉnh và định dạng bảng

4.5.3. Sắp xếp dữ liệu trong bảng

4.6. Một số xử lý khác

4.6.1. Tìm kiếm và thay thế văn bản

4.6.2. Tạo và sử dụng AutoCorrect

4.6.3. Chèn số trang

4.6.4. Chèn Header and Footer

Mô đun A5: PHẦN MỀM TRÌNH DIỄN VĂN BẢN

(3LT,5TL)

5.1. Giới thiệu

5.1.1. Khởi động

5.1.2. Cửa sổ làm việc

5.1.3. Hệ thống trình đơn và các công cụ

5.1.4. Các kiểu hiển thị một trình chiếu

5.1.5. Các hướng dẫn thực hiện từng bước một

5.1.6. Các bước tạo một minh họa

5.1.7. Thoát khỏi

5.2. Các thao tác với file trình diễn và với Slide

5.2.1. Các khái niệm cơ bản

5.2.2. Quy trình soạn thảo trình diễn

5.2.3. Các thao tác với file trình diễn

5.3. Các thao tác với slide

5.3.1. Định dạng slide

5.3.2. Các thao tác với slide: chèn, sao chép, di chuyển, xóa

5.3.3. Trình bày slide

5.4. Tạo hiệu ứng

5.4.1. Thiết lập template

- 5.4.2. Thiết lập hiệu ứng cho slide
- 5.4.3. Thiết lập hiệu ứng cho từng đối tượng

5.5. Trình chiếu slide và in ấn

- 5.5.1. Trình chiếu slide
- 5.5.2. Định dạng trang in và in file trình diễn

Mô đun A6: PHẦN MỀM XỬ LÝ BẢNG TÍNH

(3LT,5TL)

6.1 Giới thiệu

- 6.1.1. Khởi động
- 6.1.2. Cửa sổ làm việc
- 6.1.3. Hệ thống trình đơn và các công cụ
- 6.1.5. Các thao tác với file bảng tính

6.2. Các thao tác với bảng tính

- 6.2.1. Nhập, sửa dữ liệu
- 6.2.2. Các thao tác với vùng dữ liệu

6.3. Định dạng bảng tính và in bảng tính

- 6.3.1. Định dạng dữ liệu
- 6.3.2. Định dạng trang in và in bảng tính

6.4. Các hàm thông dụng

- 6.4.1. Nguyên tắc sử dụng hàm
- 6.4.2. Một số hàm thông dụng: sum, average, round, %, max, min, rank, and, or, left, right, if, day 360, datevalue, vlookup, hlookup, countif, Dcount, sumif, Dsum, averageif...

6.5. Biểu đồ

- 6.5.1. Các bước xây dựng biểu đồ
- 6.5.2. Hiệu chỉnh biểu đồ

6.6. Quản trị dữ liệu bảng tính

- 6.6.1. Các khái niệm cơ bản
- 6.6.2. Sắp xếp dữ liệu
- 6.6.3. Trích lọc dữ liệu: AutoFilter, Advanced Filter
- 6.6.4. Tổng hợp dữ liệu: Subtotal

6.7. Tính toán trên nhiều bảng tính

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Nguyễn Ngọc Cương, Vũ Chí Quang (2010), *Giáo trình tin học cơ sở*, NXB ĐHSP.

9.2. Tài liệu tham khảo:

1. Hàn Viết Thuận (2012), *Tin học đại cương*, NXB ĐHQTKD.
2. Dương Minh Quý (2013), *Microsoft Office 2007*, NXB Hồng Đức.
3. Microsoft (2012), *Step by Step Microsoft Office 2007*, Microsoft Press.

9.13. CHỌN MỘT TRONG HAI HỌC PHẦN

a, SINH THÁI MÔI TRƯỜNG/ECOLOGICAL ENVIRONMENT

2TC(15,20,10)

- Điều kiện tiên quyết: Không.
- Bộ môn phụ trách học phần: Khoa học cây trồng.

1. Mô tả học phần:

- Nội dung học phần gồm: Kiến thức cơ bản về sinh thái học, các quy luật sinh thái học, mối tương tác giữa yếu tố sinh thái của môi trường sống và sinh vật và đặc điểm của các mức độ tổ chức sống của sinh giới: quần thể, quần xã và hệ sinh thái; Kiến thức cơ bản về môi trường và con người, mối quan hệ tác động qua lại giữa dân số - tài nguyên - môi trường, thực trạng khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên; Kiến thức cơ bản về môi trường và các vấn đề chính về ô nhiễm môi trường trên thế giới và tại Việt Nam, luật và chính sách môi trường của Việt Nam.

- Năng lực đạt được: Học xong học phần này, sinh viên có khả năng trình bày và giải thích được các quy luật sinh thái học, mối tương tác giữa yếu tố sinh thái của môi trường sống và sinh vật và đặc điểm của các mức độ tổ chức sống của sinh giới, từ đó có khả năng ứng dụng nâng cao năng suất trong sản xuất nông nghiệp; Trình bày và giải thích được kiến thức cơ bản về môi trường và con người, mối quan hệ tác động qua lại giữa dân số - tài nguyên - môi trường, thực trạng khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên từ đó có khả năng nâng cao ý thức về bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên; Kiến thức cơ bản về môi trường và các vấn đề chính về ô nhiễm môi trường trên thế giới và tại Việt Nam, luật và chính sách môi trường của Việt Nam, từ đó có thể đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất nông nghiệp.

2. Mục tiêu của học phần:

2.1. Về kiến thức

- Hiểu và trình bày được những khái niệm cơ bản của sinh thái học và những quy luật sinh thái học.

- Trình bày và giải thích được tác động của các nhân tố sinh thái đối với đời sống sinh vật và sự thích nghi của chúng.
- Hiểu và trình bày được các khái niệm và đặc điểm của các mức độ tổ chức sống của sinh giới: cá thể, quần thể, quần xã và hệ sinh thái.
- Trình bày và giải thích các vấn đề chính của ô nhiễm môi trường cũng như các vấn đề về khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên trên thế giới và tại Việt Nam.
- Hiểu và trình bày được khái niệm, nguyên tắc của phát triển bền vững, các nội dung của các công ước về bảo vệ môi trường trên thế giới và Việt Nam.

2.2. Về kỹ năng

Dựa trên kiến thức học phần Sinh thái môi trường, học viên có thể:

- + Nhận diện, phân biệt một số hệ sinh thái trên cạn cũng như đánh giá được sự đa dạng sinh học của chúng.
- + Vận dụng các kiến thức cơ bản về sinh thái học để giải thích các vấn đề về liên quan đến sản xuất nông nghiệp.
- + Đề xuất các giải pháp cho các vấn đề môi trường – xã hội tại Việt Nam.

2.3 Về thái độ

Sinh viên có nhận thức đúng đắn về các mối quan hệ giữa sinh thái và môi trường sống, từ đó ý thức tốt hơn trong việc bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: CƠ SỞ SINH THÁI HỌC (24 TIẾT: 8LT; 11TL;5TH)

1.1. Mở đầu

- 1.1.1. Định nghĩa và cấu trúc sinh thái học.
- 1.1.2. Mục đích, ý nghĩa của sinh thái học.
- 1.1.3. Lịch sử phát triển của sinh thái học.
- 1.1.4 Một số khái niệm cơ bản

1.2. Sinh thái học cá thể

- 1.2.1. Một số quy luật cơ bản của sinh thái học
- 1.2.2. Tác động của các nhân tố sinh thái lên sinh vật và sự thích nghi
- 1.2.3. Hiện tượng chu kỳ sinh học ngày – đêm
- 1.2.4. Tập tính ở sinh vật

1.3. Sinh thái học quần thể sinh vật

- 1.3.1. Định nghĩa
- 1.3.2. Mật độ và kích thước của quần thể
- 1.3.3. Thành phần tuổi và giới tính của quần thể
- 1.3.4. Sự phân bố cá thể trong quần thể
- 1.3.5. Tỷ lệ sinh và tỷ lệ sống sót
- 1.3.6. Biến động số lượng cá thể và các kiểu tăng trưởng của quần thể

1.4. Sinh thái học quần xã sinh vật

- 1.4.1. Khái niệm
- 1.4.2. Tính chất cơ bản của quần xã

1.4.3. Mối quan hệ giữa các sinh vật trong quần xã

1.4.4. Diễn thế sinh thái

1.5. Sinh thái học hệ sinh thái

1.5.1. Định nghĩa

1.5.2. Cấu trúc của hệ sinh thái

1.5.3. Chức năng của hệ sinh thái

Chương 2: KHÁI NIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ VẤN ĐỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (12 TIẾT: 3LT; 4TL; 5TH)

2.1. Khái niệm môi trường

2.2. Những vấn đề môi trường toàn cầu

2.2.1. Biến đổi khí hậu toàn cầu

2.2.2. Lắng đọng axit

2.2.3. Suy giảm tầng ozon

2.2.4. Suy giảm đa dạng sinh học

2.2.5. Gia tăng dân số

2.3 Những vấn đề môi trường Việt Nam

2.3.1. Giảm diện tích rừng và suy giảm chất lượng rừng

2.3.2. Đất canh tác thiếu và suy thoái

2.3.3. Nước ngọt đang ô nhiễm, thiếu nước sạch chi sinh hoạt hàng ngày

2.3.4. Môi trường biển và vùng ven biển đang kêu cứu

2.3.5. Đất ngập nước đang bị khai thác quá mức cho phát triển kinh tế

2.3.6. Suy giảm đa dạng sinh học

2.4. Phát triển bền vững

2.4.1. Cơ sở khoa học cho phát triển bền vững

2.4.2. Khái niệm về phát triển bền vững

2.4.3. Các thước đo cho sự phát triển bền vững

2.4.4. Các nguyên tắc cho phát triển bền vững

2.4.5. Phát triển bền vững ở Việt Nam

2.5. Các công ước quốc tế về môi trường và sự tham gia của Việt Nam

2.5.1. Tính toàn cầu của vấn đề môi trường và bảo vệ môi trường

2.5.2. Hội nghị quốc tế về môi trường và bảo vệ môi trường

2.5.3. Các công ước quốc tế về môi trường và sự tham gia của Việt Nam

Chương 3: KHÁI NIỆM TÀI NGUYÊN, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ SỬ DỤNG HỢP LÝ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN (9 TIẾT: 4 LT; 5TL)

3.1. Khái niệm về tài nguyên

3.2. Bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên rừng

3.2.1. Vai trò kinh tế và sinh thái của rừng

3.2.2. Hiện trạng tài nguyên rừng

3.3. Bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên đất

3.3.1. Hiện trạng tài nguyên đất trên thế giới và Việt Nam

3.3.2. Phương hướng bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên đất

- 3.3.3. Bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên đất dốc
- 3.3.4. Biện pháp sử dụng hợp lý đất mặn, đất phèn, và đất cát ven biển
- 3.3.5. Chống ô nhiễm đất

3.4. Bảo vệ và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên nước

- 3.4.1. Nguồn nước và sự phân bố của nước trong tự nhiên
- 3.4.2. Tài nguyên nước Việt Nam
- 3.4.3. Bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên nước
- 3.4.4. Tình trạng ô nhiễm nguồn nước
- 3.4.5. Chất lượng nước và xử lý nước thải

3.5. Bảo vệ và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên khác ở Việt Nam

- 3.5.1. Tài nguyên khoáng sản và năng lượng
- 3.5.2. Tài nguyên con người

3.6. Tài nguyên quốc gia và sự phát triển

3.7. Những nội dung chủ yếu quản lý nhà nước về tài nguyên

- 3.7.1. Quản lý nhà nước về tài nguyên thiên nhiên
- 3.7.2. Nội dung quản lý nhà nước về tài nguyên thiên nhiên

Thực hành:

Bài 1. Khảo sát một số hệ sinh thái tại khu vực Tp. Thanh Hóa (5 tiết)

Bài 2. Khảo sát tình hình môi trường tại khu vực tại Tp. Thanh Hóa (5 tiết)

4. Yêu cầu của học phần

- Sinh viên có đủ tài liệu và đề cương học phần để học tập, nghiên cứu.
- Trong quá trình học tập phải tích cực, chủ động nghiên cứu bài học, thảo luận và thực hành để hiểu, trình bày được cơ sở khoa học, thao tác kỹ thuật.
- Đảm bảo tham gia ít nhất 80% số tiết lý thuyết, thảo luận và 100% tiết thực hành.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình giảng dạy, giáo viên có trách nhiệm hướng dẫn người học tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của người học.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%

Thang điểm: 10

9. Tài liệu dạy học

9.1. Tài liệu bắt buộc

1. Trần Đức Viên, 2004. *Giáo trình Sinh thái nông nghiệp*. NXB Giáo dục, Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo

- 1. Nguyễn Duy Hùng (2012) *Luật bảo vệ môi trường*. NXB CTQG
- 2. Mai Đình Yên (1997) *Môi trường và con người*. NXB Giáo dục

b, KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG/ENVIRONMENTAL SCIENCE 2T(15,20,10)

- Điều kiện tiên quyết: Các học phần cơ bản.

- Bộ môn phụ trách học phần: Khoa học đất

1. Mô tả học phần:

- *Nội dung học phần gồm:* Những kiến thức chung có liên quan đến khoa học môi trường như khái niệm khoa học môi trường, các thành phần chính của môi trường, tài nguyên thiên nhiên, các nguyên lý sinh thái học vận dụng vào khoa học môi trường; Các kiến thức cơ bản của khoa học môi trường như ô nhiễm môi trường, quản lý môi trường, tài nguyên, dân số, lương thực, năng lượng và phát triển bền vững.

- *Năng lực đạt được:* Mô tả và phân tích được các vấn đề về môi trường và giáo dục bảo vệ môi trường; Giải quyết được các vấn đề liên quan đến môi trường và phát triển bền vững trên phạm vi toàn cầu.

2. Mục tiêu của học phần:

2.1. Về kiến thức

Trình bày được những khái niệm liên quan đến khoa học môi trường, các thành phần chính của môi trường, đồng thời cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản để tiếp cận với các nội dung chi tiết được trình bày kỹ hơn ở các môn chuyên sâu về môi trường như ô nhiễm môi trường, quản lý môi trường tài nguyên, dân số, năng lượng.

2.2. Về kỹ năng

- Kỹ năng thực tiễn nghề nghiệp: nghiên cứu, thực hành, quan sát, mô tả và phân tích các vấn đề về môi trường và giáo dục bảo vệ môi trường;

- Kỹ năng làm việc theo nhóm.

- Kỹ năng phát triển tư duy, phát hiện, phân tích, giải quyết các vấn đề liên quan đến môi trường và phát triển bền vững trên phạm vi toàn cầu.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Các vấn đề chung về khoa học môi trường (02 tiết; LT: 02; TL: 0, TH: 0)

1.1. Khái niệm về khoa học môi trường

1.2. Đối tượng và nhiệm vụ của khoa học môi trường

1.3. Các chức năng của môi trường

1.4. Khủng hoảng môi trường

1.5. Phương pháp tiếp cận trong nghiên cứu và giải quyết những vấn đề môi trường

1.6. Những thách thức môi trường hiện nay

Chương 2. Các thành phần cơ bản của môi trường (07 tiết; LT: 03, TL: 04, TH: 0)

2.1. Thạch quyển

2.1.1. Sự hình thành và cấu trúc của Trái Đất

2.1.2. Sự hình thành đá và quá trình tạo khoáng tự nhiên

2.1.3. Sự hình thành đất và biến đổi của địa hình cảnh quan

2.2. Thủy quyển

2.2.1. Cấu tạo hình thái, các thành phần của thủy quyển

- 2.2.2. Đới ven biển
- 2.2.3. Băng
- 2.3. Khí quyển
 - 2.3.1. Sự hình thành và cấu trúc của khí quyển Trái Đất
 - 2.3.2. Thành phần hóa học của khí quyển
 - 2.3.3. Ozon khí quyển và các chất CFC
 - 2.3.4. Chế nhiệt, bức xạ và hoàn lưu khí quyển
- 2.4. Sinh quyển
 - 2.4.1. Khái niệm sinh quyển, sinh khối
 - 2.4.2. Quang hợp và hô hấp
 - 2.4.3. Năng lượng và sinh khối
 - 2.4.4. Tác động tương hỗ giữa các sinh vật

Chương 3. Các nguyên lý sinh thái học ứng dụng trong khoa học môi trường

- 3.1. Sự hình thành, sự tiến hóa sinh vật và các sinh đới
- 3.2. Cơ chế hoạt động của hệ sinh thái
- 3.3. Dòng năng lượng và năng suất sinh học của hệ sinh thái
- 3.4. Các chu trình sinh-địa-hóa
- 3.5. Sự tăng trưởng của các quần thể sinh vật
- 3.6. Tương tác giữa các quần thể sinh vật
- 3.7. Sự phát triển và tiến hóa của hệ sinh thái
- 3.8. Tác động của con người lên hệ sinh thái

Chương 4: Tài nguyên thiên nhiên (06 tiết; LT: 03, TL: 03, TH: 0)

- 4.1. Đặc điểm chung và phân loại tài nguyên thiên nhiên
- 4.2. Tài nguyên đất
- 4.3. Tài nguyên rừng
- 4.4. Tài nguyên sinh học và đa dạng sinh học
- 4.5. Tài nguyên nước
- 4.6. Tài nguyên khoáng sản
- 4.7. Tài nguyên năng lượng
- 4.8. Tài nguyên biển
- 4.9. Tài nguyên khí hậu, cảnh quan

Chương 5. Ô nhiễm môi trường (12 tiết; LT: 03, TL: 04, TH: 05)

- 5.1. Ô nhiễm nước
 - 5.1.1. Nguồn gây ô nhiễm, tác nhân ô nhiễm
 - 5.1.2. Ô nhiễm nước mặt
 - 5.1.3. Ô nhiễm và suy thoái nước ngầm
 - 5.1.4. Ô nhiễm biển
- 5.2. Ô nhiễm không khí
 - 5.2.1. Các nguồn gây ô nhiễm không khí
 - 5.2.2. Các tác nhân gây ô nhiễm không khí và tác động của chúng
 - 5.2.3. Sự lan truyền chất ô nhiễm trong khí quyển

5.3. Ô nhiễm môi trường đất

5.3.1. Hệ sinh thái đất

5.3.2. Ô nhiễm môi trường đất

5.4. Liên hệ tình hình ô nhiễm môi trường ở Việt Nam.

Chương 6. Quản lý môi trường và các vấn đề phát triển và môi trường, phát triển bền vững (10 tiết; LT: 02, TL: 03, TH: 05)

6.1. Quản lý môi trường

6.1.1. Những khái niệm cơ bản về quản lý môi trường

6.1.2. Cơ sở khoa học của công tác quản lý môi trường

6.3. Các công cụ quản lý môi trường

6.2. Các vấn đề nền tảng về môi trường và phát triển bền vững

6.2.1. Vấn đề dân số

6.2.2. Vấn đề lương thực và thực phẩm của loài người

6.2.3. Vấn đề năng lượng

6.2.4. Phát triển bền vững

Thực hành:

Bài 1: Tham quan cơ sở sản xuất để đánh giá được thực trạng quản lý môi trường của cơ sở sản xuất tại một địa phương cụ thể (5 tiết).

Bài 2: Tham qua một vùng sinh thái và phân tích các vấn đề về môi trường của vùng sinh thái đó (5 tiết).

4. Yêu cầu của học phần

- Sinh viên có đủ tài liệu và đề cương học phần để học tập, nghiên cứu.
- Trong quá trình học tập phải tích cực, chủ động nghiên cứu bài học, thảo luận và thực hành để hiểu, trình bày được cơ sở khoa học, thao tác kỹ thuật.
- Đảm bảo tham gia ít nhất 80% số tiết lý thuyết, thảo luận và 100% tiết thực hành.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình giảng dạy, giáo viên có trách nhiệm hướng dẫn người học tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của người học.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%

Thang điểm: 10

9. Tài liệu dạy học

9.1. Tài liệu chính:

1. Lê Văn Khoa (2008) *Khoa học môi trường*, NXB Giáo dục.

9.2. Tài liệu tham khảo:

1. Lưu Đức Hải (2009) *Cơ sở khoa học môi trường*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Eldon D.enger (2008) *Environmental Science- A study of Interrelatióhship*, MC Grow-Hill express.

9.14. CÔNG NGHỆ SINH HỌC/BIOTECHNOLOGY 3TC (20;30;20)

- Điều kiện tiên quyết: Các học phần cơ bản
- Bộ môn phụ trách học phần:

1. Mô tả học phần:

- Nội dung học phần gồm: Học phần công nghệ sinh học cung cấp cho sinh viên khái niệm về công nghệ sinh học, các kỹ thuật nền của công nghệ sinh học hiện đại; ứng dụng của công nghệ sinh học trong trồng trọt, bảo vệ thực vật, chăn nuôi thú y, nuôi trồng thủy sản và công nghệ vi sinh vật; An toàn sinh học trong công nghệ sinh học.

- Năng lực đạt được: Người học nhận thức được tầm quan trọng và xu thế phát triển của công nghệ sinh học. Người học hiểu được các kỹ thuật di truyền và ứng dụng của công nghệ sinh học trong cải tiến giống cây trồng. Bên cạnh đó còn trình bày được ứng dụng của công nghệ sinh học trong chăn nuôi bao gồm nuôi cấy tế bào động vật, kỹ thuật cloning và kỹ thuật sản xuất cá thể đơn dòng. Ngoài ra người học cần nắm vững an toàn sinh học trong công nghệ sinh học. Những thuận lợi và khó khăn khi áp dụng công nghệ sinh học vào sản xuất nông nghiệp.

2. Mục tiêu của học phần:

2.1. Về kiến thức

- Hiểu và trình bày được khái niệm về công nghệ sinh học, tầm quan trọng và xu thế phát triển của công nghệ sinh học.
- Hiểu và trình bày được khái niệm, nội dung và ứng dụng của các kỹ thuật nền trong công nghệ sinh học.
- Hiểu và giải thích được khả năng ứng dụng của công nghệ sinh học trong trồng trọt, trong công nghệ vi sinh vật và trong chăn nuôi thú y.
- Trình bày được khái niệm và các quy định về an toàn sinh học trong công nghệ sinh học, những thuận lợi và rủi ro khi sử dụng sinh vật chuyển gen.

2.2. Về kỹ năng

- Vận dụng chính xác các kỹ năng an toàn khi làm việc trong phòng thí nghiệm.
- Sử dụng an toàn và đúng kỹ thuật các dụng cụ, thiết bị và máy móc trong phòng công nghệ sinh học.
- Thực hiện được quy trình pha chế một số loại môi trường dùng trong nuôi cấy *invitro* mô tế bào thực vật và động vật;
- Thực hiện được quy trình thực hành vào mẫu nuôi cấy, nhân giống *invitro* một số đối tượng thực vật; thực hiện được tách và vào mẫu tế bào động vật.
- Thực hiện được các bước phân lập một số chủng vi sinh vật.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. MỞ ĐẦU

5 (LT: 2; TL: 3)

1.1. Khái niệm và định nghĩa công nghệ sinh học

1.2. Sơ lược lịch sử phát triển

1.3. Phân loại Công nghệ sinh học

1.4. Thành tựu và xu thế phát triển

CHƯƠNG 2. CÁC KỸ THUẬT NỀN CỬA CÔNG NGHỆ SINH HỌC

15 (LT: 5; TL: 5; TH: 5)

2.1. Các enzym chủ yếu sử dụng trong kỹ thuật di truyền

2.1.1. Các enzym giới hạn (restriction enzyme)

2.1.2. Enzym nối (Ligase)

2.1.3. Các enzym sửa đổi ADN

2.1.4. Các enzym thủy phân (nuclease)

2.2. ADN tái tổ hợp và tách dòng gen (cloning gene)

2.2.1. Khái niệm ADN tái tổ hợp

2.2.2. Vector nhân dòng (cloning vector)

2.3. Thu nhận gen

2.3.1. Tách các đoạn DNA từ gennom

2.3.2. Thu nhận gen từ mRNA của gen tương ứng

2.3.3. Tổng hợp gen bằng phương pháp hóa học

2.4. Phản ứng chuỗi trùng hợp PCR (Polymerase Chain Reaction)

2.4.1. Khái niệm về kỹ thuật PCR

2.4.2. Nguyên lý của kỹ thuật PCR

2.4.3. Thành phần của phản ứng PCR

2.4.4. Các bước tiến hành PCR

2.4.5. Các nhân tố ảnh hưởng đến phản ứng PCR

2.4.6. Ứng dụng của kỹ thuật PCR

2.5. Các kỹ thuật xác định tính đa hình ADN dựa trên PCR

2.5.1. Kỹ thuật đa hình các đoạn ADN nhân bản ngẫu nhiên RAPD (Random Amplified Polymorphism DNA)

2.5.2. Kỹ thuật đa hình chiều dài của các đoạn ADN được nhân bản AFLP (Amplified Fragment Length Polymorphism)

CHƯƠNG 3: CÔNG NGHỆ SINH HỌC TRONG TRỒNG TRỌT

17 (LT: 5; TL: 7; TH: 5)

3.1. Công nghệ nuôi cấy mô, tế bào thực vật

3.1.1. Khái niệm nuôi cấy mô, tế bào thực vật

3.1.2. Cơ sở của kỹ thuật nuôi cấy mô, tế bào thực vật

3.1.3. Nhân giống cây trồng bằng nuôi cấy mô

3.1.4. Làm sạch bệnh virus qua nuôi cấy meristem (mô phân sinh đỉnh)

3.1.5. Chọn tạo giống nhờ công nghệ tế bào

- 3.1.6. Kỹ thuật thụ phấn trong ống nghiệm và nuôi cấy phôi in vitro
- 3.1.7. Công nghệ tế bào trong bảo quản nguồn gen
- 3.2. Kỹ thuật chuyển gen vào thực vật
 - 3.2.1. Kỹ thuật chuyển gen là gì
 - 3.2.2. Các phương pháp chuyển gen
 - 3.2.3. Các hướng chính trong tạo giống bằng chuyển gen

CHƯƠNG 4: CÔNG NGHỆ SINH HỌC VI SINH VẬT (LT: 2; TL: 5; TH: 5)

- 4.1. Lịch sử công nghệ vi sinh vật
- 4.2. Ứng dụng công nghệ vi sinh vật
 - 4.2.1. Trong lĩnh vực nông nghiệp
 - 4.2.2. Trong lĩnh vực công nghiệp
 - 4.2.3. Trong lĩnh vực y tế
- 4.3. Sơ đồ nguyên lý công nghệ vi sinh vật
- 4.4. Tuyển chọn và bảo quản giống vi sinh vật
 - 4.4.1. Phân lập giống vi sinh vật thuần chủng
 - 4.4.1. Bảo quản giống vi sinh vật
- 4.5. Dinh dưỡng và môi trường nuôi cấy vi sinh vật
- 4.6. Những sản phẩm của công nghệ vi sinh
 - 4.6.1. Sinh khối vi sinh vật
 - 4.6.2. Các sản phẩm lên men
 - 4.6.3. Các chế phẩm enzym
 - 4.6.4. Các sản phẩm trao đổi chất bậc 1, 2.

CHƯƠNG 5. CÔNG NGHỆ SINH HỌC TRONG CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y

17 (LT: 5; TL: 7; TH: 5)

- 5.1. Kỹ thuật nuôi cấy tế bào động vật
 - 5.1.1. Khái niệm nuôi cấy tế bào động vật
 - 5.1.2. Đưa các tế bào vào nuôi cấy
 - 5.1.3. Dòng tế bào liên tục
 - 5.1.4. Môi trường nuôi cấy
 - 5.1.5. Các cách nuôi cấy
 - 5.1.6. Ứng dụng của nuôi cấy tế bào động vật
- 5.2. Sản xuất tế bào gốc
 - 5.2.1. Tính toàn năng của tế bào động vật
 - 5.2.2. Định nghĩa tế bào gốc (stem cell)
 - 5.2.3. Khả năng ứng dụng của tế bào gốc
- 5.3. Kỹ thuật cấy chuyển phôi
 - 5.3.1. Đặc điểm phát triển phôi ở giai đoạn sớm
 - 5.3.2. Kỹ thuật lấy phôi và cấy phôi
 - 5.3.3. Ứng dụng của cấy chuyển phôi

- 5.4. Nhân bản động vật - kỹ thuật cloning
- 5.5. Công nghệ tạo vật nuôi chuyên gen
- 5.6. Công nghệ sinh học trong sản xuất kit chẩn đoán, thuốc điều trị bệnh và thức ăn cho vật nuôi
- 5.6.1. Công nghệ sản xuất kháng thể đơn dòng
- 5.6.2. Vacxin tái tổ hợp
- 5.6.3. Các sinh phẩm kích thích sinh trưởng vật nuôi
- 5.6.4. Sử dụng kỹ thuật PCR để chuẩn đoán virus gây bệnh của tôm

CHƯƠNG 6. AN TOÀN SINH HỌC TRONG CÔNG NGHỆ SINH HỌC

4 (LT: 1; TL: 3)

- 6.1. Đại cương về an toàn sinh học
 - 6.1.1. Khái niệm an toàn sinh học
 - 6.1.2. Nguyên lý an toàn sinh học
- 6.2. An toàn sinh học trong nghiên cứu và phát triển sinh vật biến đổi gen
 - 6.2.1. Một số thành tựu và xu hướng của sinh vật biến đổi gen
 - 6.2.2. Sinh vật biến đổi gen và an toàn sinh học
 - 6.2.3. Những lợi ích và rủi ro của sinh vật biến đổi gen
- 6.3. Quản lý an toàn sinh học
 - 6.3.1. Quản lý an toàn sinh học ở một số quốc gia trên thế giới
 - 6.3.2. Quản lý an toàn sinh học ở Việt Nam

B. THỰC HÀNH

BÀI 1: Tìm hiểu chức năng, nguyên lý hoạt động, cơ chế vận hành của các loại máy hiện đại của công nghệ sinh học (5 TIẾT) (chung các ngành)

BÀI 2: - Pha chế môi trường nuôi cấy mô tế bào thực vật (5 Tiết) (ngành KHCT, BVTV, Lâm nghiệp)

- Phân lập, tuyển chọn một số chủng vi sinh vật (5 Tiết) (ngành CNTY)

BÀI 3: Vào mẫu, nhân nhanh một số loài thực vật (10 Tiết) (ngành KHCT, BVTV, Lâm nghiệp)

Sử dụng chế phẩm vi sinh vật trong bảo quản và chế biến thức ăn chăn nuôi

(10 Tiết) (ngành CNTY)

4. Yêu cầu của học phần

- Sinh viên có đủ tài liệu và đề cương học phần để học tập, nghiên cứu.
- Trong quá trình học tập phải tích cực, chủ động nghiên cứu bài học, thảo luận và thực hành để hiểu, trình bày được cơ sở khoa học, thao tác kỹ thuật.
- Đảm bảo tham gia ít nhất 80% số tiết lý thuyết, thảo luận và 100% tiết thực hành.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình giảng dạy, giáo viên có trách nhiệm hướng dẫn người học tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của người học.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%

Thang điểm: 10

9. Tài liệu dạy học

9.1. Tài liệu bắt buộc

1. Nguyễn Quang Thạch, Nguyễn Thị Lý Anh (2009), *Giáo trình Công nghệ sinh học nông nghiệp*. NXB Nông Nghiệp Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo

1. Đỗ Năng Vịnh (2002), *Công nghệ sinh học cây trồng*. NXB Nông Nghiệp Hà Nội.
2. Lê Đình Lương (2004) *Kỹ thuật di truyền và ứng dụng*. NXB ĐHQG Hà Nội.

9.15. TÂM LÝ LAO ĐỘNG/ LABOR PSYCHOLOGY

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Những vấn đề chung của tâm lý học lao động; Một số vấn đề tâm lý học trong tổ chức khoa học lao động; Tuyển chọn và đào tạo nghề; Sự thích ứng của con người trong hệ thống người-máy-môi trường

Năng lực đạt được: Người học trình bày được các trạng thái tâm lý nảy sinh trong lao động ; phân tích được các bước xây dựng chế độ lao động và nghỉ ngơi hợp lý; mô tả được nội dung và các bước tuyển chọn, đào tạo nghề ; phân tích được đặc điểm của lao động trong điều kiện kỹ thuật mới. Vận dụng được kiến thức đã học để giải quyết các bài tập trong chương trình.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Sinh viên:

- Xác định được đối tượng, nhiệm vụ, các phương pháp nghiên cứu và hệ thống tri thức khoa học, cơ bản, hiện đại về TLHLĐ.
- Phân tích được tâm lý con người trong hoạt động lao động, với môi trường lao động và giữa con người với con người trong lao động.
- Xác định được các điều kiện ảnh hưởng đến hoạt động lao động nhằm giúp nhà quản lý, người lao động biết tổ chức hoạt động lao động của mình khoa học.
- Phân tích được vấn đề tuyển chọn, đào tạo nghề và công tác hướng nghiệp trong giai đoạn hiện nay.
- Trình bày được sự thích ứng của con người trong hệ thống người, máy và môi trường, tiêu chuẩn đánh giá, một số số liệu nhân trắc về bố trí nơi làm việc, ...
- Trình bày được các vấn đề về an toàn lao động.

2.2. Về mặt kỹ năng

- Phân tích, khái quát, đánh giá tâm lý con người trong lao động.
- Kỹ năng vận dụng kiến thức tâm lý học lao động vào việc nghiên cứu tâm lý con người ở các ngành nghề, lĩnh vực lao động khác nhau.

- Vận dụng kiến thức vào việc nghiên cứu tâm lý của các đối tượng khác nhau trong lao động.
- Tổ chức hoạt động lao động của tập thể và của bản thân một cách khoa học.
- Tự nghiên cứu, tự bồi dưỡng về tâm lý học, tự bồi dưỡng, tự rèn luyện và hoàn thiện tâm lý bản thân trong cuộc sống và nghề nghiệp sau này.

2.3. Về thái độ

- Thấy được ý nghĩa, tầm quan trọng, tác dụng của kiến thức tâm lý học lao động trong hoạt động nghề nghiệp.
- Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập môn tâm lý học lao động.
- Hình thành hứng thú học tập và tăng thêm lòng yêu nghề.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Những vấn đề chung của tâm lý học lao động

1. Khái niệm chung về lao động

- 1.1 Định nghĩa về lao động.
- 1.2. Bản chất của lao động.
- 1.3. Cấu trúc của hoạt động lao động.
- 1.4. Phân loại lao động.

2. Đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học lao động

- 2.1. Định nghĩa tâm lý học lao động .
- 2.2. Đối tượng của tâm lý học lao động.
- 2.3. Nhiệm vụ của tâm lý học lao động.

3. Mối quan hệ của tâm lý học lao động với các khoa học khác

- 3.1. Với các chuyên ngành tâm lý học
- 3.2. Với các khoa học khác về lao động.

4. Sơ lược lịch sử phát triển của tâm lý học lao động

5. Các phương pháp của tâm lý học lao động

- 5.1. Các nguyên tắc phương pháp luận.
- 5.2. Các phương pháp nghiên cứu.
 - 5.2.1. Phương pháp quan sát.
 - 5.2.2. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi.
 - 5.2.3. Phân tích sản phẩm hoạt động.
 - 5.2.4. Phương pháp phân tích
 - 5.2.5. Phương pháp thực nghiệm.

Chương 2: Một số vấn đề tâm lý học trong tổ chức khoa học lao động

1. Các trạng thái tâm lý nảy sinh trong lao động

- 1.1. Trạng thái chú ý.
- 1.2. Tâm thế lao động.
- 1.3. Sự căng thẳng trong lao động.
- 1.4. Sự đơn điệu trong lao động.

1.5. Sự mệt mỏi trong lao động.

2. Khả năng lao động

2.1. Khái niệm về khả năng lao động.

2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng lao động.

2.3. Diễn biến của khả năng lao động.

3. Xây dựng chế độ lao động và nghỉ ngơi

3.1. Khái niệm chế độ lao động.

3.2. Chế độ lao động.

3.3. Chế độ nghỉ ngơi.

4. Môi trường lao động

4.1. Môi trường tự nhiên.

4.2. Môi trường xã hội.

5. Vấn đề an toàn lao động

5.1. Các yếu tố tâm lý cá nhân đối với các trường hợp xảy ra các sự cố an toàn lao động.

5.2. Những đặc điểm tâm lý mang tính tạm thời, tình huống.

5.3. Biện pháp phòng ngừa các sự cố an toàn lao động.

Chương 3: Tuyển chọn và đào tạo nghề

1. Vấn đề chọn nghề và công tác hướng nghiệp

1.1. Khái niệm nghề nghiệp.

1.2. Ý nghĩa và nguyên tắc tuyển chọn.

1.3. Công tác hướng nghiệp.

1.3.1. Nội dung hướng nghiệp.

1.3.2. Công tác hướng nghiệp.

2. Vấn đề đào tạo nghề nghiệp

2.1. Khái niệm đào tạo nghề nghiệp.

2.2. Dạy nghề và chuyên môn hóa nghề.

3. Hình thành và phát triển các năng lực nghề nghiệp

3.1. Khái niệm năng lực nghề nghiệp.

3.2. Hình thành kỹ năng, kỹ xảo trong lao động.

Chương 4: Lao động trong điều kiện kỹ thuật mới

1. Hệ thống người, máy và môi trường.

1.1. Khái niệm hệ thống người - máy - môi trường.

1.2. Hoạt động điều khiển của con người trong hệ thống người, máy và môi trường.

1.3. Biểu hiện tâm lý của người điều khiển.

1.4. Tính ưu việt của con người.

1.5. Phân loại hoạt động của người điều khiển.

2. Tiêu chuẩn đánh giá người điều khiển.

2.1. Tiêu chuẩn

2.2. Chế độ.

3. Một số số liệu nhân trắc và bố trí nơi làm việc

3.1. Các số liệu nhân trắc

3.2. Vùng làm việc

3.3. Kích thước của thiết bị công nghiệp

3.4. Kích thước của không gian lao động

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo

9.1. Tài liệu chính:

1. Lê Thị Dung, 2009, *Tâm lý học lao động*, NXB lao động xã hội Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo:

1. Võ Hưng, Phạm Thị Bích Ngân, 2007, *Tâm lý học lao động*, NXB ĐHQG TPHCM..

2. Đào Thị Oanh, 2003, *Tâm lý học lao động*, NXB ĐHQG Hà Nội.

9.16. CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM/BASIC OF VIETNAMESE CULTURE

- Số tín chỉ: 02 (18, 24)

- Mã học phần: 121005

- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Xã hội học – Khoa xã hội, Trường Đại học Hồng Đức

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

- *Nội dung học phần:* Những tri thức liên quan đến văn hoá Việt Nam; phân vùng văn hóa Việt Nam; tiến trình văn hoá Việt Nam từ cội nguồn cho đến hiện đại; các thành tố của văn hóa Việt Nam; bản sắc văn hóa Việt Nam; các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc Việt Nam.

- *Năng lực đạt được:* Người học trình bày được những thành tố cơ bản của văn hóa; nhận diện, phân tích, đánh giá những hiện tượng văn hóa Việt Nam từ đó rút ra những đặc trưng truyền thống văn hóa dân tộc; vận dụng vào việc phân tích, giải thích các hiện tượng văn hóa trong đời sống hiện nay.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Về kiến thức

- Nắm được một số khái niệm về văn hoá và những kiến thức cơ bản làm nền cho việc tiếp nhận những tri thức liên quan đến văn hoá Việt Nam.
- Trình bày được những vấn đề mấu chốt liên quan đến tiến trình văn hoá Việt Nam từ cội nguồn cho đến hiện đại.

2.2. Về kỹ năng

- Xây dựng được những kiến thức chung nhất về văn hoá Việt Nam, những tiền đề cơ bản của văn hoá cũng như bản sắc văn hoá.
- Vận dụng được những vấn đề về lý thuyết và phương pháp luận để tiếp cận nghiên cứu văn hoá Việt Nam,

3. Nội dung học phần

Chương 1: VĂN HOÁ - NHỮNG KHÁI NIỆM CƠ BẢN (4LT:4TL)

1.1. Văn hoá học với tư cách là một chuyên ngành khoa học

- 1.1.1. Khoa học về văn hoá có nhiều ngành
- 1.1.2. Văn hoá học ra đời phân ra các ngành: Lịch sử văn hoá, Lý luận văn hoá, Địa lý văn hoá, Cơ sở văn hoá, Văn hoá ứng dụng và phát triển...
- 1.1.3. Những thuật ngữ thường dùng trong bộ môn văn hoá học

1.2. Văn hoá

- 1.2.1. Vấn đề thuật ngữ văn hoá
- 1.2.2. Con người - chủ thể sáng tạo văn hoá
- 1.2.3. Phân biệt văn hoá với văn minh, văn hiến, văn vật.
- 1.2.4. Văn hoá với biểu tượng

1.3. Cấu trúc, đặc trưng và chức năng cơ bản của văn hoá

- 1.3.1. Cấu trúc
- 1.3.2. Đặc trưng và chức năng của văn hoá

1.4 Định vị văn hoá Việt Nam

- 1.4.1. Không gian văn hoá Việt Nam
- 1.4.2. Thời gian văn hoá Việt Nam
- 1.4.3. Nguồn gốc dân tộc Việt - chủ thể văn hoá Việt Nam

Chương 2: TIẾN TRÌNH VĂN HOÁ VIỆT NAM (2LT:2TL)

2.1. Tiến trình văn hoá Việt Nam

- 2.1.1. Văn hoá Việt Nam thời tiền sử
- 2.1.2. Văn hoá Việt Nam thời sơ sử
- 2.1.3. Thời kỳ Bắc thuộc và chống Bắc thuộc
- 2.1.4. Thời kỳ phong kiến toa chủ (Đại Việt)
- 2.1.5. Văn hoá Việt Nam thời Pháp thuộc và chống Pháp thuộc
- 2.1.6. Văn hoá Việt Nam từ sau cách mạng tháng Tám 1945

2.2. Các đặc điểm của văn hóa Việt Nam khi giao lưu tiếp xúc với văn hóa nhân loại thời hiện đại?

Chương 3: CÁC VÙNG VĂN HOÁ VIỆT NAM (2LT:4TL)

3.1. Các vùng văn hóa Việt Nam

3.1.1. Vấn đề phân vùng văn hoá và khái niệm vùng văn hoá

3.1.2. Vấn đề phân vùng văn hoá ở Việt Nam

3.2. Khái niệm vùng văn hoá

3.2.1. Đặc trưng các vùng văn hoá Việt Nam

3.2.2. Vùng văn hoá Đồng bằng Bắc bộ

3.2.3. Vùng văn hoá Việt Bắc

3.3. Vùng văn hoá Tây Bắc và miền núi Bắc bộ

3.4. Vùng văn hoá duyên hải Bắc Trung bộ

3.5. Vùng văn hoá duyên hải Trung và Nam Trung bộ

3.6. Vùng văn hoá Trường Sơn - Tây Nguyên

3.7. Vùng văn hoá Nam bộ

Chương 4: VĂN HOÁ NHẬN THỨC

(2LT:2TL)

4.1. Văn hoá Việt Nam với Đông Nam Á

4.2. Triết lý âm dương

4.2.1. Nguyên lý âm dương

4.2.1. Sự thâm thấu của triết lý âm dương trong văn hoá Việt Nam

4.3. Tam tài - ngũ hành

4.4. Lịch âm dương và hệ đếm can chi

Chương 5: VĂN HOÁ TỔ CHỨC ĐỜI SỐNG

(2LT:2TL)

5.1. Tổ chức nông thôn

5.1.1. Các hình thức tổ chức nông thôn

5.1.2. Đặc điểm của làng Việt

5.2. Tổ chức quốc gia

5.2.1. Từ làng đến nước và việc quản lý xã hội

5.2.2. Bộ máy nhà nước phong kiến Việt Nam và luật nước

5.2.3. Các tầng lớp trong xã hội Việt Nam truyền thống

5.3. Tổ chức đô thị

5.3.1. Đô thị Việt Nam trong quan hệ với quốc gia

5.3.2. Đô thị Việt Nam trong quan hệ với nông thôn

5.3.3. Quy luật chung của tổ chức xã hội Việt Nam truyền thống

Chương 6: VĂN HOÁ TÍN NGƯỠNG TÔN GIÁO

(2LT:4TL)

6.1. Vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo

6.2. Tín ngưỡng

6.2.1. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên

6.2.2. Tín ngưỡng thờ thần

6.2.3. Tín ngưỡng thờ Mẫu hay nguyên lý mẹ của văn hoá Việt Nam

6.2.4. Tín ngưỡng phồn thực

6.3. Tôn giáo.

6.3.1. Phật giáo và văn hoá Việt Nam

6.3.2. Nho giáo và văn hoá Việt Nam

- 6.3.3. Đạo giáo và văn hoá Việt Nam
- 6.3.4. Thiên chúa giáo với văn hoá Việt Nam

6.4. Đặc trưng tín ngưỡng Việt Nam

Chương 7: VĂN HOÁ ẨM THỰC, VĂN HOÁ MẶC, Ở VÀ ĐI LẠI (2LT:2TL)

7.1. Văn hoá ẩm thực

- 7.1.1. Cơ cấu bữa ăn
- 7.1.2. Cách chế biến món ăn
- 7.1.3. Cách ăn
- 7.1.4. Uống, hút

7.2. Văn hoá mặc

- 7.2.1. Chất liệu may mặc
- 7.2.2. Trang phục qua các thời đại và đặc trưng trong cách mặc

7.3. Văn hoá ở và đi lại

- 7.3.1. Đặc điểm ngôi nhà Việt Nam
- 7.3.2. Đặc điểm điều kiện tự nhiên và tâm lý đi lại, phương tiện đi lại

Chương 8: VĂN HOÁ GIÁO TIẾP, NGHỆ THUẬT VÀ PHONG TỤC CỔ TRUYỀN (2LT:4TL)

8.1. Văn hoá giao tiếp

- 8.1.1. Cơ tầng văn hoá nông nghiệp bản địa và sự thâm thấu trong văn hoá giao tiếp
- 8.1.2. Đặc điểm, cách thức giao tiếp
- 8.1.3. Nghệ thuật ngôn từ

8.2. Văn hoá nghệ thuật

- 8.2.1. Nghệ thuật trình diễn
- 8.2.2. Nghệ thuật sân khấu
- 8.2.3. Nghệ thuật tạo hình
- 8.2.4. Nghệ thuật kiến trúc

8.3. Phong tục

- 8.3.1. Phong tục hôn nhân
- 8.3.2. Phong tục tang ma.
- 8.3.3. Phong tục lễ tết, lễ hội.

Chương 9 : TỔNG KẾT (2LT:2TL)

9.1. Các biểu tượng văn hoá Việt Nam

9.2. Bảo tồn và phát huy bản sắc dân tộc trong xu thế hội nhập và phát triển.

9.3. Vấn đề nguồn lực con người

4. Yêu cầu của môn học: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu dạy học:

9.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Trần Ngọc Thêm (1999), *Cơ sở văn hoá VN*, Nxb GD, HN.

9.1. Tài liệu tham khảo:

1. Trần Quốc Vượng (2002), *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, Nxb GD.
2. Đào Duy Anh (2000), *Việt Nam văn hoá sử cương*, NXBVH TT HN.
- 3 Phan Kế Bính (2017), *Việt Nam Phong Tục*, NXB Văn học..

9.17. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TRONG CNTY /RESEARCH METHODOLOGY IN ANIMAL SCIENCE 3TC (20, 30, 20)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Khoa học vật nuôi
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Học phần bao gồm các kiến thức về khái niệm NCKH, các bước chuẩn bị và tiến hành NCKH, và công bố sản phẩm của NCKH; Các loại hình NCKH và bố cục của một NCKH. Phân loại thiết kế thí nghiệm, một số khái niệm trong thiết kế thí nghiệm và các bước tiến hành thí nghiệm; Các kiểu bố trí thí nghiệm thường dùng trong chăn nuôi thú y và phương pháp phân tích kết quả thông qua tính toán một số tham số thống kê và các phương pháp ước lượng và kiểm định giả thiết thống kê.

Năng lực đạt được: Người học trình bày được khái niệm NCKH và bố cục của một NCKH, các bước tiến hành NCKH; xây dựng được đề cương nghiên cứu khoa học, Thiết kế được các mô hình thí nghiệm thuộc lĩnh vực chăn nuôi thú y; sử dụng thành thạo một số phần mềm xử lý số liệu để phân tích, đánh giá kết quả nghiên cứu và đưa ra kết luận khoa học từ kết quả đạt được.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Người học trình bày được:

- + Khái niệm NCKH và bố cục của một NCKH, các bước tiến hành NCKH
- + Các loại hình và các phương pháp nghiên cứu, thí nghiệm.
- + Các nguyên tắc cơ bản và phương pháp bố trí thí nghiệm trong chăn nuôi thú y.
- + Ý nghĩa của các tham số thống kê và cách tính

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Sau khi kết thúc học phần, người học có được các kỹ năng sau:

- + Thiết kế được các mô hình thí nghiệm thuộc lĩnh vực chăn nuôi thú y
- + Sử dụng thành thạo một số phần mềm xử lý số liệu để phân tích, đánh giá kết quả nghiên cứu
- + Đưa ra kết luận khoa học từ kết quả đạt được.

2.3. Mục tiêu về thái độ

- + Ý thức trách nhiệm của bản thân trong việc tham gia nghiên cứu khoa học, nghiên cứu thí nghiệm nhằm tìm ra những kiến thức mới phục vụ cho ngành chăn nuôi thú y, cho nhân loại.
- Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.

3. Nội dung chi tiết học phần

Phân lý thuyết:

Chương 1: Nghiên cứu khoa học và tài liệu khoa học (2 LT)

1.1. Nghiên cứu khoa học

1.1.1. Khái niệm

1.1.2. Các bước chuẩn bị cho nghiên cứu khoa học

1.1.3. Các bước tiến hành nghiên cứu khoa học

1.1.4. Công bố sản phẩm của nghiên cứu khoa học

1.2. Tài liệu khoa học

1.2.1. Sách khoa học

1.2.2. Tạp chí khoa học

1.2.3. Tài liệu khoa học khác

1.2.4. Cơ sở dữ liệu của tài liệu khoa học

Chương 2: Xây dựng đề cương và viết kết quả nghiên cứu khoa học (3LT,6TL)

2.1. Khái niệm đề cương và kết quả nghiên cứu khoa học

2.1.1. Đề cương nghiên cứu khoa học

2.1.2. Kết quả nghiên cứu khoa học

2.2. Văn phong khoa học

2.2.1. Ba cần

2.2.2. Ba không

2.2.3. Ba chú ý

2.3. Bố cục của đề cương và kết quả nghiên cứu khoa học

2.3.1. Tên đề tài

2.3.2. Đặt vấn đề

2.3.3. Tổng quan tài liệu

2.3.4. Vật liệu, nội dung và phương pháp nghiên cứu

2.3.5. Kết quả và thảo luận

2.3.6. Kết luận

2.3.7. Tài liệu tham khảo

Chương 3: Một số khái niệm và tham số thống kê (3 LT, 5 BT)

3.1. Một số khái niệm

- 3.1.1. Tổng thể
- 3.1.2. Mẫu
- 3.1.3. Tính trạng
- 3.3.4. Tần số và tần suất
- 3.1.5. Biến ngẫu nhiên liên tục
- 3.1.6. Biến ngẫu nhiên rời rạc
- 3.1.7. Bảng phân bố tần số
- 3.2. Một số tham số thống kê thông dụng
- 3.2.1. Đối với các tính trạng định lượng
 - Số trung bình
 - Phương sai
 - Độ lệch chuẩn
 - Hệ số biến động
 - Sai số của số trung bình
- 3.2.2. Đối với các tính trạng định tính
 - Số trung bình (tỷ lệ trung bình)
 - Độ lệch chuẩn
 - Sai số của số trung bình

Chương 4. Ước lượng và kiểm định giả thiết (3 LT, 7 BT)

4.1. Giả thiết và đối thiết

4.2. Ước lượng giá trị trung bình μ của biến phân phối chuẩn N

4.2.1. Ước lượng μ khi biết phương sai

4.2.2. Ước lượng μ khi không biết phương sai

4.3. Kiểm định giá trị trung bình của biến phân phối chuẩn

4.3.1. Kiểm định giả thiết khi biết phương sai

4.3.2. Kiểm định giả thiết khi không biết phương sai

4.4. Kiểm định hai giá trị trung bình của hai biến phân phối chuẩn

4.4.1. Lấy mẫu độc lập

4.4.2. Lấy mẫu theo cặp

4.5. Ước lượng và kiểm định xác suất

4.5.1. Ước lượng xác suất P

4.5.2. Kiểm định giả thiết $H_0: P = P_0$

4.5.3. Kiểm định giả thiết $H_0: P_2 = P_1$

4.6. Phân tích phương sai

Chương 5. Một số khái niệm về thiết kế thí nghiệm (5 LT, 3TL)

5.1. Một số khái niệm trong thiết kế thí nghiệm

5.1.1. Yếu tố thí nghiệm

5.1.2. Mức

5.1.3. Công thức thí nghiệm

5.1.4. Đơn vị thí nghiệm

5.1.5. Dữ liệu

- 5.1.6. Khởi
- 5.1.7. Lặp lại
- 5.1.8. Nhắc lại
- 5.1.9. Nhóm đối chứng
- 5.2. Các bước tiến hành thí nghiệm
- 5.3. Sai số thí nghiệm
- 5.4. Các bước tiến hành thí nghiệm
- 5.5. Bố trí thí nghiệm vào các công thức thí nghiệm
- 5.6. Phương pháp làm mù
- 5.7. Dung lượng mẫu cần thiết

Chương 6. Thiết kế thí nghiệm một yếu tố và hai yếu tố (4 LT, 9 BT)

- 6.1 Thiết kế thí nghiệm một yếu tố
 - 6.1.1. Thí nghiệm hoàn toàn ngẫu nhiên
 - 6.1.2. Thí nghiệm khối ngẫu nhiên đầy đủ
 - 6.1.3. Thí nghiệm khối ngẫu nhiên với nhiều đơn vị thí nghiệm trong một công thức thí nghiệm và khối
 - 6.1.4. Thí nghiệm ô vuông Latinh
- 6.2. Thiết kế thí nghiệm hai yếu tố
 - 6.2.1. Thí nghiệm hai yếu tố chéo nhau
 - 6.2.2. Thí nghiệm hai yếu tố phân cấp
 - 6.2.3. Thí nghiệm hai yếu tố chia ô
 - 6.2.4. Thí nghiệm hai yếu tố chia ô hoàn toàn ngẫu nhiên

Phần thực hành (20 tiết):

Bài 1: Hướng dẫn sử dụng phần mềm trích dẫn tài liệu tham khảo ENDNOTE (10 tiết)

Bài 2: Tính một số tham số thống kê và phân tích kết quả thí nghiệm bằng phần mềm thống kê (10 tiết)

4. Yêu cầu của môn học:

- Sinh viên đạt tối thiểu 80% giờ lý thuyết, tham gia đầy đủ các buổi thảo luận, bài tập và thực hành môn học.
- Sinh viên cần làm các bài thu hoạch phân tự nghiên cứu một cách đầy đủ, các bài thảo luận theo yêu cầu của giáo viên, hoàn thành các bài viết chuyên đề.

5. Phương pháp giảng dạy:

Thuyết trình

Thảo luận, Bài tập

Thực hành

6. Kế hoạch tư vấn: Dự kiến của GV

Trong buổi học đầu tiên, giảng viên nêu rõ nội dung, mục tiêu, chuẩn đầu ra của học phần, yêu cầu khác của học phần và định hướng những nhiệm vụ sinh viên

cần làm cho phần thảo luận, tự học. Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan. Cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

- Phòng học có máy chiếu
- Dụng cụ thực hành trong phòng thí nghiệm đầy đủ
- Thư viện đáp ứng đầy đủ các học liệu bắt buộc và học liệu tham khảo cho sinh viên.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.
- Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính

1. Đặng Vũ Bình (2017), *Giáo trình viết tài liệu khoa học*, NXB Đại học Nông Nghiệp.
2. Đỗ Đức Lực, Nguyễn Đình Hiền, Hà Xuân Bộ, (2017), *Giáo trình thiết kế thí nghiệm* NXB Đại học Nông Nghiệp.

9.2. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Văn Thiện, 1997. *Phương pháp nghiên cứu trong chăn nuôi*. NXB Nông nghiệp.

9.18. HÓA SINH HỌC/BIOCHEMISTRY

3TC (20,30,20)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Khoa học cây trồng
- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần:

- *Nội dung học phần*: Cấu tạo, tính chất và chức năng sinh học của protein; Vitamin; Enzyme; Hormon; Đại cương về trao đổi chất và trao đổi năng lượng; Glucid và sự trao đổi glucid; Lipit và sự trao đổi lipit; Axit nucleic và sự trao đổi axit nucleic; Sự trao đổi acid amin và protein.

- *Năng lực đạt được*: Sinh viên hiểu được cấu tạo hóa học, tính chất và chức năng của các chất cấu tạo nên cơ thể sinh vật. Sinh viên thực hiện được các bước thao tác kỹ thuật trong thí nghiệm định tính các chất cấu tạo nên cơ thể sinh vật. Sử dụng được một số máy móc thiết bị phòng thí nghiệm để phân tích hàm lượng đạm và lipid trong mô động, thực vật.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Hiểu và trình bày đầy đủ, chính xác các nội dung về:

- Định nghĩa, chức năng sinh học của protein; cấu tạo và tính chất của acid amin và protein trong cơ thể sinh vật.
- Bản chất hóa học, chức năng sinh học và nguồn cung cấp một số vitamin (vitamin B1, B2, B6, B12, C, A, D, E, K).
- Bản chất hóa học, tính đặc hiệu, cơ chế xúc tác, cách phân loại của enzyme và các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt tính xúc tác của enzyme.
- Cấu tạo hóa học, chức năng sinh học, phân loại và cơ chế tác động của hormon.
- Đặc tính chung của quá trình trao đổi chất và trao đổi năng lượng trong cơ thể sống. Vai trò của các hợp chất cao năng trong trao đổi chất ở sinh vật; Cơ chế tạo năng lượng trong cơ thể sinh vật.
- Đặc điểm cấu tạo, tính chất, chức năng sinh học và các quá trình chuyển hóa của glucid, lipid, acid nucleic trong cơ thể sinh vật.
- Quá trình phân giải và sinh tổng hợp acid amin và protein trong cơ thể sinh vật.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Thực hiện được các thao tác kỹ thuật của một quy trình thí nghiệm hóa sinh
- Quan sát và thực hiện được phản ứng khảo sát sự biến tính của protein
- Xác định được hàm lượng protein bằng phương pháp kjeldahl
- Thực hiện được các bước tiến hành phản ứng định tính glucid, lipid và định lượng lipid bằng máy solex.

2.3. Mục tiêu về thái độ

- Người học nhận thức được vai trò quan trọng của học phần Hóa sinh đại cương trong chương trình đào tạo kỹ sư Nông, Lâm, Ngư nghiệp để có thái độ học tập nghiêm túc, có trách nhiệm.
- Chuẩn bị đầy đủ các nội dung theo yêu cầu của giáo viên trước khi lên lớp theo lịch trình (thảo luận, bài viết chuyên đề,...)
- Tích cực tham gia các bài thảo luận nhóm, viết bài thu hoạch tự học đầy đủ, có chất lượng.

3. Nội dung chi tiết học phần (Liệt kê theo chương mục)

A. Phần lý thuyết:

CHƯƠNG I. CẤU TẠO, TÍNH CHẤT VÀ CHỨC NĂNG CỦA PROTEIN (3LT,3TH)

1.1. Khái niệm và chức năng sinh học của protein

1.1.1. Khái niệm

1.1.2. Chức năng sinh học

1.1.2.1. Chức năng xúc tác

1.1.2.2. Chức năng vận chuyển

1.1.2.3. Chức năng điều hoà

1.1.2.4. Chức năng bảo vệ

1.1.2.5. Chức năng chuyển động

1.1.2.6. Chức năng truyền xung thần kinh

1.1.2.7. Chức năng kiến tạo và chống đỡ cơ học

1.1.2.8. Chức năng dự trữ dinh dưỡng

1.2. Cấu tạo protein

1.2.1. Thành phần nguyên tố của protein

1.2.2. Acid amin - đơn vị cấu tạo cơ sở của protein

1.2.2.1. Định nghĩa

1.2.2.2. Phân loại acid amin

1.2.2.3. Các tính chất của acid amin

1.2.3. Cấu tạo phân tử protein

1.2.3.1. Peptit và thuyết polypeptit

1.2.3.2. Các bậc cấu trúc của protein

1.3. Một số tính chất quan trọng của phân tử protein

1.3.1. Khối lượng và hình dạng phân tử protein

1.3.2. Tính chất lưỡng tính của acid amin và protein

1.3.3. Tính chất dung dịch keo, sự kết tủa protein

1.3.4. Sự biến tính của protein

1.3.5. Tính hấp phụ trên bề mặt phân tử protein

1.4. Phân loại protein

1.4.1. Phân loại theo hình dạng

1.4.2. Phân loại theo thành phần hoá học

Chương 2. VITAMIN

(LT: 1; TL: 2; TH:)

2.1. Giới thiệu chung về Vitamin

2.2. Phân loại

2.2.1. Các vitamin hoà tan trong nước

2.2.1.1. Vitamin B1 (Thiamine)

2.2.1.2. Vitamin B2 (Riboflavin)

2.2.1.3. Vitamin B3 (pantothenic axit)

2.2.1.4. Vitamin B5 hay vitamin PP (nicotinic axit, niacin)

2.2.1.6. Vitamin B6 (pyridoxine)

2.2.1.7. Vitamin B12 (Cyanocobalamin)

2.2.1.8. Vitamin C (ascorbic axit)

2.2.1.9. Vitamin H (Biotin)

2.2.2. Vitamin hoà tan trong chất béo

2.2.2.1. Vitamin A (Retinol)

2.2.2.2. Vitamin D (Calciferol)

2.2.2.3. Vitamin E (Tocopherol)

2.2.2.4. Vitamin K (Phylloquinone)

2.2.2.5. Vitamin Q (Ubiquinol)

Chương 3. ENZYM

(LT: 2; TL: 2t; TH: 1)

3.1. Giới thiệu chung

3.2. Enzym là chất xúc tác sinh học có bản chất protein

- 3.2.1. Khái niệm về sự xúc tác nói chung
- 3.2.2. Bản chất của enzym
- 3.2.3. Trung tâm hoạt động (TTHĐ) của enzym
- 3.2.4. Trung tâm điều hòa

3.3. Tính đặc hiệu của enzym

- 3.3.1. Đặc hiệu kiểu phản ứng
- 3.3.2. Đặc hiệu cơ chất

3.4. Cơ chế tác dụng của enzym

3.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt độ xúc tác của enzym

- 3.5.1. Ảnh hưởng của nồng độ E
- 3.5.2. Ảnh hưởng của nồng độ cơ chất
- 3.5.3. Ảnh hưởng của nhiệt độ
- 3.5.4. Ảnh hưởng của pH
- 3.5.5. Ảnh hưởng của chất kìm hãm (inhibitor)
- 3.5.6. Ảnh hưởng của chất hoạt hóa (activator)
- 3.5.7. Các yếu tố khác

3.6. Cách gọi tên và phân loại enzym

- 3.6.1. Cách gọi tên enzym
- 3.6.2. Phân loại enzym

Chương 4. HORMONE

(LT: 1; TL: 1; TH: 0)

4.1. Đại cương về hormone

4.2. Hormone động vật

- 4.2.1. Phân loại hormon động vật
- 4.2.2. Cơ chế tác dụng của hormon động vật

4.3. Hormone thực vật (phytohormone)

- 4.3.1. Auxin
- 4.3.2. Gibberellin
- 4.3.3. Cytokinin
- 4.3.4. Axit Abscicic
- 4.3.5. Ethylene (C₂H₄)

Chương 5. ĐẠI CƯƠNG VỀ TRAO ĐỔI CHẤT VÀ TRAO ĐỔI NĂNG LƯỢNG

(LT: 1; TH: 2)

5.1. Sự trao đổi chất

5.2. Sự trao đổi năng lượng

- 5.2.1. Năng lượng sinh học
- 5.2.2. Liên kết cao năng và vai trò của ATP

- 5.2.3. Quá trình hô hấp
- 5.2.4. Quan niệm hiện đại về quá trình oxy hóa khử sinh học
- 5.2.5. Chuỗi hô hấp
- 5.2.6. Phosphoryl hóa (quá trình tích lũy năng lượng)

Chương 6. GLUXIT VÀ SỰ TRAO ĐỔI GLUXIT (LT: 2; TL: 4; TH: 3)

6.1. Giới thiệu về Gluxit

6.2. Monosaccarit

- 6.2.1. Định nghĩa
- 6.2.2. Đồng phân quang học của monosaccarit
- 6.2.3. Cấu trúc vòng của monosaccarit
- 6.2.4. Một số monosaccarit phổ biến
- 6.2.5. Một số tính chất của monosaccarit

6.2.5.1. Lý tính

6.2.5.2. Hoá tính

6.3. Oligosaccarit và polysaccarit

6.3.1. Disaccarit

6.3.1.1. Saccarose

6.3.1.2. Lactose

6.3.1.3. Mantose (đường mạch nha)

6.3.1.4. Xenlobiose

6.3.2. Trisaccarit

6.3.3. Polysaccarit

6.3.3.1. Tinh bột

6.3.3.2. Glycogen

6.3.3.3. Cennulose

6.3.3.4. Hemixenlulose

6.3.3.5. Pectin

6.3.3.6. Acid hyaluronic

6.3.3.7. Chondroitin

6.4. Sự phân giải gluxit

6.4.1. Sự phân giải polysaccharide và disaccharide

6.4.2. Sự oxy hóa monosaccarit

6.4.2.1. Quá trình đường phân, lên men rượu và lên men lactic

6.4.2.2. Phân giải hiếu khí monosaccarit (Chu trình Krebs)

6.4.2.3. Chu trình pentosephosphate- oxy hoá trực tiếp glucose

6.4. Sự tổng hợp gluxit

6.4.1. Tổng hợp gluxit đơn giản (quá trình quang hợp)

6.4.1.1. Pha sáng của quang hợp và sự photphoril hóa quang hợp

6.4.1.2. Pha tối của quang hợp - Sự đồng hóa CO₂ trong quang hợp

6.4.2. Tổng hợp disaccarit và polisaccarit

6.4.2.1. Tổng hợp disaccarit

6.4.2.2. Tổng hợp polisaccarit

Chương 7. LIPIT VÀ SỰ TRAO ĐỔI LIPIT

(LT: 2; TL: 3; TH: 2)

7.1. Giới thiệu chung về lipit

7.2. Triaxilglixerol và sự chuyển hóa của chúng

7.2.1. Cấu tạo và tính chất của Triaxilglixerol

7.2.1.1. Các axit béo

7.2.1.2. Các tính chất của triaxilglixerol

7.2.2. Phân giải triaxilglixerin

7.2.2.1. Phản ứng thủy phân triglycerid

7.2.2.2. Phân giải glycerine

7.2.2.3. Phân giải axit béo

7.2.3. Sinh tổng hợp triaxilglixerin

7.2.3.1. Tổng hợp glycerophosphat

7.2.3.2. Tổng hợp acid béo theo vòng xoắn lypen - wakil

7.3. Phospholipit

7.3.1. Cấu tạo Phospholipit

7.3.2. Phân giải phospholipit

7.3.3. Sinh tổng hợp phospholipit

7.3.3.1. Sinh tổng hợp phosphatidil - choline

7.3.3.2. Sinh tổng hợp phosphatidil - ethanolamin

7.3.3.3. Sinh tổng hợp Phosphatidil - serine

7.3.3.4. Sinh tổng hợp Phosphatidil - inositol

Chương 8. AXIT NUCLEIC VÀ TRAO ĐỔI AXIT NUCLEIC (LT: 1; TL: 3)

8.1. Thành phần hóa học của axit nucleic

8.1.1. Các bazơ nitơ

8.1.2. Đường pentose

8.1.3. Nucleoside

8.1.4. Nucleotide

8.1.5. Một số nucleotide quan trọng không tham gia cấu tạo axit nucleic

8.2. Cấu trúc của các axit nucleic

8.2.1. Cấu trúc của ADN

8.2.2. ARN (Axit ribonucleic)

8.3. Sinh tổng hợp axit nucleic

8.3.1. Sinh tổng hợp nucleotide dạng purin

8.3.2. Sinh tổng hợp các nucleotide kiểu pyrimidin

8.3.3. Sinh tổng hợp các nucleotide thymidin

8.3.4. Sinh tổng hợp các deoxyribonucleotide

8.3.5. Sinh tổng hợp ADN (sự tái bản ADN)

- 8.3.5.1. Giai đoạn mở đầu
- 8.3.5.2. Giai đoạn kéo dài
- 8.3.5.3. Giai đoạn kết thúc
- 8.3.6. Sinh tổng hợp ARN (sự phiên mã-Transcription)

8.4. Phân giải các axit nucleic

Chương 9. SỰ TRAO ĐỔI ACID AMIN VÀ PROTEIN (LT: 2 tiết; TL: 3)

9.1. Sự phân giải protein và amino acid

- 9.1.1. Phân giải protein
- 9.1.2. Phân giải amino acid
 - 9.1.2.1. Khử amin
 - 9.1.2.2. Khử carboxyl
 - 9.1.2.3. Chuyển amine
 - 9.1.2.4. Sự biến đổi các sản phẩm của quá trình phân giải amino acid

9.2. Sinh tổng hợp axit amin

- 9.2.1. Quá trình khử nitrat (NO_3^-)
- 9.2.2. Sự cố định nitơ phân tử
- 9.2.3. Sinh tổng hợp amino acid

9.3. Sinh tổng hợp protein

- 9.3.1. Các thành phần tham gia tổng hợp protein
- 9.3.2. Tổng hợp chuỗi polypeptit tại ribosome

B. Phần thực hành

Bài 1: Định tính một số chất cấu tạo cơ thể sinh vật

Bài 2: Định lượng protein, glucit và lipid

4. Yêu cầu của môn học:

- Sinh viên đạt tối thiểu 80% giờ lý thuyết, tham gia đầy đủ các buổi thảo luận, bài tập và thực hành môn học.
- Sinh viên cần làm các bài thu hoạch phân tự nghiên cứu một cách đầy đủ, các bài thảo luận theo yêu cầu của giáo viên, hoàn thành các bài viết chuyên đề.

5. Phương pháp giảng dạy:

Thuyết trình

Thảo luận,

Thực hành

6. Kế hoạch tư vấn: Dự kiến của GV

Trong buổi học đầu tiên, giảng viên nêu rõ nội dung, mục tiêu, chuẩn đầu ra của học phần, yêu cầu khác của học phần và định hướng những nhiệm vụ sinh viên cần làm cho phần thảo luận, tự học. Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan.

Cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

- Phòng học có máy chiếu
- Dụng cụ thực hành trong phòng thí nghiệm đầy đủ
- Thư viện đáp ứng đầy đủ các học liệu bắt buộc và học liệu tham khảo cho sinh viên.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính

1. Phạm Thị Trân Châu - Trần Thị Áng, 2008, *Hoá sinh học*, Nhà xuất bản Giáo dục.

9.2. Tài liệu tham khảo

1. Ngô Xuân Mạnh, Vũ Kim Bảng, Nguyễn Đặng Hùng, Vũ Kim Thu, 2006, *Hoá sinh thực vật*, Nhà xuất bản Nông nghiệp Hà Nội
2. Nguyễn Văn Kiệm, Nguyễn Văn Kinh, 2005 *Hóa sinh động vật*, Nhà xuất bản Nông nghiệp Hà Nội.

9.19. VI SINH VẬT HỌC/MICROBIOLOGY

02TC (15-20-10)

- Điều kiện tiên quyết: Không
- Bộ môn phụ trách học phần: Khoa học cây trồng.

1. Mô tả học phần:

- Nội dung học phần gồm: Học phần cung cấp Khái niệm cơ bản về vi sinh vật, vai trò của vi sinh vật trong tự nhiên và trong Dinh dưỡng vi sinh vật; Trao đổi chất và trao đổi năng lượng học vi sinh vật; Di truyền vi sinh vật; Sự phân bố vi sinh vật trong tự nhiên và ảnh hưởng điều kiện ngoại cảnh đến vi sinh vật.

- Năng lực đạt được: Người học nhận thức được đúng vai trò và tầm quan trọng của vi sinh vật trong đời sống và trong nông nghiệp để góp phần xây dựng nền nông nghiệp an toàn bền vững; có khả năng quan sát và phân loại một số nhóm vi sinh vật.

2. Mục tiêu của học phần.

2.1. Về kiến thức:

- Trình bày được chính xác những đặc điểm cơ bản của vi sinh vật.
- Trình bày được vai trò của vi sinh vật trong hoạt động sống của con người và trong sản xuất nông nghiệp.
- Mô tả được hình thái và cấu tạo tế bào các vi sinh vật tiền nhân, nhân thật và virus.
- Trình bày được kiến thức cơ bản về dinh dưỡng vi sinh vật; giải thích được quá trình trao đổi chất và trao đổi năng lượng ở vi sinh vật; sinh trưởng và phát triển của vi sinh vật; di truyền vi sinh vật.

- Trình bày được ảnh hưởng của điều kiện ngoại cảnh đến vi sinh vật và sự phân bố của chúng trong tự nhiên.

2.2 Về kỹ năng:

- Thực hiện đúng các phương pháp làm tiêu bản vi sinh vật.
- Phân biệt được sự khác nhau giữa hai nhóm vi khuẩn gram âm và gram dương.
- Thực hiện thành thạo các bước pha chế môi trường nuôi cấy vi sinh vật.
- Thao tác thành thạo phương pháp phân lập vi sinh vật đất.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. MỞ ĐẦU

(3 tiết: 1 LT; 2 TL)

1.1. Sơ lược lịch sử phát triển của vi sinh vật

1.2. Đặc điểm chung của vi sinh vật

1.2.1. Kích thước

1.2.2. Hấp thu và chuyển hóa

1.2.3. Sinh trưởng và phát triển

1.2.4. Sự thích ứng và biến dị di truyền

1.2.5. Chúng loại và phân bố

1.3. Vị trí của vi sinh vật trong sinh giới

1.4. Đặc điểm của sinh vật tiền nhân và nhân thật

1.5. Vai trò của vi sinh vật trong tự nhiên và thực tiễn

CHƯƠNG 2. HÌNH THÁI VÀ CẤU TẠO CÁC VI SINH VẬT TIỀN NHÂN

(PROKARYOTES)

(6 tiết: 2 LT; 1 TL; 3 TH)

2.1. Vi khuẩn.

2.1.1. Hình thái, kích thước và nhuộm màu

2.1.2. Cấu tạo

2.1.2.1 Thành tế bào

2.1.2.2 Màng nguyên sinh chất

2.2.1.3. Tế bào chất

2.2.1.4. Thể nhân

2.2.1.5. Bao nhầy

2.2.1.6. Tiêm mao và khuẩn mao

2.2.1.7. Bào tử

2.2. Xạ khuẩn

2.2.1. Vị trí của xạ khuẩn trong giới vi sinh vật

2.2.2. Đặc điểm của xạ khuẩn

2.2.3. Vai trò xạ khuẩn

2.2.4. Khuẩn ty xạ khuẩn

2.2.5. Cấu tạo tế bào

2.2.6. Bào tử

2.3. Vi khuẩn lam

2.4. Nhóm vi khuẩn nguyên thủy

2.4.1. Mycoplasma

2.4.2. Ricketxia

2.4.3. Clamidia

**CHƯƠNG 3. HÌNH THÁI VÀ CẤU TẠO TẾ BÀO CÁC VI SINH VẬT
NHÂN THẬT (EUKARYOTES) (6 tiết: 2 LT; 2 TL; 2 TH)**

3.1. Đặc điểm chung của vi nấm

3.2. Nấm men

3.2.1. Hình thái và cấu trúc của tế bào nấm men

3.2.2. Sinh sản

3.2.3. Vai trò của nấm men

3.3. Nấm sợi

3.3.1. Hình thái và cấu trúc của sợi nấm

3.3.2. Sinh sản

3.3.3. Vai trò của nấm sợi

CHƯƠNG 4. VIRUS (3 tiết: 1 LT; 2 TL)

4.1. Lịch sử nghiên cứu virus

4.2. Tính chất virus

4.3. Kích thước, hình thái và cấu trúc

4.3.1. Kích thước

4.3.2. Hình thái

4.3.3. Cấu trúc của virus

4.4. Sinh sản của virus

4.4.1. Giai đoạn hấp phụ của virus lên bề mặt tế bào

4.4.2. Giai đoạn xâm nhập vào tế bào

4.4.3. Giai đoạn tổng hợp các thành phần của virus

4.4.4. Giai đoạn lắp ráp các thành phần của virus

4.4.5. Giai đoạn giải phóng các hạt virus ra khỏi tế bào

CHƯƠNG 5. DINH DƯỠNG VI SINH VẬT (9 tiết: 2 LT; 2 TL; 5 TH)

5.1. Thành phần tế bào và dinh dưỡng của vi sinh vật

5.1.1. Nước và muối khoáng

5.1.2. Chất hữu cơ

5.2. Nguồn thức ăn các bon của vi sinh vật

5.3. Nguồn thức ăn Ni tơ của vi sinh vật

5.4. Nguồn thức ăn khoáng của vi sinh vật

5.5. Nhu cầu về chất sinh trưởng của vi sinh vật

5.6. Cơ chế vận chuyển các chất dinh dưỡng vào tế bào vi sinh vật

**CHƯƠNG 6. TRAO ĐỔI CHẤT VÀ TRAO ĐỔI NĂNG LƯỢNG Ở VI SINH
VẬT (8 tiết: 4 LT; 4 TL)**

6.1. Trao đổi năng lượng

6.1.1. Khái niệm chung

6.1.2. Cơ chế tóm tắt

6.2. Trao đổi chất

- 6.2.1. Khái niệm chung
- 6.2.1. Các quá trình lên men
- 6.2.1.1 Lên men etylic
- 6.2.1.2 Lên men lactic
- 6.2.1.3. Lên men propionic
- 6.4.1.4. Lên men Fomic

6.3. Phân giải các hợp chất không có Nito

- 6.3.1. Phân giải xenlulo
- 6.3.2. Sự phân giải xilan
- 6.3.3. Sự phân giải pectin
- 6.3.4. Sự phân giải ligin
- 6.3.5. Sự phân giải tinh bột

6.4. Quá trình phân giải các hợp chất chứa nito

- 6.4.1. Vòng tuần hoàn nito trong tự nhiên
- 6.4.2. Quá trình amon hóa
- 6.4.3. Quá trình nitrat hóa
- 6.4.4. Quá trình phản nitrat hóa
- 6.4.6. Quá trình cố định N₂

CHƯƠNG 7. SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN Ở VI SINH VẬT

(4 tiết: 1 LT; 3 TL)

7.1. Mẫ lý thuyết về sinh trưởng và phát triển của vi khuẩn

7.2. Sinh trưởng và phát triển của vi khuẩn trong điều kiện nuôi cấy tĩnh.

- 7.2.1. Pha Lag
- 7.2.2. Pha Log
- 7.2.3. Pha ổn định
- 7.2.4. Pha tử vong

7.3. Sinh trưởng của vi khuẩn trong điều kiện nuôi cấy liên tục

7.4. Các phương pháp xác định sinh trưởng và phát triển của vi khuẩn

- 7.4.1. Các phương pháp xác định số lượng tế bào
- 7.4.2. Các phương pháp xác định sinh khối tế bào

CHƯƠNG 8. DI TRUYỀN VI SINH VẬT

(3 tiết: 1 LT; 2 TL)

8.1. Di truyền ở vi sinh vật

- 8.1.1. Những đặc điểm trong di truyền VSV
- 8.1.2. Nhân tố di truyền ở VSV
- 8.1.3. Sơ lược về sự trao đổi di truyền ở VSV
- 8.1.3.1. Biến nạp
- 8.1.3.2. Tải nạp
- 8.1.3.3. Tiếp hợp

8.2. Biến dị vi sinh vật

- 8.2.1. Các loại biến dị
- 8.2.2. Những biểu hiện của sự đột biến ở vi khuẩn

8.2.3. Nguồn gốc của thể đột biến, thể đột biến tự phát và thể đột biến cảm ứng

8.3. Ứng dụng của di truyền học vi khuẩn

CHƯƠNG 9. ẢNH HƯỞNG ĐIỀU KIỆN NGOẠI CẢNH ĐẾN VI SINH VẬT VÀ SỰ PHÂN BỐ CỦA VI SINH VẬT TRONG TỰ NHIÊN (1 LT; 2 TL)

9.1. Ảnh hưởng của điều kiện ngoại cảnh đến vi sinh vật

9.1.1. Ảnh hưởng của yếu tố vật lý đến vi sinh vật

9.1.2. Ảnh hưởng của yếu tố hóa học đến vi sinh vật

9.1.3. Ảnh hưởng của yếu tố sinh học đến vi sinh vật

9.2. Sự phân bố vi sinh vật trong tự nhiên

9.2.1. Sự phân bố của vi sinh vật trong đất

9.2.2. Sự phân bố của vi sinh vật trong nước

9.2.3. Sự phân bố của vi sinh vật trong không khí

THỰC HÀNH

Bài 1. Thực hiện kỹ thuật làm tiêu bản vi sinh vật. 5 tiết

Bài 2. Pha chế môi trường phân lập và nuôi cấy vi sinh vật 5 tiết

4. Yêu cầu của học phần

- Sinh viên có đủ tài liệu và đề cương học phần để học tập, nghiên cứu.
- Trong quá trình học tập phải tích cực, chủ động nghiên cứu bài học, thảo luận và thực hành để hiểu, trình bày được cơ sở khoa học, thao tác kỹ thuật.
- Đảm bảo tham gia ít nhất 80% số tiết lý thuyết, thảo luận và 100% tiết thực hành.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình giảng dạy, giáo viên có trách nhiệm hướng dẫn người học tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của người học.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%

Thang điểm: 10

9. Tài liệu dạy học

* *Học liệu bắt buộc*

1. Nguyễn Như Thanh, 2004. *Giáo trình Vi sinh vật đại cương*. NXB Nông nghiệp.

* *Học liệu tham khảo*

1. Nguyễn Lâm Dũng, Nguyễn Đình Quyến, Phạm Văn Ty (1998) *Vi sinh vật học đại cương*. NXB ĐHTH-CN

2. Nguyễn Xuân Thành, Dương Đức Tiến (2004), *Vi sinh vật học nông nghiệp*. NXB ĐHSP

IV. GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Giáo dục thể chất/Physical education

4TC

GIÁO DỤC THỂ CHẤT 1

2TC (10;0;40)

- Mã số học phần:

- Số tín chỉ: 2 (10; 0; 40)

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung học phần: Học phần gồm giáo dục thể chất trong trường đại học; lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và tổ chức tập luyện thi đấu, hoạt động ngoại khóa môn bóng chuyền, Thể dục Aerobic, Bóng đá, Bóng rổ, Vovinam - Việt võ đạo, chạy cự ly ngắn và nhảy xa ưỡn thân; bài tập thể dục tay không 9 động tác.

- Năng lực đạt được: Sinh viên thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của bài tập thể dục tay không 9 động tác, chạy cự ly ngắn và môn nhảy xa ưỡn thân; tự rèn luyện nâng cao thể chất; có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài của các môn chạy cự ly ngắn và môn nhảy xa ưỡn thân ở các giải phong trào.....

Tài liệu bắt buộc

1. Đông Văn Triệu, Lê Anh Thơ (2000), Lý luận và phương pháp giảng dạy giáo dục thể chất trong trường học. Nxb TĐTT, Hà Nội

2. Nguyễn Xuân Sinh (2009), Thể dục, Nxb TĐTT, Hà Nội.

3. Nguyễn Đại Dương (2006), Giáo trình Điền Kinh, Nxb TĐTT.

4. Nguyễn Việt Minh, Hồ Đắc Sơn (2007), Giáo trình Bóng chuyền, Nxb ĐHSP, Hà Nội.

5. Đinh Khánh Thu (2014), Giáo trình Thể dục Aerobic, Nxb TĐTT

6. PGS.TS.Trần Đức Dũng (2007), Giáo trình Bóng Đá, Nxb Thể dục thể thao, Hà Nội

7. Nguyễn Văn Trung; Nguyễn Quốc Quân; Phạm Văn Thảo (2002), Giáo trình bóng rổ, NXB TĐTT, Hà Nội.

8. Lê Quốc Ân, Võ sư Nguyễn Văn Chiếu và các cộng sự (2008) Giáo trình huấn luyện Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)” tập 1, NXB TĐTT.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (1998), Chạy cự ly ngắn, Nxb Giáo dục.

2. Trường Đại học TĐTT TWI (2000), Giáo trình Điền kinh, Nxb TĐTT.

3. Ủy ban TĐTT (2003), Luật Điền Kinh, Nxb TĐTT.

HỌC PHẦN TỰ CHỌN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT 2 2TC (0;0;60)

- Mã số học phần:

- Số tín chỉ: 2 (0; 0; 30)

- Điều kiện tiên quyết: Không

Chọn 1 trong 5 học phần:

Chọn 1 trong 5 nội dung: Bóng chuyền, Thể dục Aerobic; Bóng đá; Bóng rổ; Vovinam - Việt võ đạo

a) Bóng chuyền

- Điều kiện tiên quyết: GDTC1

- Nội dung học phần: Các kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền (Tur thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay trước mặt, phát bóng cao tay và thấp tay trước mặt)

Năng lực đạt được: Sinh viên thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền (Tur thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay trước mặt, phát bóng cao tay trước mặt); có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài môn bóng chuyền ở các giải phong trào.

Tài liệu bắt buộc

1. Nguyễn Việt Minh, Hồ Đắc Sơn (2007), Giáo trình Bóng chuyền, Nxb ĐHSP, Hà Nội.

2. Đinh Văn Lãm, Phạm Thế Vượng, Đàm Chính Thống (2006), Giáo trình Bóng chuyền, Nxb TĐTT, Hà Nội.

2. Ủy ban TĐTT (2003), Luật bóng chuyền, Nxb TĐTT, Hà Nội.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Quang, Hướng dẫn tập luyện và thi đấu bóng chuyền (2001), Nxb TĐTT, Hà Nội.

2. Ủy ban TĐTT (1998), Bóng chuyền bóng rổ, Nxb TĐTT Hà Nội.

b) Aerobic Dansports

- Điều kiện tiên quyết: GDTC1

- Nội dung học phần: Các tư thế cơ bản của tay, các bước cơ bản của chân, nhóm độ khó, thấp, đội hình trong kết cấu một bài Aerobic Dansports, bài liên kết Aerobic Dansports không có nhạc.

Năng lực đạt được: Sinh viên thực hiện được các tư thế cơ bản của tay, các bước cơ bản của chân, nhóm độ khó, thấp, đội hình trong kết cấu một bài Aerobic Dansports, bài liên kết Aerobic Dansports không có nhạc và có nhạc.

Tài liệu bắt buộc

1. Đinh Khánh Thu (2014), Giáo trình Thể dục Aerobic, Nxb TĐTT

2. Liên đoàn Thể dục quốc tế, (2013) Thể dục Aerobic chu kỳ 2013-2016.

Tài liệu tham khảo

3. Nguyễn Xuân Sinh (2009), Thể dục, Nxb TĐTT.

Tài liệu bắt buộc

1. Đinh Khánh Thu (2014), Giáo trình Thể dục Aerobic, Nxb TĐTT

2. Liên đoàn Thể dục quốc tế, (2013) Thể dục Aerobic chu kỳ 2013-2016.

Tài liệu tham khảo

3. Nguyễn Xuân Sinh (2009), Thể dục, Nxb TĐTT.

c) Bóng đá

Mô tả học phần

- Điều kiện tiên quyết: GDTC1

- Nội dung học phần: Các bài tập chiến thuật tấn công, phòng thủ trong thi đấu Bóng đá, luật bóng đá (Sân 11 người, 7 người, 5 người). Phương pháp tổ chức tập luyện, thi đấu và trọng tài

- Năng lực đạt được: Sinh viên thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của môn Bóng đá (Đá bóng bằng lòng bàn chân, mu trong, mu ngoài, mu chính diện, mu lai má..); Tổ chức tập luyện, hình thức tập luyện, các bài tập chiến thuật áp dụng vào tập luyện và thi đấu; có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài giải bóng đá phong trào.

Tài liệu bắt buộc

1. PGS.TS. Trần Đức Dũng (2007), Giáo trình Bóng Đá, Nxb Thể dục thể thao, Hà Nội

2. Ủy ban TDTT, Luật Bóng đá 11 người, 7 người, 5 người.

3. TS. Phạm Quang (2004), Giáo trình Bóng đá, Nxb ĐHSP, Hà Nội

Tài liệu tham khảo

1. TS. Phạm Quang, Nguyễn Thiết Tình và cộng sự (2000), Huấn luyện Bóng đá trình độ A; B; C, Nxb TDTT, Hà Nội.

2. Đĩa VCD) MILO (2004), Một số bài tập Bóng đá (Thư viện ĐH Hồng Đức).

d) Bóng rổ

- Điều kiện tiên quyết: GDTC1

- Nội dung học phần: Các kỹ thuật cơ bản môn bóng rổ (Các kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật dẫn bóng, chuyền bóng bằng 1 tay, 2 tay). Các kỹ thuật tại chỗ ném rổ tựa bảng bằng 1 tay trên cao, kỹ thuật di chuyển 2 bước bật nhảy ném rổ bằng 1 tay trên cao; kỹ thuật móc xuôi, móc ngược trong bóng rổ.

- Năng lực đạt được: Sinh viên thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ; kỹ thuật dẫn bóng nhanh bằng 1 tay, 2 tay; kỹ thuật tại chỗ ném rổ bằng 1 tay trên cao; kỹ thuật di chuyển 2 bước bật nhảy ném rổ tựa bảng bằng 1 tay trên cao; có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài giải bóng rổ phong trào.

Tài liệu bắt buộc

1. Nguyễn Văn Trung; Nguyễn Quốc Quân; Phạm Văn Thảo (2002), Giáo trình bóng rổ, NXB TDTT, Hà Nội.

2. Nguyễn Tùng (2003), Giáo trình bóng rổ dành cho sinh viên Cao đẳng TDTT.

Tài liệu tham khảo

1. Ủy ban thể dục thể thao (2015), Luật bóng rổ.

e) Võ Vovinam

- Điều kiện tiên quyết: GDTC1

- Nội dung học phần: Các đòn đâm và đòn đá, các bài tập thể lực trong Vovinam, từ đó tập luyện về quyền pháp (long hổ quyền); Các nguyên lý cơ bản, nguyên lý kỹ thuật; phương pháp giảng dạy; phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn vovinam.

- Năng lực đạt được: Sinh viên thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của môn võ Vovinam (Tur thế chuẩn bị, các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn; chào mã tấn; đỉnh tấn và hạc tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá; quyền pháp; các bài tập thể lực trong Vovinam); có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài giải Vovinam phong trào.

Tài liệu bắt buộc

1. Lê Quốc Ân, Võ sư Nguyễn Văn Chiêu và các cộng sự (2008) Giáo trình huấn luyện Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVĐ) tập 1, NXB TĐTT.
2. Lê Quốc Ân, Võ sư Nguyễn Văn Chiêu và các cộng sự (2011), “Giáo trình huấn luyện Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVĐ)” tập 2, NXB TĐTT.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Chánh Tứ (2014), Phòng ngừa chấn thương trong tập luyện và thi đấu Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVĐ)
2. Võ sư Trương Quang An (1998), Giáo trình huấn luyện Vovinam – Việt Võ đạo (song ngữ), NXB KIEV

V. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG/ DEFENSE EDUCATION: 165 TIẾT

- Mã số học phần:
- Số tín chỉ: 165 tiết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Giáo dục Quốc phòng
- Điều kiện tiên quyết: Không

HỌC PHẦN 1: ĐƯỜNG LỐI QUÂN SỰ CỦA ĐẢNG/ PARTY'S MILITARY POLICIES:

Điều kiện tiên quyết: Bố trí sau khi học Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

Nội dung học phần: Quan điểm Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; Xây dựng nền quốc phòng, an ninh nhân dân; Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc; Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; Kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng - an ninh; Nghệ thuật quân sự Việt Nam.

Năng lực đạt được: Người học phân tích được nguồn gốc, bản chất chiến tranh, tính tất yếu và mục tiêu bảo vệ Tổ quốc để nhận thức đúng quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng, an ninh, chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, kết hợp kinh tế xã hội với quốc phòng - an ninh; vận dụng nghệ thuật quân sự trong bảo vệ Tổ quốc.

Tài liệu bắt buộc

1. Giáo trình Giáo dục quốc phòng - an ninh (dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng) tập 1, Nxb Giáo dục, 2010.

Tài liệu tham khảo

1. Phùng Văn Thiết, Nguyễn Xuân Trường, Bùi Anh Hoàng, Giáo trình Học thuyết Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc, Nxb Giáo dục, 2016.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giáo trình xây dựng, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia và biển đảo Việt Nam, Nxb. Giáo dục, 2019.
3. Giáo trình Giáo dục quốc phòng và an ninh (dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng sư phạm) tập 1, Nxb Giáo dục, (dự kiến xuất bản năm 2020).

HỌC PHẦN 2: CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG, AN NINH/ SECURITY AND DEFENSE WORK: 45 TIẾT

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Phòng chống "diễn biến hòa bình"; Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền quốc gia; Một số nội dung về dân tộc, tôn giáo và phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo; bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội.

Năng lực đạt được: Người học nhận thức được âm mưu, thủ đoạn và tham gia đấu tranh, phòng chống "diễn biến hòa bình"; vận dụng kiến thức tham gia xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo vệ an ninh và giữ gìn trật tự xã hội; bảo vệ chủ quyền lãnh thổ Việt Nam.

Tài liệu bắt buộc

1. Giáo trình Giáo dục quốc phòng - an ninh (dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng) tập 1, Nxb Giáo dục, 2010.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Bá Dương (2015) Phòng chống “Diễn biến hòa bình” ở Việt Nam – Mệnh lệnh của cuộc sống, Nxb Chính trị Quốc gia, H.
2. Lê Ngọc Cường, Lê Doãn Thuật, Tạ Ngọc Vãng, (2014) Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng – an ninh, Nxb. Giáo dục Việt Nam.
2. Giáo trình Giáo dục quốc phòng và an ninh (dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng sư phạm) tập 1, Nxb Giáo dục, (dự kiến xuất bản năm 2020).

HỌC PHẦN 3: QUÂN SỰ CHUNG VÀ CHIẾN THUẬT, KỸ THUẬT BẮN SÚNG TIỂU LIÊN AK (CKC)/ MILITARY AND STRATEGY, AK FIRE TECHNIQUE: 75 TIẾT

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Điều lệnh đội ngũ và ba môn quân sự phối hợp; bản đồ quân sự; một số loại vũ khí bộ binh; Thuốc nổ; Phòng chống vũ khí hủy diệt lớn; Cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh; Tùng người trong chiến đấu tiến công và phòng ngự, các tư thế vận động trong chiến đấu; tính năng, tác dụng và kỹ thuật bắn súng AK (CKC) với mục tiêu cố định ban ngày.

Năng lực đạt được: Người học thực hiện được các bước, động tác đội ngũ đơn vị; sử dụng được một số loại phương tiện, vũ khí, bản đồ địa hình; vận dụng kiến thức

chiến thuật bộ binh; biết phòng, tránh vũ khí hủy diệt lớn; thành thạo kỹ thuật băng bó, chuyển thương; biết bắn mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiểu liên AK.

Tài liệu bắt buộc

1. Nhóm tác giả (Nguyễn Đức Đăng, Nguyễn Tiến Hải, Nguyễn Hữu Hào, Phan Tân Hưng, Nguyễn Đình Lưu, Nguyễn Thanh Nghị, Nguyễn Văn Quý, Lê Đình Thi) Giáo trình: Giáo dục quốc phòng và an ninh, Tập 2 (Dùng cho SV ĐH, CĐ), NXB Giáo dục, 2013. 1. Giáo trình: Điều lệnh quản lý bộ đội và điều lệnh đội ngũ, Cục Quân huấn, Bộ tổng tham mưu, NXB Quân Đội nhân dân

Tài liệu tham khảo

1. Giáo trình: Địa hình quân sự, Cục Quân huấn, Bộ tổng tham mưu, NXB Quân Đội nhân dân TV có: Bài giảng môn học: Địa hình quân sự: Nghiên cứu sử dụng bản đồ địa danh/ Trường Sĩ quan lục quân I H.: Trường SQLQ I
2. Giáo trình: Hiểu biết chung về quân, binh chủng, Cục Quân huấn, Bộ tổng tham mưu, NXB NXB Quân Đội nhân dân.

9.20. ĐỘNG VẬT HỌC/ ZOOLOGY:

3TC (20, 30, 20)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Khoa học vật nuôi
- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần:

- *Nội dung học phần:* Học phần Động vật học cung cấp những kiến thức: Đặc điểm hình thái cấu tạo, hoạt động sống, sinh sản, hiện tượng kết bào xác và phân loại Động vật nguyên sinh; Sơ đồ cấu trúc cơ thể, đặc điểm cấu tạo cơ thể và hoạt động sống, sinh sản, phát triển và phân loại các ngành động vật từ cận đa bào đến chưa có thể xoang (Thân lỗ, ruột khoang, giun dẹp và giun tròn); Sơ đồ cấu trúc cơ thể, đặc điểm cấu tạo cơ thể và hoạt động sống, sinh sản, phát triển và phân loại các ngành động vật nguyên khẩu (Thân mềm, giun đốt và chân khớp), Sơ đồ cấu trúc cơ thể, đặc điểm cấu tạo cơ thể và hoạt động sống, sinh sản, phát triển và phân loại các ngành động vật hậu khẩu (Da gai, nửa dây sống và có dây sống).

- *Năng lực đạt được:* Sinh viên nhận diện được các lớp, các ngành động vật; mô tả được đặc điểm hình thái cấu tạo, hoạt động sống, sinh sản và phát triển của một số loài động vật phổ biến. Từ những hiểu biết về chu kỳ phát triển, đặc điểm sinh thái và các hoạt động sống của một số loài động vật gây bệnh cho vật nuôi (câu trùng, giun, sán, ...), sinh viên đề xuất được các biện pháp phòng bệnh cho vật nuôi trong thực tiễn sản xuất. Phân tích được sự biến đổi thích ứng về hình thái cấu tạo của các nhóm động vật với điều kiện môi trường sống.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức

- Trình bày được sơ đồ cấu trúc cơ thể của các nhóm ngành động vật: Động vật nguyên sinh; động vật từ cận đa bào đến chưa có thể xoang; động vật nguyên khẩu và động vật hậu khẩu.

- Sinh viên hiểu và trình bày được đặc điểm hình thái, cấu tạo và hoạt động sống, sinh sản và phát triển, phân loại và ý nghĩa của các nhóm động vật: Động vật nguyên sinh; động vật từ cận đa bào đến chưa có thể xoang; động vật nguyên khẩu và động vật hậu khẩu.

- Hiểu và phân tích được đặc điểm hình thái cấu tạo của các lớp, các ngành động vật thể hiện sự phù hợp với môi trường và tập tính sống. Đặc biệt là sự biến đổi thích ứng về hình thái cấu tạo của động vật có xương sống khi sống trong môi trường nước (cá miệng tròn, cá sụn, cá xương), động vật sống ở cả hai môi trường (lưỡng cư) và những động vật sống ở môi trường trên cạn (bò sát, chim, thú).

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Sau khi kết thúc học phần, người học có được các kỹ năng sau:

- Thu mẫu, làm tiêu bản quan sát và nhận diện được một số loài động vật nguyên sinh phổ biến.

- Nhận biết và mô tả được hình thái của một số loài động vật thường gặp (động vật thuộc các nhóm thân mềm, chân khớp, cá, ếch nhái, chim và thú).

- Giải phẫu, nhận diện và xác định được vị trí các cơ quan bên trong của một số loài động vật phổ biến: Trai, ngao, tôm, cua, cá, chim bồ câu, gà, ếch, thỏ,...

2.3. Mục tiêu về thái độ

Nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của các nhóm ngành động vật, từ đó có tinh thần học tập tích cực. Có ý thức bảo vệ môi trường sống, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, khai thác và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên động vật.

3. Nội dung chi tiết học phần (Liệt kê theo chương mục)

LÝ THUYẾT

Chương 1: ĐỘNG VẬT NGUYÊN SINH (*PROTOZOA*) (LT:3; TL: 5; TH: 2)

1.1. Đặc điểm chung của Động vật nguyên sinh

1.1.1. Đặc điểm hình thái cấu tạo

1.1.2. Hoạt động sống

1.1.2.1. Cơ quan tử vận chuyển

1.1.2.2. Tính cảm ứng

1.1.2.3. Hô hấp

1.1.2.4. Bài tiết và điều hòa áp suất thẩm thấu

1.1.2.5. Dinh dưỡng

1.1.3. Sinh sản của động vật nguyên sinh

1.1.4. Sự nang hoá (kết bào xác)

1.2. Phân loại Động vật nguyên sinh

1.2.1. Ngành trùng roi - chân giả (*Sarcomastigophora*)

1.2.2.1. Phân ngành trùng roi (*Mastigophora*).

1.2.2.2. Phân ngành trùng chân giả (*Sarcodina*)

1.2.2. Ngành bào tử trùng (*Sporozoa*)

1.2.2.1. Đặc điểm chung

- 1.2.2.2. Phân loại
- 1.2.2.3. Một số bào tử trùng ký sinh ở người và gia súc
- 1.2.3. Ngành Trùng lông bơi (*Ciliophora*)
- 1.2.3.1. Đặc điểm chung
- 1.2.3.2. Phân loại

CHƯƠNG 2: CÁC NGÀNH ĐỘNG VẬT TỪ CẬN ĐA BÀO ĐẾN CHƯA CÓ THỂ XOANG (LT: 4; LT: 7; TH: 3)

2.1. Nguồn gốc động vật đa bào

- 2.1.1. Khái niệm về động vật đa bào
- 2.1.2. Nguồn gốc của động vật đa bào
- 2.1.3. Phân loại động vật đa bào

2.2. Ngành Thân lỗ (*Porifera*)

- 2.2.1. Sơ đồ cấu trúc cơ thể Thân lỗ
- 2.2.2. Các loại tế bào của cơ thể Thân lỗ và chức năng của chúng
- 2.2.3. Sinh sản và phát triển của Thân lỗ
- 2.2.4. Phân loại và các đại diện có ý nghĩa

2.3. Ngành ruột khoang (*Coelenterata*)

- 2.3.1. Sơ đồ cấu trúc cơ thể ruột khoang
- 2.3.2. Cấu tạo cơ thể và hoạt động sống của ruột khoang
- 2.3.3. Sinh sản và phát triển của ruột khoang
- 2.3.4. Phân loại ngành Ruột khoang
- 2.3.5. Vai trò của Ruột khoang
- 2.3.6. Nguồn gốc và tiến hóa của Ruột khoang

2.4. Ngành Giun dẹp (*Plathelminthes*)

- 2.4.1. Sơ đồ cấu trúc cơ thể Giun dẹp
- 2.4.2. Cấu tạo cơ thể và hoạt động sống của Giun dẹp
- 2.4.3. Sinh sản và phát triển của Giun dẹp
- 2.4.4. Phân loại ngành giun dẹp
 - 2.4.4.1. Lớp sán lông (*Turbellaria*)
 - 2.4.4.2. Lớp sán một chủ (*Monogenoidea*)
 - 2.4.4.3. Lớp sán lá hai vật chủ (*Digenea*)
 - 2.4.4.4. Lớp sán dây (*Cestoda*)
- 2.4.5. Nguồn gốc và tiến hóa của giun dẹp

2.5. Ngành giun tròn (*Nematoda*)

- 2.5.1. Sơ đồ cấu trúc cơ thể giun tròn
- 2.5.2. Cấu tạo và hoạt động sống của giun tròn
- 2.5.3. Phát triển của giun tròn
- 2.5.4. Phân loại, sinh thái và tầm quan trọng

Chương 3: ĐỘNG VẬT NGUYÊN KHẨU (LT: 5; LT: 8; TH: 5)

3.1. Ngành Thân mềm (*Molusca*)

- 3.1.1. Sơ đồ cấu trúc cơ thể Thân mềm
- 3.1.2. Cấu tạo cơ thể và hoạt động sống của Thân mềm
 - 3.1.2.1. Đầu
 - 3.1.2.2. Chân
 - 3.1.2.3. Thân
- 3.1.3. Sinh sản và phát triển của thân mềm
- 3.1.4. Phân loại Thân mềm
 - 3.1.4.1. Lớp chân bụng (*Gastropoda*)
 - 3.1.4.2. Lớp vỏ hai mảnh (*Bivalvia*)
 - 3.1.4.3. Lớp chân đầu (*Cephalopoda*)
- 3.1.5. Giá trị của thân mềm
- 3.1.6. Nguồn gốc và tiến hoá của Thân mềm

3.2. Ngành giun đốt (*Annelida*)

- 3.2.1. Sơ đồ cấu trúc cơ thể Giun đốt
- 3.2.2. Cấu tạo cơ thể và hoạt động sống của Giun đốt
- 3.2.3. Sinh sản và phát triển của Giun đốt
- 3.2.4. Phân loại Giun đốt
 - 3.2.4.1. Lớp giun nhiều tơ (*Polychaeta*)
 - 3.2.4.2. Lớp Echiurida
 - 3.2.4.3. Lớp giun ít tơ (*Oligochaeta*)
 - 3.2.4.4. Lớp địa (*Hirudinea*)
- 3.2.5. Nguồn gốc tiến hóa của giun đốt

3.3. Ngành chân khớp (*Arthropoda*)

- 3.3.1. Sơ đồ cấu trúc cơ thể Chân khớp
- 3.3.2. Cấu tạo cơ thể và hoạt động sống của Chân khớp
- 3.3.3. Sinh sản và phát triển của Chân khớp
- 3.3.4. Phân loại ngành Chân khớp
 - 3.3.4.1. Phân ngành trùng ba lá (*Trilobitomorpha*)
 - 3.3.4.2. Phân ngành có mang (*Branchiata*)
 - 3.3.4.3. Phân ngành có kìm (*Chelicerata*)
 - 3.3.4.4. Phân ngành có ống khí (*Tracheata*)
- 3.3.5. Tầm quan trọng của Chân khớp
- 3.3.6. Nguồn gốc và tiến hoá của động vật Chân khớp

Chương 4: ĐỘNG VẬT HẬU KHẨU (LT: 8; LT: 10; TH: 10)

4.1. Ngành Da gai (*Echinodermata*)

- 4.1.1. Sơ đồ cấu trúc cơ thể của da gai
- 4.1.2. Cấu tạo cơ thể và hoạt động sống của da gai

4.1.3. Sinh sản và phát triển của Da gai

4.1.4. Phân loại

4.1.5. Giá trị của da gai

4.2. Ngành Nửa dây sống

4.2.1. Sơ đồ cấu trúc của Nửa dây sống

4.2.2. Cấu tạo cơ thể và hoạt động sống của Nửa dây sống

4.2.3. Sinh sản và phát triển của Nửa dây sống

4.2.4. Phân loại

4.3. Ngành Có dây sống (*Chordata*)

4.3.1. Sơ đồ cấu trúc cơ thể của Có dây sống

4.3.2. Phân ngành đuôi sống

4.3.3. Phân ngành đầu sống (*Cephalochordata*)

4.3.4. Phân ngành có xương sống (*Vertebrata*)

4.3.4.1. Liên lớp cá (*Pisces*)

4.3.4.2. Lớp Lưỡng cư (*Amphibia*)

4.3.4.3. Lớp bò sát (*Reptilia*)

4.3.4.4. Lớp chim (*Aves*)

4.3.4.5. Lớp thú (*Mammalia*)

THỰC HÀNH

Bài 1: Phương pháp thu mẫu và làm tiêu bản quan sát Động vật nguyên sinh (5 tiết)

Bài 2: Hình thái giải phẫu động vật nguyên khẩu (5 tiết)

Bài 3: Hình thái giải phẫu động vật hậu khẩu (10 tiết)

4. Yêu cầu của môn học:

- Sinh viên đạt tối thiểu 80% giờ lý thuyết, tham gia đầy đủ các buổi thảo luận, bài tập và thực hành môn học.

- Sinh viên cần làm các bài thu hoạch phần tự nghiên cứu một cách đầy đủ, các bài thảo luận theo yêu cầu của giáo viên, hoàn thành các bài viết chuyên đề.

5. Phương pháp giảng dạy:

Thuyết trình

Thảo luận,

Thực hành

6. Kế hoạch tư vấn: Dự kiến của GV

Trong buổi học đầu tiên, giảng viên nêu rõ nội dung, mục tiêu, chuẩn đầu ra của học phần, yêu cầu khác của học phần và định hướng những nhiệm vụ sinh viên cần làm cho phần thảo luận, tự học. Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan.

Cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

- Phòng học có máy chiếu
- Dụng cụ thực hành trong phòng thí nghiệm đầy đủ
- Thư viện đáp ứng đầy đủ các học liệu bắt buộc và học liệu tham khảo cho sinh viên.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính

1. Thái Trần Bái, 2010. *Giáo trình Động vật học*. NXB Giáo dục Việt Nam.

9.2. Tài liệu tham khảo

1. Trần Tố, Đỗ Quyết Thắng, (2006) *Giáo trình Động vật học*. Nhà XB NN.
2. Thái Trần Bái, (2005), *Động vật không xương sống*. NXB ĐHSP.
3. Trần Kiên, Trần Hồng Việt (2005). *Động vật có xương sống*. NXB ĐHSP.

9.21. GIẢI PHẪU MÔ ĐỘNG VẬT//ANIMAL ANATOMY AND HISTOLOGY 4TC (28,39,25)

Điều kiện tiên quyết: Động vật học.

Bộ môn quản lý: BM Khoa học Vật nuôi

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Vị trí, hình thái, cấu tạo và chức năng của các hệ cơ quan: hệ xương, hệ cơ, hệ tiêu hoá, hệ hô hấp, bộ máy tiết niệu - sinh dục, hệ tim mạch, hệ bạch huyết, các tuyến nội tiết, hệ thần kinh, cơ quan cảm giác trong cơ thể các loại động vật nuôi.

Năng lực đạt được: Xác định được vị trí, cấu tạo, chức năng của các cơ quan, bộ phận trong cơ thể gia súc, gia cầm; Vận dụng được các kiến thức đã học vào việc chăm sóc, nuôi dưỡng, chẩn đoán và điều trị bệnh.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Về kiến thức

- Xác định được vị trí các cơ quan, bộ phận trong cơ thể gia súc, gia cầm
- Mô tả được hình thái các cơ quan, bộ phận trong cơ thể gia súc gia cầm.
- Mô tả được cấu tạo đại thể và vi thể của các hệ thống cơ quan trong cơ thể gia súc, gia cầm.
- Hiểu được chức năng của từng bộ phận, cơ quan trong cơ thể gia súc, gia cầm.
- Nhận biết được trạng thái sinh lý bình thường của các cơ quan, bộ phận trong cơ thể gia súc, gia cầm.
- Hiểu được nguồn gốc và quá trình phát triển của các cơ quan, bộ phận của cơ thể gia súc, gia cầm.

2.2. Về kỹ năng

- Thực hiện được quy trình giải phẫu cục bộ và giải phẫu hệ thống trong cơ thể gia súc.

- Quan sát cấu tạo của mô động vật trên kính hiển vi

- Biết bảo quản mẫu vật.

2.3. Về thái độ

- Có tinh thần, thái độ học tập đúng đắn, tích cực, nghiêm túc, có trách nhiệm với môn học.

- Xác định được mục đích, vai trò và vị trí của môn học trong hoạt động nghề nghiệp sau này.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: HỆ XƯƠNG

(LT: 4; TL: 5; TH: 3,5)

1.1. Khái niệm chung

1.1.1. Sự phát triển của xương

1.2.2. Cấu tạo của xương

1.2. Chi tiết về bộ xương

1.2.1. Xương vùng đầu

1.2.2. Xương vùng thân

1.2.3. Xương vùng chi

1.2.4. So sánh bộ xương của các loại gia súc

1.3. Khớp xương

1.3.1. Khớp toàn động

1.3.2. Khớp bán động

1.3.3. Khớp bất động

CHƯƠNG 2: HỆ CƠ

(LT: 2; TL: 3; TH: 1,5)

2.1. Đại cương về hệ cơ

2.1.1. Vai trò của cơ

2.1.2. Cấu tạo và hình dạng của cơ

2.1.3. Những cấu tạo hỗ trợ cho cơ

2.1.4. Thành phần hoá học của cơ

2.2. Chi tiết về bộ cơ

2.2.1. Cơ vùng đầu

2.1.1.1. Cơ vùng sọ

2.1.1.2. Cơ vùng mặt

2.1.1.3. Cơ nhai

2.1.1.4. So sánh về hình thái và cấu tạo cơ vùng đầu của các loài gia súc

2.2.2. Cơ vùng thân

2.1.1.1. Cơ cân

2.1.1.2. Cơ

2.1.1.3. So sánh qua các loài

2.2.3. Cơ vùng chi

2.1.1.1. Cơ chi trước

2.1.1.2. Cơ chi sau

2.1.1.3. So sánh qua các loài

CHƯƠNG 3 : HỆ TIÊU HOÁ (LT: 3; TL: 5; TH: 2,5)

3.1. Đại cương về hệ tiêu hoá

3.1.1. Khái niệm

3.1.2. Cấu tạo của ống tiêu hoá

3.2. Vị trí, hình thái cấu tạo đại thể, vi thể và chức năng các khí quan tiêu hoá

3.2.1. Xoang miệng

3.2.2. Hầu

3.2.3. Thực quản

3.2.4. Xoang bụng và xoang phúc mạc

3.2.5. Dạ dày

3.2.6. Ruột

3.2.7. So sánh qua các loài

3.3. Vị trí, hình thái cấu tạo đại thể, vi thể và chức năng các tuyến tiêu hoá

3.3.1. Gan

3.3.2. Tụy

3.3.3. Tuyến nước bọt

3.3.4. So sánh qua các loài

CHƯƠNG 4: HỆ HÔ HẤP

(LT: 2; TL: 3; TH: 2,5)

4.1. Đại cương về hệ hô hấp

4.1.1. Khái niệm

4.1.2. Cấu tạo của đường hô hấp

4.2. Vị trí, hình thái, cấu tạo đại thể, vi thể và chức năng các khí quan hô hấp

4.2.1. Mũi và xoang mũi

4.2.2. Xoang đầu mặt

4.2.3. Thanh quản

4.2.4. Khí quản

4.2.5. Phổi

4.2.6. Phế mạc

CHƯƠNG 5: HỆ TIM MẠCH (LT: 3; TL: 4; TH: 2,5)

5.1. Tim

5.1.1. Vị trí và hình thái

5.1.2. Cấu tạo đại thể và vi thể

5.1.3. So sánh qua các loài

5.2. Hệ mạch

5.2.1. Động mạch

5.2.2. Tĩnh mạch

5.2.3. Mao mạch

5.2.4. Mối liên hệ giữa động mạch và tĩnh mạch

5.3. Sự tuần hoàn máu

5.3.1. Vòng tuần hoàn lớn

5.3.2. Vòng tuần hoàn nhỏ

5.3.3. Vòng tuần hoàn bào thai

5.4. Các mạch quản chính của cơ thể

5.4.1. Các mạch quản của vòng tuần hoàn nhỏ

5.4.1.1. Động mạch

5.4.1.2. Tĩnh mạch

5.4.2. Các mạch quản của vòng tuần hoàn lớn

5.4.2.1. Động mạch

5.4.2.2. Tĩnh mạch

5.5. Các cơ quan tạo huyết

5.5.1. Tuỷ đỏ

5.5.2. Lách

5.5.3. Hạch bạch huyết

5.6. Hệ mạch bạch huyết

5.6.1. Đại thể về cấu tạo hệ mạch bạch huyết

5.6.2. Sự phân bố các mạch bạch huyết trong cơ thể

CHƯƠNG 6: HỆ THỐNG NỘI TIẾT (LT: 3; TL: 4; TH: 2,5)

6.1. Đại cương

6.1.1. Khái niệm

6.1.2. Quy luật hoạt động của hocmon

6.2. Vị trí, hình thái, cấu tạo đại thể, vi thể và chức năng của các tuyến nội tiết

6.2.1. Tuyến yên

6.2.2. Tuyến tùng

6.2.3. Tuyến giáp trạng

6.2.4. Tuyến cận giáp trạng

6.2.5. Tuyến ức

6.2.6. Tuyến trên thận

6.2.7. Tuyến tụy

6.2.8. Phần nội tiết tuyến sinh dục

CHƯƠNG 7: HỆ TIẾT NIỆU SINH DỤC (LT: 3; TL: 4; TH: 2,5)

7.1. Hệ tiết niệu

7.1.1. Thận

7.1.2. Niệu quản

7.1.3. Bàng quang

7.2. Hệ sinh dục

7.2.1. Cơ quan sinh dục đực

7.2.1.1. Dịch hoàn

7.2.1.2. Mào tinh

7.2.1.3. Bao dịch hoàn

7.2.1.4. Ống bẹn

- 7.2.1.5. Đường dẫn tinh
- 7.2.1.6. Niệu đạo
- 7.2.1.7. Tuyến sinh dục phụ
- 7.2.1.8. So sánh qua các loài
- 7.2.2. Cơ quan sinh dục cái
- 7.2.2.1. Buồng trứng
- 7.2.2.2. Ống dẫn trứng
- 7.2.2.3. Tử cung
- 7.2.2.4. Âm đạo
- 7.2.2.5. Tiền đình
- 7.2.2.6. Âm hộ
- 7.2.2.7. Vú
- 7.2.2.8. So sánh qua các loài

CHƯƠNG 8: HỆ THẦN KINH

(LT: 3; TL: 4; TH: 2,5)

8.1. Đại cương

8.2. Vị trí, hình thái cấu tạo đại thể, vi thể và chức năng hệ thần kinh trung ương

- 8.1.1. Màng não tuỷ
- 8.2.1.1. Màng não
- 8.2.1.2. Màng tuỷ
- 8.2.1.3. Dịch não tuỷ
- 8.1.2. Tuỷ sống
- 8.1.3. Não bộ
- 8.1.3.1. Hành tuỷ
- 8.1.3.2. Hậu não
- 8.1.3.3. Trung não
- 8.1.3.4. Gian não
- 8.1.3.5. Cùng não

8.3. Vị trí, hình thái cấu tạo và chức năng hệ thần kinh ngoại biên

- 8.3.1. Thần kinh não bộ
- 8.3.2. Thần kinh thân và tứ chi

8.4. Hệ thần kinh thực vật

- 8.4.1. Khái niệm về hệ thần kinh thực vật
- 8.4.2. Thần kinh giao cảm
- 8.4.3. Thần kinh phó giao cảm

CHƯƠNG 9: CƠ QUAN CẢM GIÁC (LT: 2; TL: 3; TH: 2,5)

9.1. Cơ quan cảm giác của da

- 9.1.1. Đặc điểm chức phận của da
- 9.1.2. Hình thái và cấu tạo của da
- 9.1.3. Sản phẩm của da

9.2. Vị trí, hình thái cấu tạo và chức năng của cơ quan thị giác-mắt

9.3. Vị trí, hình thái cấu tạo và chức năng của cơ quan thính giác và thăng bằng - tai

9.3.1. Tai ngoài

9.3.2. Tai giữa

9.3.3. Tai trong

CHƯƠNG 10: GIẢI PHẪU GIA CÂM

(LT: 3; TL: 4; TH: 2,5)

10.1. Bộ xương và cơ

10.1.1. Bộ xương

10.1.2. Hệ cơ

10.2. Các khí quan nội tạng

10.2.1. Hệ tiêu hoá

10.2.2. Hệ hô hấp

10.2.3. Hệ niệu sinh dục

10.2.4. Hệ tuần hoàn

10.2.4. Hệ thần kinh

Thực hành (25 tiết)

Bài 1: (10 tiết)

- Xác định vị trí, hình thái, cấu tạo hệ xương.
- Xác định vị trí, hình thái, cấu tạo của khớp xương.
- Xác định vị trí, hình thái, cấu tạo của cơ.

Bài 2: (5 tiết)

- Xác định vị trí, cấu tạo hệ tiêu hoá.
- Xác định vị trí, cấu tạo hệ hô hấp.
- Xác định vị trí, cấu tạo hệ tiết niệu sinh dục.
- Xác định vị trí, cấu tạo tuyến nội tiết.

Bài 3: (5 tiết)

- Xác định vị trí, cấu tạo hệ tim mạch.
- Xác định vị trí, hình thái cấu tạo của hệ thần kinh.
- Xác định vị trí, hình thái, cấu tạo của cơ quan cảm giác.

Bài 4:(5 tiết) Quan sát các giai đoạn của phát triển phôi gia cầm.

4. Yêu cầu của học phần

- Sinh viên có đủ tài liệu và đề cương học phần để học tập, nghiên cứu.
- Trong quá trình học tập phải tích cực, chủ động nghiên cứu bài học, thảo luận và thực hành để hiểu, trình bày được cơ sở khoa học, thao tác kỹ thuật.
- Đảm bảo tham gia ít nhất 80% số tiết lý thuyết, thảo luận và 100% tiết thực hành.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình giảng dạy, giáo viên có trách nhiệm hướng dẫn người học tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của người học.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%

Thang điểm: 10

9. Học liệu

9.1. Học liệu bắt buộc

1. Đặng Quang Nam, Phạm Đức Chương, *Giải phẫu vật nuôi* (2002), NXB NN.
2. Phạm Trọng Cung (1982) *Tổ chức phối thai học*. Nhà XB NN..

9.2. Học liệu tham khảo

1. Phạm Thị Xuân Vân (1993) *Giải phẫu gia súc cục bộ*. Nhà XB NN.
2. Nguyễn Bá Tiếp (2005) *Giải phẫu vật nuôi*. Học viện NN Việt Nam.

9.22. SINH LÝ ĐỘNG VẬT/ANIMAL PHYSIOLOGY 4TC (28, 39, 25)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: BM Khoa học Vật nuôi
- Điều kiện tiên quyết: Động vật học, Giải phẫu - mô động vật

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Hoạt động và chức năng sinh lý của hệ thống điều khiển: chức năng và cơ chế tác động của các Hormon. Chức năng sinh lý của thần kinh trung ương. Stress và sự thích nghi của động vật. Hoạt động và chức năng sinh lý của các hệ cơ quan trong cơ thể: hệ tiêu hóa, máu và bạch huyết, hệ tuần hoàn, hệ hô hấp, chuyển hóa vật chất và năng lượng trong cơ thể, hệ bài tiết, sinh sản và tiết sữa.

Năng lực đạt được: Hiểu được đặc điểm sinh lý, sinh lý các hệ cơ quan của gia súc; Giải thích được mối quan hệ giữa đặc điểm sinh lý và mối quan hệ với chức năng. Thực hiện được các thí nghiệm xác định và phân tích các chỉ số sinh lý của vật nuôi; Sử dụng một số hormon sinh dục trong điều khiển hoạt động sinh sản của vật nuôi. Áp dụng được các kiến thức sinh lý để xác định và giải thích các tình trạng bệnh lý ở vật nuôi.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Sinh viên giải thích được các hiện tượng và quá trình sinh lý diễn ra trong hoạt động sống của cơ thể gia súc, gia cầm:

- Hiểu và giải thích được những vấn đề cơ bản về sự hưng phấn và dòng điện sinh học. Ứng dụng dòng điện sinh học trong chăn nuôi. Giải thích được cơ chế co cơ và hiện tượng mỏi cơ; ứng dụng trong huấn luyện gia súc.
- Giải thích được cơ chế hoạt động của các bộ phận trong hệ thần kinh trung ương, hoạt động của hệ thần kinh cấp cao, vận dụng trong đời sống và chăn nuôi.
- Phân tích được chức năng, cơ chế hoạt động của Hormon trong quá trình điều hòa hoạt động của cơ thể, mối quan hệ giữa các tuyến nội tiết tạo nên sự thống nhất trong quá trình sống của động vật

- Giải thích, vận dụng được cơ chế hoạt động và chức năng sinh lý của các cơ quan trong cơ thể gia súc như: bộ máy tiêu hoá, tuần hoàn, hô hấp, bài tiết, cơ quan sinh dục vào trong thực tiễn chăn nuôi và chẩn đoán bệnh lý động vật.
- Hiểu được như thế nào là quá trình trao đổi chất và quá trình trao đổi năng lượng, nguồn cung cấp năng lượng cho cơ thể.
- Từ những kiến thức về sinh lý học sinh viên có thể giải thích được các hiện tượng và quá trình sinh lý diễn ra trong hoạt động sống của gia súc.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Rèn luyện kỹ năng nghiên cứu, làm việc trong phòng thí nghiệm và trong thực tế sản xuất.
- Kỹ năng làm xét nghiệm để xác định các chỉ tiêu sinh lý có kết quả chính xác.
- Kỹ năng vận dụng tư duy sáng tạo, khả năng tổng hợp, khả năng trình bày trước tập thể của sinh viên.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Sau khi kết thúc học phần, người học có hiểu biết và có thái độ đúng đắn về tầm quan trọng của học phần để vận dụng tốt vào trong thực tiễn sản xuất để nâng cao hiệu quả chăn nuôi.

- + Người học có thái độ học tập đúng đắn: tích cực tham khảo tài liệu liên quan đến nội dung môn học. Tích cực trong vận dụng kiến thức môn học vào thực tiễn chăn nuôi.
- + Phải chuẩn bị các nội dung theo yêu cầu của giáo viên trước khi lên lớp theo lịch trình (thảo luận, tự học, bài viết chuyên đề...)
- + Tích cực đọc các tài liệu giáo viên đã hướng dẫn để chuẩn bị bài chu đáo. Tích cực tham gia thảo luận nhóm, viết báo cáo chuyên đề, viết bài thu hoạch tự học đầy đủ.

3. Nội dung chi tiết học phần

PHẦN 1: SINH LÝ HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN

Chương 1: Sinh lý hưng phấn - thần kinh – cơ (2 lý thuyết + 3 thảo luận)

- 1.1. Sinh lý hưng phấn
 - 1.1.1. Khái niệm về kích thích và hưng phấn:
 - 1.1.2. Tính hưng phấn
 - 1.1.3. Tính thích ứng
 - 1.1.4. Dòng điện sinh vật
 - 1.1.4.1. Cơ chế phát sinh điện sinh vật
 - 1.1.4.2. Ứng dụng dòng điện sinh vật
- 1.2. Sinh lý tế bào thần kinh
 - 1.2.1. Đặc điểm cấu tạo của tế bào thần kinh
 - 1.2.2. Đặc điểm hưng phấn của neurone
 - 1.2.3. Đặc tính sinh lý của sợi thần kinh
 - 1.2.4. Dẫn truyền hưng phấn trên sợi thần kinh

- 1.2.4.1. Cơ chế dẫn truyền hưng phấn qua sợi trần
- 1.2.4.2. Cơ chế dẫn truyền hưng phấn qua sợi có vỏ Myelin
- 1.2.4.3. Sự dẫn truyền hưng phấn qua synase
- 1.3. Sinh lý tổ chức cơ
 - 1.3.1. Đặc tính của cơ.
 - 1.3.1.1. Tính hưng phấn của cơ.
 - 1.3.1.2. Đặc tính sinh lý của cơ
 - 1.3.2. Thành phần hóa học của cơ
 - 1.3.3. Sự co cơ
 - 1.3.3.1. Các hình thức co cơ
 - 1.3.3.2. Cơ chế co cơ
 - 1.3.3.3. Sự mệt mỏi của cơ
- 1.4. Sinh lý vận động và huấn luyện gia súc

Chương 2: Sinh lý nội tiết (3 lý thuyết + 3 thảo luận)

- 2.1. Đặc điểm chung về tuyến nội tiết và hoóc môn
 - 2.1.1. Đặc tính sinh học.
 - 2.1.2. Cấu tạo của hormon
 - 2.1.3. Sự bài tiết và vận chuyển hormon
 - 2.1.4. Cơ chế tác dụng của hormon
 - 2.4.1.1. Cơ chế hormon - màng
 - 2.4.1.2. Cơ chế hormon - gen
 - 2.4.2.3. Cơ chế hormon - enzym
- 2.2. Chức năng điều hoà nội tiết
 - 2.2.1. Điều hoà nội tiết vùng dưới đồi.
 - 2.2.2. Điều hoà bài tiết hormon
 - 2.2.2.1. Điều hòa ngược âm tính
 - 2.2.2.2. Điều hòa ngược dương tính
- 2.3. Sinh lý các tuyến nội tiết
 - 2.3.1. Tuyến yên
 - 2.3.2. Tuyến giáp trạng
 - 2.3.3. Tuyến cận giáp
 - 2.3.4. Tuyến tụy
 - 2.3.5. Tuyến trên thận
 - 2.3.6. Tuyến sinh dục

Chương 3: Sinh lý hệ thần kinh trung ương (2 lý thuyết + 4 thảo luận)

- 3.1. Sinh lý chung của hệ thần kinh trung ương
 - 3.1.1. Cung phản xạ
 - 3.1.2. Trung khu thần kinh
 - 3.1.3. Một số đặc tính của hệ thần kinh Trung ương
 - 3.1.4. Sự ức chế trong hệ thần kinh trung ương (sự ức chế của Xetxenốp)
- 3.2. Sinh lý các phần trong hệ thần kinh Trung ương

- 3.2.1. Sinh lý tủy sống
 - 3.2.1.1. Đặc điểm cấu tạo của tủy sống
 - 3.2.1.2. Chức năng của tủy sống
- 3.2.2. Sinh lý hành tủy
- 3.2.3. Não giữa
- 3.2.4. Tiểu não
- 3.2.5. Não trung gian
- 3.2.6. Sinh lý hệ thần kinh thực vật.

Chương 4: Sinh lý hệ thần kinh cấp cao (2 lý thuyết + 4 thảo luận)

- 4.1. Các vùng chức năng ở vỏ não
- 4.2. Phản xạ không điều kiện (PXKĐK)
- 4.3. Phản xạ có điều kiện (PXCĐK)
 - 4.3.1. Thí nghiệm về phản xạ có điều kiện
 - 4.3.2. Điều kiện về thành lập phản xạ có điều kiện
 - 4.3.3. Cơ chế thành lập phản xạ có điều kiện
 - 4.3.4. Phân loại phản xạ có điều kiện
 - 4.3.5. Phân biệt phản xạ có điều kiện và không điều kiện
 - 4.3.6. Tính thống nhất giữa PXCĐK và PXKĐK
 - 4.3.7. Ý nghĩa sinh học và ứng dụng của phản xạ có điều kiện
- 4.4. Hoạt động chức năng của vỏ não
 - 4.4.1. Hưng phấn và ức chế
 - 4.4.2. Giác ngủ và thôi miên
 - 4.4.3. Các loại hình thần kinh

Chương 5: Stress và sự thích nghi (1 tiết lý thuyết + 2 tiết thảo luận)

- 5.1. Khái niệm và phản ứng Stress
 - 5.1.1. Khái niệm
 - 5.1.2. Phản ứng Stress
 - 5.1.3. Các giai đoạn của quá trình stress
- 5.2. Các yếu tố gây stress trong chăn nuôi
- 5.3. Các biện pháp phòng chống stress trong chăn nuôi

PHẦN 2: SINH LÝ CÁC CƠ QUAN CHỨC NĂNG

Chương 6: Sinh lý tiêu hoá và hấp thu (3 tiết lý thuyết + 3 tiết thảo luận)

A - Sinh lý tiêu hoá

- 6.1. Tiêu hoá ở miệng
 - 6.1.1. Đặc điểm cấu tạo
 - 6.1.2. Sự tiêu hóa trong khoang miệng
- 6.2. Tiêu hoá ở dạ dày đơn
 - 6.2.1. Đặc điểm cấu tạo
 - 6.2.2. Dịch vị dạ dày
 - 6.2.3. Sự vận động của dạ dày

- 6.2.4. Tiêu hoá ở dạ dày lợn
- 6.2.4.1. Tiêu hoá trong dạ dày lợn trưởng thành
- 6.2.4.2. Tiêu hoá trong dạ dày lợn con
- 6.3. Tiêu hoá trong dạ dày kếp
- 6.3.1. Sơ lược cấu tạo
- 6.3.2. Tiêu hoá trong dạ dày trước.
- 6.3.3. Tiêu hoá trong dạ dày múi khế.
- 6.3.4. Sự nhai lại
- 6.4. Tiêu hoá ở ruột non
- 6.4.1. Dịch tụy
- 6.4.2. Dịch mật
- 6.4.3. Dịch ruột non
- 6.4.4. Tiêu hoá ở màng ruột non
- 6.4.5. Sự vận động của ruột non
- 6.5. Tiêu hoá ở ruột già
- 6.5.1. Đặc điểm tiêu hoá ở ruột già
- 6.5.2. Quá trình tiêu hoá ở ruột già

B. Sự hấp thu

- 6.1. Cơ quan hấp thu
- 6.1.1. Hấp thu ở miệng
- 6.1.2. Hấp thu ở dạ dày
- 6.1.3. Hấp thu ở ruột non
- 6.1.4. Hấp thu ở ruột già
- 6.2. Cơ chế hấp thu
- 6.2.1. Hấp thu bị động
- 6.2.2. Hấp thu chủ động
- 6.3. Sự hấp thu các chất dinh dưỡng
- 6.3.1. Hấp thu Protein
- 6.3.2. Hấp thu Gluxit
- 6.3.3. Hấp thu Lipít
- 6.3.4. Hấp thu nước và muối khoáng
- 6.3.5. Hấp thu Vitamin
- 6.4. Đường hấp thu các chất
- 6.4.1. Đường máu
- 6.4.2. Đường bạch huyết
- 6.4.3. Điều hoà hấp thu
- 6.5. Sự thải phân

Chương 7: Sinh lý máu và bạch huyết (2 tiết lý thuyết + 4 tiết thảo luận)

- 7.1. Sinh lý máu
- 7.1.1. Chức năng sinh lý của máu
- 7.1.2. Tính chất lý hoá học của máu

- 7.1.3. Thành phần của máu
- 7.1.4. Nhóm máu
- 7.1.5. Sự đông máu.
- 7.2. Bạch huyết
- 7.2.1. Thành phần dịch bạch huyết
- 7.2. 2. Chức năng dịch bạch huyết
- 7.2.3. Tuần hoàn dịch bạch huyết .

Chương 8: Sinh lý tuần hoàn (3 tiết lý thuyết + 3 tiết thảo luận)

- 8.1. Sinh lý tim
 - 8.1.1. Chu kỳ hoạt động của tim
 - 8.1.2. Van tim và tiếng tim
 - 8.1.3. Đặc tính sinh lý của cơ tim
 - 8.1.4. Tần số và công của tim
- 8.2. Sinh lý hệ mạch
 - 8.2.1. Máu chảy trong hệ mạch
 - 8.2.2. Huyết áp
- 8.3. Điều tiết hoạt động tim mạch
 - 8.3.1. Điều hòa hoạt động của tim
 - 8.3.1.1. Tự điều hòa
 - 8.3.1.2. Cơ chế thần kinh
 - 8.3.1.3. Cơ chế thể dịch
 - 8.3.2. Điều hòa hoạt động của hệ mạch
 - 8.3.2.1. Cơ chế thần kinh
 - 8.3.2.1. Cơ chế thể dịch

Chương 9: Sinh lý hô hấp (2 tiết lý thuyết + 3 tiết thảo luận)

- 9.1. Cơ chế hô hấp ở phổi
 - 9.1.1. Sự thay đổi thể tích lồng ngực trong các cử động hô hấp
 - 9.1.2. Sự liên quan giữa lồng ngực và phổi – áp lực âm
 - 9.1.3. Phương thức và tần số hô hấp
- 9.2. Trao đổi khí trong hô hấp
 - 9.2.1. Sự trao đổi khí ở phổi
 - 9.2.2. Sự trao đổi khí giữa máu động mạch và tổ chức
- 9.3. Sự kết hợp và vận chuyển khí trong máu
 - 9.3.1. Sự kết hợp và vận chuyển O_2
 - 9.3.2. Sự kết hợp và vận chuyển CO_2
- 9.4. Điều hoà hoạt động hô hấp
 - 9.4.1. Điều hoà thần kinh.
 - 9.4.2. Điều hoà thể dịch

Chương 10: Chuyển hóa vật chất và năng lượng (2 tiết lý thuyết + 4 tiết thảo luận)

- 10.1. Trao đổi chất

- 10.1.1. Trao đổi Protein
- 10.1.2 Trao đổi Gluxit
- 10.1.3. Trao đổi Lipit
- 10.1.4. Các loại VTM và vai trò của chúng trong chuyển hóa vật chất
- 10.1.5. Trao đổi nước
- 10.1.6. Trao đổi muối khoáng
- 10.2. Trao đổi năng lượng
- 10.2.1. Trao đổi cơ sở
- 10.2.2. Trao đổi năng lượng trong các trạng thái khác nhau
- 10.3. Thân nhiệt và sự điều hoà thân nhiệt
- 10.3.1. Thân nhiệt
- 10.3.2. Sự điều hoà thân nhiệt
- 10.3.2.1. Quá trình sinh nhiệt và toả nhiệt
- 10.3.3.2. Cơ chế điều hoà thân nhiệt .

Chương 11: Sinh lý bài tiết (3 tiết lý thuyết + 3 tiết thảo luận)

- 11.1. Quá trình bài tiết ở thận
- 11.1.1. Đơn vị thận và sự cung cấp máu ở thận
- 11.1.2. Đặc tính lý hoá của nước tiểu
- 11.1.3. Kiểm tra nước tiểu
- 11.1.4. Cơ chế hình thành nước tiểu
- 11.2. Tác dụng điều tiết của thận đối với máu
- 11.2.1. Điều tiết áp suất thẩm thấu của máu
- 11.2.2. Duy trì nồng độ máu trong huyết tương
- 11.2.3. Điều hoà PH máu

Chương 12: Sinh lý sinh sản và tiết sữa (3 tiết lý thuyết + 3 tiết thảo luận)

- 12.1. Sự thành thực về tính và thể vóc
- 12.1.1 Sự thành thực về tính
- 12.1.2. Sự thành thực về thể vóc
- 12.2. Sinh lý sinh dục đực
- 12.2.1. Tinh trùng
- 12.2.2. Tinh hoàn phụ
- 12.2.3. Tác dụng của các tuyến sinh dục phụ
- 12.2.4. Tinh dịch
- 12.2.5. Sự giao phối
- 12.2.6. Sự di động của tinh trùng trong đường sinh dục con cái
- 12.3. Sinh lý sinh dục cái
- 12.3.1. Sự hình thành và phát triển của trứng
- 12.3.2. Sự chín và rụng trứng
- 12.3.3. Chu kỳ động dục
- 12.3.4. Sự thụ tinh
- 12.3.5. Sinh lý gia súc mang thai

12.3.6. Sinh lý đẻ

12.3.7. Sinh lý sinh sản của gia cầm mái

12.4. Sinh lý tiết sữa

12.4.1. Cấu tạo và sự sinh trưởng, phát dục của tuyến vú

12.4.2. Sữa và sự sinh sữa của tuyến vú

12.4.3. Tiết sữa và cơ chế sinh lý của vắt sữa

Phần thực hành (25 tiết)

Bài 1: Sinh lý hưng phấn - thần kinh - cơ (5 tiết)

Bài 2: Sinh lý hệ thần kinh trung ương (5 tiết)

Bài 3: Sinh lý máu (5 tiết)

Bài 4: Sinh lý sinh sản, nội tiết (10 tiết)

4. Yêu cầu của môn học:

- Sinh viên cần đạt tối thiểu 80% giờ lý thuyết, tham gia đầy đủ các buổi thảo luận, Seminar và thực hành môn học.

- Sinh viên cần làm bài tập đầy đủ và tự nghiên cứu các bài thảo luận theo yêu cầu của giáo viên, hoàn thành bài thu hoạch sau khi thực hành.

5. Phương pháp giảng dạy:

Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

- Sinh viên phải chủ động tích cực trong học tập, tham gia đầy đủ các giờ học và thảo luận trên lớp, chuẩn bị bài theo yêu cầu của giáo viên trước khi lên lớp. Có đầy đủ 3 bài kiểm tra thường xuyên, 1 bài kiểm tra giữa kỳ và 1 bài thi cuối kỳ.

- Sinh viên được cán bộ giảng dạy giới thiệu các nguồn tài liệu tham khảo có liên quan tới nội dung của học phần dùng cho việc học các tiết lý thuyết trên lớp, nội dung thảo luận nhóm, các bài viết chuyên đề, bài thu hoạch cá nhân các phần tự nghiên cứu có hướng dẫn của giáo viên.

- Thái độ học tập cần nghiêm túc, nhiệt tình, ham học hỏi, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu giảng viên giao cho.

- Việc tham gia đầy đủ và chuyên cần các hoạt động học tập trên lớp, kết quả chuẩn bị các buổi thảo luận, tinh thần và ý thức tích cực tham gia thảo luận được đánh giá qua điểm rèn luyện thường xuyên của sinh viên.

- Tham gia đầy đủ các bài thực hành trong phòng thí nghiệm, cũng như ở cơ sở sản xuất, nắm vững phần lý thuyết của các bài thực hành, từng bước tập các thao tác để tiến tới có thể sử dụng và sử dụng thành thạo dụng cụ phòng thí nghiệm; phân tích, đánh giá được thực trạng vệ sinh tại 1 cơ sở chăn nuôi. Những sinh viên thiếu giờ học phần thực hành phải thực hiện đầy đủ mới được tham gia thi kết thúc học phần cuối kỳ.

- Có bài viết thu hoạch phần tự học theo hướng dẫn của giáo viên được cụ thể trong lịch trình tuần. Viết và nộp bài thu hoạch đúng thời gian quy định.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính

1. Phạm Kim Đăng, Nguyễn Bá Mùi, Cù Thị Thiên Thu, Nguyễn Thị Phương Giang và Nguyễn Bá Hiếu (2020) *Giáo trình sinh lý động vật - Phần 1*. NXB Nông nghiệp.
2. Cù Thị Thiên Thu, Nguyễn Phương Giang, Phạm Kim Đăng, Nguyễn Bá Mùi và Nguyễn Bá Hiếu (2020). *Bài Giảng sinh lý động vật phần 2*. NXB Nông nghiệp.

9.2. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Xuân Tịnh, Tiết Hồng Ngân, Nguyễn Bá Mùi, Lê Mộng Loan, hiệu đính GS.TS Cù Xuân Dân (1996). *Sinh lý học gia súc*. NXB Nông Nghiệp.
2. Hoàng Văn Tiến (1995). *Sinh lý gia súc*, NXB Nông Nghiệp

9.23. DI TRUYỀN ĐỘNG VẬT/ ANIMAL GENETIC 2TC (15,20,10)

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Khoa học vật nuôi

Điều kiện tiên quyết: Động vật học

1. Mô tả học phần:

Học phần di truyền động vật bao gồm: Cơ sở vật chất di truyền bản gồm các kiến thức đại cương về cơ sở vật chất di truyền ở mức độ phân tử (DNA, RNA), quá trình truyền đạt thông tin di truyền và bản chất của biến dị. Các qui luật di truyền Mendel và hiện tượng tương tác các gen allen và các gen không allen gồm các định luật và các phép lai cơ bản cũng như ứng dụng của các qui luật này trong lĩnh vực di truyền chọn giống động vật; Di truyền và xác định giới tính ở động vật; Di truyền quần thể và ứng dụng của nó trong chăn nuôi; Di truyền số lượng với các nội dung cơ bản về đặc trưng của các tính trạng số lượng và sự di truyền các tính trạng số lượng và phương pháp thống kê đánh giá tính trạng số lượng; Di truyền miễn dịch với các khái niệm miễn dịch, kháng nguyên, kháng thể; Di truyền tập tính động vật với các kiến thức cơ bản về bản năng và quá trình hình thành ý thức của vật nuôi; ứng dụng của di truyền tập tính trong chăn nuôi và huấn luyện động vật.

Năng lực đạt được: Sau khi kết thúc học phần sinh viên có hiểu biết đầy đủ về Cơ sở vật chất của di truyền; Các quy luật di truyền và hiện tượng tương tác gen; Di truyền và xác định giới tính ở động vật; Di truyền quần thể; Di truyền số lượng; Di truyền miễn dịch; Di truyền tập tính động vật; Có khả năng tính toán, xác định và giải thích được ý nghĩa của một số tham số trong nghiên cứu về di truyền của các tính trạng số lượng.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Sinh viên trình bày đầy đủ và chính xác các kiến thức cơ bản về:

Cơ sở vật chất của di truyền; Các quy luật di truyền và hiện tượng tương tác gen;
Di truyền và xác định giới tính ở động vật; Di truyền quần thể; Di truyền số lượng;
Di truyền miễn dịch; Di truyền tập tính động vật

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Vận dụng các kiến thức cơ bản để:

Mô tả về cấu trúc di truyền của vật chất di truyền; các thao tác trong việc thực hiện
làm và quan sát các tiêu bản NST,
Tính toán, xác định và giải thích được ý nghĩa của một số tham số trong nghiên cứu
về di truyền của các tính trạng số lượng.

2.2. Mục tiêu về thái độ:

Nhận thức đúng vai trò và tầm quan trọng của Di truyền động vật đối với việc phát
triển chăn nuôi nói riêng và trong công tác giống vật nuôi nói chung

3. Nội dung chi tiết học phần

A. Lý thuyết

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ VẬT CHẤT DI TRUYỀN (LT: 3; TL: 3 ; TH: 5)

1.1. Cơ sở vật chất di truyền ở mức độ phân tử

1.1.1. ADN

1.1.2. ARN

1.2. Cơ sở vật chất di truyền ở mức độ tế bào

1.2.1. Thành phần hoá học của nhiễm sắc thể

1.2.2. Cấu tạo hiển vi của nhiễm sắc thể

1.2.3. Hình thái, số lượng nhiễm sắc thể

1.3. Quá trình truyền đạt thông tin di truyền

1.3.1. Khái niệm mã di truyền

1.3.2. Giải mã di truyền

1.3.3. Phiên mã

1.3.4. Dịch mã

1.4. Khái niệm về gen

1.4.1. Cấu trúc của gen

1.4.2. Cơ chế điều hoà sinh tổng hợp protein

1.4.3. Những biến đổi của vật chất di truyền trong quá trình phát triển tính trạng

CHƯƠNG 2: CÁC QUY LUẬT DI TRUYỀN MENDEL VÀ HIỆN TƯỢNG TƯƠNG TÁC GEN (LT: 2; TL: 4)

2.1. Các quy luật di truyền Mendel

2.2. Tương tác gen

2.2.1. Tương tác gen allan

2.2.2. Tương tác gen không allan

CHƯƠNG 3: DI TRUYỀN VÀ XÁC ĐỊNH GIỚI TÍNH Ở ĐỘNG VẬT

(LT: 3; TL:2)

3.1. Nhiễm sắc thể giới tính và thuyết nhiễm sắc thể xác định giới tính

3.1.1. Nhiễm sắc thể giới tính

3.1.2. Thuyết nhiễm sắc thể về sự phân ly giới tính ở động vật.

3.2. Giới tính và môi trường

3.2.1. Giới tính do môi trường trong quyết định

3.2.2. Giới tính do môi trường ngoài quyết định

3.3. Một số tính trạng chịu ảnh hưởng của giới tính

3.4. Một số phương pháp điều hoà giới tính ở động vật

CHƯƠNG 4: DI TRUYỀN QUẦN THỂ

(LT: 2; TL: 4)

4.1. Khái niệm về quần thể

4.2. Định luật Hardy - Weinberg

4.3. Ứng dụng của định luật Hardy - Weinberg trong chăn nuôi

CHƯƠNG 5: DI TRUYỀN SỐ LƯỢNG (LT: 1; TL: 5 ; TH: 5)

5.1. Đặc trưng của các tính trạng số lượng

5.2. Thuyết đa gen

5.2.1. Sự di truyền tính trạng số lượng

5.2.2. Giả thuyết đa gen

5.3. Phương pháp thống kê đánh giá tính trạng số lượng

5.3.1. Phương pháp tần số

5.3.2. Giá trị trung bình (\bar{X})

5.3.3. Phương sai và độ lệch chuẩn (V, S_x)

5.3.4. Hệ số biến dị

5.3.5. Tương quan

5.4. Hệ số di truyền

CHƯƠNG 6: DI TRUYỀN MIỄN DỊCH (LT: 2; TL: 1)

6.1. Khái niệm về di truyền miễn dịch

6.1.1. Khái niệm

6.1.2. Kháng nguyên

6.1.3. Kháng thể

6.2. Sự di truyền về tính miễn kháng ở gia súc

6.3. Ứng dụng di truyền miễn dịch trong chăn nuôi

6.3.1. Nghiên cứu nhóm máu ở gia súc

6.3.2. Ứng dụng di truyền nhóm máu

CHƯƠNG 7: DI TRUYỀN TẬP TÍNH ĐỘNG VẬT (TL: 3)

7.1. Tập tính động vật

7.2. Quá trình hình thành và truyền đạt bản năng động vật

7.3. Quá trình hình thành ý thức động vật

B. Thực hành

1. Quan sát hình dạng NST ở các thời kỳ khác nhau (5 tiết)
2. Đánh giá sự phân ly tính trạng (Màu lông lợn) tại cơ sở sản xuất; Thực hiện thao tác tính một số tham số dùng trong di truyền số lượng. (5 tiết)

4. Yêu cầu của môn học:

- Sinh viên đạt tối thiểu 80% giờ lý thuyết, tham gia đầy đủ các buổi thảo luận, bài tập và thực hành môn học.
- Sinh viên cần làm các bài thu hoạch phân tự nghiên cứu một cách đầy đủ, các bài thảo luận theo yêu cầu của giáo viên, hoàn thành các bài viết chuyên đề.

5. Phương pháp giảng dạy:

Thuyết trình

Thảo luận,

Thực hành

6. Kế hoạch tư vấn: Dự kiến của GV

Trong buổi học đầu tiên, giảng viên nêu rõ nội dung, mục tiêu, chuẩn đầu ra của học phần, yêu cầu khác của học phần và định hướng những nhiệm vụ sinh viên cần làm cho phần thảo luận, tự học. Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan.

Cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

- Phòng học có máy chiếu
- Dụng cụ thực hành trong phòng thí nghiệm đầy đủ
- Thư viện đáp ứng đầy đủ các học liệu bắt buộc và học liệu tham khảo cho sinh viên.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Tài liệu bắt buộc

1. Phan Cự Nhân (2001) *Di truyền động vật*. NXB KHKT HN.

9.2. Tài liệu tham khảo

1. Đinh Đoàn Đông (2009) *Cơ sở di truyền học phân tử và tế bào - Di truyền học số lượng*. NXB ĐHQG HN
2. Phạm Thành Hồ (2001) *Di truyền học*. NXB GD.

9.24. BỆNH LÝ THÚ Y/VETERINARY PATHOLOGY

3TC (20,30,20)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: BM Khoa học Vật nuôi
- Điều kiện tiên quyết: Sinh lý gia súc

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Các khái niệm về bệnh lý; Vòng xoắn bệnh lý; Bệnh lý tế bào; Nguyên nhân và cơ chế gây tổn thương tế bào; Rối loạn chuyển hóa của các chất glucit, protit, lipit, nước và chất điện giải; Rối loạn tuần hoàn cục bộ; Một số hiện tượng rối loạn tuần hoàn cục bộ thường gặp; Viêm; Rối loạn điều hòa thân nhiệt.

Năng lực đạt được: Sinh viên hiểu được các khái niệm về bệnh lý; Mô tả, giải thích được những biến đổi bệnh lý xảy ra ở tế bào bởi các nguyên nhân khác nhau, hiện tượng rối loạn chuyển hóa các chất, hiện tượng rối loạn tuần hoàn cục bộ, viêm, sốt và hậu quả của nó. Nhận biết được quá trình biến đổi bệnh lý trong một căn bệnh ở gia súc; Mô khám bệnh tích, quan sát được những biến đổi bệnh tích trong mối liên quan với triệu chứng.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức

- Về kiến thức

Sau khi học xong học phần này sinh viên cần biết được:

- Sinh viên biết được khái quát về môn học.
 - Biết được khái niệm về bệnh để định hướng đúng cho vấn đề điều trị.
 - Hiểu rõ về bệnh nguyên học để vận dụng trong công tác chẩn đoán.
 - Hiểu rõ bản chất về sinh bệnh học để vận dụng vào các chương sau.
 - Có kiến thức cơ bản về hoạt động sống của tế bào khi bình thường và lúc bị bệnh làm cơ sở để học các học phần kế tiếp.
 - Biết kiến thức chuyển hóa bình thường của các chất để hiểu, so sánh khi bị rối loạn chuyển hóa P, G, L.
 - Hiểu rõ được hiện tượng xung huyết cục bộ để vận dụng trong chẩn đoán bệnh tích.
 - Hiểu rõ được hiện tượng chảy máu cục bộ để vận dụng trong chẩn đoán bệnh tích.
 - Phân biệt được những điểm khác biệt cơ bản trong các hiện tượng rối loạn tuần hoàn cục bộ thường gặp để vận dụng trong chẩn đoán theo bệnh tích.
 - Hiểu được bản chất của viêm để làm cơ sở để học các môn tiếp theo.
 - Phân biệt được những điểm khác biệt cơ bản trong các hiện tượng viêm thường gặp để vận dụng trong chẩn đoán theo bệnh tích.
 - Hiểu được bản chất của sốt làm cơ sở để học các môn tiếp theo.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Biết được những biến đổi bệnh lý khi gây bệnh cho gia súc. Ứng dụng vào chẩn đoán bệnh.

- Biết mô khám gia súc, gia cầm để chẩn đoán bệnh tích ở các môn kế tiếp.
- Kỹ năng nói trước đám đông cho sinh viên thông qua các buổi thảo luận và xêmina.

2.3. Mục tiêu về thái độ

+ Người học có thái độ học tập đúng đắn: tích cực tham khảo tài liệu liên quan đến nội dung môn học. Tích cực trong vận dụng kiến thức môn học vào thực tiễn chăn nuôi.

+ Phải chuẩn bị các nội dung theo yêu cầu của giáo viên trước khi lên lớp theo lịch trình (thảo luận, tự học, bài viết chuyên đề...)

+ Tích cực đọc các tài liệu giáo viên đã hướng dẫn để chuẩn bị bài chu đáo. Tích cực tham gia thảo luận nhóm, viết báo cáo chuyên đề, viết bài thu hoạch tự học đầy đủ.

3. Nội dung chi tiết học phần

Bài mở đầu: Giới thiệu môn học

1.1. Khái niệm về bệnh lý học (1 LT)

1.2. Nội dung học phần

1.3. Mục đích, ý nghĩa của môn học

1.4. Phương pháp nghiên cứu môn học.

CHƯƠNG I. CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN

(4LT, TL 4)

1.1. Khái niệm về bệnh

1.1.1. Sơ lược khái niệm về bệnh qua các thời đại

1.1.2. Những điều cần chú ý trong khái niệm về bệnh.

1.2. Bệnh nguyên học

1.2.1. Một số quan niệm sai lầm về nguyên nhân bệnh học

1.2.2. Quan niệm khoa học về nguyên nhân bệnh học

1.2.3. Phân loại các yếu tố bệnh nguyên.

1.3. Sinh bệnh học

1.3.1. Khái niệm

1.3.2. Vai trò của yếu tố bệnh nguyên trong quá trình sinh bệnh.

1.3.3. Ý nghĩa về tính phản ứng của cơ thể trong quá trình sinh bệnh

1.3.4. Quan hệ giữa cục bộ và toàn thân trong quá trình sinh bệnh.

1.3.5. Vòng xoắn bệnh lý.

1.3.6. Các giai đoạn phát triển của bệnh.

1.3.7. Cơ chế phục hồi sức khỏe.

CHƯƠNG 2: TỔN THƯƠNG CƠ BẢN CỦA TẾ BÀO VÀ MÔ (2LT, TL 4)

2.1. Đại cương về tế bào bình thường

2.2. Nguyên nhân và cơ chế gây tổn thương tế bào

2.3. Tổn thương tế bào.

2.4. Hoại tử ở tế bào và mô

CHƯƠNG 3: RỐI LOẠN CHUYỂN HÓA CÁC CHẤT- THOÁI HÓA CỦA MÔ BÀO (2LT, TL 4)

3.1. Đại cương về rối loạn chuyển hóa

3.2. Rối loạn chuyển hoá glucit

3.3. Rối loạn chuyển hoá lipit

3.4. Rối loạn chuyển hoá protit

3.5. Rối loạn chuyển hoá nước và điện giải.

3.6. Rối loạn cân bằng axit- bazơ và những biểu hiện bệnh lý

3.5. Rối loạn chuyển hoá canxi

CHƯƠNG 4: BỆNH LÝ HỌC VỀ RỐI LOẠN TUẦN HOÀN CỤC BỘ

(2LT, TL 5)

4.1. Đại cương

4.2. Sung huyết động mạch

4.3. Sung huyết tĩnh mạch

4.4. Thiếu máu cục bộ

4.5. Nhồi máu

4.6. Huyết khối

4.7. Lấp quản

4.8. Xuất huyết

4.9. Phù

CHƯƠNG 5: VIÊM VÀ TU SỬA VẾT THƯƠNG

(4LT, TL 8)

5.1. Khái niệm

5.2. Nguyên nhân

5.3. Phản ứng chính tại ổ viêm

5.4. Hậu quả của phản ứng tuần hoàn và tế bào trong viêm

5.5. Quan hệ của viêm với cơ thể

5.6. Phân loại viêm

5.7. Diễn biến của viêm

5.8. Tu sửa vết thương

5.9. Bại huyết

CHƯƠNG 6: BỆNH LÝ RỐI LOẠN ĐIỀU HÒA NHIỆT

(2LT, TL 3)

6.1. Đại cương

6.2. Trung khu điều hòa nhiệt và rối loạn trung khu điều hòa nhiệt

6.3. Thân nhiệt

6.4. Sốt và tăng thân nhiệt

6.5. Hạ thân nhiệt

6.6. Mất nhiệt

CHƯƠNG 7: BỆNH LÝ QUÁ TRÌNH MIỄN DỊCH

(2LT, TL 1)

7.1. Các bệnh gây ra bởi hiện tượng quá mẫn

7.2. Các Bệnh tự miễn

7.3. Thiếu hụt miễn dịch

CHƯƠNG 8: RỐI LOẠN SINH TRƯỞNG TỔ CHỨC

(1LT, TL 1)

8.1. Khái niệm rối loạn sinh trưởng tổ chức

8.1. Hiện tượng phát triển nhược sinh

8.2. Hiện tượng phát triển ưu sinh

Phần thực hành

Bài 1: Quan sát một số hình ảnh bệnh tích đại thể và vi thể của một số cơ quan bị bệnh. (5 tiết)

Bài 2: Nhận biết quá trình biến đổi bệnh lý trong một căn bệnh ở gia súc, gia cầm (10 tiết)

Bài 3: Phương pháp mổ và khám xác chết gia súc, gia cầm. (5 tiết)

4. Yêu cầu của môn học:

- Sinh viên cần đạt tối thiểu 80% giờ lý thuyết, tham gia đầy đủ các buổi thảo luận, Seminar và thực hành môn học.
- Sinh viên cần làm bài tập đầy đủ và tự nghiên cứu các bài thảo luận theo yêu cầu của giáo viên, hoàn thành bài thu hoạch sau khi thực hành.

5. Phương pháp giảng dạy:

Phương pháp giảng dạy: Áp dụng các phương pháp thuyết giảng kết hợp tổ chức dạy học theo nhóm, dạy học dựa trên vấn đề, sử dụng câu hỏi trắc nghiệm khách quan trong giảng dạy, sử dụng phim tư liệu trong giảng dạy, giảng dạy thông qua thảo luận, giảng dạy thông qua tham quan thực tế.

6. Kế hoạch tư vấn:

- Sinh viên phải chủ động tích cực trong học tập, tham gia đầy đủ các giờ học và thảo luận trên lớp, chuẩn bị bài theo yêu cầu của giáo viên trước khi lên lớp. Có đầy đủ 4 bài kiểm tra thường xuyên, 1 bài kiểm tra giữa kỳ và 1 bài thi cuối kỳ.

- Sinh viên được cán bộ giảng dạy giới thiệu các nguồn tài liệu tham khảo có liên quan tới nội dung của học phần dùng cho việc học các tiết lý thuyết trên lớp, nội dung thảo luận nhóm, các bài viết chuyên đề, bài thu hoạch cá nhân các phần tự nghiên cứu có hướng dẫn của giáo viên.

- Thái độ học tập cần nghiêm túc, nhiệt tình, ham học hỏi, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu giảng viên giao cho.

- Việc tham gia đầy đủ và chuyên cần các hoạt động học tập trên lớp, kết quả chuẩn bị các buổi thảo luận, tinh thần và ý thức tích cực tham gia thảo luận được đánh giá qua điểm rèn luyện thường xuyên của sinh viên.

- Tham gia đầy đủ các bài thực hành trong phòng thí nghiệm, cũng như ở cơ sở sản xuất, nắm vững phần lý thuyết của các bài thực hành, từng bước tập các thao tác để tiến tới có thể sử dụng và sử dụng thành thạo dụng cụ phòng thí nghiệm; Những sinh viên thiếu giờ học phần thực hành phải thực hiện đầy đủ mới được tham gia thi kết thúc học phần cuối kỳ.

- Có bài viết thu hoạch phần tự học theo hướng dẫn của giáo viên được cụ thể trong lịch trình tuần. Viết và nộp bài thu hoạch đúng thời gian quy định.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính

1. Nguyễn Hữu Nam, Nguyễn Thị Lan, Bùi Trần Anh Đào (2014). *Giáo trình Bệnh lý thú y 1*. NXB ĐH Nông Nghiệp

9.2. Học liệu tham khảo

1. Nguyễn Quang Tuyên (2007). *Giáo trình sinh lý bệnh thú y*, trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên.

2. Cao Xuân Ngọc (1997), *Giải phẫu bệnh đại cương thú y*. Nhà xuất bản Nông nghiệp Hà Nội

9.25. CHẨN ĐOÁN BỆNH GIA SÚC/DIAGNOSIS OF ANIMAL DISEASES

3TC (20,30,20)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: BM Khoa học Vật nuôi

- Điều kiện tiên quyết: Dược lý thú y, giải phẫu – mô động vật.

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Đại cương về chẩn đoán bệnh học. Các khái niệm cơ bản về chẩn đoán bệnh. Một số thuật ngữ dùng trong chẩn đoán bệnh thú y. Phương pháp kiểm tra lâm sàng, phi lâm sàng, phương pháp khám chung, các biểu hiện bệnh lý trên da, lông, niêm mạc, khám hệ thống các hệ cơ quan chủ yếu; hệ tiêu hoá, hô hấp, tim mạch, tiết niệu. thần kinh, xét nghiệm máu.

Năng lực đạt được: Người học hiểu được các kiến thức cơ bản về chẩn đoán bệnh. Phân biệt được các triệu chứng bệnh lý, chỉ tiêu bệnh lý và sinh lý. Áp dụng được kiến thức để chẩn đoán các bệnh thông thường trên gia súc.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các phương pháp chẩn đoán bệnh, chẩn đoán bệnh ở một số hệ cơ quan khi gia súc bị bệnh.

- Biết được các đặc điểm, về triệu chứng lâm sàng, các chỉ tiêu sinh lý của từng bệnh nội khoa.

- Biết được các phương pháp chẩn đoán bệnh, tiên lượng của bệnh để đạt hiệu quả cao trong công tác thú y sau khi ra trường

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Rèn luyện kỹ năng sử dụng các dụng cụ cơ bản dùng trong chẩn đoán bệnh trên lâm sàng.

- Thực hiện chính xác các thao tác cơ bản, các bước tiến hành trong chẩn đoán bệnh cho gia súc.

- Đánh giá, phán đoán về tiên lượng bệnh để có cách xử lý phù hợp trong điều trị.

2.3. Mục tiêu về thái độ

+ Tôn trọng các nhà khoa học, giảng viên giảng dạy môn học này cũng như các môn học khác có trong chương trình.

- + Tự nghiên cứu bài trước khi đến lớp và ôn bài sau khi học trên lớp
- + Tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp cũng như các buổi thảo luận, các buổi thực hành thực tập tại phòng thí nghiệm và ngoại sản xuất.
- + Hoàn thành đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá của giảng viên
- + Thực hành môn học: Thực hiện tốt các thao tác mà nội yêu cầu.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: HIỂU BIẾT VỀ CHẨN ĐOÁN BỆNH GIA SÚC

(Lý thuyết: 1 tiết; Thảo luận: 1 tiết; Thực hành: 1 tiết)

- 1.1. Một số khái niệm trong chẩn đoán bệnh
 - 1.1.1. Khái niệm chẩn đoán
 - 1.1.2. Khái niệm triệu chứng
 - 1.1.3. Khái niệm tiên lượng
- 1.2. Các phương pháp khám bệnh
 - 1.2.1. Phương pháp khám lâm sàng
 - 1.2.2. Phương pháp khám phi lâm sàng (trong phòng thí nghiệm)
- 1.3. Trình tự khám bệnh
 - 1.3.1. Đăng ký khám bệnh
 - 1.3.2. Hỏi bệnh sử
 - 1.3.3. Khám lâm sàng (tại chỗ)

CHƯƠNG 2: KHÁM CHUNG

(Lý thuyết: 2 tiết; Thảo luận: 3 tiết; Thực hành: 1 tiết)

- 2.1. Trạng thái gia súc
 - 2.1.1. Thể cốt gia súc
 - 2.1.2. Dinh dưỡng
 - 2.1.3. Tư thế gia súc
 - 2.1.4. Thể trạng gia súc
- 2.2. Khám niêm mạc
 - 2.2.1. Ý nghĩa chẩn đoán
 - 2.2.2. Phương pháp khám
 - 2.2.3. Những trạng thái thay đổi màu sắc của niêm mạc
- 2.3. Khám hạch lâm ba
 - 2.3.1. Ý nghĩa chẩn đoán
 - 2.3.2. Phương pháp khám
 - 2.3.3. Những triệu chứng
- 2.4. Khám lông và da
 - 2.4.1. Ý nghĩa chẩn đoán
 - 2.4.2. Phương pháp khám
 - 2.4.3. Những triệu chứng
- 2.5. Đo thân nhiệt
 - 2.5.1. Thân nhiệt

2.5.2 Sốt

2.5.3. Thân nhiệt quá thấp

CHƯƠNG 3: KHÁM HỆ TIM MẠCH

(Lý thuyết: 2 tiết; Thảo luận: 3 tiết; Thực hành: 2 tiết)

3.1. Khám tim

3.1.1. Nhìn vùng tim

3.1.2. Sờ vùng tim

3.1.3. Gõ vùng tim

3.1.4. Nghe tim

3.1.5. Tụ âm

3.1.6 Điện tim đồ

3.2. Khám mạch quản

3.2.1. Mạch đập

3.2.2. Khám tĩnh mạch

3.2.3. Khám chức năng tim

CHƯƠNG 4: KHÁM HỆ HÔ HẤP

(Lý thuyết: 2 tiết; Thảo luận: 3 tiết; Thực hành: 2 tiết)

4.1. Khám động tác hô hấp

4.1.1. Tần số hô hấp

4.1.2. Thở khó

4.2. Khám đường hô hấp

4.2.1. Nước mũi

4.2.2. Khám niêm mạc mũi

4.2.3. Khám xoang mũi

4.2.4. Khám thanh quản và khí quản

4.2.5. Kiểm tra ho

4.3. Khám ngực

4.3.1. Nhìn vùng ngực

4.3.2. Gõ vùng ngực

4.3.3. Nghe phổi

4.4. Xét nghiệm đờm

CHƯƠNG 5: KHÁM HỆ TIÊU HÓA

(Lý thuyết: 2 tiết; Thảo luận: 3 tiết; Thực hành: 2 tiết)

5.1. Kiểm tra trạng thái ăn uống

5.2. Khám miệng

5.3. Khám họng

5.4. Khám thực quản

5.5. Khám vùng bụng

5.6. Khám dạ dày

5.7. Khám ruột

5.8. Khám phân

5.9 Khám gan

CHƯƠNG 6: KHÁM HỆ THÔNG TIẾT NIỆU

(Lý thuyết: 2 tiết; Thảo luận: 3 tiết; Thực hành: 1 tiết)

6.1. Khám động tác đi tiểu

6.1.1. Tư thế đi tiểu

6.1.2. Số lần đi tiểu

6.2. Khám thận

6.2.1. Những triệu chứng chung

6.2.2. Nhìn và sờ nắn vùng thận

6.2.3. Thử nghiệm các chức năng thận

6.3. Khám niệu đạo

6.4. Khám bàng quang

6.5. Xét nghiệm nước tiểu

CHƯƠNG 7. KHÁM HỆ THẦN KINH

(Lý thuyết: 2 tiết; Thảo luận: 3 tiết; Thực hành: 1 tiết)

7.1. Khám đầu và cột sống

7.2 Khám chức năng thần kinh trung khu

7.3 Khám chức năng vận động

7.4. Khám cảm giác ở da

7.5 Khám các khí quan cảm giác

7.6 Kiểm tra phản xạ

7.7 Kiểm tra thần kinh thực vật

CHƯƠNG 8. XÉT NGHIỆM MÁU

(Lý thuyết: 2 tiết; Thảo luận: 3 tiết; Thực hành: 0 tiết)

8.1. Lấy máu xét nghiệm

8.2. Xét nghiệm lý tính

8.3 Hóa tính của máu

8.4. Xét nghiệm tế bào máu

Phần thực hành

Bài 1: Các phương pháp khám lâm sàng (5 tiết)

Bài 2: Khám hệ hô hấp, hệ tiêu hóa của gia súc (5 tiết)

4. Yêu cầu của môn học:

- Sinh viên cần đạt tối thiểu 80% giờ lý thuyết, tham gia đầy đủ các buổi thảo luận, Seminar và thực hành môn học.

- Sinh viên cần làm bài tập đầy đủ và tự nghiên cứu các bài thảo luận theo yêu cầu của giáo viên, hoàn thành bài thu hoạch sau khi thực hành.

5. Phương pháp giảng dạy:

Phương pháp giảng dạy: Áp dụng các phương pháp thuyết giảng kết hợp tổ chức dạy học theo nhóm, dạy học dựa trên vấn đề, sử dụng câu hỏi trắc nghiệm khách quan trong giảng dạy, sử dụng phim tư liệu trong giảng dạy, giảng dạy thông qua thảo luận, giảng dạy thông qua tham quan thực tế.

6. Kế hoạch tư vấn:

- Sinh viên phải chủ động tích cực trong học tập, tham gia đầy đủ các giờ học và thảo luận trên lớp, chuẩn bị bài theo yêu cầu của giáo viên trước khi lên lớp. Có đầy đủ 3 bài kiểm tra thường xuyên, 1 bài kiểm tra giữa kỳ và 1 bài thi cuối kỳ.

- Sinh viên được cán bộ giảng dạy giới thiệu các nguồn tài liệu tham khảo có liên quan tới nội dung của học phần dùng cho việc học các tiết lý thuyết trên lớp, nội dung thảo luận nhóm, các bài viết chuyên đề, bài thu hoạch cá nhân các phần tự nghiên cứu có hướng dẫn của giáo viên.

- Thái độ học tập cần nghiêm túc, nhiệt tình, ham học hỏi, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu giảng viên giao cho.

- Việc tham gia đầy đủ và chuyên cần các hoạt động học tập trên lớp, kết quả chuẩn bị các buổi thảo luận, tinh thần và ý thức tích cực tham gia thảo luận được đánh giá qua điểm rèn luyện thường xuyên của sinh viên.

- Tham gia đầy đủ các bài thực hành trong phòng thí nghiệm, cũng như ở cơ sở sản xuất, nắm vững phần lý thuyết của các bài thực hành. - Có bài viết thu hoạch phần tự học theo hướng dẫn của giáo viên được cụ thể trong lịch trình tuần. Viết và nộp bài thu hoạch đúng thời gian quy định.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính

1. Chu Đức Thắng (2007) *Chẩn đoán bệnh gia súc*. NXB Nông nghiệp Hà Nội

9.2. Tài liệu tham khảo

1. Hồ Văn Nam (1997), *Chẩn đoán lâm sàng thú y*, NXB Nông nghiệp Hà Nội.

2. Nguyễn Thế Khánh (1999) Phạm Tử Dương. *Xét nghiệm sử dụng trong lâm sàng*. NXB Y học. Hà Nội .

9.26. DINH DƯỠNG ĐỘNG VẬT/ANIMAL NUTRITION 3TC (20, 30, 20)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Khoa học vật nuôi

- Điều kiện tiên quyết: Sinh lý động vật, Hóa sinh

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Vai trò của các chất dinh dưỡng có trong thức ăn đối với cơ thể động vật. Sự chuyển hóa năng lượng thức ăn trong cơ thể động vật, các phương pháp xác định giá trị dinh dưỡng thức ăn. Phương pháp xác định nhu cầu dinh dưỡng ở trạng thái duy trì, sinh trưởng, mang thai, tiết sữa và đẻ trứng cho gia súc, gia cầm. Tiêu chuẩn ăn và phương pháp xây dựng khẩu phần ăn cho gia súc gia cầm.

Năng lực đạt được: Người học trình bày được vai trò của các chất dinh dưỡng đối với vật nuôi bao gồm dinh dưỡng nước, protein và axit amin, carbohydrate, lipid, khoáng và vitamin, giải thích được cơ sở khoa học của các phương pháp đánh giá giá trị dinh dưỡng của thức ăn, Xác định được nhu cầu dinh dưỡng của vật nuôi cho duy trì, sinh trưởng, sinh sản và tiết sữa. Xác định được hàm lượng một số thành phần dinh dưỡng cơ bản của thức ăn như protein thô, xơ thô, béo thô, canxi, photpho, khoáng tổng số... Phối hợp được khẩu phần ăn đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng cho từng đối tượng vật nuôi dựa trên các nguyên liệu thức ăn sẵn có.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Sau khi kết thúc học phần, người học trình bày được các kiến thức về:

- Vai trò của các chất dinh dưỡng đối với vật nuôi bao gồm: dinh dưỡng nước, protein và axit amin, năng lượng, khoáng và vitamin.

- Các dạng năng lượng thức ăn và các hệ thống năng lượng thức ăn.

Người học giải thích được cơ sở khoa học của các phương pháp đánh giá giá trị dinh dưỡng của thức ăn.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Sau khi kết thúc học phần, người học có được các kỹ năng:

- Xác định được nhu cầu dinh dưỡng của gia súc, gia cầm cho duy trì, sinh trưởng, sinh sản và tiết sữa.

- Phân tích được các thành phần dinh dưỡng cơ bản của thức ăn như hàm lượng protein thô, béo thô, canxi, photpho, khoáng tổng số...

- Phối hợp được khẩu phần ăn đáp ứng tiêu chuẩn ăn của từng đối tượng vật nuôi

2.3. Mục tiêu về thái độ

+ Nghiêm túc trong học tập, tích cực, chủ động trong làm việc nhóm.

+ Tích cực tham gia thảo luận nhóm, seminar, viết báo cáo chuyên đề, viết bài thu hoạch tự học đầy đủ, có chất lượng.

+ Có khả năng đánh giá, phân tích, tổng hợp và ứng dụng các kiến thức dinh dưỡng trong thực tế chăn nuôi

3. Nội dung chi tiết học phần

Phân lý thuyết

Chương 1: Dinh dưỡng nước

(LT: 1; TL: 2)

1.1. Khái niệm về chất dinh dưỡng

1.2. Dinh dưỡng nước

1.2.1. Vai trò và sự phân bố nước trong cơ thể vật nuôi

- 1.2.2. Những nhân tố ảnh hưởng tới nhu cầu nước uống
- 1.2.3. Nguồn cung cấp nước cho vật nuôi
- 1.2.4. Các trạng thái khô của thức ăn

Chương 2: Dinh dưỡng protein và axit amin (LT: 3; TL: 2)

- 2.1. Dinh dưỡng protein
 - 2.1.1. Định nghĩa và phân loại
 - 2.1.2. Vai trò của protein
 - 2.1.3. Các chỉ tiêu đánh giá chất lượng protein thức ăn
 - 2.1.3.1. Protein thô
 - 2.1.3.2. Protein tiêu hoá
 - 2.1.3.3. Protein hấp thu được ở ruột non
 - 2.1.3.4. Protein thuần sử dụng
 - 2.1.3.5. Giá trị sinh học protein (Biological Value - BV)
 - 2.1.3.6. Tỷ lệ hiệu quả protein (Protein Efficiency Ratio - PER)
 - 2.2. Dinh dưỡng axit amin
 - 2.2.1. Định nghĩa và phân loại
 - 2.2.2. Đặc điểm nhu cầu axit amin của động vật
 - 2.2.2.1. Tuổi và loài
 - 2.2.2.2. Chức năng sản xuất
 - 2.2.2.3. Mức năng lượng trong khẩu phần
 - 2.2.2.4. Mức protein thô của khẩu phần
 - 2.2.3. Ý nghĩa của sự cân bằng axit amin và nguyên nhân của việc mất cân bằng axit amin khẩu phần
 - 2.2.3.1. Ý nghĩa của sự cân bằng axit amin
 - 2.2.3.2. Nguyên nhân của sự mất cân bằng axit amin
 - 2.2.4. Các cách xác định nhu cầu axit amin của động vật
 - 2.2.4.1. Xác định nhu cầu axit amin theo tốc độ sinh trưởng
 - 2.2.4.2. Xác định nhu cầu axit amin theo cân bằng nito
 - 2.2.4.3. Xác định nhu cầu axit amin dựa theo phân tích thành phần axit amin của protein cơ thể con vật
 - 2.3. Các biện pháp nâng cao chất lượng protein thức ăn
 - 2.3.1. Hỗn hợp các loại thức ăn với nhau
 - 2.3.2. Bổ sung axit amin công nghiệp
 - 2.3.3. Xử lý nhiệt: rang, hấp, nấu chín, sấy

Chương 3: Dinh dưỡng khoáng

(LT: 2; TL: 2)

- 3.1. Vai trò và dạng tồn tại của chất khoáng
 - 3.1.1. Vai trò của chất khoáng
 - 3.1.2. Dạng tồn tại của chất khoáng trong cơ thể
- 3.2. Các nguyên tố khoáng đa lượng
 - 3.2.1. Nhóm Canxi (Ca) và Phốtpho (P)
 - 3.2.2. Nhóm Natri (Na) và Clo (Cl)

- 3.3. Các nguyên tố khoáng vi lượng
 - 3.3.1. Sắt (Fe)
 - 3.3.1.1. Vai trò dinh dưỡng
 - 3.3.1.2. Biểu hiện khi thiếu sắt
 - 3.3.1.3. Nguồn cung cấp
 - 3.3.2. Đồng (Cu)
 - 3.3.3. Coban (Co)
 - 3.3.4. Iot (I)
 - 3.3.5. Mangan (Mn)
 - 3.3.6. Kẽm (Zn)
 - 3.3.7. Những nguyên tố độc Flo, Molipđen và Selen
- 3.4. Nguyên tắc bổ sung khoáng cho vật nuôi
 - 3.4.1. Đối với loài nhai lại
 - 3.4.2. Đối với lợn và gia cầm
- 3.5. Sự phân bố các chất khoáng trong thức ăn
- 3.6. Kiểm tra tình trạng dinh dưỡng khoáng của vật nuôi

Chương 4: Dinh dưỡng vitamin

(LT: 2; TL: 2)

- 4.1. Định nghĩa và phân loại
 - 4.1.1. Định nghĩa
 - 4.1.2. Phân loại
- 4.2. Vai trò và tác dụng của vitamin
 - 4.2.1. Nhóm vitamin hoà tan trong dầu mỡ
 - 4.2.1.1. Vitamin A (Retinol)
 - 4.2.1.2. Vitamin D (Canxiferol)
 - 4.2.1.3. Vitamin E (Tocoferol)
 - 4.2.2. Nhóm vitamin hoà tan trong nước
 - 4.2.2.1. Vitamin B₁ (Thiamin)
 - 4.2.2.2. Vitamin B₂ (Riboflavin)
 - 4.2.2.3. Vitamin B₆ (Piridoxal)
 - 4.2.2.4. Vitamin B₁₂ (Xyanocobalamin)
 - 4.2.2.5. Vitamin C (Axit ascorbic)
- 4.3. Những nguyên nhân gây thiếu vitamin
 - 4.3.1. Những nguyên nhân từ thức ăn
 - 4.3.2. Những nguyên nhân do cơ thể vật nuôi
 - 4.3.3. Những nguyên nhân từ môi trường và phương thức nuôi

Chương 5: Dinh dưỡng năng lượng (LT: 2; TL: 1)

- 5.1. Carbohydrat
 - 5.1.1. Phân loại
 - 5.1.2. Sự tiêu hoá và hấp thu Cacbohydrat
 - 5.1.3. Ý nghĩa dinh dưỡng của chất xơ
- 5.2. Lipit

- 5.2.1. Phân loại
- 5.2.2. Vai trò và đặc điểm dinh dưỡng của lipit
- 5.2.3. Sự ôxy hoá chất béo

Chương 6: Các phương pháp đánh giá giá trị dinh dưỡng của thức ăn
(LT: 2; TL: 1)

- 6.1. Phương pháp phân tích thức ăn
 - 6.1.1. Định nghĩa
 - 6.1.2. Phương pháp xác định các chất dinh dưỡng trong thức ăn
- 6.2. Phương pháp thử mức tiêu hoá
 - 6.2.1. Khái niệm về tỷ lệ tiêu hoá
 - 6.2.2. Các phương pháp xác định tỷ lệ tiêu hoá
 - 6.2.3. Những nhân tố ảnh hưởng tới tỷ lệ tiêu hoá thức ăn
- 6.3. Phương pháp cân bằng nitơ
 - 6.3.1. Định nghĩa
 - 6.3.2. Phương pháp
- 6.4. Phương pháp cân bằng các bon
 - 6.4.1. Định nghĩa
 - 6.4.2. Phương pháp

Chương 7: Năng lượng thức ăn và các hệ thống năng lượng thức ăn
(LT: 1; TL: 2)

- 7.1. Sơ đồ trao đổi năng lượng
- 7.2. Các dạng năng lượng của thức ăn
 - 7.2.1. Năng lượng thô
 - 7.2.2. Năng lượng tiêu hoá
 - 7.2.3. Năng lượng trao đổi
 - 7.2.4. Năng lượng thuần
- 7.3. Các hệ thống năng lượng thức ăn
 - 7.3.1. Hệ thống tổng các chất dinh dưỡng tiêu hoá (TDN)
 - 7.3.2. Hệ thống năng lượng trao đổi (ME)
 - 7.3.3. Hệ thống năng lượng thuần cho sữa (UFL)

Chương 8: Nhu cầu dinh dưỡng duy trì (LT: 2; TL: 4)

- 8.1. Nhu cầu trao đổi cơ bản (trao đổi đối)
 - 8.1.1. Định nghĩa
 - 8.1.2. Điều kiện xác định trạng thái trao đổi cơ bản
- 8.2. Định nghĩa nhu cầu duy trì của con vật
 - 8.2.1. Định nghĩa
 - 8.2.2. Phân biệt 2 trạng thái trao đổi cơ bản và duy trì
- 8.3. Các phương pháp xác định nhu cầu năng lượng duy trì
 - 8.3.1. Phương pháp nuôi dưỡng
 - 8.3.2. Phương pháp căn cứ vào năng lượng trao đổi cơ bản

- 8.3.3. Phương pháp dựa vào cân bằng nitơ - cacbon
- 8.4. Các phương pháp xác định nhu cầu protein cho duy trì
 - 8.4.1. Căn cứ vào lượng nitơ nội sinh và nitơ trao đổi
 - 8.4.2. Cân bằng nitơ
- 8.5. Những nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu duy trì
 - 8.5.1. Loài
 - 8.5.2. Tuổi và tính biệt
 - 8.5.3. Loại hình sản xuất
 - 8.5.4. Mức độ hoạt động
 - 8.5.5. Thể trọng
 - 8.5.6. Mức độ nuôi dưỡng
- 8.6. Ý nghĩa của việc xác định nhu cầu duy trì

Chương 9: Nhu cầu dinh dưỡng của gia súc sinh trưởng (LT: 1; TL: 4)

- 9.1. Đặc điểm của gia súc sinh trưởng
- 9.2. Các phương pháp xác định nhu cầu dinh dưỡng
 - 9.2.1. Các phương pháp xác định nhu cầu protein
 - 9.2.2. Phương pháp xác định nhu cầu năng lượng dựa vào nhu cầu duy trì
 - 9.2.3. Phương pháp xác định nhu cầu chất khoáng

Chương 10: Nhu cầu dinh dưỡng của gia súc sinh sản (LT: 1; TL: 4)

- 10.1. Nhu cầu dinh dưỡng của gia súc đực giống
 - 10.1.1. Vai trò của các chất dinh dưỡng đối với đực giống
 - 10.1.2. Nhu cầu dinh dưỡng của trâu bò đực giống
 - 10.1.3. Nhu cầu dinh dưỡng của lợn đực giống
- 10.2. Nhu cầu dinh dưỡng của gia súc có thai
 - 10.2.1. Đặc điểm của gia súc có thai
 - 10.2.2. Nhu cầu dinh dưỡng của gia súc có thai
- 10.3. Nhu cầu dinh dưỡng cho gà đẻ
 - 10.3.1. Nhu cầu năng lượng
 - 10.3.2. Nhu cầu protein

Chương 11: Nhu cầu dinh dưỡng của gia súc tiết sữa (LT: 1; TL: 4)

- 11.1. Thành phần hoá học của sữa
- 11.2. Quá trình tạo sữa
 - 11.2.1. Sự hình thành protein sữa
 - 11.2.2. Sự hình thành đường sữa
 - 11.2.3. Sự hình thành mỡ sữa
 - 11.2.4. Sự hình thành khoáng trong sữa
 - 11.2.5. Sự hình thành vitamin trong sữa
- 11.3. Ảnh hưởng của thức ăn tới số lượng và chất lượng sữa
 - 11.3.1. Ảnh hưởng của chất xơ trong thức ăn
 - 11.3.2. Ảnh hưởng của chất bột đường trong thức ăn
 - 11.3.3. Ảnh hưởng của protein thức ăn

- 11.3.4. Ảnh hưởng của mỡ trong thức ăn
- 11.3.5. Ảnh hưởng của chất khoáng trong thức ăn
- 11.3.6. Ảnh hưởng của vitamin trong thức ăn
- 11.4. Nhu cầu dinh dưỡng cho gia súc tiết sữa
- 11.4.1. Nhu cầu dinh dưỡng cho bò sữa
- 11.4.2. Nhu cầu dinh dưỡng cho lợn nái tiết sữa

Chương 12: Tiêu chuẩn và khẩu phần ăn

(LT: 2; TL: 3)

- 12.1. Khái niệm tiêu chuẩn và khẩu phần ăn
- 12.1.1. Tiêu chuẩn ăn
- 12.1.2. Khẩu phần ăn
- 12.2. Sự thu nhận thức ăn của gia súc, gia cầm
- 12.2.1. Các yếu tố ảnh hưởng tới sự thu nhận thức ăn của gà
- 12.2.2. Các yếu tố ảnh hưởng tới sự thu nhận thức ăn của lợn
- 12.2.3. Các yếu tố ảnh hưởng tới sự thu nhận thức ăn của gia súc nhai lại
- 12.3. Nguyên tắc phối hợp khẩu phần
- 12.3.1. Nguyên tắc khoa học
- 12.3.2. Nguyên tắc kinh tế
- 12.4. Phương pháp phối hợp khẩu phần

Phần thực hành (20 tiết)

Bài 1: Phân tích thành phần hóa học của thức ăn (10 tiết)

Bài 2: Xây dựng khẩu phần ăn cho gia súc, gia cầm (10 tiết)

4. Yêu cầu của môn học:

- Sinh viên đạt tối thiểu 80% giờ lý thuyết, tham gia đầy đủ các buổi thảo luận, bài tập và thực hành môn học.
- Sinh viên cần làm các bài thu hoạch phân tự nghiên cứu một cách đầy đủ, các bài thảo luận theo yêu cầu của giáo viên, hoàn thành các bài viết chuyên đề.

5. Phương pháp giảng dạy:

Thuyết trình

Thảo luận, Bài tập

Thực hành

6. Kế hoạch tự vấn: Dự kiến của giảng viên

Trong buổi học đầu tiên, giảng viên nêu rõ nội dung, mục tiêu, chuẩn đầu ra của học phần, yêu cầu khác của học phần và định hướng những nhiệm vụ sinh viên cần làm cho phần thảo luận, tự học. Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan.

Cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

- Phòng học có máy chiếu
- Dụng cụ thực hành trong phòng thí nghiệm đầy đủ

- Thư viện đáp ứng đầy đủ các học liệu bắt buộc và học liệu tham khảo cho sinh viên.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.
- Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính

1. Lê Đức Ngoan - Du Thanh Hằng (2014), *Giáo trình dinh dưỡng vật nuôi*, NXB Đại học Huế.

9.2. Tài liệu tham khảo

1. Dương Thanh Liêm (2008), *Thức ăn và dinh dưỡng gia cầm*. NXBNN TP. Hồ Chí Minh.
2. Tôn Thất Sơn (2006), *Giáo trình dinh dưỡng và thức ăn vật nuôi*. NXB Hà Nội. 2006.
3. Vũ Duy Giảng - Nguyễn Thị Lương Hồng - Tôn Thất Sơn (1997), *Dinh dưỡng và thức ăn gia súc*. NXBNN Hà Nội.

9.27. Chọn một trong hai học phần

a, THỨC ĂN CHĂN NUÔI/ANIMAL FEEDS

3TC (20, 30, 20)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Khoa học vật nuôi
- Điều kiện tiên quyết: Dinh dưỡng động vật

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Bao gồm kiến thức về phân loại thức ăn, đặc điểm dinh dưỡng và những lưu ý khi sử dụng các loại thức ăn thường dùng cho gia súc, gia cầm như thức ăn giàu năng lượng, thức ăn giàu protein, thức ăn xanh và thô khô, thức ăn hỗn hợp, thức ăn bổ sung và phụ gia. Nguyên lý và quy trình thực hiện một số phương pháp chế biến và dự trữ thức ăn hạt, thức ăn xanh, thức ăn thô giàu chất xơ. Cơ chế tác động, biện pháp phòng chống và xử lý các chất độc hại trong thức ăn. Công nghệ sản xuất thức ăn chăn nuôi.

Năng lực đạt được: Người học phân loại được một số loại thức ăn thường dùng trong chăn nuôi, Trình bày được quy trình công nghệ sản xuất thức ăn hỗn hợp, quy trình chế biến và dự trữ một số loại thức ăn thường dùng trong chăn nuôi; Hiểu và giải thích được: Nguyên lý của các phương pháp chế biến dự trữ thức ăn, tác hại và cơ chế tác động của một số chất độc và độc tố nấm mốc trong thức ăn chăn nuôi; Đánh giá được chất lượng một số loại thức ăn chăn nuôi thông dụng bằng phương pháp cảm quan; Phối hợp được khẩu phần và chế biến một số loại thức ăn cho vật nuôi.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Người học trình bày được các kiến thức về:

+ Đặc điểm dinh dưỡng và một số điểm cần chú ý khi sử dụng một số loại thức ăn thường dùng trong chăn nuôi

+ Quy trình chế biến và dự trữ một số loại thức ăn thường dùng trong chăn nuôi: thức ăn hỗn hợp, thức ăn hạt thức ăn xanh, thức ăn thô khô.

- Người học giải thích được:

+ Nguyên lý của các phương pháp chế biến dự trữ thức ăn chăn nuôi

+ Cơ chế tác động của một số chất độc và độc tố nấm mốc trong thức ăn chăn nuôi

+ Mục đích sử dụng, cơ chế tác động của một số loại thức ăn bổ sung lên đường tiêu hóa của vật nuôi như axit hữu cơ, enzyme, probiotics, prebiotics.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Sau khi kết thúc học phần, người học có được các kỹ năng sau:

+ Nhận biết và đánh giá cảm quan chất lượng một số loại nguyên liệu thức ăn chăn nuôi thông dụng

+ Thực hiện chế biến, dự trữ một số loại thức ăn chăn nuôi theo quy trình

+ Phối hợp được khâu phân ăn đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng cho từng đối tượng vật nuôi dựa trên các loại thức ăn đã có.

2.3. Mục tiêu về thái độ

+ Nghiêm túc trong học tập, tự giác, tích cực, chủ động, sáng tạo, chuẩn bị các nội dung theo yêu cầu của giáo viên trước khi lên lớp theo thời khoá biểu (lý thuyết, thảo luận, seminar, bài viết chuyên đề), tích cực tham gia thảo luận nhóm, viết báo cáo chuyên đề, viết bài thu hoạch tự học đầy đủ, có chất lượng.

+ Người học có ý thức sử dụng thức ăn chăn nuôi một cách hiệu quả, tiết kiệm, tránh lãng phí thức ăn gây ô nhiễm môi trường, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

3. Nội dung chi tiết học phần

Phần lý thuyết

Chương 1: Khái niệm và phân loại thức ăn

(LT: 2)

1.1. Khái niệm về thức ăn chăn nuôi

1.2. Phân loại thức ăn

1.2.1. Mục đích của phân loại thức ăn

1.2.2. Phương pháp phân loại thức ăn

Chương 2: Thức ăn giàu năng lượng

(LT: 4; TL: 5)

2.1. Đặc điểm dinh dưỡng và giá trị sử dụng

2.1.1. Hạt ngũ cốc

2.1.2. Củ và những nguyên liệu khác

2.2. Các loại thức ăn giàu năng lượng thường dùng trong chăn nuôi

2.2.1. Ngô và phụ phẩm ngành chế biến ethanol và đồ uống

2.2.2. Thóc và phụ phẩm xay xát

2.2.3. Củ sắn

- 2.2.4. Củ khoai lang
- 2.2.5. Rỉ mật đường
- 2.2.6. Mỡ động vật và dầu thực vật

Chương 3: Thức ăn giàu protein

(LT: 4; TL: 5)

- 3.1. Thức ăn giàu protein có nguồn gốc thực vật
 - 3.1.1. Hạt họ đậu
 - 3.1.2. Khô dầu
- 3.2. Thức ăn giàu protein có nguồn gốc động vật
 - 3.2.1. Bột cá
 - 3.2.2. Bột thịt, bột thịt xương, bột máu
 - 3.2.3. Sữa và các sản phẩm từ sữa
 - 3.2.4. Bột lông vũ
- 3.3. Thức ăn giàu protein nguồn gốc vi sinh vật
 - 3.3.1. Nấm men
 - 3.3.2. Tảo

Chương 4: Thức ăn xanh và thô khô

(LT: 2; TL: 4)

- 4.1. Thức ăn thô xanh
 - 4.1.1. Đặc điểm dinh dưỡng
 - 4.1.2. Những điểm cần chú ý khi sử dụng
 - 4.1.3. Một số loại thức ăn xanh
 - 4.1.3.1. *Cây hòa thảo*
 - 4.1.3.2. *Cây họ đậu*
 - 4.1.3.3. *Nhóm rau bèo*
- 4.2. Thức ăn thô khô
 - 4.2.1. Đặc điểm dinh dưỡng
 - 4.2.2. Một số loại thức ăn thô khô
 - 4.2.2.1. *Cỏ khô*
 - 4.2.2.2. *Rơm lúa*
- 4.3. Một số phụ phẩm nông nghiệp
 - 4.3.1. Ngọn lá sắn
 - 4.3.2. Ngọn lá mía
 - 4.3.3. Thân, lá, cây ngô

Chương 5: Thức ăn bổ sung và phụ gia

(LT: 5; TL: 9)

- 5.1. Khái niệm và phân loại
 - 5.1.1. Khái niệm thức ăn bổ sung
 - 5.1.2. Phân loại
- 5.2. Lợi ích của thức ăn bổ sung
- 5.3. Một số loại thức ăn bổ sung thường dùng trong chăn nuôi
 - 5.3.1. Thức ăn bổ sung dinh dưỡng
 - 5.3.1.1. Thức ăn bổ sung nitơ phi protein(urê)

- 5.3.1.2. Bổ sung axit amin công nghiệp
- 5.3.1.3. Thức ăn bổ sung khoáng
- 5.3.1.4. Thức ăn bổ sung vitamin
- 5.3.2. Thức ăn bổ sung chăn nuôi
- 5.3.2.1. Axit hữu cơ
- 5.3.2.2. Enzyme
- 5.3.2.3. Probiotic
- 5.3.2.4. Prebiotics
- 5.3.2.5. Chất hỗ trợ chức năng miễn dịch
- 5.3.2.5. Hormone và các chất thuộc nhóm β - Agonists
- 5.3.3. Chất phòng chống bệnh (kháng sinh)
- 5.3.4. Thức ăn bổ sung mang tính chất kỹ thuật và cải thiện tính chất cảm quan

Chương 6: Công nghệ sản xuất thức ăn công nghiệp (LT: 3; TL: 6)

- 6.1. Khái niệm thức ăn hỗn hợp, phân loại và cách dùng
 - 6.1.1. Khái niệm thức ăn hỗn hợp
 - 6.1.2. Phân loại và cách dùng
- 6.2. Thực trạng ngành công nghiệp sản xuất thức ăn Việt Nam và thế giới
 - 6.2.1. Tình hình sản xuất thức ăn chăn nuôi trên thế giới
 - 6.2.2. Phát triển của ngành công nghiệp thức ăn chăn nuôi Việt Nam
- 6.3. Sản xuất thức ăn hỗn hợp dạng bột
 - 6.3.1. Quy trình sản xuất thức ăn hỗn hợp dạng bột
 - 6.3.2. Các chỉ tiêu chất lượng của thức ăn hỗn hợp dạng bột
 - 6.3.3. Ưu điểm và nhược điểm của thức ăn hỗn hợp dạng bột
- 6.4. Sản xuất thức ăn hỗn hợp dạng viên
 - 6.4.1. Quy trình sản xuất thức ăn viên
 - 6.4.2. Ưu điểm của thức ăn viên
 - 6.4.3. Nhược điểm của thức ăn viên
- 6.5. Các quy định của Nhà nước về quản lý nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi

Chương 7: Độc tố trong thức ăn (LT: 4; TL: 5)

- 7.1. Khái niệm về chất gây độc trong thức ăn chăn nuôi
 - 7.1.1. Định nghĩa
 - 7.1.2. Các trạng thái ngộ độc
- 7.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ độc
 - 7.2.1. Liều lượng chất độc
 - 7.2.2. Yếu tố giống, loài động vật
 - 7.2.3. Lứa tuổi động vật
 - 7.2.4. Tính biệt
 - 7.2.5. Tình trạng sức khỏe và chế độ dinh dưỡng
 - 7.2.6. Trạng thái vật lý của chất độc
- 7.3. Các chất độc hại có sẵn trong thức ăn
 - 7.3.1. Xyangucosit (HCN)

- 7.3.2. Alkaloid (ví dụ solanin)
- 7.3.3. Nhóm chất saponin
- 7.3.4. Axit amin phi protein
- 7.4.5. Những chất kháng enzyme tiêu hoá protein
- 7.3.6. Nitrat và nitrit trong thức ăn thực vật
- 7.4. Độc tố nấm trong thức ăn
 - 7.4.1. Khái niệm và phân loại
 - 7.4.2. Những tác hại do độc tố nấm mốc sinh ra
 - 7.4.3. Các giai đoạn và nguồn gốc lây nhiễm độc tố nấm
 - 7.4.4. Mức an toàn của độc tố nấm trong thức ăn
 - 7.4.5. Những giải pháp phòng ngừa mycotoxin

Chương 8: Chế biến dự trữ thức ăn

(LT: 4; TL: 5)

- 8.1. Chế biến thức ăn giàu tinh bột
 - 8.1.1. Tính chất vật lý, hóa học của tinh bột
 - 8.1.2. Biến đổi vật lý, hóa học của tinh bột trong quá trình chế biến
 - 8.1.3. Các phương pháp chế biến thức ăn giàu tinh bột
- 8.2. Chế biến thức ăn xanh (ủ xanh)
 - 8.2.1. Nguyên lý ủ xanh
 - 8.2.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến quá trình ủ xanh
 - 8.2.3. Kỹ thuật ủ xanh dây lá khoai lang
 - 8.2.4. Kỹ thuật ủ cỏ tươi
 - 8.2.5. Lợi ích của thức ăn ủ xanh và cách sử dụng
- 8.3. Các phương pháp xử lý rơm
 - 8.3.1. Phương pháp vật lý
 - 8.3.2. Phương pháp sinh học
 - 8.3.3. Phương pháp hóa học
- 8.4. Chế biến bánh dinh dưỡng
 - 8.4.1. Công thức, chuẩn bị nguyên liệu
 - 8.4.2. Quy trình chế biến
 - 8.4.3. Những lưu ý khi sử dụng

Phần thực hành (20 tiết)

Bài 1: Nhận biết và đánh giá chất lượng một số loại nguyên liệu thức ăn bằng phương pháp cảm quan **(10 tiết)**

Bài 2: Chế biến và dự trữ thức ăn gia súc **(10 tiết)**

4. Yêu cầu của môn học:

- Sinh viên đạt tối thiểu 80% giờ lý thuyết, tham gia đầy đủ các buổi thảo luận, bài tập và thực hành môn học.
- Sinh viên cần làm các bài thu hoạch phân tự nghiên cứu một cách đầy đủ, các bài thảo luận theo yêu cầu của giáo viên, hoàn thành các bài viết chuyên đề.

5. Phương pháp giảng dạy:

Thuyết trình

Thảo luận,
Thực hành

6. Kế hoạch tư vấn: Dự kiến của giảng viên

Trong buổi học đầu tiên, giảng viên nêu rõ nội dung, mục tiêu, chuẩn đầu ra của học phần, yêu cầu khác của học phần và định hướng những nhiệm vụ sinh viên cần làm cho phần thảo luận, tự học. Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan.

Cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

- Phòng học có máy chiếu
- Dụng cụ thực hành trong phòng thí nghiệm đầy đủ
- Thư viện đáp ứng đầy đủ các học liệu bắt buộc và học liệu tham khảo cho sinh viên.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.
- Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính

1. Lê Đức Ngoan, Nguyễn Thị Hoa Lý, Dư Thị Thanh Hằng (2005), *Giáo trình thức ăn gia súc*, NXB ĐH Nông nghiệp.

9.2. Tài liệu tham khảo

1. Dương Thanh Liêm (2006), *Thức ăn và dinh dưỡng động vật*, NXB Nông nghiệp TP. HCM.

2. Vũ Duy Giảng, Nguyễn Thị Lương Hồng, Tôn Thất Sơn (1997), *Dinh dưỡng và thức ăn gia súc*, NXB NN Hà Nội

b, THỨC ĂN BỔ SUNG VÀ PHỤ GIA/ FEED SUPPLEMENTS AND ADDITIVES

3TC (20, 30, 20)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Khoa học vật nuôi
- Điều kiện tiên quyết: Dinh dưỡng động vật

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Bao gồm các kiến thức về khái niệm, phân loại thức ăn bổ sung và phụ gia, lợi ích của việc dùng thức ăn bổ sung. Thức ăn bổ sung và vấn đề an toàn thực phẩm. Nhóm thức ăn bổ sung dinh dưỡng: Premix khoáng, vitamin, hoạt chất và chất mang sử dụng trong sản xuất premix. Đặc điểm một số loại thức ăn bổ sung và phụ gia sử dụng trong thức ăn chăn nuôi. Nhóm thuốc thú y: chất phòng chống bệnh. Nhóm thức ăn bổ sung chăn nuôi: chế phẩm sinh học sử dụng trong thức ăn chăn nuôi nâng cao khả năng tiêu hoá, cân bằng vi sinh vật đường ruột, khử độc mycotoxin. Nhóm thức ăn bổ sung mang tính kỹ thuật (phụ gia công nghệ): chất bảo

quản, chất nhũ hoá, chất kết dính, chất chống oxy hoá, chất chống vón. Nhóm thức ăn bổ sung cải thiện tính chất cảm quan: chất nhuộm màu, hương liệu làm tăng mùi vị và độ ngon của thức ăn.

Năng lực đạt được: Người học sử dụng thức ăn bổ sung vào khẩu phần ăn cho vật nuôi một cách hợp lý, đúng mục đích, đối tượng, giai đoạn nhằm mục đích cải thiện khả năng tiêu hóa, hấp thu dinh dưỡng và tăng cường sức khỏe cho vật nuôi đồng thời làm tăng giá trị sinh học, mùi vị, phẩm chất của thức ăn.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Người học trình bày được các kiến thức về:

- + Phân loại các nhóm thức ăn bổ sung và phụ gia
- + Sử dụng nhóm thức ăn bổ sung phù hợp cho từng đối tượng vật nuôi nhằm mục đích cải thiện khả năng tiêu hóa, hấp thu của vật nuôi, nâng cao giá trị dinh dưỡng, tính chất cảm quan của thức ăn, cải thiện khả năng sản xuất của vật nuôi, nâng cao hiệu quả kinh tế.
- + Sử dụng các nhóm chất phòng chống bệnh và chất bổ sung nhằm cải thiện sức khỏe của vật nuôi, tăng khả năng phòng chống bệnh cho vật nuôi.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Sau khi kết thúc học phần, người học có được các kỹ năng sau:

- + Sử dụng được các loại thức ăn bổ sung và phụ gia một cách hợp lý nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm chăn nuôi, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.
- + Sử dụng có hiệu quả một số chế phẩm sinh học: axit hữu cơ, enzyme, probiotic, prebiotic, synbiotic trong thức ăn chăn nuôi.

2.3. Mục tiêu về thái độ

- + Nghiêm túc trong học tập, tích cực, chủ động tìm hiểu tài liệu liên quan đến nội dung môn học.
- + Chuẩn bị các nội dung theo yêu cầu của giáo viên trước khi lên lớp theo thời khoá biểu (lý thuyết, thảo luận, bài viết chuyên đề); Tích cực tham gia thảo luận nhóm, viết báo cáo chuyên đề, viết bài thu hoạch tự học, bài thu hoạch thực hành đầy đủ, có chất lượng.
- + Nghiêm túc trong việc thực hiện và tuyên truyền cho người chăn nuôi trong sử dụng các loại thức ăn bổ sung cho gia súc gia cầm một cách hợp lý để đảm bảo vệ sinh môi trường và an toàn vệ sinh thực phẩm.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Khái niệm và phân loại thức ăn bổ sung

(LT: 2; TL: 3)

1.1. Khái niệm thức ăn bổ sung

1.2. Phân loại

1.2.1. Thức ăn bổ sung mang tính kỹ thuật

1.2.2. Thức ăn bổ sung cải thiện tính cảm quan

1.2.3. Thức ăn bổ sung dinh dưỡng

1.2.4. Thức ăn bổ sung chăn nuôi

- 1.2.5. Nhóm thuốc thú y phòng bệnh
- 1.3. Lợi ích của việc sử dụng thức ăn bổ sung
- 1.4. Thức ăn bổ sung và vấn đề an toàn thực phẩm
 - 1.4.1. Hormon và các chất kích thích dùng trong chăn nuôi
 - 1.4.2. Kháng sinh dùng trong chăn nuôi

Chương 2: Thức ăn bổ sung dinh dưỡng

(LT: 6; TL: 6)

- 2.1. Bổ sung axit amin sản xuất công nghiệp
 - 2.1.1. Tác dụng của việc bổ sung axit amin công nghiệp
 - 2.1.2. Nguyên tắc bổ sung axit amin công nghiệp
 - 2.1.3. Những loại axit amin công nghiệp thường dùng phổ biến
- 2.2. Bổ sung chất nitơ phi protein (Urê)
 - 2.2.1. Công thức hoá học
 - 2.2.2. Cơ sở khoa học của việc dùng urê cho loài nhai lại
 - 2.2.3. Lợi ích của việc bổ sung urê
 - 2.2.4. Nguyên tắc sử dụng urê
 - 2.2.5. Ngộ độc urê
 - 2.2.7. Biện pháp bổ sung urê
- 2.3. Thức ăn bổ sung khoáng và vitamin
 - 2.3.1. Thức ăn bổ sung khoáng đa lượng
 - 2.3.2. Thức ăn bổ sung khoáng vi lượng
 - 2.3.3. Bổ sung vitamin
 - 2.3.3.1. Nguồn gốc thiên nhiên
 - 2.3.3.2. Tinh chế công nghiệp
 - 2.3.3.3. Độ bền của vitamin trong thức ăn hỗn hợp

Chương 3: Thức ăn bổ sung chăn nuôi (phụ gia chăn nuôi) (LT: 10; TL: 15)

- 3.1. Axit hữu cơ
 - 3.1.1. Mục đích sử dụng
 - 3.1.2. Độ mạnh axit hữu cơ phụ thuộc
 - 3.1.3. Cơ chế tác động
 - 3.1.4. Ứng dụng: Bổ sung một số axit hữu cơ
- 3.2. Enzyme
 - 3.2.1. Mục đích sử dụng
 - 3.2.2. Đặc tính của enzyme
 - 3.2.3. Cơ chế tác động của enzyme
 - 3.2.4. Các loại enzyme dùng trong chăn nuôi
 - 3.2.4.1. Enzyme phân giải NSP
 - 3.2.4.2. Enzyme phân giải protein
 - 3.2.4.3. Axit phytic và vai trò của phytase
 - 3.2.5. Một số chú ý khi sử dụng enzyme
 - 3.2.6. Ứng dụng: Giới thiệu một số chế phẩm enzyme
- 3.3. Probiotic, prebiotic, synbiotic

- 3.3.1. Probiotic
 - 3.3.1.1. Khái niệm
 - 3.3.1.2. Vai trò tác dụng
 - 3.3.1.3. Cơ chế tác động của probiotic
 - 3.3.1.4. Đặc tính của probiotic
 - 3.3.1.5. Các vi sinh vật probiotic
 - 3.3.1.6. Các chỉ tiêu đánh giá chất lượng
 - 3.3.1.7. Ứng dụng probiotic
- 3.3.2. Prebiotic
 - 3.3.2.1. Khái niệm
 - 3.3.2.2. Đặc điểm của prebiotic
 - 3.3.2.3. Phân loại
 - 3.3.2.4. Cơ chế tác động của prebiotic
 - 3.3.2.5. Cách sử dụng prebiotic
- 3.3.3. Synbiotic
- 3.4. Các chất hỗ trợ chức năng miễn dịch
 - 3.4.1. Plasma (huyết tương) động vật phun khô
 - 3.4.2. Kháng thể bột trứng gà
 - 3.4.3. Niêm mạc ruột lợn thủy phân
- 3.5. Độc tố nấm mốc và các chất khử độc tố nấm mốc
 - 3.5.1. Mycotoxin
 - 3.5.1.1. Định nghĩa mycotoxin
 - 3.5.1.2. Tính chất của mycotoxin
 - 3.5.1.3. Phân loại độc tố nấm mốc
 - 3.5.1.4. Cơ chế gây bệnh của Aflatoxin
 - 3.5.1.5. Tác hại của mycotoxin
 - 3.5.1.3. Biện pháp phòng chống nấm mốc
 - 3.5.2. Các chất khử độc tố nấm mốc
- 3.6. Hormone và các chất thuộc nhóm β . Agoniste
 - 3.6.1. Hormone
 - 3.6.1.1. Một số hormone thường được sử dụng trong chăn nuôi
 - 3.6.1.2. Tác hại của việc sử dụng hormone
 - 3.6.2. Các chất thuộc nhóm β -agonist

Chương 4: Chất phòng chống bệnh (kháng sinh)

(LT: 5; TL: 9)

- 4.1. Hiệu quả sử dụng kháng sinh bổ sung vào thức ăn chăn nuôi
 - 4.1.1. Tác dụng của kháng sinh trong chăn nuôi
 - 4.1.2. Cơ chế tác động chủ yếu của kháng sinh
 - 4.1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng kháng sinh trong chăn nuôi
- 4.2. Tác hại của việc dùng kháng sinh bổ sung vào thức ăn chăn nuôi
- 4.3. Nguyên nhân tồn dư kháng sinh trong thực phẩm
- 4.4. Ảnh hưởng của tồn dư kháng sinh trong thực phẩm

4.5. Biện pháp hạn chế tồn dư kháng sinh trong thực phẩm

Chương 5: Thức ăn bổ sung mang tính chất kỹ thuật và thức ăn bổ sung cải thiện tính chất cảm quan (LT: 4; TL: 6)

5.1. Sắc chất

5.1.1. Các chất tạo màu

5.1.2. Hiệu quả tạo màu

5.1.3. Sự hình thành màu trong trứng

5.2. Các chất làm tăng khẩu vị

5.2.1. Hương liệu

5.2.2. Vị tố

5.3. Chất nhũ hoá

5.3.1. Tác dụng

5.3.2. Muối mật (chất nhũ hoá nội sinh)

5.3.3. Các chất nhũ hoá bổ sung trong thức ăn chăn nuôi

5.4. Chất chống oxy hoá

5.4.1. Quá trình oxy hóa

5.4.2. Sản phẩm của oxy hoá

5.4.3. Tác hại

5.4.4. Một số chất chống oxy hoá dùng trong thức ăn chăn nuôi

5.5. Chất kết dính, chất chống vón

5.5.1. Chất kết dính

5.5.2. Chất chống vón

Phân thực hành (20 tiết)

Bài 1: Khảo sát thực trạng sử dụng thức ăn bổ sung và phụ gia tại cơ sở sản xuất (10 tiết)

Bài 2: Viết báo cáo chuyên đề về thực trạng sử dụng Thức ăn bổ sung thay thế kháng sinh dùng trong chăn nuôi (10 tiết)

4. Yêu cầu của môn học: Liệt kê các điều kiện để hoàn thành được nội dung học phần

- Sinh viên đạt tối thiểu 80% giờ lý thuyết, tham gia đầy đủ các buổi thảo luận, bài tập và thực hành môn học.

- Sinh viên cần làm các bài thu hoạch phân tự nghiên cứu một cách đầy đủ, các bài thảo luận theo yêu cầu của giáo viên, hoàn thành các bài viết chuyên đề.

5. Phương pháp giảng dạy:

Thuyết trình

Thảo luận,

Thực hành

6. Kế hoạch tư vấn: Dự kiến của giảng viên

Trong buổi học đầu tiên, giảng viên nêu rõ nội dung, mục tiêu, chuẩn đầu ra của học phần, yêu cầu kgacs của học phần và định hướng những nhiệm vụ sinh viên

cần làm cho phần thảo luận, tự học. Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan. Cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính

1. Vũ Duy Giảng (2007). Thức ăn bổ sung và phụ gia. NXB Nông nghiệp - Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo

1. Bùi Quang Tuấn (2010), *Bài giảng Thức ăn bổ sung và phụ gia*.

9.28. CHỌN VÀ NHÂN GIỐNG VẬT NUÔI/ANIMAL BREEDING

3TC (20,30,20)

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Khoa học vật nuôi

Điều kiện tiên quyết: Di truyền động vật, động vật học

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Môn học chọn và nhân giống vật nuôi khái quát về tổ tiên của các loài động vật nuôi phổ biến như trâu, bò, lợn, gà, vịt, ngan, ngỗng. Những quan điểm về lịch sử hình thành các giống vật nuôi, quá trình thuần hóa vật nuôi. Khái niệm chung về giống vật nuôi; những đặc trưng của các giống vật nuôi: Ngoại hình, thể chất, qui luật sinh trưởng, phát dục của vật nuôi, sức sản xuất của các loài vật nuôi. Khái niệm chọn lọc, chọn phối và các nhóm phương pháp chọn lọc, chọn phối. Phương pháp nhân giống thuần chủng, lai giống, ứng dụng công nghệ sinh học vào công tác giống vật nuôi. Khái niệm dòng, cận huyết, suy hóa cận huyết, ưu thế lai. Khái quát tình hình công tác giống vật nuôi trên thế giới và ở Việt Nam; Sự cần thiết phải bảo vệ sự đa dạng sinh học các loài động vật nuôi nói riêng, nguồn gen động vật nói chung.

Năng lực đạt được: Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng nhận biết, phân biệt được các giống vật nuôi phổ biến ở Việt Nam hiện nay. Sinh viên có khả năng thực hiện được việc đề xuất các quy trình lai tạo cũng như chọn lọc các giống vật nuôi nhằm tạo ra các giống vật nuôi có năng xuất chất lượng cao.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Sinh viên hiểu và trình bày được:

- Khái niệm về giống vật nuôi. Những đặc trưng cơ bản của các giống vật nuôi, những đặc điểm về ngoại hình của một số giống vật nuôi phổ biến hiện nay ở Việt Nam cũng như trên thế giới.

- Cơ sở khoa học của việc chọn lọc giống vật nuôi (chọn và phân biệt được một số giống gia súc, gia cầm phổ biến ở Việt Nam hiện nay, các phương pháp chọn lọc vật nuôi phổ biến).

- Cơ sở khoa học của các phương pháp chọn phối giống vật nuôi: phương pháp nhân giống thuần chủng, lai tạo và vai trò của công nghệ sinh học trong việc nhân giống vật nuôi.

2.2. Về kỹ năng

- Thực hiện xây dựng được quy trình kỹ thuật, các bảng biểu theo dõi các chỉ tiêu cơ bản của vật nuôi. Thực hiện được các biện pháp kỹ thuật và quản lý trong công tác giống vật nuôi (thực hiện được công việc theo dõi sổ sách giống, quản lý và theo dõi được lý lịch phối giống)

- Có kỹ năng vận dụng kiến thức môn học vào công tác giống vật nuôi, áp dụng các biện pháp khai thác các giống vật nuôi theo hướng có hiệu quả nhất.

2.3. Về thái độ

Sinh viên nhận thức đúng vai trò của giống vật nuôi và công tác chọn, tạo giống vật nuôi đối với sự phát triển bền vững nghề chăn nuôi.

3. Nội dung chi tiết học phần

Lý Thuyết

Chương 1: Nguồn gốc, thuần hoá, thích nghi của vật nuôi (LT: 2; TL: 2)

1.1. Nguồn gốc giống vật nuôi

1.1.1. Khái niệm và nguồn gốc của giống vật nuôi

1.1.2. Nguồn gốc giống Bò

1.1.3. Nguồn gốc giống Trâu

1.1.4. Nguồn gốc giống Lợn

1.1.5. Nguồn gốc gia cầm

1.2. Quá trình thuần hóa vật nuôi

1.3. Sự thích nghi của vật nuôi

1.3.1. Khái niệm

1.3.2. Các phương pháp nuôi thích nghi

1.3.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến thích nghi

1.3.4. Một số chỉ tiêu xác định khả năng thích nghi của vật nuôi

1.3.5. Một số thay đổi của thú hoang qua quá trình thuần hóa

Chương 2: Đặc trưng cơ bản của giống vật nuôi (LT: 12; TL: 12)

2.1. Khái niệm về giống vật nuôi

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Điều kiện công nhận giống vật nuôi

2.1.3. Đặc điểm các giống vật nuôi ở Việt Nam

2.2. Ngoại hình, thể chất vật nuôi

- 2.2.1. Ngoại hình
 - 2.2.1.1. Khái niệm
 - 2.2.1.2. Phương pháp đánh giá ngoại hình
- 2.2.2. Thể chất
 - 2.2.2.1. Khái niệm
 - 2.2.2.2. Các phương pháp phân loại thể chất
- 2.3. Sinh trưởng, phát dục vật nuôi**
 - 2.3.1. Sinh trưởng
 - 2.3.2. Phát dục
 - 2.3.3. Mối quan hệ giữa sinh trưởng và phát dục
 - 2.3.4. Phương pháp nghiên cứu sinh trưởng
 - 2.3.5. Quy luật sinh trưởng phát dục của vật nuôi
 - 2.3.5.1. Quy luật không đồng đều
 - 2.3.5.2. Quy luật theo giai đoạn
 - 2.3.5.3. Quy luật theo chu kỳ
 - 2.3.6. Các nhân tố ảnh hưởng tới sinh trưởng, phát dục
- 2.4. Sức sản xuất của vật nuôi**
 - 2.4.1. Khái niệm và ý nghĩa của việc đánh giá sức sản xuất của vật nuôi
 - 2.4.2. Các phương pháp đánh giá sức sản xuất và sinh sản của vật nuôi

Chương 3: Chọn lọc và chọn phối

(LT: 3; TL: 4)

3.1. Giá trị giống và phương pháp xác định giá trị giống

- 3.1.1. Khái niệm về giá trị giống
- 3.1.2. Phương pháp xác định giá trị giống

3.2. Chọn lọc giống vật nuôi

- 3.2.1. Khái niệm
- 3.2.2. Các phương pháp chọn lọc
 - 3.2.2.1. Chọn lọc theo số lượng tính trạng
 - 3.2.2.2. Chọn lọc theo số lượng
 - 3.2.2.3. Chọn lọc theo dạng hình
 - 3.2.2.4. Chọn lọc theo hệ phả
- 3.2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến chọn lọc

3.3. Chọn phối

- 3.3.1. Khái niệm chọn phối
- 3.3.2. Các phương pháp chọn phối
 - 3.3.2.1. Chọn phối theo phẩm chất
 - 3.3.2.2. Chọn phối theo huyết thống
- 3.3.3. Giao phối cận huyết và suy thoái cận huyết
 - 3.3.3.1. Giao phối cận huyết
 - 3.3.3.2. Suy thoái cận huyết
 - 3.3.3.3. Mức độ huyết thống và hệ số cận huyết

Chương 4: Các phương pháp nhân giống vật nuôi (LT: 3; TL: 6)

4.1. Nhân giống thuần chủng

4.1.1. Khái niệm

4.1.2. Các hình thức nhân giống thuần chủng

4.1.3. Phương pháp nhân giống theo dòng

4.1.3.1. Khái niệm

4.1.3.2. Một số phương pháp nhân giống theo dòng

4.2. Lai tạo

4.2.1. Khái niệm

4.2.2. Ưu thế lai

4.2.2.1. Khái niệm ưu thế lai

4.2.2.2. Biểu hiện ưu thế lai ở vật nuôi

4.2.2.3. Công thức tính ưu thế lai

4.2.2.4. Các yếu tố ảnh hưởng tới ưu thế lai

4.3. Các phương pháp lai tạo

4.2.3.1. Lai kinh tế

4.2.3.2. Lai luân chuyển

4.2.3.3. Lai cải tiến

4.2.3.4. Lai cải tạo

4.2.3.5. Lai phối hợp

4.2.3.6. Lai xa

Chương 5: Công nghệ sinh học vào công tác giống vật nuôi (LT: 1; TL: 2)

5.1. Siêu bào noãn và cấy truyền phôi

5.2. Thụ tinh invitro

5.3. Tạo dòng vô tính

5.4. Chuyển gen

Chương 6: Quản lý và bảo vệ giống vật nuôi

(TL: 2)

6.1. Tình hình giống vật nuôi trên thế giới

6.2. Công tác giống vật nuôi ở Việt Nam

6.3. Công tác bảo vệ vốn gen động vật

6.4. Tình hình giống vật nuôi ở Thanh Hóa

THỰC HÀNH

Bài 1: Đánh giá ngoại hình, thể chất và sức sản xuất của vật nuôi, gia cầm (10t)

Bài 2: Tìm hiểu thực tiễn công tác giống vật nuôi (vật nuôi, gia cầm) tại một số cơ sở sản xuất giống vật nuôi (10 tiết)

4. Yêu cầu của môn học:

- Sinh viên đạt tối thiểu 80% giờ lý thuyết, tham gia đầy đủ các buổi thảo luận, bài tập và thực hành môn học.

- Sinh viên cần làm các bài thu hoạch phân tự nghiên cứu một cách đầy đủ, các bài thảo luận theo yêu cầu của giáo viên, hoàn thành các bài viết chuyên đề.

5. Phương pháp giảng dạy:

Thuyết trình

Thảo luận,

Thực hành

6. Kế hoạch tư vấn: Dự kiến của GV

Trong buổi học đầu tiên, giảng viên nêu rõ nội dung, mục tiêu, chuẩn đầu ra của học phần, yêu cầu khác của học phần và định hướng những nhiệm vụ sinh viên cần làm cho phần thảo luận, tự học. Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan.

Cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

- Phòng học có máy chiếu

- Dụng cụ thực hành trong phòng thí nghiệm đầy đủ

- Thư viện đáp ứng đầy đủ các học liệu bắt buộc và học liệu tham khảo cho sinh viên.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Tài liệu bắt buộc

1. Nguyễn Đình Hùng, Nguyễn Minh Hoàn, Lê Đình Phùng (2008), Chọn giống và nhân giống vật nuôi, NXB ĐH Huế

9.2. Tài liệu tham khảo

1. Trần Đình Miên (1992) Chọn giống và nhân giống vật nuôi. NXB NN HN.

2. Đặng Hữu Lanh (1992) Cơ sở di truyền chọn giống động vật. NXB NN HN.

9.29. CHĂN NUÔI LỢN/PIG PRODUCTION

4TC (28; 39; 25)

Điều kiện tiên quyết: các môn cơ sở ngành

Bộ môn quản lý học phần: Khoa học Vật nuôi

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Tổng quan tình hình chăn nuôi lợn. Nhu cầu dinh dưỡng cho từng loại lợn và nguồn thức ăn cho lợn. Phương pháp xây dựng chuồng trại. Kỹ thuật nuôi dưỡng chăm sóc, quản lý lợn đực giống, lợn nái sinh sản, lợn con bú sữa và lợn thịt. Phương pháp tổ chức, quản lý sản xuất chăn nuôi lợn với quy mô trang trại.

Năng lực đạt được: Phân biệt được các giống lợn phổ biến nuôi tại Việt Nam. Xác định được nhu cầu dinh dưỡng đối với từng loại lợn và xây dựng được công thức thức ăn phù hợp; Lựa chọn địa điểm, thiết kế được kiểu chuồng nuôi, bố trí

mặt bằng trong khu trang trại chăn nuôi lợn một cách hợp lý; Thực hiện quy trình kỹ thuật nuôi dưỡng chăm sóc các loại lợn và tổ chức, quản lý sản xuất chăn nuôi lợn với quy mô trang trại. Đề xuất được quy trình chăn nuôi thích hợp với từng điều kiện cụ thể.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

+ Hiểu được ý nghĩa, tình hình chăn nuôi lợn; nguồn gốc và các đặc điểm sinh học của lợn.

+ Hiểu được đặc điểm của các giống lợn và biện pháp trong công tác giống lợn

+ Xác định được nhu cầu dinh dưỡng cho từng đối tượng lợn và phương pháp phối hợp khẩu phần thức ăn cho lợn.

+ Xác định được vị trí và yêu cầu kỹ thuật xây dựng chuồng trại cho lợn.

+ Hiểu rõ đặc điểm sinh lý và kỹ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc từng loại lợn: đực giống, nái trước khi phối giống, nái mang thai, nái nuôi con, lợn con bú sữa, lợn thịt.

+ Biết được cách tổ chức, quản lý trang trại chăn nuôi lợn.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

+ Nhận biết, phân biệt được một số giống lợn nuôi phổ biến

+ Lựa chọn lợn giống thông qua việc giám định

+ Đánh giá khả năng cho thịt, phẩm chất thịt lợn

2.3. Mục tiêu về thái độ

Nhận thức đúng đắn về vị trí, vai trò của chăn nuôi lợn trong phát triển kinh tế, góp phần nâng cao năng suất và hiệu quả chăn nuôi lợn

3. Nội dung chi tiết học phần

Bài mở đầu: Tổng quan tình hình chăn nuôi lợn

(LT: 2)

1. Vai trò của chăn nuôi lợn

2. Tình hình chăn nuôi lợn trên thế giới và trong nước

2.1. Tình hình chăn nuôi lợn trên thế giới

2.2. Tình hình chăn nuôi lợn ở Việt Nam

3. Phương hướng phát triển chăn nuôi lợn ở Việt Nam

3.1. Công tác giống lợn

3.2. Giải quyết vấn đề thức ăn

3.3. Công tác thú y

3.4. Các biện pháp khác

Chương 1: Giống và công tác giống lợn

(LT: 3; TL: 4; TH: 5)

1.1. Nguồn gốc, đặc điểm sinh học của lợn

1.1.1. Nguồn gốc

1.1.2. Đặc điểm sinh học của lợn

1.2. Một số giống lợn

1.2.1. Các giống lợn nội chủ yếu

1.2.2. Một số giống lợn nhập nội nuôi ở Việt Nam

1.3. Công tác giống lợn

1.3.1. Tổ chức quản lý giống lợn.

1.3.2. Các biện pháp chủ yếu trong công tác giống lợn

Chương 2: Nhu cầu dinh dưỡng và thức ăn của lợn

(LT: 3; TL: 5)

2.1. Đặc điểm tiêu hoá thức ăn của lợn

2.1.1. Cấu tạo chức năng các bộ phận đường tiêu hoá

2.1.2. Quá trình tiêu hoá và hấp thu

2.1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự chuyển hoá thức ăn

2.2. Nhu cầu dinh dưỡng của lợn

2.2.1. Nhu cầu năng lượng.

2.2.2. Nhu cầu protein và axit amin

2.2.3. Nhu cầu khoáng và vitamin

2.2.4. Nhu cầu nước

2.3. Thức ăn cho lợn

2.3.1. Thức ăn giàu năng lượng

2.3.2. Thức ăn giàu protein

2.3.3. Thức ăn giàu khoáng, vitamin, thức ăn bổ sung

2.3.4. Phương pháp phối hợp khẩu phần thức ăn cho lợn

Chương 3: Chuồng trại nuôi lợn

(LT: 3; TL:5; TH: 5)

3.1. Ý nghĩa của chuồng trại

3.2. Địa điểm xây dựng chuồng trại

3.3. Nguyên tắc xây dựng chuồng lợn

3.3.1. Chuồng trại phù hợp với đặc điểm sinh lý và chức năng sản xuất của lợn

3.3.2. Chuồng trại đơn giản, bền vững

3.4. Chỉ tiêu kỹ thuật khi xây dựng chuồng lợn

3.4.1. Hướng chuồng

3.4.2. Diện tích chuồng nuôi

3.4.3. Khoảng cách với các nhà cửa khác

3.5. Các bộ phận của chuồng

3.5.1. Nền chuồng

3.5.2. Tường

3.5.3. Hành lang và cửa chuồng

3.5.4. Mái chuồng

3.5.5. Máng ăn, máng uống

3.5.6. Cống rãnh thoát nước

3.5.7. Hồ chứa phân nước tiểu

3.6. Các kiểu chuồng nuôi lợn

3.7. Bố trí mặt bằng trang trại chăn nuôi lợn

Chương 4: Chăn nuôi lợn đực giống

(LT: 2; TL: 4; TH: 5)

4.1. Đặc điểm sinh lý của lợn đực

4.1.1. Đặc điểm sinh lý sinh dục của lợn đực

- 4.1.2. Đặc điểm sản xuất tinh dịch
- 4.2. Sức sản xuất của lợn đực giống
 - 4.2.1. Một số chỉ tiêu đánh giá sức sản xuất của lợn đực giống
 - 4.2.2. Chọn lọc đực giống
- 4.3. Nhân tố ảnh hưởng đến sức sản xuất của lợn đực giống
 - 4.3.1. Giống
 - 4.3.2. Chế độ nuôi dưỡng,
 - 4.3.3. Tuổi
 - 4.3.4. Mùa vụ
- 4.4. Yêu cầu nuôi dưỡng và nhu cầu dinh dưỡng
 - 4.4.1. Yêu cầu nuôi dưỡng
 - 4.4.2. Nhu cầu dinh dưỡng
- 4.5. Kỹ thuật nuôi dưỡng chăm sóc
 - 4.5.1. Phương thức nuôi
 - 4.5.2. Phối hợp khẩu phần
 - 4.5.3. Chuồng trại
 - 4.5.4. Vận động, tắm chải
 - 4.5.5. Tuổi sử dụng, chế độ phối giống
 - 4.5.6. Định kỳ kiểm tra đực giống

Chương 5: Kỹ thuật chăn nuôi lợn nái sinh sản

(LT: 4; TL:6; TH: 5)

- 5.1. Đặc điểm sinh lý sinh dục cái
 - 5.1.1. Sự thành thục về tính và thể vóc
 - 5.1.2. Chu kỳ động dục
 - 5.1.3. Thời gian động dục
 - 5.1.4. Thời điểm rụng trứng
 - 5.1.5. Số trứng rụng trong một chu kỳ
 - 5.1.6. Điều hoà sinh lý trong một chu kỳ
- 5.2. Sức sản xuất của lợn nái và các nhân tố ảnh hưởng
 - 5.2.1. Khái niệm và các chỉ tiêu đánh giá sức sản xuất
 - 5.2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến sức sản xuất của lợn nái
 - 5.2.3. Các biện pháp nâng cao sức sản xuất
- 5.3. Kỹ thuật chăn nuôi lợn nái trước khi phối giống
 - 5.3.1. Chọn lợn hậu bị
 - 5.3.2. Các loại hình của lợn nái trước khi phối giống
 - 5.3.3. Nhu cầu dinh dưỡng của lợn nái trước khi phối giống
 - 5.3.4. Phối hợp khẩu phần
 - 5.3.5. Chăm sóc quản lý
 - 5.3.6. Một số biện pháp kích thích động dục và tăng tỷ lệ thụ thai
- 5.4. Kỹ thuật chăn nuôi lợn nái chửa
 - 5.4.1. Đặc điểm sinh lý của lợn nái chửa
 - 5.4.2. Những yếu tố ảnh hưởng đến số con/lứa và khối lượng sơ sinh

- 5.4.3. Yêu cầu nuôi dưỡng
- 5.4.4. Nhu cầu dinh dưỡng
- 5.4.5. Tiêu chuẩn và khẩu phần ăn
- 5.4.6. Chăm sóc lợn nái chữa
- 5.5. Kỹ thuật chăn nuôi lợn nái nuôi con
- 5.5.1. Đặc điểm sinh lý lợn nái nuôi con
- 5.5.2. Phương pháp đánh giá và các yếu tố ảnh hưởng đến sản lượng sữa
- 5.5.3. Yêu cầu nuôi dưỡng
- 5.5.4. Nhu cầu dinh dưỡng
- 5.5.5. Tiêu chuẩn và khẩu phần ăn
- 5.5.6. Chăm sóc nuôi dưỡng

Chương 6: Kỹ thuật chăn nuôi lợn con bú sữa (LT: 3; TL: 5)

- 6.1. Đặc điểm sinh lý lợn con bú sữa
- 6.1.1. Tốc độ sinh trưởng nhanh nhưng không đều.
- 6.1.2. Bộ máy tiêu hoá phát triển nhanh nhưng chưa hoàn thiện.
- 6.1.3. Chức năng điều tiết thân nhiệt chưa hoàn chỉnh
- 6.1.4. Sức đề kháng của cơ thể thấp
- 6.1.5. Hiện tượng thiếu máu ở lợn con
- 6.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến khối lượng cai sữa
- 6.3. Yêu cầu nuôi dưỡng và kỹ thuật nuôi dưỡng chăm sóc
- 6.3.1. Yêu cầu nuôi dưỡng
- 6.3.2. Kỹ thuật nuôi dưỡng chăm sóc

Chương 7: Kỹ thuật chăn nuôi lợn thịt (LT: 3; TL: 5; TH: 5)

- 7.1. Yêu cầu nuôi lợn thịt
- 7.2. Đặc điểm sinh lý của lợn thịt
- 7.2.1. Cấu tạo và thành phần cơ bắp
- 7.2.2. Cấu tạo và thành phần mô mỡ
- 7.2.3. Quy luật tích lũy các chất dinh dưỡng
- 7.2.4. Đặc điểm các giai đoạn sinh trưởng của lợn thịt
- 7.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến năng suất, phẩm chất thịt lợn
- 7.3.1. Giống
- 7.3.2. Lai kinh tế và biểu hiện ưu thế lai
- 7.3.3. Dinh dưỡng
- 7.3.4. Môi trường xung quanh
- 7.3.5. Chăm sóc
- 7.3.6. Sức khỏe và khối lượng ban đầu
- 7.3.7. Tính biệt và thiến hoạn
- 7.3.8. Tuổi giết thịt
- 7.4. Thí nghiệm Mac mi ken và phương thức nuôi lợn thịt
- 7.4.1. Thí nghiệm Mac mi ken
- 7.4.2. Kỹ thuật nuôi lợn thịt

7.5. Chăm sóc, quản lý lợn thịt

Chương 8: Tổ chức và quản lý trang trại chăn nuôi lợn (LT: 3; TL: 5; TH: 5)

8.1. Lập kế hoạch phát triển đàn lợn

8.1.1. Xác định quy mô đàn lợn

8.1.2. Xác định cơ cấu đàn lợn

8.2. Kế hoạch chu chuyển đàn lợn

8.3. Kế hoạch thức ăn

8.3.1. Kế hoạch thức ăn cho lợn thịt

8.3.2. Kế hoạch thức ăn cho lợn nái

8.4. Giá thành chăn nuôi lợn

8.3.1. Phần chi phí

8.3.2. Phần thu

8.3.3. Tính giá thành

8.3.4. Xây dựng quy trình chăn nuôi lợn

Thực hành

Bài 1: Giám định lợn nái sinh sản (5 tiết)

- Giám định ngoại hình thể chất của lợn bằng cho điểm từng bộ phận.
- Giám định sinh trưởng phát dục, sinh sản
- Xếp cấp tổng hợp

Bài 2: Khảo sát năng suất, phẩm chất thịt lợn (10 tiết)

- Phương pháp xác định các chỉ tiêu năng suất, phẩm chất thịt lợn (khối lượng sống, tỷ lệ móc hàm, tỷ lệ thịt tinh,... của lợn thịt.

Bài 3: Tham quan mô hình chăn nuôi lợn (5 tiết)

- Nghe báo cáo về tình hình sản xuất kinh doanh của trang trại
- Tham quan trang trại

Bài 4: Xây dựng kế hoạch chăn nuôi lợn sinh sản cho trang trại chăn nuôi (5 tiết)

9. Học liệu

9.1. Học liệu bắt buộc

1. Vũ Đình Tôn (2009), *Giáo trình chăn nuôi lợn* - NXB NN Hà Nội.

9.2. Học liệu tham khảo

1. Hội chăn nuôi Việt Nam (2004), *Cẩm nang chăn nuôi gia súc gia cầm (tập 1)* – NXB Nông nghiệp Hà Nội.

2. Lê Hồng Mận (2007), *Nghề nuôi lợn siêu nạc* - Nhà xuất bản Nông nghiệp Hà Nội.

9.30. CHĂN NUÔI TRÂU BÒ/ CATTLE PRODUCTION 4TC (28,39,25)

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Khoa học vật nuôi

Điều kiện tiên quyết: Chọn và nhân giống vật nuôi

1. Mô tả nội dung học phần

Nội dung học phần: Môn học chăn nuôi trâu bò vật nuôi bao gồm các kiến thức về vai trò, ý nghĩa của ngành chăn nuôi trâu bò, tình hình phát triển chăn nuôi

trâu bò tại Việt Nam cũng như khái quát tình hình chăn nuôi trâu bò trên thế giới. Giới thiệu về giống cũng như công tác giống trong chăn nuôi trâu bò hiện nay. Đặc điểm về dinh dưỡng và thức ăn; kỹ thuật trong xây dựng chuồng trại chăn nuôi trâu bò. Các kiến thức chuyên sâu về chăn nuôi trâu bò đực giống, chăn nuôi trâu bò cái sinh sản, chăn nuôi trâu bò sữa; trâu bò thịt, chăn nuôi bê nghé và kỹ thuật chăm sóc nuôi dưỡng trâu bò cày kéo. Ứng dụng của các quy trình kỹ thuật, và các tiến bộ khoa học mới trong chăn nuôi bò sữa, thịt.

Năng lực đạt được: Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng trình bày đầy đủ đặc điểm cơ bản về tiêu hóa cũng như nhu cầu về dinh dưỡng của gia súc nhai lại, Thức ăn và phương pháp phối hợp khẩu phần cho Trâu Bò. Những yêu cầu cơ bản và nguyên tắc, các kiểu bố trí và vấn đề vệ sinh trong xây dựng chuồng trại; Đặc điểm sinh lý cơ bản của Trâu Bò đực, cái, các nhân tố ảnh hưởng đến sức sản xuất tinh, phương pháp phát hiện động dục, phối giống. Chế độ chăm sóc nuôi dưỡng Trâu, bò đực, cái giống và các biện pháp điều khiển sinh sản; Đặc điểm cơ bản về sự phát triển của bê nghé, chăn nuôi bê nghé sơ sinh, trước cai sữa và sau cai sữa; Đặc điểm cấu tạo, thành phần, sự hình thành và sinh lý tiết sữa, các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng sữa. Nuôi dưỡng, đánh giá và quản lý thể trạng bò sữa; Thực hiện xây dựng được các quy trình chăm sóc nuôi dưỡng cho từng loại Trâu, Bò cụ thể; Thực hiện được các biện pháp kỹ thuật và quản lý trong công tác giống Trâu Bò, (thực hiện được công việc theo dõi sổ sách giống, quản lý và theo dõi được lý lịch phối giống, áp dụng các biện pháp khai thác các giống trâu bò theo hướng có hiệu quả nhất)

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Trình bày đầy đủ, chính xác các kiến thức cơ bản về:

+ Tình hình chăn nuôi trâu bò trên thế giới và trong nước, ý nghĩa của các sản phẩm từ chăn nuôi trâu bò đối với đời sống con người và nền kinh tế xã hội, tình hình và xu hướng phát triển chăn nuôi trâu bò trên thế giới, trong nước và tại địa phương mình.

+ Đặc điểm cơ bản của các giống Trâu, Bò hiện có trên thế giới và Việt Nam, Các phương pháp đánh giá, chọn lọc và nhân giống Trâu Bò. Phương pháp quản lý, phối giống đàn Trâu Bò.

+ Đặc điểm cơ bản về tiêu hóa cũng như nhu cầu về dinh dưỡng của gia súc nhai lại, Thức ăn và phương pháp phối hợp khẩu phần cho Trâu Bò. Những yêu cầu cơ bản và nguyên tắc, các kiểu bố trí và vấn đề vệ sinh trong xây dựng chuồng trại.

+ Đặc điểm sinh lý cơ bản của Trâu Bò đực, cái, các nhân tố ảnh hưởng đến sức sản xuất tinh, phương pháp phát hiện động dục, phối giống. Chế độ chăm sóc nuôi dưỡng Trâu, bò đực, cái giống và các biện pháp điều khiển sinh sản.

+ Đặc điểm cơ bản về sự phát triển của bê nghé, chăn nuôi bê nghé sơ sinh, trước cai sữa và sau cai sữa

- + Đặc điểm cấu tạo, thành phần, sự hình thành và sinh lý tiết sữa, các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng sữa. Nuôi dưỡng, đánh giá và quản lý thể trạng bò sữa.
- + Sự phát triển của mô trong thân thịt, năng suất, chất lượng thịt, các nhân tố ảnh hưởng đến năng suất thịt; Kỹ thuật và mô hình vỗ béo, chăn nuôi bò thịt.
- + Cơ sở khoa học của chăn nuôi trâu bò cày kéo, các nhân tố ảnh hưởng đến sức lao tác của Trâu, bò; kỹ thuật chăn nuôi bò cày kéo, kỹ thuật huấn luyện và nâng cao sức cày kéo của trâu bò.
- + Ứng dụng các quy trình kỹ thuật mới trong chăn nuôi bò thịt sữa chất lượng cao.

2.2. Mục tiêu Về kỹ năng

Vận dụng các kiến thức cơ bản để:

- Thực hiện xây dựng được các quy trình chăm sóc nuôi dưỡng cho từng loại Trâu, Bò cụ thể.
- Thực hiện được các biện pháp kỹ thuật và quản lý trong công tác giống Trâu Bò, (thực hiện được công việc theo dõi sổ sách giống, quản lý và theo dõi được lý lịch phối giống, áp dụng các biện pháp khai thác các giống trâu bò theo hướng có hiệu quả nhất)

2.3. Mục tiêu về thái độ

Sinh viên nhận thức đúng vai trò của ngành chăn nuôi Trâu Bò đối với sự phát triển bền vững của nghề chăn nuôi.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Giới thiệu chung về chăn nuôi trâu bò

(2 tiết; lý thuyết 1, thảo luận, bài tập 1)

- 1.1. Vai trò và ý nghĩa kinh tế của ngành chăn nuôi trâu bò**
- 1.2. Đặc điểm sinh học và sinh thái của trâu bò**
- 1.3. Tình hình chăn nuôi trâu bò ở Việt Nam**
- 1.4. Sơ lược tình hình chăn nuôi trâu bò trên thế giới**

Chương 2: Giống và công tác giống

(20 tiết; lý thuyết 4, thảo luận, bài tập 6; Thực hành: 10)

- 2.1. Các giống trâu bò nội**
- 2.2. Một số giống trâu bò phổ biến trên thế giới**
 - 2.2.1. Các giống trâu bò kiêm dụng
 - 2.2.2. Các giống trâu bò sữa
- 2.3. Đánh giá và chọn lọc trâu bò làm giống**
 - 2.3.1. Các tính trạng chọn lọc cơ bản
 - 2.3.2. Phương pháp đánh giá chọn lọc đực giống
 - 2.3.3. Đánh giá, chọn lọc trâu bò cái giống
 - 2.3.2. Tổ chức chọn lọc và gây tạo giống trâu bò
- 2.4. Phương pháp nhân giống trâu bò**
 - 2.4.1. Nhân giống thuần chủng
 - 2.4.2. Lai giống

2.5. Tổ chức và quản lý đàn

2.5.1. cấu trúc đàn

2.5.2. Tái sản xuất đàn

2.5.3. Quản lý đàn

2.6. Quản lý giống

2.6.1. Ghép đôi giao phối

2.6.2. Phương thức phối giống

2.6.2.1. Phối giống tự nhiên

2.6.2.2. Phối giống nhân tạo

2.7. Công tác giống trâu bò ở Việt Nam

Chương 3: Dinh dưỡng và thức ăn

(5 tiết; lý thuyết 2, thảo luận, bài tập 3)

3.1. Đặc thù tiêu hóa của gia súc nhai lại

3.1.1. Bộ máy tiêu hóa

3.1.2. Hệ sinh thái dạ cỏ

3.2. Quá trình tiêu hóa thức ăn

3.2.1. Sự nhai lại và tiêu hóa cơ học

3.2.2. Quá trình tiêu hóa các thành phần của thức ăn

3.3. Thu nhận thức ăn

3.3.1. Cơ chế điều hòa thu nhận thức ăn

3.3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhận thức ăn

3.4. Nhu cầu dinh dưỡng của trâu bò

3.4.1. Nhu cầu thu nhận vật chất khô

3.4.2. Nhu cầu dinh dưỡng

3.4.3. Nhu cầu protein

3.4.4. Nhu cầu khoáng

3.4.5. Nhu cầu vitamin

3.4.6. Nhu cầu nước

3.5. Thức ăn trâu bò

3.5.1. Thức ăn thô xanh

3.5.2. Thức ăn ủ xanh

3.5.3. Cỏ khô

3.5.4. Củ quả

3.5.5. Các loại phụ phẩm cây trồng

3.5.6. Các phụ phẩm ngành chế biến

3.5.7. Thức ăn tinh

3.5.8. Thức ăn bổ sung

Chương 4: Chuồng trại trâu bò

(4 tiết; lý thuyết 2, thảo luận, bài tập 2)

4.1. Những yêu cầu cơ bản và nguyên tắc cơ bản về chuồng trại

- 4.1.1. Yêu cầu chung về chuồng trại
- 4.2.2. Các bộ phận cần có của chuồng trại
- 4.1.3. Vị trí xây dựng chuồng trại
- 4.1.4. Bố trí mặt bằng chuồng trại
- 4.1.5. Một số yêu cầu kỹ thuật chuồng nuôi
- 4.2. Các kiểu bố trí chuồng nuôi**
- 4.3. Nguyên tắc xây dựng các chi tiết chuồng trại**
- 4.4. Vệ sinh chuồng trại**
 - 4.4.1. Vệ sinh chuồng nuôi**
 - 4.4.2. Vệ sinh môi trường xung quanh chuồng nuôi**
- 4.5. Các phương thức quản lý trâu bò**
 - 4.5.1. Phương thức nuôi nhốt
 - 4.5.2. Phương thức chăn thả
 - 4.5.3. Phương thức kết hợp chăn thả và nuôi nhốt

Chương 5: Chăn nuôi trâu bò đực giống

(5 tiết; lý thuyết 2, thảo luận, bài tập 3)

- 5.1. Đặc điểm sinh lý sinh dục trâu bò đực giống**
 - 5.1.1. Giải phẫu cơ quan sinh dục trâu bò
 - 5.1.2. Tinh dịch
 - 5.1.3. Các phân xạ sinh dục của trâu bò đực
- 5.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến phẩm chất tinh dịch**
- 5.3. Nuôi dưỡng đực giống**
 - 5.3.1. Tiêu chuẩn ăn và mức ăn
 - 5.3.2. Thức ăn và khẩu phần
 - 5.3.3. Chế độ cho ăn
- 5.4. Chăm sóc và quản lý trâu bò đực giống**
 - 5.4.1. Chuồng trại
 - 5.4.2. Chăn thả
 - 5.4.3. Vận động
 - 5.4.4. Tắm chải.
 - 5.4.5. Kiểm tra sức khỏe
- 5.5. Sử dụng trâu bò đực giống**
 - 5.5.1. Tuổi đưa và sử dụng
 - 5.5.2. Sử dụng đực giống cho phối giống trực tiếp
 - 5.5.3. Sử dụng đực giống trong truyền giống nhân tạo

Chương 6: Chăn nuôi trâu bò cái sinh sản

(11 tiết; lý thuyết 3, thảo luận, bài tập 3; Thực hành 5)

- 6.1. Một số đặc điểm sinh lý sinh dục trâu bò cái**
 - 6.1.1. Giải phẫu cơ quan sinh dục cái
 - 6.1.2. Hoạt động chu kỳ tính
 - 6.1.3. Mang thai

6.1.4. Đẻ

6.1.5. Phục hồi hoạt động sinh dục sau khi đẻ

6.2. Phát hiện động dục, phối giống và khám thai

6.2.1. Các phương pháp phát hiện động dục

6.2.1. Xác định thời điểm phối giống thích hợp

6.2.3. Chẩn đoán có thai

6.3. Nuôi dưỡng trâu bò cái sinh sản

6.3.1. Tiêu chuẩn ăn

6.3.2. Khẩu phần ăn

6.4. Chăm sóc trâu bò cái sinh sản

6.4.1. Chăm sóc trâu bò cái mang thai

6.4.2. Hộ lý bò đẻ

6.4.3. Hộ lý sau khi đẻ

6.5. Đánh giá khả năng sinh sản của trâu bò cái

6.5.1. Các chỉ tiêu đánh giá sức sinh sản

6.5.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến sức sinh sản của trâu bò cái

6.6. Điều khiển sinh sản ở trâu bò cái

6.6.1. Gây động dục hoàng loạt

6.6.2. Kích thích động dục

6.6.3. Gây rụng nhiều trứng và cấy truyền phôi

Chương 7: Chăn nuôi bê nghé

(6 tiết; lý thuyết 3, thảo luận, bài tập 3)

7.1. Sự phát triển của bê nghé

7.1.1. Các giai đoạn phát triển của bê nghé

7.1.2. Quy luật phát triển không đồng đều ở bê nghé

7.1.3. Ảnh hưởng của chăm sóc nuôi dưỡng đến sự phát triển của bê nghé

7.2. Chăm nuôi bê nghé sơ sinh

7.2.1. Các loại thức ăn

7.2.2. Cách cho bú sữa

7.2.3. Chăm sóc và quản lý bê sơ sinh

7.3. Chăn nuôi bê nghé trước cai sữa

7.3.1. Tiêu chuẩn ăn

7.3.2. Các loại thức ăn và cách sử dụng

7.3.3. Bổ sung thức ăn sớm cho bê bú sữa

7.3.4. Chăm sóc bú sữa

7.3.5. Các phương pháp thức nuôi dưỡng và quản lý bê nghé

7.4. Cai sữa

7.4.1. Chuẩn bị bê cai sữa

7.4.2. Phương pháp cai sữa bê theo mẹ

7.4.3. Cai sữa sớm

7.5. Chăn nuôi bê nghé sau cai sữa

7.5.1. Tiêu chuẩn và khẩu phần ăn

7.5.2. Chăm sóc và quản lý

Chương 8: Chăn nuôi trâu bò sữa

(11 tiết; lý thuyết 2, thảo luận, bài tập 4; Thực hành 5)

8.1. Bầu vú và tuyến sữa

8.1.1. Cấu tạo bầu vú

8.1.2. Đặc điểm bầu vú tốt

8.1.3. Sự phát triển của tuyến sữa

8.1.4. Sự thoái hóa tuyến sữa

8.2. Thành phần và sự hình thành sữa

8.2.1. Thành phần của sữa

8.2.2. Sự tổng hợp các thành phần sữa

8.3. Sinh lý tiết sữa

8.3.1. Sự xuất hiện sữa trong tuyến sữa

8.3.2. Chu kỳ tiết sữa của trâu bò

8.3.3. Phản xạ tiết sữa

8.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến sản lượng sữa

8.5. Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng sữa

8.6. Nuôi dưỡng bò cái trong thời gian cho sữa

8.6. Nuôi dưỡng bò cái trong thời gian tiết sữa

8.6.1. Cấu trúc khẩu phần thức ăn.

8.6.2. Sử dụng các loại thức ăn trong khẩu phần trâu bò sữa.

8.6.3. Phương thức nuôi dưỡng trâu bò sữa.

8.6.4. Chăm sóc đàn trâu bò cái vắt sữa.

8.6.5. Các phương thức vắt sữa.

+ Vắt sữa bằng tay.

+ Vắt sữa bằng máy.

8.7. Nuôi dưỡng trâu bò cái trong thời gian cạn sữa

8.7.1. Mục đích cạn sữa trâu bò.

8.7.2. Phương pháp cạn sữa.

8.7.3. Nuôi dưỡng trâu bò sau khi cạn sữa.

8.8. Đánh giá và quản lý thể trạng bò sữa

Chương 9: Chăn nuôi trâu bò thịt

(12 tiết; lý thuyết 3, thảo luận, bài tập 4; Thực hành 5)

9.1. sự phát triển của các mô trong thân thịt

9.1.1. Mô xương

9.1.2. Mô cơ

9.1.3. Mô mỡ

9.1.4. Mô mỡ

9.2. Năng suất và chất lượng thịt

- 9.2.1. Các chỉ tiêu đánh giá năng suất
- 9.2.2. Các chỉ tiêu đánh giá chất lượng thịt
- 9.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến sức sản xuất thịt**
- 9.4. Nuôi bê trước vỗ béo**
- 9.5. Vỗ béo**
 - 9.5.1. Các kiểu vỗ béo
 - 9.5.2. Khẩu phần thức ăn để vỗ béo
 - 9.5.3. Quản lý vỗ béo

Chương 10: (4 tiết; lý thuyết 2, thảo luận, bài tập 2)
Chăn nuôi trâu bò cày kéo

- 10.1. Cơ sở khoa học của sự co cơ**
 - 10.1.1. Cấu trúc cơ bản của cơ vân
 - 10.1.2. Cấu trúc cơ bản của các thành phần co duỗi của cơ.
 - 10.1.3. Cơ chế phân tử của sự co cơ.
 - 10.1.4. Nguồn gốc năng lượng cho sự co duỗi cơ.
- 10.2. Đánh giá khả năng lao tác của trâu bò**
- 10.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến sức lao tác của trâu bò**
- 10.4. Nuôi dưỡng trâu bò cày kéo**
- 10.5. Chăm sóc trâu bò cày kéo**
- 10.6. Sử dụng trâu bò cày kéo**
 - 10.6.1. Huấn luyện.
 - 10.6.2. Cách mắc vai.
 - 10.6.3. Sử dụng trâu bò đôi trong việc cày bừa
- 10.7. Biện pháp nâng cao sức kéo và năng suất cày kéo**
 - 10.7.1. Cải tiến giống trâu bò.
 - 10.7.2. Cải tiến công cụ làm việc.
 - 10.7.3. Nuôi dưỡng và chăm sóc tốt.
 - 10.7.4. Đẩy mạnh sinh sản.
 - 10.7.5. Nâng cao trình độ người sử dụng.

Chương 11: Công nghệ cao trong chăn nuôi trâu bò
(8 tiết; lý thuyết 3, thảo luận, bài tập 5; Thực hành)

- 11.1. Tình hình chăn nuôi công nghệ cao trên thế giới**
- 11.2. Ứng dụng công nghệ cao trong chăn nuôi bò sữa**
- 11.3. Ứng dụng công nghệ cao trong chăn nuôi bò thịt**

THỰC HÀNH

Bài 1: Đánh giá ngoại hình, thể chất và sức sản xuất của các giống trâu bò hiện có (10 tiết)

Bài 2: Thực hiện công tác chọn lọc trâu bò (15 tiết)

4. Yêu cầu của môn học:

- Sinh viên đạt tối thiểu 80% giờ lý thuyết, tham gia đầy đủ các buổi thảo luận, bài tập và thực hành môn học.

- Sinh viên cần làm các bài thu hoạch phần tự nghiên cứu một cách đầy đủ, các bài thảo luận theo yêu cầu của giáo viên, hoàn thành các bài viết chuyên đề.

5. Phương pháp giảng dạy:

Thuyết trình

Thảo luận,

Thực hành

6. Kế hoạch tư vấn: Dự kiến của GV

Trong buổi học đầu tiên, giảng viên nêu rõ nội dung, mục tiêu, chuẩn đầu ra của học phần, yêu cầu khác của học phần và định hướng những nhiệm vụ sinh viên cần làm cho phần thảo luận, tự học. Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan.

Cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

- Phòng học có máy chiếu

- Dụng cụ thực hành trong phòng thí nghiệm đầy đủ

- Thư viện đáp ứng đầy đủ các học liệu bắt buộc và học liệu tham khảo cho sinh viên.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Tài liệu bắt buộc

1. Nguyễn Xuân Trạch, Mai Thị Thơm và Lê Văn Ban (2006) *Giáo trình chăn nuôi trâu bò*, NXB Nông nghiệp Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Xuân Trạch (2006) *Chăn nuôi bò sinh sản*, Nhà XB NN Hà Nội.

2. Đinh Văn Cải (2007) *Nuôi bò thịt*, Nhà XB TP HCM.

9.31. CHỌN MỘT TRONG HAI HỌC PHẦN

a, CHĂN NUÔI GIA CẦM/POULTRY PRODUCTION 4TC (28, 39, 25)

- Học phần bắt buộc

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: BM Khoa học Vật nuôi

- Điều kiện tiên quyết: Động vật học, Giải phẫu - mô động vật, sinh lý động vật, di truyền động vật, chọn và nhân giống vật nuôi, dinh dưỡng động vật, thức ăn chăn nuôi.

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Tổng quan về chăn nuôi gia cầm. Nhu cầu dinh dưỡng cho từng loại gia cầm và nguồn thức ăn cho gia cầm. Phương pháp xây dựng chuồng trại cho

gia cầm. Ý nghĩa, yêu cầu và các chỉ tiêu đánh giá gia cầm. Kỹ thuật nuôi dưỡng chăm sóc, quản lý các loại gia cầm. Phương pháp tổ chức, quản lý sản xuất chăn nuôi gia cầm với quy mô trang trại.

Năng lực đạt được: Nhận biết được các giống gia cầm; Xác định được nhu cầu dinh dưỡng và kỹ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng trị bệnh cho gia cầm các loại. Vận dụng được các kiến thức về phương pháp thu nhặt trứng, chọn trứng ấp, bảo quản trứng, khử trùng trứng và đưa trứng vào máy ấp trứng vào quy trình ấp trứng thủ công và công nghiệp.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức

- Vận dụng các kiến thức về giống và công tác giống để chọn và quản lý giống gia cầm;
- Bố trí và xây dựng chuồng trại đúng quy cách, đúng kỹ thuật trong chăn nuôi gia cầm;
- Xác định được nhu cầu dinh dưỡng và phối hợp được khẩu phần thức ăn phù hợp với từng đối tượng gia cầm
- Thực hiện được các biện pháp kỹ thuật trong chăm sóc nuôi dưỡng các loại gia cầm ở các giai đoạn khác nhau, kỹ thuật ấp trứng gia cầm.
- Thực hiện được các biện pháp phòng trừ dịch bệnh cho gia cầm theo từng giai đoạn chăn nuôi.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Đánh giá được tình hình chăn nuôi, phát hiện các vấn đề tồn tại, hạn chế, đề xuất giải pháp khắc phục, nhằm góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả chăn nuôi gia cầm;
- Xây dựng được kế hoạch và chỉ đạo thực hiện qui trình kỹ thuật chăn nuôi gia cầm đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả cao, không gây ô nhiễm môi trường.
- Lựa chọn được các giống gia cầm, các biện pháp kỹ thuật chăn nuôi phù hợp trong những điều kiện chăn nuôi xác định;
- Xây dựng và thực hiện được kế hoạch đào tạo, tập huấn, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, mô hình trình diễn trong chăn nuôi gia cầm
- Xây dựng và thực hiện được các đề tài nghiên cứu khoa học về chăn nuôi gia cầm.
- Khai thác, sử dụng được trang thiết bị phòng thí nghiệm trong việc phân tích đánh giá chất lượng sản phẩm chăn nuôi gia cầm và chẩn đoán một số loại bệnh thường gặp trên gia cầm;
- Có kỹ năng học và tự học, thuyết trình, giao tiếp tốt, làm việc độc lập, làm việc nhóm, hợp tác và làm việc với cộng đồng.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Sau khi kết thúc học phần, người học có hiểu biết và có thái độ đúng đắn về tầm quan trọng của học phần để vận dụng tốt vào trong thực tiễn sản xuất để nâng cao hiệu quả chăn nuôi gia cầm

+ Người học có thái độ học tập đúng đắn: tích cực tham khảo tài liệu liên quan đến nội dung môn học. Tích cực trong vận dụng kiến thức môn học vào thực tiễn chăn nuôi.

+ Phải chuẩn bị các nội dung theo yêu cầu của giáo viên trước khi lên lớp theo lịch trình (thảo luận, tự học, bài viết chuyên đề...)

+ Tích cực đọc các tài liệu giáo viên đã hướng dẫn để chuẩn bị bài chu đáo. Tích cực tham gia thảo luận nhóm, viết báo cáo chuyên đề, viết bài thu hoạch tự học đầy đủ.

3. Nội dung chi tiết học phần

PHẦN LÝ THUYẾT

Phần mở đầu (1 tiết lý thuyết + 2 tiết thảo luận)

1. Ý nghĩa kinh tế của ngành chăn nuôi gia cầm
2. Tình hình phát triển chăn nuôi gia cầm
 - 2.1. Tình hình phát triển chăn nuôi gia cầm trên thế giới
 - 2.2. Tình hình phát triển chăn nuôi gia cầm ở Việt Nam

Chương 1: Nguồn gốc, giống và công tác giống gia cầm ở Việt Nam

(6 tiết lý thuyết + 11 tiết thảo luận)

- 1.1. Nguồn gốc gia cầm
 - 1.1.1. Nguồn gốc các giống gà
 - 1.1.2. Nguồn gốc các giống vịt
 - 1.1.3. Nguồn gốc các giống ngan
 - 1.1.4. Nguồn gốc các giống gia cầm khác
- 1.2. Các giống gà
 - 1.2.1. Các giống gà hướng trứng
 - 1.2.2. Các giống gà hướng thịt
 - 1.2.3. Các giống gà kiêm dụng
 - 1.2.4. Các giống gà Việt nam
- 1.3. Các giống vịt, ngan
 - 1.3.1. Các giống vịt cao sản trên thế giới
 - 1.3.2. Các giống vịt địa phương
 - 1.3.3. Các giống ngan
- 1.4. Các giống ngỗng
- 1.5. Các giống gà tây
- 1.6. Các giống gia cầm khác
 - 1.6.1. Gà Phi
 - 1.6.2. Chim cú
 - 1.6.3. Chim bồ câu
- 1.7. Công tác giống gia cầm
 - 1.7.1. Nhiệm vụ và tổ chức công tác giống gia cầm
 - 1.7.2. Áp dụng những thành tựu di truyền trong công tác giống

- 1.7.3. Các phương pháp nhân giống gia cầm
- 1.7.3.1. Nhân giống thuần chủng
- 1.7.3.2. Lai giống
- 1.7.4. Chọn lọc và chọn phối trong công tác giống gia cầm

Chương 2. Sức sản xuất của gia cầm

(5 tiết lý thuyết + 6 tiết thảo luận)

- 2.1. Đặc điểm sinh trưởng phát triển của gia cầm
- 2.1.1. Đặc điểm tiêu hóa
- 2.1.2. Đặc điểm hô hấp
- 2.1.3. Đặc điểm tiết niệu
- 2.1.4. Đặc điểm sinh sản
- 2.1.5. Quá trình hình thành trứng gia cầm
- 2.2. Sức sản xuất trứng
- 2.2.1. Cấu tạo trứng gia cầm
- 2.2.2. Những chỉ tiêu về hình thái, chất lượng trứng gia cầm
- 2.2.3. Sức đẻ trứng của gia cầm
- 2.2.4. Các yếu tố ảnh hưởng tới sức sản xuất của gia cầm
- 2.3. Sức sản xuất thịt
- 2.3.1. Những chỉ tiêu đánh giá sức sản xuất thịt của gia cầm
- 2.3.2. Những yếu tố ảnh hưởng tới sức sản xuất thịt gia cầm
- 2.4. Sức sinh sản
- 2.4.1. Các chỉ tiêu đánh giá sức sinh sản
- 2.4.2. Các yếu tố ảnh hưởng và biện pháp nâng cao sức sinh sản

Chương 3. Kỹ thuật chăn nuôi gia cầm

(9 tiết lý thuyết + 9 tiết thảo luận)

- 3.1. Kỹ thuật chăn nuôi gà
- 3.1.1. Chăn nuôi gà con
- 3.1.2. Chăn nuôi gà hậu bị
- 3.1.3. Chăn nuôi gà sinh sản
- 3.1.4. Chăn nuôi gà thịt
- 3.2. Kỹ thuật chăn nuôi thủy cầm
- 3.2.1. Chăn nuôi vịt
- 3.2.1.1. Chăn nuôi vịt con
- 3.2.1.2. Chăn nuôi vịt hậu bị
- 3.2.1.3. Chăn nuôi vịt sinh sản
- 3.2.1.4. Chăn nuôi vịt thịt
- 3.2.2. Chăn nuôi ngan
- 3.2.2.1. Kỹ thuật nuôi ngan từ 1-21 ngày tuổi
- 3.2.2.2. Kỹ thuật nuôi ngan dò và ngan hậu bị
- 3.2.2.3. Kỹ thuật nuôi ngan sinh sản
- 3.2.3. Chăn nuôi ngỗng

- 3.2.3.1. Nuôi ngỗng từ 1-30 ngày tuổi
- 3.2.3.2. Nuôi ngỗng sinh sản
- 3.2.3.3. Nuôi ngỗng thịt và ngỗng hậu bị
- 3.2.3.4. Nuôi ngỗng vỗ béo
- 3.3. Kỹ thuật chăn nuôi các loại gia cầm khác

- 3.3.1. Chăn nuôi chim cút

- 3.3.2. Chăn nuôi bồ câu thịt

Chương 4. Ấp trứng gia cầm

(6 tiết lý thuyết + 6 tiết thảo luận)

- 4.1. Khái niệm về ấp trứng gia cầm

- 4.1.1. Lược sử về sự phát triển ấp trứng nhân tạo

- 4.1.2. Khái niệm về ấp trứng gia cầm

- 4.2. Đặc điểm phát triển phôi của một số loại gia cầm

- 4.2.1. Thời gian phát triển phôi

- 4.2.2. Các dấu hiệu đặc trưng cho quá trình phát triển phôi gia cầm
- 4.2.3. Cân bằng nhiệt của trứng ấp.

- 4.2.4. Hoạt động vận động của phôi

- 4.3. Chế độ ấp trứng gia cầm

- 4.3.1. Nhiệt độ

- 4.3.2. Ẩm độ

- 4.3.3. Thông thoáng

- 4.3.4. Đảo trứng

- 4.4. Kỹ thuật ấp trứng gia cầm

- 4.4.1. Thu nhặt và vận chuyển trứng ấp

- 4.4.2. Chọn lọc trứng ấp

- 4.4.3. Bảo quản trứng ấp

- 4.4.4. Khử trùng trứng ấp

- 4.4.5. Xếp trứng ấp

- 4.4.6. Quy trình kỹ thuật ấp

- 4.4.7. Kiểm tra sinh vật học trứng ấp

- 4.4.8. Thu gia cầm con

Chương 5. Chăn nuôi gia cầm công nghệ cao

(1 tiết lý thuyết + 5 tiết thảo luận)

- 5.1. Chăn nuôi gia cầm khép kín theo quy mô trang trại

- 5.2. Chăn nuôi gia cầm theo chuỗi giá trị

B. PHẦN THỰC HÀNH

Bài 1 (5 tiết): Giới thiệu, nhận biết một số giống gia cầm

Bài 2 (5 tiết): Kỹ thuật chăn nuôi gà – kỹ thuật thụ tinh nhân tạo cho gà

Bài 3 (5 tiết): Kỹ thuật ấp trứng gia cầm – đánh giá sự phát triển của phôi gia cầm qua các giai đoạn ấp

Bài 4 (5 tiết): Kỹ thuật chăn nuôi vịt – Kỹ thuật nhận biết vịt trống/mái thời điểm 01 ngày tuổi

Bài 5 (5 tiết): Đánh giá tình hình chăn nuôi gia cầm tại cơ sở sản xuất

4. Yêu cầu của môn học:

- Sinh viên cần đạt tối thiểu 80% giờ lý thuyết, tham gia đầy đủ các buổi thảo luận, Seminar và thực hành môn học.
- Sinh viên cần làm bài tập đầy đủ và tự nghiên cứu các bài thảo luận theo yêu cầu của giáo viên, hoàn thành bài thu hoạch sau khi thực hành.

5. Phương pháp giảng dạy:

Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

- Sinh viên phải chủ động tích cực trong học tập, tham gia đầy đủ các giờ học và thảo luận trên lớp, chuẩn bị bài theo yêu cầu của giáo viên trước khi lên lớp. Có đầy đủ 3 bài kiểm tra thường xuyên, 1 bài kiểm tra giữa kỳ và 1 bài thi cuối kỳ.

- Sinh viên được cán bộ giảng dạy giới thiệu các nguồn tài liệu tham khảo có liên quan tới nội dung của học phần dùng cho việc học các tiết lý thuyết trên lớp, nội dung thảo luận nhóm, các bài viết chuyên đề, bài thu hoạch cá nhân các phần tự nghiên cứu có hướng dẫn của giáo viên.

- Thái độ học tập cần nghiêm túc, nhiệt tình, ham học hỏi, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu giảng viên giao cho.

- Việc tham gia đầy đủ và chuyên cần các hoạt động học tập trên lớp, kết quả chuẩn bị các buổi thảo luận, tinh thần và ý thức tích cực tham gia thảo luận được đánh giá qua điểm rèn luyện thường xuyên của sinh viên.

- Tham gia đầy đủ các bài thực hành trong phòng thí nghiệm, cũng như ở cơ sở sản xuất, nắm vững phần lý thuyết của các bài thực hành, từng bước tập các thao tác để tiến tới có thể sử dụng và sử dụng thành thạo dụng cụ phòng thí nghiệm; phân tích, đánh giá được thực trạng vệ sinh tại 1 cơ sở chăn nuôi. Những sinh viên thiếu giờ học phần thực hành phải thực hiện đầy đủ mới được tham gia thi kết thúc học phần cuối kỳ.

- Có bài viết thu hoạch phần tự học theo hướng dẫn của giáo viên được cụ thể trong lịch trình tuần. Viết và nộp bài thu hoạch đúng thời gian quy định.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính

[1] Nguyễn Thị Mai (2009) Giáo trình Chăn nuôi gia cầm, Nhà XB NN Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Trần Thanh Vân, Nguyễn Duy Hoan, Nguyễn Thị Thúy My (2015) Giáo trình Chăn nuôi gia cầm, Nhà XB NN Hà Nội.

[2] Nguyễn Mạnh Hùng (1994), Chăn nuôi gia cầm, Nhà XB NN Hà Nội.

[3] Đỗ Ngọc Hà, Hoàng Văn Chính, Trịnh Thị Hồng, Khương Văn Nam và Hoàng Thị Bích (2019). Kỹ thuật chăn nuôi vịt Cổ Lũng. NXB Thanh Hóa

b, CHĂN NUÔI ĐÀ ĐIỀU VÀ CHIM/ OSTRICHT AND BIRD PRODUCTIONS 4TC (28, 39, 25)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Khoa học vật nuôi

- Điều kiện tiên quyết: Động vật học, chọn và nhân giống vật nuôi

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Đặc điểm sinh học cơ bản của đà điểu, bò câu và chim cút; kỹ thuật chăn nuôi đà điểu; kỹ thuật chăn nuôi bò câu; kỹ thuật chăn nuôi chim cút; kỹ thuật ấp trứng đà điểu và chim cút. Thực hành kỹ thuật thiết kế chuồng trại nuôi bò câu công nghiệp.

Năng lực đạt được: Người học có khả năng vận dụng được những nội dung chính của môn học vào thực tiễn sản xuất và nghề nghiệp: Tầm quan trọng, những đặc điểm cơ bản của đà điểu, chim cút và bò câu; Nguồn gốc, đặc điểm ngoại hình, sức sản xuất của một số giống đà điểu, chim cút và bò câu quan trọng và phổ biến nhất; Cách xác định nhu cầu dinh dưỡng và tạo thức ăn để chăn nuôi các loại đà điểu, chim cút và bò câu; Kỹ thuật ấp trứng; Kỹ thuật chăn nuôi đà điểu, bò câu và chim cút; Cách lập kế hoạch, tổ chức sản xuất, vận hành và giải quyết vấn đề trong trang trại chăn nuôi. Đồng thời, giúp người học có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ chăn nuôi đà điểu, bò câu và chim cút; có sáng kiến, có khả năng tự định hướng, thích nghi, tự học tập, tự giải quyết vấn đề và tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng trong chăn nuôi đà điểu, chim cút và bò câu.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức

- Người học hiểu và ứng dụng được các kiến thức về đà điểu, chim và các kỹ thuật chăn nuôi đà điểu, chim để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất của Đà điểu, chim Bò câu và chim Cút.

- Áp dụng kiến thức chuyên môn để đánh giá tình trạng sức khỏe của Đà điểu, Bò câu và chim cút dựa trên các đặc điểm ngoại hình.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Sau khi kết thúc học phần, người học có được các kỹ năng sau:

- Khảo sát, thu thập và xử lý thông tin chuồng trại phục vụ xây dựng và đánh giá các qui trình kỹ thuật chăn nuôi Đà điểu, Bò câu và chim cút.

- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật cơ bản chăm sóc và nuôi dưỡng Đà điểu, Bò câu và chim cút theo các tiêu chí phát triển nông nghiệp bền vững

2.3. Mục tiêu về thái độ

- Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.
- Có ý thức và trách nhiệm nghề nghiệp; Tự học và tự nghiên cứu để nâng cao trình độ trong lĩnh vực chăn nuôi và quản lý sức khỏe vật nuôi

3. Nội dung chi tiết học phần (Liệt kê theo chương mục)

Bài mở đầu (1 tiết lý thuyết)

Chương 1. Nguồn gốc, đặc điểm giải phẫu sinh lý của chim

(3 tiết lý thuyết + 3 tiết thảo luận)

- 1.1. Nguồn gốc của đà điểu, bò câu và chim cút
- 1.2. Đặc điểm giải phẫu sinh lý của đà điểu và chim
- 1.3. Một số đặc điểm sinh học cơ bản của đà điểu, bò câu, và chim cút

Chương 2. Dinh dưỡng của chim (3 tiết lý thuyết + 6 bài tập)

- 2.1. Nhu cầu dinh dưỡng của chim
- 2.2. Sử dụng thức ăn cho chim
- 2.3. Các loại thức ăn hỗn hợp
- 2.4. Hiệu quả sử dụng thức ăn (FCR)

Chương 3. Sức sản xuất của chim

(3 tiết lý thuyết + 3 tiết thảo luận + 10 tiết thực hành)

- 3.1. Sức sản xuất trứng
- 3.2. Sức sinh sản
- 3.3. Sức sản xuất thịt

Chương 4. Kỹ thuật ấp trứng nhân tạo

(3 tiết lý thuyết + 6 tiết thảo luận + 5 tiết thực hành)

- 4.1. Khái niệm chung về ấp trứng nhân tạo
- 4.2. Thu nhặt, chọn và bảo quản trứng ấp
- 4.3. Ấp và vận chuyển chim non
- 4.4. Kiểm tra sự phát triển của chim non trong quá trình ấp
- 4.5. Ấp trứng chim cút
- 4.6. Ấp trứng đà điểu

Chương 5. Chuồng trại, thiết bị và dụng cụ chăn nuôi chim

(3 tiết lý thuyết + 3 tiết thảo luận)

- 5.1. Các phương thức chăn nuôi chim
- 5.2. Nguyên tắc cơ bản đối với chuồng trại chăn nuôi chim
- 5.3. Yêu cầu kỹ thuật đối với chuồng chăn nuôi chim
- 5.4. Thiết bị và dụng cụ chăn nuôi chim
- 5.5. Cơ khí hóa và tự động hóa thiết bị chăn nuôi chim
- 5.6. Sát trùng chuồng trại, thiết bị và dụng cụ chăn nuôi chim

Chương 6: Kỹ thuật chăn nuôi đà điểu

(4 tiết lý thuyết + 6 tiết thảo luận)

- 6.1. Các giống đà điểu nuôi ở Việt Nam

- 6.2. Hệ thống chăn nuôi đà điểu
 - 6.3. Chuồng trại chăn nuôi đà điểu
 - 6.4. Thức ăn cho đà điểu
 - 6.5. Kỹ thuật nuôi các loại đà điểu
 - 6.5.1. Kỹ thuật nuôi đà điểu con
 - 6.5.2. Kỹ thuật nuôi đà điểu dò (từ 3 tháng đến 1 năm tuổi)
 - 6.5.3. Kỹ thuật chăn nuôi đà điểu sinh sản
 - 6.5.4. Kỹ thuật chăn nuôi đà điểu cho thịt
 - 6.6. Một số bệnh thường gặp khi nuôi đà điểu
- Chương 7. Kỹ thuật nuôi chim bồ câu** (4 tiết lý thuyết + 6 tiết thảo luận)

- 7.1. Các giống chim bồ câu
- 7.2. Các phương thức chăn nuôi chim bồ câu
- 7.3. Chuồng nuôi và thiết bị nuôi chim
- 7.4. Thức ăn cho chim bồ câu
- 7.5. Kỹ thuật nuôi các loại bồ câu
 - 7.5.1. Kỹ thuật nuôi chim bồ câu sinh sản
 - 7.5.2. Kỹ thuật nuôi chim bồ câu con
- 7.5. Phòng trừ dịch bệnh cho chim bồ câu

Chương 8. Kỹ thuật nuôi chim cú
(4 tiết lý thuyết + 6 tiết thảo luận)

- 8.1. Các giống chim cú
- 8.2. Phương thức nuôi chim cú
- 8.3. Chuồng trại, thiết bị nuôi chim cú
- 8.4. Thức ăn cho chim cú
- 8.5. Kỹ thuật chăn nuôi các loại chim cú
 - 8.5.1. Kỹ thuật chăn nuôi chim cú sinh sản
 - 8.5.2. Kỹ thuật chăn nuôi chim cú để trứng thương phẩm
 - 8.5.3. Kỹ thuật chăn nuôi chim cú thịt
- 8.6. Phòng bệnh cho chim cú

THỰC HÀNH (25 tiết)

- Bài 1 (5 tiết):** Khảo sát chất lượng trứng chim cú
- Bài 2 (5 tiết):** Khảo sát chất lượng thịt chim bồ câu
- Bài 3 (5 tiết):** Kiểm tra quá trình phát triển của phôi trứng chim cú trong quá trình ấp nở

Bài 4 (10 tiết): Đánh giá tình hình chăn nuôi chim tại cơ sở sản xuất

4. Yêu cầu của môn học:

- Sinh viên đạt tối thiểu 80% giờ lý thuyết, tham gia đầy đủ các buổi thảo luận, bài tập và thực hành môn học.
- Sinh viên cần làm các bài thu hoạch phân tự nghiên cứu một cách đầy đủ, các bài thảo luận theo yêu cầu của giáo viên, hoàn thành các bài viết chuyên đề.

5. Phương pháp giảng dạy:

Thuyết trình

Thảo luận,

Thực hành

6. Kế hoạch tư vấn: Dự kiến của GV

Trong buổi học đầu tiên, giảng viên nêu rõ nội dung, mục tiêu, chuẩn đầu ra của học phần, yêu cầu khác của học phần và định hướng những nhiệm vụ sinh viên cần làm cho phần thảo luận, tự học. Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan.

Cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

- Phòng học có máy chiếu

- Dụng cụ thực hành trong phòng thí nghiệm đầy đủ

- Thư viện đáp ứng đầy đủ các học liệu bắt buộc và học liệu tham khảo cho sinh viên.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

- Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính

1. TS. Bùi Hữu Đoàn, 2009. Giáo trình Chăn nuôi đà điểu và chim. NXB Nông nghiệp Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo

1. Đỗ Ngọc Hà. Bài giảng chăn nuôi đà điểu và chim. Trường Đại học Hồng Đức, năm 2020

9.32. Tiếng Anh chuyên ngành chăn nuôi / Tiếng Anh: English in Animal Science

- Mã học phần: 164126

- Số tín chỉ: 2 (18, 24)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Khoa học vật nuôi

- Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 1, 2, 3.

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Rèn luyện kỹ năng đọc và hiểu văn bản khoa học, kiến thức về miền từ, thuật ngữ về chuyên ngành liên quan đến các nội dung thuộc lĩnh vực: Ngành chăn nuôi, Thú y; Sinh lý động vật, dinh dưỡng động vật và thức ăn chăn nuôi; Sự sinh sản ở vật nuôi và Vi sinh vật học. Luyện thực hành hội thoại, viết và dịch một số cấu trúc ngữ pháp thường gặp.

Năng lực đạt được: Sinh viên đọc và nghe hiểu các tài liệu, bài giảng tiếng Anh liên quan đến lĩnh vực chăn nuôi thú y. Sử dụng được Tiếng Anh trong việc viết và thuyết trình nghiên cứu khoa học.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Sau khi kết thúc học phần, người học có khả năng:

- Đọc và dịch được các bài báo chuyên ngành bằng Tiếng Anh.
- Tóm tắt được các bài báo đã đọc và dịch được tóm tắt các bài báo khoa học chuyên ngành từ tiếng Việt sang tiếng Anh.
- Ngoài ra, việc sinh viên có thể nói lưu loát tiếng Anh trong giao tiếp về chuyên môn chỉ mang tính khuyến khích.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Sau khi kết thúc học phần, người học phải có được các kỹ năng sau:

- Đọc và dịch được các bài báo khoa học chuyên ngành bằng tiếng Anh
- Viết tóm tắt được các bài báo khoa học chuyên ngành bằng tiếng Anh
- Dịch tóm tắt được các bài báo khoa học chuyên ngành từ tiếng Việt sang tiếng Anh

2.3. Mục tiêu về thái độ

- Có ý thức trong việc áp dụng kiến thức tiên bộ về lĩnh vực chăn nuôi thú y vào điều kiện thực tiễn tại Việt Nam.
- Bên cạnh mục tiêu nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm cần chú trọng đến vấn đề sức khỏe và phúc lợi động vật.

3. Nội dung chi tiết học phần

Lesson 1: Overview of animal science (3 tiết lý thuyết + 3 tiết thảo luận, bài tập)

- 1.1. Reading comprehension
- 1.2. Vocabulary
- 1.3. Exercise
 - 1.3.1. Practice 1
 - 1.3.2. Pracetice 2
 - 1.3.3. Practice 3
- 1.4. Assignment

Lesson 2: Animal Physiology (3 tiết lý thuyết + 3 tiết thảo luận, bài tập)

- 2.1. Reading comprehension
- 2.2. Vocabulary
- 2.3. Exercise
- 2.4. Assignment

Lesson 3: Animal nutrition and feeds (3 tiết lý thuyết + 3 tiết thảo luận, bài tập)

- 3.1. Reading comprehension
- 3.2. Vocabulary

3.3. Exercise

3.3.1. Practice 1

3.3.2. Pracetice 2

3.3.3. Practice 3

3.3.4. Practice 4

3.4. Assignment

Lesson 4: Animal reproduction (3 tiết lý thuyết + 3 tiết thảo luận, bài tập)

4.1. Reading comprehension

4.2. Vocabulary

4.3. Exercise

4.3.1. Practice 1

4.3.2. Pracetice 2

4.4. Assignment

Lesson 5: Veterinary Medicine (3 tiết lý thuyết + 3 tiết thảo luận, bài tập)

5.1. Reading comprehension

5.2. Vocabulary

5.3. Exercise

5.3.1. Practice 1

5.3.2. Pracetice 2

5.3.3. Practice 3

5.4. Assignment

Lesson 6: Microbiology (3 tiết lý thuyết + 3 tiết thảo luận, bài tập)

6.1. Reading comprehension

6.2. Vocabulary

6.3. Exercise

6.3.1. Practice 1

6.3.2. Pracetice 2

6.3.3. Practice 3

6.4. Assignment

Lesson 7: Seminar in Animal Husbandry and Veterinary Science (6 tiết seminar)

4. Yêu cầu của môn học:

- Sinh viên đạt tối thiểu 80% giờ lý thuyết, tham gia đầy đủ các buổi thảo luận, bài tập môn học.

- Sinh viên cần làm các bài thuyết trình theo nhóm, các bài thảo luận, hoàn thành bài tập và tự học theo yêu cầu của giáo viên.

5. Phương pháp giảng dạy

Thuyết trình

Thảo luận

Bài tập

6. Kế hoạch tư vấn: Dự kiến của giảng viên

Trong buổi học đầu tiên, giảng viên nêu rõ nội dung, mục tiêu, chuẩn đầu ra của học phần, yêu cầu khác của học phần và định hướng những nhiệm vụ sinh viên cần làm cho phần thảo luận, tự học. Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan.

Cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

- Phòng học có máy chiếu, loa
- Thư viện đáp ứng đầy đủ các học liệu bắt buộc và học liệu tham khảo cho sinh viên.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.
- Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính

1. Nguyễn Xuân Trạch. 2007. *English for Animal Science and Aquaculture*. Học Viện Nông Nghiệp Việt Nam.

9.2. Tài liệu tham khảo

1. Trần Văn Thăng. 2012. *Bài giảng môn Tiếng Anh chuyên ngành Chăn nuôi thú y*. Đại học Nông Lâm Thái Nguyên.

2. Lê Thanh Hiền. 2007. *English for Veterinary Medicine*. Đại học Nông Lâm TP. HCM

9.33. DƯỢC LÝ THÚ Y/VETERINARY PHARMACOLOGY 3TC (20,30,20)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: BM Khoa học Vật nuôi

- Điều kiện tiên quyết: Bệnh lý thú y

1. Mô tả học phần:

Nội dung cốt lõi: Những khái niệm về dược lý học, nguyên lý sử dụng thuốc, cơ chế tác dụng của thuốc và các hình thức gây tác dụng của thuốc. Tính chất chung, tính chất tác dụng, chỉ định dùng và cách dùng của thuốc trong điều trị của các thuốc tác dụng đến các hệ cơ quan trong cơ thể động vật, thuốc tác động tới quá trình trao đổi chất, thuốc kháng sinh, thuốc chống kí sinh trùng, thuốc khử trùng - sát trùng và Vaccin.

Năng lực đạt được: Sinh viên nhận biết, phân biệt được các loại thuốc thông dụng; Hiểu được cơ chế tác dụng của một số loại thuốc, biết được một số tính chất tác

dụng và tác dụng phụ một số loại thuốc; Đưa được thuốc vào cơ thể gia súc; gia cầm.

Lựa chọn, phối hợp sử dụng thuốc một cách hợp lý có hiệu quả trong điều trị bệnh cho gia súc, gia cầm;

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức

- Về kiến thức

Sau khi học xong học phần này sinh viên cần biết được:

- + Khái niệm thuốc, thức ăn và chất độc
- + Các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc.
- + Quá trình hấp thu - phân bố - biến đổi - thải trừ thuốc.
- + Cơ chế tác dụng và hình thức tác dụng của thuốc.
- + Biết được tính chất chung, tính chất tác dụng, chỉ định dùng và cách dùng thuốc trong điều trị bệnh gia súc, gia

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- + Nhận biết được các loại thuốc (Tên thường dùng, tên khoa học, màu sắc và các thông tin ghi trên bao bì hoặc nhãn mác)
 - + Đưa được thuốc vào cơ thể gia súc bằng các đường đưa khác nhau.
 - + Biết vận dụng, lựa chọn thuốc để ứng dụng trong điều trị các môn học bệnh ký sinh trùng, truyền nhiễm, sản khoa.
 - + Thực hành lựa chọn, phối hợp sử dụng thuốc một cách hợp lý có hiệu quả trong điều trị bệnh cho gia súc, gia cầm.

2.3. Mục tiêu về thái độ

- + Người học có thái độ học tập đúng đắn: tích cực tham khảo tài liệu liên quan đến nội dung môn học. Tích cực trong vận dụng kiến thức môn học vào thực tiễn chăn nuôi.
- + Phải chuẩn bị các nội dung theo yêu cầu của giáo viên trước khi lên lớp theo lịch trình (thảo luận, tự học, bài viết chuyên đề...)
- + Tích cực đọc các tài liệu giáo viên đã hướng dẫn để chuẩn bị bài chu đáo. Tích cực tham gia thảo luận nhóm, viết báo cáo chuyên đề, viết bài thu hoạch tự học đầy đủ.

3. Nội dung chi tiết học phần

PHẦN I: DƯỢC LÝ HỌC ĐẠI CƯƠNG

Chương 1: Tổng quát về dược lý học thú y (3 LT; TL0)

- 1.1. Lịch sử môn dược lý học
- 1.2. Một số khái niệm về dược lý học
- 1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc
 - 1.3.1. Yếu tố cơ thể
 - 1.3.2. Yếu tố ngoài cơ thể

Chương 2: Dược lực học (2 LT; TL1)

2.1. Khái niệm

2.2. Cơ chế tác dụng của thuốc

2.2.1. Tác dụng đặc hiệu

2.2.2. Tác dụng không đặc hiệu

2.3. Các tác dụng của thuốc

2.3.1. Tác dụng cục bộ, tác dụng toàn thân

2.3.2. Tác dụng chính, tác dụng phụ

2.3.3. Tác dụng hồi phục và không hồi phục

2.3.4. Tác dụng đặc hiệu, tác dụng không đặc hiệu

2.3.5. Tác dụng đối kháng

2.3.6. Tác dụng hiệp đồng

Chương 3: Dược động học của thuốc (2 LT; TL2)

3.1. Khái niệm

3.2. Sự hấp thu thuốc qua màng sinh học

3.2.1. Cấu tạo màng tế bào

3.2.2. Các cách hấp thu vận chuyển thuốc qua màng

3.2.3. Sự hấp thu thuốc theo đường sử dụng

3.3. Sự phân bố thuốc trong cơ thể

3.4. Sự chuyển hóa thuốc trong cơ thể

3.5. Quá trình thải trừ thuốc

Phần II: Dược lý học tác động đến tổ chức mô và hệ thống cơ quan trong cơ thể (1 LT; TL2)

Chương 4: Thuốc tác dụng đến hệ Thần kinh trung ương (TKTW)

4.1. Thuốc ức chế TKTW

4.2. Thuốc kích thích TKTW

Chương 5: Thuốc tác dụng đến hệ Thần kinh thực vật (1 LT; TL2)

5.1. Đại cương về hệ thần kinh thực vật

5.2. Thuốc tác dụng đến hệ thần kinh phó giao cảm

5.3. Thuốc tác dụng đến hệ thần kinh giao cảm

Chương 6: Thuốc tê cục bộ (1 LT; TL2)

6.1. Đại cương

6.2. Thuốc hay dùng

Chương 7: Thuốc hạ sốt, kháng viêm, giảm đau (1 LT; TL2)

7.1. Cơ chế tác dụng

7.2. Thuốc thường dùng

Chương 8: Thuốc tác dụng lên hệ tuần hoàn(1 LT; TL3)

8.1. Thuốc có tác dụng tạo hồng cầu

8.2. Thuốc tác động đến huyết tương

8.3. Dịch truyền thay thế máu

8.4. Thuốc tác dụng trên tim

8.5. Thuốc tác dụng trên mạch máu.

Chương 9: Thuốc kháng Histamin và thuốc tác động trên đường hô hấp(1 LT; TL2)

9.1. Thuốc kháng Histamin

9.2. Thuốc trị hen suyễn

9.3. Thuốc trị ho

9.4. Thuốc long đờm, tiêu đờm

Chương 10: Thuốc tác dụng đến hệ tiêu hóa, tiết niệu, sinh dục (2 LT; TL3)

10.1. Thuốc gây nôn và chống nôn

10.2. Thuốc chống táo bón, nhuận tràng

10.3. Thuốc chống ỉa chảy

10.4. Thuốc tác dụng đến hệ tiết niệu

10.5. Thuốc tác dụng đến hệ sinh dục

Chương 11: Vitamin (1 LT; TL2)

11.1. Khái niệm

11.2. Vitamin tan trong nước

11.3. Vitamin tan trong dầu

PHẦN 3: THUỐC CHỐNG MÀM BỆNH (1 LT; TL2)

Chương 12: Thuốc sát khuẩn

12.1. Khái niệm

12.2. Sự khác nhau giữa thuốc sát khuẩn và thuốc kháng sinh

12.3. Cơ chế và tác dụng của thuốc sát khuẩn

12.4. Các thuốc sát khuẩn chính

Chương 13: Thuốc kháng sinh (1 LT; TL4)

13.1. Đại cương

13.2. Cơ chế tác dụng

13.3. Nguyên tắc sử dụng

13.4. Dược động học, dược lực học của kháng sinh

13.5. Hiện tượng kháng thuốc của vi khuẩn

13.6. Phân loại kháng sinh

13.7. Các nhóm kháng sinh chính.

Chương 14: Thuốc chống nấm và chống virus (1 LT; TL1)

14.1. Thuốc chống nấm

14.2. Thuốc chống virus

Chương 15: Thuốc chống kí sinh trùng (KST) (1 LT; TL2)

15.1. Thuốc trị ngoại KST

15.2. Thuốc trị nội KST

15.3. Thuốc trị cầu trùng

15.4. Thuốc trị KST đường máu

Phần thực hành:

Bài 1: Các phương pháp đưa thuốc vào cơ thể gia súc – gia cầm (10 tiết)

+ Cách tiêm bắp

+ Cách tiêm ven

- + Cách tiêm dưới da
- + Cách phong bế
- + Cách cho gia súc uống thuốc
- Bài 2: Nhận dạng thuốc, cách xem các thông tin trên bao bì, nhãn mác (5 tiết)
- + Nhận dạng thuốc qua màu sắc, mùi vị
 - + Tên thuốc (tên khoa học, tên thường dùng)
 - + Dạng thuốc và liều lượng
 - + Màu sắc và thời gian sử dụng
 - + Chỉ định và cách dùng
- Bài 3: Thử phản ứng thuốc (5 tiết)
 - + Thử tác dụng của thuốc Pilocarpin đối với hệ thần kinh phó giao cảm
 - + Thử tác dụng của thuốc Atropin đối với hệ thần kinh phó giao cảm
 - + Thử phản ứng của thuốc Novocain đối với thần kinh nhận cảm

4. Yêu cầu của môn học:

- Sinh viên cần đạt tối thiểu 80% giờ lý thuyết, tham gia đầy đủ các buổi thảo luận, Seminar và thực hành môn học.
- Sinh viên cần làm bài tập đầy đủ và tự nghiên cứu các bài thảo luận theo yêu cầu của giáo viên, hoàn thành bài thu hoạch sau khi thực hành.

5. Phương pháp giảng dạy:

Phương pháp giảng dạy: Áp dụng các phương pháp thuyết giảng kết hợp tổ chức dạy học theo nhóm, dạy học dựa trên vấn đề, sử dụng câu hỏi trắc nghiệm khách quan trong giảng dạy, sử dụng phim tư liệu trong giảng dạy, giảng dạy thông qua thảo luận, giảng dạy thông qua tham quan thực tế.

6. Kế hoạch tư vấn:

- Sinh viên phải chủ động tích cực trong học tập, tham gia đầy đủ các giờ học và thảo luận trên lớp, chuẩn bị bài theo yêu cầu của giáo viên trước khi lên lớp. Có đầy đủ 4 bài kiểm tra thường xuyên, 1 bài kiểm tra giữa kỳ và 1 bài thi cuối kỳ.
 - Sinh viên được cán bộ giảng dạy giới thiệu các nguồn tài liệu tham khảo có liên quan tới nội dung của học phần dùng cho việc học các tiết lý thuyết trên lớp, nội dung thảo luận nhóm, các bài viết chuyên đề, bài thu hoạch cá nhân các phần tự nghiên cứu có hướng dẫn của giáo viên.
 - Thái độ học tập cần nghiêm túc, nhiệt tình, ham học hỏi, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu giảng viên giao cho.
 - Việc tham gia đầy đủ và chuyên cần các hoạt động học tập trên lớp, kết quả chuẩn bị các buổi thảo luận, tinh thần và ý thức tích cực tham gia thảo luận được đánh giá qua điểm rèn luyện thường xuyên của sinh viên.
 - Tham gia đầy đủ các bài thực hành trong phòng thí nghiệm, cũng như ở cơ sở sản xuất, nắm vững phần lý thuyết của các bài thực hành, từng bước tập các thao tác để tiến tới có thể sử dụng và sử dụng thành thạo dụng cụ phòng thí nghiệm; Những sinh viên thiếu giờ học phần thực hành phải thực hiện đầy đủ mới được tham gia thi kết thúc học phần cuối kỳ.

- Có bài viết thu hoạch phần tự học theo hướng dẫn của giáo viên được cụ thể trong lịch trình tuần. Viết và nộp bài thu hoạch đúng thời gian quy định.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính

1. Dược lý học thú y (2015), Bùi Thị Tho (chủ biên), NXB Đại học Nông nghiệp

9.2. liệu tham khảo

1. PGS Phạm Khắc Hiếu, *Dược lý học thú y*, NXB Nông nghiệp, 1997

2. PGS Phạm Sĩ Lăng, *Thuốc và vaccin sử dụng trong thú y*. NXB NN 2000

9.34. CHỌN MỘT TRONG HAI HỌC PHẦN

a, VI SINH VẬT ỨNG DỤNG TRONG CHĂN NUÔI/APPLIED

MICROBIOLOGY IN ANIMAL HUSBANDRY 3TC(LT: 20, 30, 20)

CHƯƠNG 1. ỨNG DỤNG VSV TRONG BẢO QUẢN VÀ CHẾ BIẾN THỨC ĂN CHĂN NUÔI (LT: 6; TL: 8; TH: 5)

1.1. Nguyên tắc chung trong bảo quản

1.2. Ứng dụng vsv trong bảo quản thức ăn chăn nuôi

1.2.1. Phương pháp làm khô sinh học

1.2.2. Phương pháp ủ chua

1.2.3. Sử dụng các chế phẩm sinh học từ vsv

1.3. Ứng dụng vi sinh vật trong chế biến thức ăn chăn nuôi

1.3.1. Cơ sở sinh hóa học của việc sử dụng vsv để chế biến thức ăn chăn nuôi

1.3.2. Phương pháp lên men với vi khuẩn lactic

1.3.3. Phương pháp lên men với nấm men

1.3.4. Phương pháp lên men với nấm mốc

CHƯƠNG 2. ỨNG DỤNG VSV TRONG SINH TỔNG HỢP CÁC SẢN

PHẨM DÙNG TRONG CHĂN NUÔI (LT: 5; TL: 7; TH: 5)

2.1. Cơ sở của việc sử dụng vsv trong sản xuất các sản phẩm sinh tổng hợp

2.2. Các sản phẩm của công nghệ vi sinh

2.2.1. Sinh khối vi sinh vật

2.2.2. Các sản phẩm trao đổi chất

2.3. Sản xuất sinh khối vi sinh vật

2.3.1. Sinh khối tảo

2.3.2. Sinh khối nấm men

- 2.3.3. Sinh khối vi khuẩn
- 2.4 Quy trình công nghệ sản xuất men thức ăn trong chăn nuôi
 - 2.4.1. Các loại men ủ thức ăn
 - 2.4.2. Quy trình công nghệ sản xuất men ủ thức ăn
 - 2.4.3. Đặc điểm, hiệu quả của việc sử dụng men ủ thức ăn trong chăn nuôi
- 2.5 Quy trình công nghệ sản xuất enzyme từ vsv
 - 2.5.1 Tuyển chọn và cải tạo giống vsv cho hoạt lực enzyme cao
 - 2.5.2 Môi trường nuôi cấy
 - 2.5.3. Phương pháp nuôi cấy vi sinh vật thu enzyme
 - 2.5.4 Phương pháp tách và làm sạch chế phẩm
 - 2.5.5. Một số ứng dụng của enzyme dùng trong chăn nuôi
- 2.6. Quy trình sản xuất các chế phẩm vi sinh vật sử dụng trong chăn nuôi
 - 2.6.1. Khái niệm probiotics
 - 2.6.2. Ứng dụng của chế phẩm vi sinh trong chăn nuôi
 - 2.6.3. Tiêu chí lựa chọn các vi sinh vật probiotic trong sản xuất chế phẩm vi sinh dùng trong chăn nuôi
 - 2.6.4. Quy trình sản xuất các chế phẩm vi sinh sử dụng trong chăn nuôi

CHƯƠNG 3. HỆ VI SINH VẬT ĐƯỜNG RUỘT-VAI TRÒ VÀ ỨNG DỤNG CÁC VI SINH VẬT PROBIOTICS (LT: 5; TL: 8; TH: 5)

- 3.1. Hệ thống sinh thái đường tiêu hoá vật nuôi
 - 3.1.1. Môi trường - đường tiêu hoá
 - 3.1.2. Hệ vi sinh vật đường tiêu hoá
 - 3.1.3. Mối quan hệ tương tác giữa hệ vi sinh vật với môi trường
- 3.2. Vai trò của hệ vi sinh vật đường tiêu hóa
 - 3.2.1. Quan hệ của sự cân bằng sinh thái đường ruột với sinh lý tiêu hoá.
 - 3.2.2. Các yếu tố tác động đến hệ sinh thái đường tiêu hoá.
 - 3.2.3. Quan hệ của sự cân bằng sinh thái đường ruột với bệnh đường ruột
- 3.3. Ứng dụng các vi sinh vật probiotics trong phòng bệnh đường tiêu hóa cho vật nuôi
 - 3.3.1. Cơ chế tác động của probiotics trong phòng và trị bệnh đường ruột
 - 3.3.2. Ứng dụng trong phòng bệnh đường ruột cho vật nuôi

CHƯƠNG 4. Ô NHIỄM VI SINH VẬT TRONG CÁC SẢN PHẨM CHĂN NUÔI (LT: 6; TL: 8; TH: 5)

- 4.1. Ô nhiễm vi sinh vật trong sữa
 - 4.1.1 Hệ vi sinh vật trong sữa
 - 4.1.2 Nguồn gốc ô nhiễm vi sinh vật trong sữa
 - 4.1.3. Các biện pháp làm giảm ô nhiễm vsv trong sữa
- 4.2 Ô nhiễm vi sinh vật trong thịt
 - 4.2.1 Hệ vi sinh vật của thịt
 - 4.2.2 Nguồn gốc vi sinh vật và sự xâm nhập vào trong thịt
 - 4.2.3. Các biện pháp làm giảm ô nhiễm vsv trong thịt

- 4.3. Ô nhiễm vi sinh vật trong trứng
- 4.3.1 Hệ vi sinh vật của trứng và tác dụng gây thối hỏng trứng
- 4.3.2 Nguồn gốc ô nhiễm vi sinh vật trong trứng
- 4.3.3 Các phương pháp làm giảm ô nhiễm vsv trong trứng

CHƯƠNG 5. ỨNG DỤNG VI SINH VẬT TRONG XỬ LÝ CHẤT THẢI CHĂN NUÔI (LT: 6; TL: 8; TH: 5)

- 5.1. Đặc điểm của chất thải chăn nuôi
 - 5.1.1. Phân loại chất thải chăn nuôi
 - 5.1.2. Thành phần và khối lượng chất thải chăn nuôi
 - 5.1.3. Các vi sinh vật gây bệnh và có hại trong chất thải chăn nuôi
- 5.2. Các vsv tham gia quá trình xử lý chất thải chăn nuôi
 - 5.2.1. Nhóm vsv phân giải xơ
 - 5.2.2. Nhóm vsv phân giải protein
 - 5.2.3. Nhóm vsv phân giải tinh bột
 - 5.2.4. Nhóm vsv phân giải lưu huỳnh, photphats
 - 5.2.5. Nhóm vsv tổng hợp axit lactic và bacteriocins
- 5.3. Các phương pháp xử lý chất thải chăn nuôi nhờ vi sinh vật
 - 5.3.1. Lên men yếm khí
 - 5.3.2. Lên men hiếu khí
 - 5.3.3. Sử dụng các chế phẩm vi sinh vật trong xử lý chất thải chăn nuôi và giảm mùi
 - 5.3.4. Phương thức chăn nuôi trên lớp đệm lót nền lên men vi sinh vật

Thực hành

Bài 1: Ứng dụng vsv trong bảo quản và chế biến thức ăn chăn nuôi (10 tiết)

- Nội dung 1: Phương pháp lên men với vi khuẩn lactic
- Nội dung 2: Phương pháp lên men với nấm men

Bài 2: Xác định khả năng phân giải tinh bột và protein của VSV (5 tiết)

- Nội dung 1: Khả năng phân giải tinh bột
- Nội dung 2: Khả năng phân giải protein

Bài 3: Xác định khả năng đông vón sữa và sinh axit lactic (5 tiết)

4. Yêu cầu của môn học:

- Sinh viên cần đạt tối thiểu 80% giờ lý thuyết, tham gia đầy đủ các buổi thảo luận, Seminar và thực hành môn học.
- Sinh viên cần làm bài tập đầy đủ và tự nghiên cứu các bài thảo luận theo yêu cầu của giáo viên, hoàn thành bài thu hoạch sau khi thực hành.

5. Phương pháp giảng dạy:

Phương pháp giảng dạy: Áp dụng các phương pháp thuyết giảng kết hợp tổ chức dạy học theo nhóm, dạy học dựa trên vấn đề, sử dụng câu hỏi trắc nghiệm khách quan trong giảng dạy, sử dụng phim tư liệu trong giảng dạy, giảng dạy thông qua thảo luận, giảng dạy thông qua tham quan thực tế.

6. Kế hoạch tư vấn:

- Sinh viên phải chủ động tích cực trong học tập, tham gia đầy đủ các giờ học và thảo luận trên lớp, chuẩn bị bài theo yêu cầu của giáo viên trước khi lên lớp. Có đầy đủ 4 bài kiểm tra thường xuyên, 1 bài kiểm tra giữa kỳ và 1 bài thi cuối kỳ.

- Sinh viên được cán bộ giảng dạy giới thiệu các nguồn tài liệu tham khảo có liên quan tới nội dung của học phần dùng cho việc học các tiết lý thuyết trên lớp, nội dung thảo luận nhóm, các bài viết chuyên đề, bài thu hoạch cá nhân các phần tự nghiên cứu có hướng dẫn của giáo viên.

- Thái độ học tập cần nghiêm túc, nhiệt tình, ham học hỏi, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu giảng viên giao cho.

- Việc tham gia đầy đủ và chuyên cần các hoạt động học tập trên lớp, kết quả chuẩn bị các buổi thảo luận, tinh thần và ý thức tích cực tham gia thảo luận được đánh giá qua điểm rèn luyện thường xuyên của sinh viên.

- Tham gia đầy đủ các bài thực hành trong phòng thí nghiệm, cũng như ở cơ sở sản xuất, nắm vững phần lý thuyết của các bài thực hành, từng bước tập các thao tác để tiến tới có thể sử dụng và sử dụng thành thạo dụng cụ phòng thí nghiệm; Những sinh viên thiếu giờ học phần thực hành phải thực hiện đầy đủ mới được tham gia thi kết thúc học phần cuối kỳ.

- Có bài viết thu hoạch phần tự học theo hướng dẫn của giáo viên được cụ thể trong lịch trình tuần. Viết và nộp bài thu hoạch đúng thời gian quy định.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Nguyễn Thị Tuyết Lê, Bùi Văn Định (2017) Giáo trình Vi sinh vật ứng dụng trong chăn nuôi. Nhà XB ĐH NN.

9.2. Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Bá Hiên (2008), Giáo trình Vi sinh vật và bệnh truyền nhiễm gia súc. NXB Nông nghiệp Hà Nội.

2. Nguyễn Lâm Dũng, Nguyễn Đình Quyến, Phạm Văn Ty (2007), Vi sinh vật học. Nhà xuất bản giáo dục - Hà Nội.

3. Nguyễn Như Thanh, Nguyễn Bá Hiên (1997), Giáo trình Vi sinh vật thú y. Nhà XB NN Hà Nội.

b, VI SINH VẬT VÀ MIỄN DỊCH HỌC THÚ Y/ VETERINARY MICROBIOLOGY AND IMMUNOLOGY 3TC(LT: 20, 30, 20)

Chương 1: khái niệm và lịch sử phát triển của miễn dịch học (LT: 4)

1.1. Khái niệm

- 1.1.1. Miễn dịch
- 1.2.2. Miễn dịch học
- 1.2. Sơ lược lịch sử phát triển của miễn dịch học.
 - 1.2.1. Thời kỳ vắc xin
 - 1.2.2. Thời kỳ huyết thanh học
 - 1.2.3. Thời kỳ hoá miễn dịch
 - 1.2.4. Thời kỳ miễn dịch tế bào
 - 1.2.5. Thời kỳ điều hoà miễn dịch và sự hợp tác giữa tế bào lympho T và B
- 1.3. Phân loại miễn dịch

Chương 2: Hệ thống miễn dịch không đặc hiệu(LT: 4; TL: 6)

- 2.1. Hàng rào vật lý
 - 2.1.1. Da
 - 2.1.2. Niêm mạc
- 2.2. Hàng rào hoá học
 - 2.2.1. Dịch tiết của các tuyến
 - 2.2.2. Bỏ thể
 - 2.2.3. Interferon (IFN)
 - 2.2.4. Protein liên kết
- 2.3. Hàng rào tế bào
- 2.4. Hàng rào thể chất hay cơ địa
- 2.5. Viêm

Chương 3: Hệ thống miễn dịch đặc hiệu (LT: 4; TL: 6)

- 3.1. Khái niệm
- 3.2. Kháng nguyên (antigen)
 - 3.2.1. Định nghĩa
 - 3.2.2. Đặc tính của kháng nguyên
 - 3.2.3. Phân loại kháng nguyên
- 3.3. Các cơ quan miễn dịch
 - 3.3.1. Các cơ quan lympho trung tâm
 - 3.3.2. Các cơ quan lympho ngoại vi
- 3.4. Các tế bào tham gia miễn dịch đặc hiệu
 - 3.4.1. Tế bào lympho
 - 3.4.2. Tế bào trình diện kháng nguyên
- 3.5. Quá trình đáp ứng miễn dịch đặc hiệu
 - 3.5.1. Khái niệm
 - 3.5.2. Các giai đoạn của quá trình đáp ứng miễn dịch đặc hiệu
- 3.6. Kháng thể dịch thể đặc hiệu
 - 3.6.1. Khái niệm
 - 3.6.2. Cấu trúc của kháng thể đặc hiệu
 - 3.6.3. Đặc tính và chức năng của kháng thể đặc hiệu
 - 3.6.4. Các lớp của kháng thể dịch thể

- 3.6.5. Quy luật hình thành kháng thể dịch thể đặc hiệu
- 3.6.6. Các yếu tố ảnh hưởng tới kháng thể dịch thể đặc hiệu
- 3.6.7. Kháng thể đơn dòng
- 3.6.8. Các phản ứng huyết thanh
 - Phản ứng ngưng kết
 - Phản ứng kết tủa
 - Phản ứng kết hợp bỏ thể
 - Phản ứng trung hoà
 - Phản ứng miễn dịch huỳnh quang

Chương 4: Miễn dịch và nhiễm khuẩn(LT: 4; TL: 6)

- 4.1. Miễn dịch chống virus
 - 4.1.1. Đáp ứng miễn dịch không đặc hiệu
 - 4.1.2. Đáp ứng miễn dịch đặc hiệu
 - 4.1.3. Sự lẫn tránh của virus
- 4.2. Miễn dịch chống vi khuẩn
 - 4.2.1. Miễn dịch chống vi khuẩn ngoại bào
 - 4.2.2. Miễn dịch chống vi khuẩn nội bào
- 4.3. Miễn dịch chống ký sinh trùng
 - 4.1.1. Đáp ứng miễn dịch không đặc hiệu
 - 4.1.2. Đáp ứng miễn dịch đặc hiệu
 - 4.1.3. Sự né tránh đáp ứng miễn dịch của ký sinh trùng

Chương 5: Sai lệch miễn dịch và miễn dịch bệnh lý (LT: 4; TL: 7)

- 5.1. Sai lệch miễn dịch
 - 5.1.1. Dung nạp miễn dịch
 - 5.1.2. Tự miễn dịch
 - 5.1.3. Suy giảm miễn dịch
- 5.2. Miễn dịch bệnh lý
 - 5.2.1. Quá mẫn
 - 5.2.2. Dị ứng

Chương 6: Vi khuẩn gây bệnh (LT: 4; TL: 7; TH: 10)

- 6.1. Cầu khuẩn gây bệnh
 - 6.1.1. Tụ cầu khuẩn (staphylococcus)
 - 6.1.2. Liên cầu khuẩn (streptococcus)
- 6.2. Trục khuẩn gây bệnh
 - 6.2.1. Trục khuẩn Salmonella
 - 6.2.2. Trục khuẩn E. Coli
 - 6.2.3. Trục khuẩn tụ huyết trùng
 - 6.2.4. Trục khuẩn đóng dấu lợn
 - 6.2.5. Trục khuẩn nhiệt thán
 - 6.2.6. Trục khuẩn sảy thai truyền nhiễm
 - 6.2.7. Trục khuẩn lao

6.3. Xoắn khuẩn gây bệnh

6.3.1. Leptospira

Chương 7: Virus gây bệnh (LT: 4; TL: 7; TH: 10)

7.1. Virus Dịch tả trâu bò

7.2. Virus Dịch tả lợn

7.3. Virus Newcastle

7.4. Virus Dịch tả vịt

7.5. Virus cúm gia cầm (H5N1)

7.6. Virus Lở mồm long móng

7.7. Virus Đậu

7.8. Virus dại

7.9. Virus Gumboro

7.10. Virus PRRS (Virus gây hội chứng rối loạn sinh sản và viêm đường hô hấp cấp ở lợn)

Thực hành

4. Yêu cầu của môn học:

- Sinh viên cần đạt tối thiểu 80% giờ lý thuyết, tham gia đầy đủ các buổi thảo luận, Seminar và thực hành môn học.
- Sinh viên cần làm bài tập đầy đủ và tự nghiên cứu các bài thảo luận theo yêu cầu của giáo viên, hoàn thành bài thu hoạch sau khi thực hành.

5. Phương pháp giảng dạy:

Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn

- Sinh viên phải chủ động tích cực trong học tập, tham gia đầy đủ các giờ học và thảo luận trên lớp, chuẩn bị bài theo yêu cầu của giáo viên trước khi lên lớp. Có đầy đủ 3 bài kiểm tra thường xuyên, 1 bài kiểm tra giữa kỳ và 1 bài thi cuối kỳ.
- Sinh viên được cán bộ giảng dạy giới thiệu các nguồn tài liệu tham khảo có liên quan tới nội dung của học phần dùng cho việc học các tiết lý thuyết trên lớp, nội dung thảo luận nhóm, các bài viết chuyên đề, bài thu hoạch cá nhân các phần tự nghiên cứu có hướng dẫn của giáo viên.
- Thái độ học tập cần nghiêm túc, nhiệt tình, ham học hỏi, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu giảng viên giao cho.
- Việc tham gia đầy đủ và chuyên cần các hoạt động học tập trên lớp, kết quả chuẩn bị các buổi thảo luận, tinh thần và ý thức tích cực tham gia thảo luận được đánh giá qua điểm rèn luyện thường xuyên của sinh viên.
- Tham gia đầy đủ các bài thực hành trong phòng thí nghiệm, cũng như ở cơ sở sản xuất, nắm vững phần lý thuyết của các bài thực hành, từng bước tập các thao tác để tiến tới có thể sử dụng và sử dụng thành thạo dụng cụ phòng thí nghiệm. Những sinh viên thiếu giờ học phần thực hành phải thực hiện đầy đủ mới được tham gia thi kết thúc học phần cuối kỳ.

- Có bài viết thu hoạch phần tự học theo hướng dẫn của giáo viên được cụ thể trong lịch trình tuần. Viết và nộp bài thu hoạch đúng thời gian quy định.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Học liệu

9.1. Học liệu bắt buộc

1. Giáo trình miễn dịch học thú y (2009). Nguyễn Bá Hiên – Trần Thị Lan Hương, Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.

Nguyễn Như Thanh (2004) Vi sinh vật thú y. Nhà XB NN Hà Nội.

9.2. Học liệu tham khảo

1. Vũ Minh Thực, Lương Thị Hồng Vân, Phạm Văn Thức (2005), Giáo trình miễn dịch dị ứng học cơ sở, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Phạm Đức Chương, Nguyễn Duy Hoan, Lưu Thị Kim Thanh, Hoàng Toàn Thắng (2006), *Giáo trình miễn dịch học thú y*, Nxb Nông nghiệp Hà Nội.

9.35. CHỌN MỘT TRONG HAI HỌC PHẦN

a, QUẢN LÝ CHẤT THẢI TRONG CHĂN NUÔI/LIVESTOCK WASTE MANAGEMENT

2 TC(15,20,10)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: BM Khoa học Vật nuôi

- Điều kiện tiên quyết: Các học phần chăn nuôi

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Học phần Quản lý chất thải chăn nuôi cung cấp những kiến thức: Sự phát triển chăn nuôi và vấn đề ô nhiễm môi trường; Nguồn gốc phát sinh, tác hại của chất thải rắn, các biện pháp quản lý và xử lý chất thải rắn (các biện pháp xử lý vật lý, quản lý và xử lý chất thải rắn bằng hệ thống hầm biogas); Nguồn gốc phát sinh và các phương pháp xử lý nước thải chăn nuôi (phương pháp xử lý vật lý, xử lý hóa học và xử lý sinh học); Nguồn phát sinh khí thải chăn nuôi, ảnh hưởng của khí thải chăn nuôi đến con người và vật nuôi, các phương pháp quản lý khí thải chuồng nuôi.

Năng lực đạt được: Người học tính toán và đánh giá được mức độ ô nhiễm chất thải tại nguồn dựa trên những số liệu cụ thể. Thiết kế và vận hành được một số hệ thống xử lý chất thải đơn giản.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức

- Hiểu, trình bày và phân tích được nguồn gốc phát sinh, các biện pháp quản lý và xử lý chất thải rắn trong chăn nuôi.
- Hiểu, trình bày và phân tích được nguồn gốc phát sinh, các biện pháp quản lý và xử lý nước thải trong chăn nuôi.
- Hiểu, trình bày và phân tích được nguồn gốc phát sinh khí thải chăn nuôi, ảnh hưởng của khí thải chăn nuôi đến con người và vật nuôi, các biện pháp kiểm soát ô nhiễm mùi, ô nhiễm không khí trong chăn nuôi.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Thu gom và xử lý được chất thải rắn bằng phương pháp vật lý, phương pháp ủ (VSV)
- Vận hành được công trình khí sinh học.
- Phân tích được một số chỉ tiêu của mẫu nước thải chăn nuôi.
- Kiểm soát và xử lý được mùi trong chăn nuôi.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Nhận thức đúng vai trò và tầm quan trọng việc quản lý chất thải trong chăn nuôi, giảm thiểu tác hại của hoạt động chăn nuôi đối với Môi trường.

3. Nội dung chi tiết học phần

A. LÝ THUYẾT

Bài mở đầu: Chăn nuôi và vấn đề ô nhiễm môi trường

(2 tiết lý thuyết + 1 tiết thảo luận)

1. Sự phát triển chăn nuôi và vấn đề ô nhiễm môi trường
2. Chăn nuôi- nguồn phát chất thải quan trọng
3. Thành phần chất thải chăn nuôi

Chương 1. Quản lý chất thải rắn trong chăn nuôi

(5 tiết lý thuyết + 7 tiết thảo luận)

- 1.1. Chất thải rắn
 - 1.1.1. Nguồn gốc chất thải rắn
 - 1.1.2. Trữ lượng chất thải rắn
 - 1.1.3. Tác hại chất thải rắn
- 1.2. Các biện pháp quản lý và xử lý chất thải rắn
 - 1.2.1. Xử lý vật lý
 - 1.2.2. Xử lý bằng phương pháp ủ (VSV)
 - 1.2.3. Xử lý bằng hệ thống biogas
- 1.3. Các loại hầm Biogas phổ biến
 - 1.3.1. Hầm Biogas xây bằng gạch
 - 1.3.2. Hầm Biogas sử dụng composite
 - 1.3.3. Hầm Biogas phủ bạt HDPE (High Density Polyethinel)
 - 1.3.4. Biogas túi nilông
- 1.4. Vận hành và bảo dưỡng công trình khí sinh học
 - 1.4.1. Đưa thiết bị vào vận hành.
 - 1.4.2. Vận hành thiết bị thường xuyên

- 1.5. Sử dụng bã thải biogas
 - 1.5.1. Đặc tính của bã thải sinh học
 - 1.5.2. Hàm lượng các chất dinh dưỡng trong bã thải Biogas
 - 1.5.3. Tác dụng của bã thải hàm biogas
 - 1.5.4. Sử dụng
- 1.6. Nuôi giun để xử lý chất thải chăn nuôi
 - 1.6.1. Vai trò của giun quế trong xử lý chất thải.
 - 1.6.2. Phương pháp nuôi giun quế bằng phân lợn.

Chương 2. Quản lý nước thải chăn nuôi (4 tiết lý thuyết + 5 tiết thảo luận)

- 2.1. Nguồn phát sinh nước thải
- 2.2. Các phương pháp xử lý nước thải chăn nuôi
 - 2.2.1. Các phương pháp vật lý xử lý nước thải chăn nuôi
 - 2.2.2. Các phương pháp hóa học xử lý nước thải chăn nuôi
 - 2.2.3. Các phương pháp sinh học xử lý nước thải chăn nuôi
- 2.3. Kết hợp xử lý và tái sử dụng chất thải chăn nuôi trong hệ thống kinh tế trang trại VAC

Chương 3. Quản lý khí thải chuồng nuôi (4 tiết lý thuyết + 7 tiết thảo luận)

- 3.1. Nguồn phát sinh khí thải chăn nuôi
- 3.2. Tác động của khí thải chăn nuôi đến con người và vật nuôi
 - 3.2.1. Các nhóm khí trong chuồng nuôi.
 - 3.2.2. Ảnh hưởng của một số khí độc trong chuồng nuôi
- 3.3. Ảnh hưởng của bụi trong không khí chuồng nuôi.
 - 3.3.1. Thành phần bụi trong không khí chuồng nuôi
 - 3.3.2. Tác hại của bụi đối với người chăn nuôi và vật nuôi
- 3.4. Vi sinh vật trong không khí chuồng nuôi.
- 3.5. Kiểm soát ô nhiễm mùi trong chăn nuôi
 - 3.5.1. Các yếu tố gây mùi từ chất thải chăn nuôi
 - 3.5.2. Nguyên tắc khống chế mùi
 - 3.5.3. Các phương pháp xử lý mùi trong chăn nuôi
- 3.6. Kiểm soát ô nhiễm không khí chuồng nuôi bằng phương pháp điều chỉnh khẩu phần thức ăn của gia súc
 - 3.6.1. Sử dụng “thức ăn sạch”
 - 3.6.2. Điều chỉnh nitơ trong khẩu phần
 - 3.6.3. Điều chỉnh lượng carbohydrate trong khẩu phần
 - 3.6.4. Tăng cường hoạt động của hệ vi sinh vật đường tiêu hóa
- 3.7. Kiểm soát ô nhiễm không khí chuồng nuôi bằng các phương pháp sinh học khác
 - 3.7.1. Chăn nuôi trên nền đệm lót lên men vi sinh
 - 3.7.2. Xử lý chất thải lỏng bằng chế phẩm nấm và vi khuẩn

B. THỰC HÀNH

- Bài 1 (5 tiết): Thực hiện quy trình ủ phân bằng biện pháp sinh học
- Bài 2 (5 tiết): Đánh giá thực trạng xử lý chất thải tại cơ sở chăn nuôi

4. Yêu cầu của môn học:

- Sinh viên cần đạt tối thiểu 80% giờ lý thuyết, tham gia đầy đủ các buổi thảo luận, Seminar và thực hành môn học.
- Sinh viên cần làm bài tập đầy đủ và tự nghiên cứu các bài thảo luận theo yêu cầu của giáo viên, hoàn thành bài thu hoạch sau khi thực hành.

5. Phương pháp giảng dạy:

Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn

- Sinh viên phải chủ động tích cực trong học tập, tham gia đầy đủ các giờ học và thảo luận trên lớp, chuẩn bị bài theo yêu cầu của giáo viên trước khi lên lớp. Có đầy đủ 3 bài kiểm tra thường xuyên, 1 bài kiểm tra giữa kỳ và 1 bài thi cuối kỳ.
- Sinh viên được cán bộ giảng dạy giới thiệu các nguồn tài liệu tham khảo có liên quan tới nội dung của học phần dùng cho việc học các tiết lý thuyết trên lớp, nội dung thảo luận nhóm, các bài viết chuyên đề, bài thu hoạch cá nhân các phần tự nghiên cứu có hướng dẫn của giáo viên.
- Thái độ học tập cần nghiêm túc, nhiệt tình, ham học hỏi, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu giảng viên giao cho.
- Việc tham gia đầy đủ và chuyên cần các hoạt động học tập trên lớp, kết quả chuẩn bị các buổi thảo luận, tinh thần và ý thức tích cực tham gia thảo luận được đánh giá qua điểm rèn luyện thường xuyên của sinh viên.
- Tham gia đầy đủ các bài thực hành trong phòng thí nghiệm, cũng như ở cơ sở sản xuất, nắm vững phần lý thuyết của các bài thực hành, từng bước tập các thao tác để tiến tới có thể sử dụng và sử dụng thành thạo dụng cụ phòng thí nghiệm; phân tích, đánh giá được thực trạng vệ sinh tại 1 cơ sở chăn nuôi. Những sinh viên thiếu giờ học phần thực hành phải thực hiện đầy đủ mới được tham gia thi kết thúc học phần cuối kỳ.
- Có bài viết thu hoạch phần tự học theo hướng dẫn của giáo viên được cụ thể trong lịch trình tuần. Viết và nộp bài thu hoạch đúng thời gian quy định.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính

1. Bùi Hữu Đoàn, Nguyễn Xuân Trạch và Vũ Đình Tôn (2011). *Bài giảng Quản lý chất thải chăn nuôi*. Nhà XB Đại học Nông nghiệp.

9.2. Tài liệu tham khảo

1. Đỗ Ngọc Hòe (2005), *Giáo trình vệ sinh vật nuôi*. Nhà XB Hà Nội.

2. Trịnh Lê Hùng (2009), *Kỹ thuật xử lý nước thải*. Nhà XB Giáo dục.
3. Nguyễn Đình Mạnh (2009). *Giáo trình Xử lý chất thải*. NXB Nông nghiệp

b, VỆ SINH CHĂN NUÔI/LIVESTOCK HYGIENE 2TC (15,20,10)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: BM Khoa học Vật nuôi
- Điều kiện tiên quyết: Các học phần chăn nuôi

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Vệ sinh môi trường trong chăn nuôi. Vệ sinh thức ăn và nuôi dưỡng gia súc gia cầm. Nguyên tắc xây dựng chuồng trại và quản lý vệ sinh chuồng. Vệ sinh gia súc, phương tiện trước và sau vận chuyển. Phương pháp vệ sinh thân thể gia súc, vệ sinh trong nuôi dưỡng, chăm sóc đối với từng loại gia súc.

Năng lực đạt được: Sinh viên thực hiện được vệ sinh trong nuôi dưỡng, chăm sóc và sử dụng gia súc; vệ sinh khi vận chuyển, giết mổ gia súc và các biện pháp vệ sinh phòng, chống dịch bệnh khi có dịch xảy ra. Lựa chọn địa điểm xây dựng, hướng chuồng, các bộ phận chuồng nuôi, bố trí mặt bằng khu chăn nuôi; Phân tích được một số chỉ tiêu đánh giá vệ sinh nước trong phòng thí nghiệm và xử lý được nguồn nước phục vụ chăn nuôi.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng:

- Hiểu và phân tích, đánh giá được các yếu tố môi trường ảnh hưởng đến cơ thể động vật
- Đề xuất thực hiện các biện pháp vệ sinh chuồng trại, vệ sinh thức ăn, vệ sinh vật nuôi.
- Thực hiện được các biện pháp xử lý chất thải chăn nuôi, các biện pháp vệ sinh môi trường, vệ sinh phòng bệnh.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Thực hiện thành thạo các biện pháp xử lý chất thải chăn nuôi.
- Phân tích được một số chỉ tiêu của mẫu nước thải chăn nuôi.
- Kiểm soát và xử lý được môi trường trong chăn nuôi.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Nhận thức đúng vai trò và tầm quan trọng việc vệ sinh môi trường, quản lý chất thải trong chăn nuôi, giảm thiểu tác hại của hoạt động chăn nuôi đối với Môi trường.

3. Nội dung chi tiết học phần

A. LÝ THUYẾT

Chương 1: Vệ sinh môi trường không khí trong chăn nuôi

(2 tiết lý thuyết + 1 tiết TL, BT)

- 1.1. Những yếu tố chính của khí hậu Việt Nam
- 1.2. Nhiệt độ không khí
 - 1.2.1. Sự điều tiết thân nhiệt

- 1.2.2. Ảnh hưởng của nhiệt độ không khí đến sự điều tiết thân nhiệt và sức kháng bệnh của cơ thể gia súc
- 1.3. Độ ẩm không khí
 - 1.3.1. Phương pháp biểu thị độ ẩm
 - 1.3.2. Ý nghĩa vệ sinh của sự biến đổi chỉ tiêu độ ẩm
 - 1.3.3. Ảnh hưởng của độ ẩm không khí đến sự bốc hơi và toả nhiệt của cơ thể gia súc
 - 1.3.4. Độ ẩm không khí trong chuồng nuôi
- 1.4. Bức xạ mặt trời
 - 1.4.1. Ảnh hưởng của năng lượng bức xạ mặt trời đến cơ thể động vật
 - 1.4.2. Các biện pháp giảm ảnh hưởng của bức xạ mặt trời tới cơ thể gia súc
- 1.5. Bụi và vi sinh vật trong không khí
 - 1.5.1. Bụi trong không khí và trong chuồng nuôi gia súc
 - 1.5.2. Vi sinh vật trong không khí
 - 1.5.3. Biện pháp ngăn chặn bụi và vi sinh vật trong không khí
- 1.6. Tiếng ồn trong không khí
- 1.7. Các chất khí trong không khí
 - 1.7.1. Thành phần các chất khí trong không khí
 - 1.7.2. Ảnh hưởng của một số chất khí đến cơ thể (ý nghĩa vệ sinh của thành phần chất khí trong chuồng nuôi gia súc)
- 1.8. Các biện pháp phòng ngừa ô nhiễm và bảo vệ môi trường không khí

Chương 2: Vệ sinh môi trường đất trong chăn nuôi

(1 tiết lý thuyết + 2 tiết TL, BT)

- 2.1. Cấu tạo cơ học của đất
- 2.2. Tính chất vật lý của đất
 - 2.2.1. Trong đất có chứa nước
 - 2.2.2. Trong đất có chứa không khí
 - 2.2.3. Đất có đặc tính giữ, dẫn và toả nhiệt
- 2.3. Tính chất hoá học của đất
 - 2.3.1. Trong đất có một số nguyên tố hoá học
 - 2.3.2. Chỉ tiêu nhiễm bản hoá học của đất
- 2.4. Tính chất sinh vật học của đất
 - 2.4.1. Đất có những điều kiện thuận lợi và bất lợi cho sinh trưởng, phát triển của vi sinh vật
 - 2.4.2. Sự phân bố của vi sinh vật trong đất
 - 2.4.3. Tác dụng tự rửa sạch của đất
- 2.5. Ô nhiễm đất và dịch bệnh gia súc
 - 2.5.1. Ô nhiễm đất do các chất phế thải sinh hoạt của người và gia súc
 - 2.5.2. Ô nhiễm đất bởi hoá chất bảo vệ thực vật
 - 2.5.3. Ô nhiễm đất do chất thải công nghiệp
- 2.6. Biện pháp phòng chống ô nhiễm đất

Chương 3: Vệ sinh môi trường nước trong chăn nuôi

(2 tiết lý thuyết + 2 tiết TL, BT)

- 3.1. Đánh giá vệ sinh các nguồn nước thiên nhiên
 - 3.1.1. Nước mưa
 - 3.1.2. Nước ngầm
 - 3.1.3. Nước bề mặt
 - 3.1.4. Nước biển
 - 3.2. Tác dụng tự rửa sạch của nước
 - 3.3. Tính chất vật lý của nước (thuỷ lý)
 - 3.3.1. Nhiệt độ
 - 3.3.2. Màu nước
 - 3.3.3. Mùi nước
 - 3.3.4. Vị nước
 - 3.3.5. Độ trong, độ đục của nước
 - 3.4. Tính chất hoá học của nước (thuỷ hoá)
 - 3.4.1. Độ pH
 - 3.4.2. Chất rắn hoà tan
 - 3.4.3. Hợp chất chứa nito
 - 3.4.4. Hợp chất Clo
 - 3.4.5. Hợp chất sulphat
 - 3.4.6. Muối sắt
 - 3.4.7. Độ cứng của nước
 - 3.4.8. Độ oxy hoá của nước
 - 3.4.9. Oxy hoà tan trong nước
 - 3.4.10. Các nguyên tố vi lượng trong nước
 - 3.5. Tính chất sinh vật học của nước
 - 3.6. Tiêu chuẩn vệ sinh nguồn nước
 - 3.7. Xử lý nước
 - 3.7.1. Sa lắng tự nhiên
 - 3.7.2. Sa lắng nhân tạo
 - 3.7.3. Lọc nước
 - 3.7.4. Khử sắt
 - 3.7.5. Khử mùi, vị
 - 3.7.6. Giảm độ cứng
 - 3.7.7. Tiêu độc khử trùng nước
 - 3.8. Giám sát chất lượng nước, các biện pháp bảo vệ nguồn nước
 - 3.9. Vệ sinh nước uống cho gia súc
 - 3.9.1. Số lượng nước cho gia súc uống
 - 3.9.2. Ảnh hưởng của nhiệt độ nước uống tới cơ thể gia súc
- Chương 4: Vệ sinh chuồng trại** (2 tiết lý thuyết + 2 tiết TL, BT)
- 4.1. Nguyên tắc chủ yếu khi xây dựng chuồng trại

- 4.1.1. Chuồng trại phải phù hợp với đặc điểm sinh lý và chức năng sản xuất của vật nuôi
- 4.1.2. Chuồng trại phải đảm bảo vệ sinh để phòng dịch bệnh
- 4.1.3. Chuồng trại phải tận dụng được nguồn phân bón
- 4.1.4. Chuồng trại cần được xây dựng hợp lý
- 4.1.5. Chuồng trại cần đơn giản nhưng bền vững
- 4.2. Những điểm cần chú ý khi quy hoạch, xây dựng chuồng trại
 - 4.2.1. Địa điểm
 - 4.2.2. Hướng chuồng
 - 4.2.3. Khoảng cách giữa các chuồng
 - 4.2.4. Sân vận động (ngoài trời)
- 4.3. Đánh giá vệ sinh ánh sáng chuồng nuôi
 - 4.3.1. Hệ số chiếu sáng
 - 4.3.2. Góc nhập xạ
 - 4.3.3. Góc thấu quang
- 4.4. Đánh giá vệ sinh thông thoáng chuồng nuôi
- 4.5. Đánh giá vệ sinh vật liệu kiến trúc và các bộ phận của chuồng nuôi gia súc
 - 4.5.1. Đánh giá vệ sinh vật liệu kiến trúc và các bộ phận của chuồng nuôi gia súc
 - 4.5.2. Vệ sinh đối với các bộ phận trong chuồng
- 4.6. Yêu cầu vệ sinh đối với từng loại gia súc
 - 4.6.1. Chuồng trâu, bò
 - 4.6.2. Chuồng ngựa
 - 4.6.3. Chuồng lợn
 - 4.6.4. Chuồng gà
- 4.7. Nguyên tắc quản lý vệ sinh chuồng trại
 - 4.7.1. Xây dựng nội quy vệ sinh trong chuồng nuôi
 - 4.7.2. Vệ sinh Thú y đối với môi trường chăn nuôi
 - 4.7.3. Xây dựng nhà cách ly và phòng kỹ thuật thú y
 - 4.7.4. Đảm bảo thực hiện nghiêm túc công tác tiêm phòng vắc-xin cho gia súc hàng năm

Chương 5: Vệ sinh thức ăn chăn nuôi

(2 tiết lý thuyết + 4 tiết TL, BT)

- 5.1. Nguồn gốc thức ăn trong chăn nuôi
- 5.2. Nguyên nhân gây bệnh cho gia súc do nguồn gốc thức ăn
 - 5.2.1. Chất lượng thức ăn không tốt
 - 5.2.2. Thức ăn phối hợp chế biến không tốt ảnh hưởng tới chất lượng vệ sinh
 - 5.2.3. Những loại cây cỏ độc
- 5.3. Tiêu chuẩn vệ sinh thức ăn

- 5.3.1. Đánh giá cảm quan
- 5.3.2. Phân tích thành phần hoá học
- 5.3.3. Thử nghiệm sinh học
- 5.4. Vệ sinh cho ăn

Chương 6: Vệ sinh chăn thả, thân thể và vận chuyển gia súc
(2 tiết lý thuyết + 1 tiết TL, BT)

- 6.1. Vệ sinh khi chăn thả gia súc
 - 6.1.1. Yêu cầu đối với một bãi chăn
 - 6.1.2. Chuẩn bị bãi chăn
 - 6.1.3. Quản lý gia súc khi chăn thả
 - 6.1.4. Biện pháp vệ sinh khi chăn thả gia súc
 - 6.1.5. Phòng bệnh cho gia súc ở bãi chăn
- 6.2. Vệ sinh thân thể
 - 6.2.1. Vệ sinh da
 - 6.2.2. Vệ sinh chân và móng
 - 6.2.3. Vệ sinh vận động
- 6.3. Vệ sinh vận chuyển
 - 6.3.1. Vận chuyển bằng đường bộ
 - 6.3.2. Vận chuyển bằng đường sắt
 - 6.3.3. Vận chuyển gia súc bằng đường thuỷ
 - 6.3.4. Vận chuyển gia súc bằng ô tô
 - 6.3.5. Vận chuyển gia súc bằng đường hàng không
 - 6.3.6. Vận chuyển gia cầm

Chương 7: Vệ sinh đối với từng loại gia súc
(2 tiết lý thuyết + 4 tiết TL, BT)

- 7.1. Vệ sinh gia súc giống và gia súc non
 - 7.1.1. Vệ sinh cho đực giống
 - 7.1.2. Vệ sinh cho gia súc cái
 - 7.1.3. Vệ sinh cho gia súc non
- 7.2. Vệ sinh gia súc cày kéo
 - 7.2.1. Vệ sinh chung
 - 7.2.2. Vệ sinh dụng cụ làm việc
- 7.3. Vệ sinh gia súc lấy sữa
 - 7.3.1. Vệ sinh chăm sóc, nuôi dưỡng
 - 7.3.2. Vệ sinh vú
- 7.4. Vệ sinh gia cầm
 - 7.4.1. Vệ sinh gia cầm trưởng thành
 - 7.4.2. Vệ sinh gia cầm non

Chương 8: Vệ sinh chất thải trong chăn nuôi
(1 tiết lý thuyết + 2 tiết TL, BT)

- 8.1. Đặc tính của chất thải chăn nuôi và sự ảnh hưởng tới môi trường tự

nhiên

8.1.1. Phân

8.1.2. Nước phân

8.2. Quản lý và xử lý chất thải chăn nuôi

8.2.1. Thu gom và chứa phân

8.2.2. Xử lý chất thải chăn nuôi

8.2.3. Xử lý xác gia súc, gia cầm chết

8.2.4. Xử lý sinh học nước thải chăn nuôi

Chương 9: Công tác vệ sinh phòng dịch bệnh (1 tiết lý thuyết + 2 tiết TL, BT)

9.1. Hoạt động thú y theo Pháp lệnh thú y

9.2. Công tác phòng dịch bệnh truyền nhiễm gia súc

9.2.1. Nguyên lý công tác phòng chống dịch

9.2.2. Các biện pháp phòng chống bệnh truyền nhiễm

9.3. Công tác kiểm soát dịch bệnh

B. THỰC HÀNH

Bài 1 (5 tiết): Đánh giá chất lượng nước thải tại cơ sở chăn nuôi

Bài 2 (5 tiết): Đánh giá thực trạng xử lý chất thải tại cơ sở chăn nuôi

4. Yêu cầu của môn học:

- Sinh viên cần đạt tối thiểu 80% giờ lý thuyết, tham gia đầy đủ các buổi thảo luận, Seminar và thực hành môn học.
- Sinh viên cần làm bài tập đầy đủ và tự nghiên cứu các bài thảo luận theo yêu cầu của giáo viên, hoàn thành bài thu hoạch sau khi thực hành.

5. Phương pháp giảng dạy:

Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn

- Sinh viên phải chủ động tích cực trong học tập, tham gia đầy đủ các giờ học và thảo luận trên lớp, chuẩn bị bài theo yêu cầu của giáo viên trước khi lên lớp. Có đầy đủ 3 bài kiểm tra thường xuyên, 1 bài kiểm tra giữa kỳ và 1 bài thi cuối kỳ.
- Sinh viên được cán bộ giảng dạy giới thiệu các nguồn tài liệu tham khảo có liên quan tới nội dung của học phần dùng cho việc học các tiết lý thuyết trên lớp, nội dung thảo luận nhóm, các bài viết chuyên đề, bài thu hoạch cá nhân các phần tự nghiên cứu có hướng dẫn của giáo viên.
- Thái độ học tập cần nghiêm túc, nhiệt tình, ham học hỏi, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu giảng viên giao cho.
- Việc tham gia đầy đủ và chuyên cần các hoạt động học tập trên lớp, kết quả chuẩn bị các buổi thảo luận, tinh thần và ý thức tích cực tham gia thảo luận được đánh giá qua điểm rèn luyện thường xuyên của sinh viên.
- Tham gia đầy đủ các bài thực hành trong phòng thí nghiệm, cũng như ở cơ sở sản xuất, nắm vững phần lý thuyết của các bài thực hành, từng bước tập các thao tác để tiến tới có thể sử dụng và sử dụng thành thạo dụng cụ phòng thí nghiệm; phân tích,

đánh giá được thực trạng vệ sinh tại 1 cơ sở chăn nuôi. Những sinh viên thiếu giờ học phần thực hành phải thực hiện đầy đủ mới được tham gia thi kết thúc học phần cuối kỳ.

- Có bài viết thu hoạch phần tự học theo hướng dẫn của giáo viên được cụ thể trong lịch trình tuần. Viết và nộp bài thu hoạch đúng thời gian quy định.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính

[1] Vũ Đình Vượng (2007). Giáo trình vệ sinh gia súc, NXB Nông nghiệp Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo

[1] Đỗ Ngọc Hòe (2005), *Giáo trình vệ sinh vật nuôi*. Nhà XB Hà Nội.

[2] Trịnh Lê Hùng (2009), *Kỹ thuật xử lý nước thải*. Nhà XB Giáo dục.

[3] Nguyễn Đình Mạnh (2009). *Giáo trình Xử lý chất thải*. NXB Nông nghiệp

9. 36. BỆNH TRUYỀN NHIỄM/VETERINARYINFECTIOUSDISEASES

4TC(28; 39; 25)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: BM Khoa học Vật nuôi

- Điều kiện tiên quyết: Vi sinh vật và miễn dịch học Thú y/Vi sinh vật ứng dụng trong Chăn nuôi – Thú y/Dịch tễ học Thú y

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Đặc điểm của bệnh truyền nhiễm và sức đề kháng của cơ thể. Các điều kiện hình thành dịch. Cơ chế và phương thức truyền bệnh. Các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình sinh dịch. Nguyên lý của công tác phòng chống bệnh truyền nhiễm và chống dịch. Các biện pháp phòng chống bệnh truyền nhiễm và chống dịch.. Các bệnh truyền nhiễm do vi khuẩn gây ra. Các bệnh truyền nhiễm do virus gây ra. Các bệnh truyền nhiễm do nấm gây ra. Nguyên nhân gây ra bệnh truyền nhiễm, những biểu hiện triệu chứng của bệnh, biểu hiện bệnh tích, các phương pháp chẩn đoán, các biện pháp phòng và điều trị bệnh truyền nhiễm thường gặp trên các đối tượng vật nuôi (trâu, bò, lợn, gia cầm, chó, mèo...).

Năng lực đạt được: Người học hiểu được các nguyên nhân gây bệnh và bùng phát dịch bệnh; giải thích được cơ chế gây bệnh và quá trình phát sinh, phát triển của dịch bệnh; chẩn đoán và đưa ra được các quy trình phòng bệnh và phác đồ điều trị phù hợp đối với các bệnh truyền nhiễm thường gặp trên vật nuôi đúng quy định của luật Thú y.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức

- Trình bày được các nguyên nhân gây bệnh và bùng phát dịch bệnh;
- Giải thích được cơ chế gây bệnh và quá trình phát sinh, phát triển và phòng trị bệnh dịch;

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Nuôi cấy vi khuẩn, virus trên các môi trường, nhận dạng đặc điểm mọc của chúng trên các môi trường nuôi cấy.
- Chẩn đoán được các bệnh truyền nhiễm thường gặp ở vật nuôi.
- Dự báo tình hình dịch bệnh cho từng thời gian và địa điểm nhất định.
- Kỹ năng về lựa chọn, sử dụng thuốc, cách thức điều trị, phác đồ điều trị phù hợp cho từng ca bệnh riêng biệt.
- Xây dựng được quy trình phòng bệnh cho từng cơ sở sản xuất cụ thể.

2.3. Mục tiêu về thái độ

- + Người học có thái độ học tập đúng đắn: tích cực tham khảo tài liệu liên quan đến nội dung môn học. Tích cực trong vận dụng kiến thức môn học vào thực tiễn chăn nuôi.
- + Phải chuẩn bị các nội dung theo yêu cầu của giáo viên trước khi lên lớp theo lịch trình (thảo luận, tự học, bài viết chuyên đề...)
- + Tích cực đọc các tài liệu giáo viên đã hướng dẫn để chuẩn bị bài chu đáo. Tích cực tham gia thảo luận nhóm, viết báo cáo chuyên đề, viết bài thu hoạch tự học đầy đủ.
- + Có ý thức chấp hành các quy định của Pháp luật về công tác chăn nuôi – thú y trong điều kiện thực tiễn tại Việt Nam nhằm đảm bảo vấn đề sức khỏe và phúc lợi động vật.

3. Nội dung chi tiết học phần

Bài mở đầu

1. Lịch sử phát triển của môn học
2. Mục đích- yêu cầu của môn học

Chương 1: Truyền nhiễm học đại cương (LT:5; TL: 5)

1.1. Đặc điểm của bệnh truyền nhiễm và sức đề kháng của cơ thể

1.1.1. Đặc điểm của bệnh truyền nhiễm

1.1.1.1. Mầm bệnh

1.1.1.2. Hiện tượng nhiễm trùng

1.1.1.3. Quá trình tiến triển của bệnh truyền nhiễm

1.1.1.4. Các thể bệnh

1.1.2. Sức đề kháng của cơ thể

1.1.2.1. Một số khái niệm về sức đề kháng

1.1.2.2. Sức đề kháng không đặc hiệu

1.1.2.3. Sức đề kháng đặc hiệu

1.1.2.4. Sức đề kháng vừa đặc hiệu vừa không đặc hiệu

1.2. Quá trình sinh dịch

- 1.2.1. Các khâu của quá trình sinh dịch
 - 1.2.1.1. Nguồn bệnh
 - 1.2.1.2. Các nhân tố trung gian truyền bệnh
 - 1.2.1.3. Động vật thụ cảm
- 1.2.2. Cơ chế và phương thức truyền bệnh
 - 1.2.2.1. Cơ chế truyền bệnh
 - 1.2.2.2. Phương thức truyền bệnh
- 1.2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình sinh dịch
 - 1.2.3.1. Các yếu tố thiên nhiên
 - 1.2.3.2. Các yếu tố xã hội
 - 1.2.3.3. Tính quy luật của bệnh
- 1.3. Các biện pháp phòng chống bệnh truyền nhiễm và chống dịch
 - 1.3.1. Nguyên lý của công tác phòng chống bệnh truyền nhiễm và chống dịch
 - 1.3.2. Các biện pháp phòng bệnh truyền nhiễm
 - 1.3.2.1. Đối với nguồn bệnh
 - 1.3.2.2. Đối với các nhân tố trung gian truyền bệnh
 - 1.3.2.3. Đối với động vật thụ cảm.
 - 1.3.3. Các biện pháp chống bệnh truyền nhiễm và chống dịch
 - 1.3.3.1. Đối với nguồn bệnh
 - 1.3.3.2. Đối với các nhân tố trung gian truyền bệnh
 - 1.3.3.3. Đối với động vật thụ cảm.
 - 1.3.4. Vắc xin sử dụng trong thú y
 - 1.3.4.1. Khái niệm
 - 1.3.4.2. Tiêu chuẩn của vắc xin
 - 1.3.4.3. Các loại vắc xin
 - 1.3.4.4. Kỹ thuật sử dụng vắc xin
 - 1.3.4.5. Đối tượng sử dụng vắc xin
 - 1.3.4.6. Bảo quản vắc xin
 - 1.3.4.7. Một số điều cần lưu ý khi sử dụng vắc xin.

Chương 2: Bệnh truyền nhiễm chung cho nhiều loài gia súc (LT:5; TL: 8)

- 2.1. Bệnh nhiệt thán
 - 2.1.1. Lịch sử và địa dư bệnh lý
 - 2.1.2. Căn bệnh
 - 2.1.3. Truyền nhiễm học
 - 2.1.4. Triệu chứng
 - 2.1.5. Bệnh tích
 - 2.1.6. Phương pháp chẩn đoán
 - 2.1.7. Phòng và điều trị bệnh
- 2.2. Bệnh dại
 - 2.2.1. Lịch sử và địa dư bệnh lý
 - 2.2.2. Căn bệnh

- 2.2.3. Truyền nhiễm học
- 2.2.4. Triệu chứng
- 2.2.5. Bệnh tích
- 2.2.6. Phương pháp chẩn đoán
- 2.2.7. Phòng và điều trị bệnh
- 2.3. Bệnh uốn ván
- 2.3.1. Lịch sử và địa dư bệnh lý
- 2.3.2. Căn bệnh
- 2.3.3. Truyền nhiễm học
- 2.3.4. Triệu chứng
- 2.3.5. Bệnh tích
- 2.3.6. Phương pháp chẩn đoán
- 2.3.7. Phòng và điều trị bệnh
- 2.4. Bệnh lepto
- 2.4.1. Lịch sử và địa dư bệnh lý
- 2.4.2. Căn bệnh
- 2.4.3. Truyền nhiễm học
- 2.4.4. Triệu chứng
- 2.4.5. Bệnh tích
- 2.4.6. Phương pháp chẩn đoán
- 2.4.7. Phòng và điều trị bệnh
- 2.5. Bệnh lao
- 2.5.1. Lịch sử và địa dư bệnh lý
- 2.5.2. Căn bệnh
- 2.5.3. Truyền nhiễm học
- 2.5.4. Triệu chứng
- 2.5.5. Bệnh tích
- 2.5.6. Phương pháp chẩn đoán
- 2.5.7. Phòng và điều trị bệnh
- 2.6. Bệnh xảy thai truyền nhiễm
- 2.6.1. Lịch sử và địa dư bệnh lý
- 2.6.2. Căn bệnh
- 2.6.3. Truyền nhiễm học
- 2.6.4. Triệu chứng
- 2.6.5. Bệnh tích
- 2.6.6. Phương pháp chẩn đoán
- 2.6.7. Phòng và điều trị bệnh

Chương 3: Bệnh truyền nhiễm của loài nhai lại (LT:4; TL: 5)

- 3.1. Bệnh dịch tả trâu bò
- 3.1.1. Lịch sử và địa dư bệnh lý

- 3.1.2. Căn bệnh
- 3.1.3. Truyền nhiễm học
- 3.1.4. Triệu chứng
- 3.1.5. Bệnh tích
- 3.1.6. Phương pháp chẩn đoán
- 3.1.7. Phòng và điều trị bệnh
- 3.2. Bệnh lở mồm, long móng
- 3.2.1. Lịch sử và địa dư bệnh lý
- 3.2.2. Căn bệnh
- 3.2.3. Truyền nhiễm học
- 3.2.4. Triệu chứng
- 3.2.5. Bệnh tích
- 3.2.6. Phương pháp chẩn đoán
- 3.2.7. Phòng và điều trị bệnh
- 3.3. Bệnh tụ huyết trùng
- 3.3.1. Lịch sử và địa dư bệnh lý
- 3.3.2. Căn bệnh
- 3.3.3. Truyền nhiễm học
- 3.3.4. Triệu chứng
- 3.3.5. Bệnh tích
- 3.3.6. Phương pháp chẩn đoán
- 3.3.7. Phòng và điều trị bệnh

Chương 4: Bệnh truyền nhiễm của loài lợn (LT:8; TL: 12)

- 4.1 Bệnh dịch tả lợn
- 4.1.1. Lịch sử và địa dư bệnh lý
- 4.1.2. Căn bệnh
- 4.1.3. Truyền nhiễm học
- 4.1.4. Triệu chứng
- 4.1.5. Bệnh tích
- 4.1.6. Phương pháp chẩn đoán
- 4.1.7. Phòng và điều trị bệnh
- 4.2. Bệnh tụ huyết trùng
- 4.2.1. Lịch sử và địa dư bệnh lý
- 4.2.2. Căn bệnh
- 4.2.3. Truyền nhiễm học
- 4.2.4. Triệu chứng
- 4.2.5. Bệnh tích
- 4.2.6. Phương pháp chẩn đoán
- 4.2.7. Phòng và điều trị bệnh
- 4.3. Bệnh đóng dấu
- 4.3.1. Lịch sử và địa dư bệnh lý

- 4.3.2. Căn bệnh
- 4.3.3. Truyền nhiễm học
- 4.3.4. Triệu chứng
- 4.3.5. Bệnh tích
- 4.3.6. Phương pháp chẩn đoán
- 4.3.7. Phòng và điều trị bệnh
- 4.4. Bệnh phó thương hàn
- 4.4.1. Lịch sử và địa dư bệnh lý
- 4.4.2. Căn bệnh
- 4.4.3. Truyền nhiễm học
- 4.4.4. Triệu chứng
- 4.4.5. Bệnh tích
- 4.4.6. Phương pháp chẩn đoán
- 4.4.7. Phòng và điều trị bệnh
- 4.5. Bệnh phân trắng lợn con
- 4.5.1. Lịch sử và địa dư bệnh lý
- 4.5.2. Căn bệnh
- 4.5.3. Truyền nhiễm học
- 4.5.4. Triệu chứng
- 4.5.5. Bệnh tích
- 4.5.6. Phương pháp chẩn đoán
- 4.5.7. Phòng và điều trị bệnh
- 4.6. Bệnh hô hấp phức hợp trên lợn - PRDC
- 4.6.1. Lịch sử và địa dư bệnh lý
- 4.6.2. Căn bệnh
- 4.6.3. Truyền nhiễm học
- 4.6.4. Triệu chứng
- 4.6.5. Bệnh tích
- 4.6.6. Phương pháp chẩn đoán
- 4.6.7. Phòng và điều trị bệnh
- 4.7. Bệnh Circo virus trên lợn
- 4.7.1. Lịch sử và địa dư bệnh lý
- 4.7.2. Căn bệnh
- 4.7.3. Truyền nhiễm học
- 4.7.4. Triệu chứng
- 4.7.5. Bệnh tích
- 4.7.6. Phương pháp chẩn đoán
- 4.7.7. Phòng và điều trị bệnh
- 4.8. Bệnh tiêu chảy cấp PED
- 4.8.1. Lịch sử và địa dư bệnh lý
- 4.8.2. Căn bệnh

- 4.8.3. Truyền nhiễm học
- 4.8.4. Triệu chứng
- 4.8.5. Bệnh tích
- 4.8.6. Phương pháp chẩn đoán
- 4.8.7. Phòng và điều trị bệnh

Chương 5: Bệnh truyền nhiễm của gia cầm (LT:6; TL: 8)

- 5.1. Bệnh Newcastle
 - 5.1.1. Lịch sử và địa dư bệnh lý
 - 5.1.2. Căn bệnh
 - 5.1.3. Truyền nhiễm học
 - 5.1.4. Triệu chứng
 - 5.1.5. Bệnh tích
 - 5.1.6. Phương pháp chẩn đoán
 - 5.1.7. Phòng và điều trị bệnh
- 5.2. Bệnh tụ huyết trùng gia cầm
 - 5.2.1. Lịch sử và địa dư bệnh lý
 - 5.2.2. Căn bệnh
 - 5.2.3. Truyền nhiễm học
 - 5.2.4. Triệu chứng
 - 5.2.5. Bệnh tích
 - 5.2.6. Phương pháp chẩn đoán
 - 5.2.7. Phòng và điều trị bệnh
- 5.3. Bệnh Gumboro
 - 5.3.1. Lịch sử và địa dư bệnh lý
 - 5.3.2. Căn bệnh
 - 5.3.3. Truyền nhiễm học
 - 5.3.4. Triệu chứng
 - 5.3.5. Bệnh tích
 - 5.3.6. Phương pháp chẩn đoán
 - 5.3.7. Phòng và điều trị bệnh
- 5.4. Bệnh thương hàn gà
 - 5.4.1. Lịch sử và địa dư bệnh lý
 - 5.4.2. Căn bệnh
 - 5.4.3. Truyền nhiễm học
 - 5.4.4. Triệu chứng
 - 5.4.5. Bệnh tích
 - 5.4.6. Phương pháp chẩn đoán
 - 5.4.7. Phòng và điều trị bệnh
- 5.5. Bệnh phó thương hàn
 - 5.5.1. Lịch sử và địa dư bệnh lý
 - 5.5.2. Căn bệnh

- 5.5.3. Truyền nhiễm học
- 5.5.4. Triệu chứng
- 5.5.5. Bệnh tích
- 5.5.6. Phương pháp chẩn đoán
- 5.5.7. Phòng và điều trị bệnh
- 5.6. Bệnh đậu gà
- 5.6.1. Lịch sử và địa dư bệnh lý
- 5.6.2. Căn bệnh
- 5.6.3. Truyền nhiễm học
- 5.6.4. Triệu chứng
- 5.6.5. Bệnh tích
- 5.6.6. Phương pháp chẩn đoán
- 5.6.7. Phòng và điều trị bệnh
- 5.7. Bệnh dịch tả vịt
- 5.7.1. Lịch sử và địa dư bệnh lý
- 5.7.2. Căn bệnh
- 5.7.3. Truyền nhiễm học
- 5.7.4. Triệu chứng
- 5.7.5. Bệnh tích
- 5.7.6. Phương pháp chẩn đoán
- 5.7.7. Phòng và điều trị bệnh
- 5.8. Bệnh cúm gia cầm
- 5.8.1. Lịch sử và địa dư bệnh lý
- 5.8.2. Căn bệnh
- 5.8.3. Truyền nhiễm học
- 5.8.4. Triệu chứng
- 5.8.5. Bệnh tích
- 5.8.6. Phương pháp chẩn đoán
- 5.8.7. Phòng và điều trị bệnh

Thực hành:

Bài 1: Nuôi cấy và phân lập 1 số loại vi khuẩn thường gặp (5 tiết)

Bài 2: Chẩn đoán lâm sàng (10 tiết)

Bài 3: Phương pháp mổ khám, lấy và bảo quản bệnh phẩm (10 tiết)

4. Yêu cầu của môn học:

- Sinh viên cần đạt tối thiểu 80% giờ lý thuyết, tham gia đầy đủ các buổi thảo luận, Seminar và thực hành môn học.
- Sinh viên cần làm bài tập đầy đủ và tự nghiên cứu các bài thảo luận theo yêu cầu của giáo viên, hoàn thành bài thu hoạch sau khi thực hành.

5. Phương pháp giảng dạy:

Phương pháp giảng dạy: Áp dụng các phương pháp thuyết giảng kết hợp tổ chức dạy học theo nhóm, dạy học dựa trên vấn đề, sử dụng câu hỏi trắc nghiệm khách

quan trọng giảng dạy, sử dụng phim tư liệu trong giảng dạy, giảng dạy thông qua thảo luận, giảng dạy thông qua tham quan thực tế.

6. Kế hoạch tư vấn:

- Sinh viên phải chủ động tích cực trong học tập, tham gia đầy đủ các giờ học và thảo luận trên lớp, chuẩn bị bài theo yêu cầu của giáo viên trước khi lên lớp. Có đầy đủ 5 bài kiểm tra thường xuyên, 1 bài kiểm tra giữa kỳ và 1 bài thi cuối kỳ.

- Sinh viên được cán bộ giảng dạy giới thiệu các nguồn tài liệu tham khảo có liên quan tới nội dung của học phần dùng cho việc học các tiết lý thuyết trên lớp, nội dung thảo luận nhóm, các bài viết chuyên đề, bài thu hoạch cá nhân các phần tự nghiên cứu có hướng dẫn của giáo viên.

- Thái độ học tập cần nghiêm túc, nhiệt tình, ham học hỏi, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu giảng viên giao cho.

- Việc tham gia đầy đủ và chuyên cần các hoạt động học tập trên lớp, kết quả chuẩn bị các buổi thảo luận, tinh thần và ý thức tích cực tham gia thảo luận được đánh giá qua điểm rèn luyện thường xuyên của sinh viên.

- Tham gia đầy đủ các bài thực hành trong phòng thí nghiệm, cũng như ở cơ sở sản xuất, nắm vững phần lý thuyết của các bài thực hành, từng bước tập các thao tác để tiến tới có thể sử dụng và sử dụng thành thạo dụng cụ phòng thí nghiệm; phân tích, đánh giá được thực trạng vệ sinh tại 1 cơ sở chăn nuôi. Những sinh viên thiếu giờ học phần thực hành phải thực hiện đầy đủ mới được tham gia thi kết thúc học phần cuối kỳ.

- Có bài viết thu hoạch phần tự học theo hướng dẫn của giáo viên được cụ thể trong lịch trình tuần. Viết và nộp bài thu hoạch đúng thời gian quy định.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính

1. Nguyễn Bá Hiên, Huỳnh Thị Mỹ Lệ, Lê Văn Lãnh và Đỗ Ngọc Thúy (2012), Giáo trình bệnh truyền nhiễm Thú y, NXB ĐH Nông nghiệp.

9.2. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Bá Hiên (2007), Giáo trình Vi sinh vật và bệnh truyền nhiễm gia súc, Nhà XB Nông nghiệp Hà Nội

2. Nguyễn Như Thanh, Trương Quang và Bùi Quang Anh (1997), Dịch tễ học thú y, Nhà XB Nông nghiệp Hà Nội.

9.37. CHỌN MỘT TRONG HAI HỌC PHẦN

a, **SẢN KHOA GIA SÚC/ ANIMAL OBSTETRIC**

4TC (28,39,25)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: BM Khoa học Vật nuôi

- Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu – mô động vật, sinh lý động vật

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Cấu tạo và chức năng sinh lý cơ qua sinh dục cái, đặc điểm khi gia súc động dục. Xác định thời điểm giao phối thích hợp và theo dõi chu kỳ sinh dục ở gia súc. Quá trình thụ thai. Sự phát triển của phôi – thai, Quá trình đẻ ở gia súc. Các bệnh sinh sản thường gặp ở gia súc

Năng lực đạt được: Người học trình bày được các kiến thức cơ bản về cấu tạo, chức năng của cơ quan sinh dục cái, quá trình chữa – đẻ. Chẩn đoán và điều trị các bệnh sinh sản thường gặp trên gia súc.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức

- Trình bày được cấu tạo và chức năng, đặc điểm sinh lý cơ quan sinh dục cái.
- Trình bày được các phương pháp chẩn đoán khi gia súc động dục. Quá trình thụ thai. Sự phát triển của phôi, thai.
- Trình bày được các phương pháp chẩn đoán khi gia súc có chữa. Biến đổi về sinh lý khi gia súc có chữa.
- Miêu tả được quá trình đẻ ở gia súc, các học thuyết về quá trình đẻ. Kỹ thuật đỡ đẻ.
- Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng của các bệnh xảy ra trong thời kỳ mang thai, khi đẻ, và bệnh xảy ra sau khi đẻ, biện pháp chẩn đoán và can thiệp.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Phân biệt được gia súc động dục và gia súc không động dục, xác định được thời điểm phối giống.
- Thực hiện được các thao tác khám tử cung, buồng trứng để chẩn đoán gia súc động dục, có chữa
- Xác định được gia súc có dấu hiệu đẻ và thực hành được cách đỡ đẻ cho gia súc.
- Chẩn đoán được các bệnh sản khoa thường gặp trong và biện pháp can thiệp được các bệnh sản khoa thường gặp ở gia súc.

2.3. Mục tiêu về thái độ

- + Xác định được vị trí của môn học, vai trò của nó trong sản xuất
- + Tự nghiên cứu bài trước khi đến lớp, ôn bài sau mỗi tiết học
- + Tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp các buổi thảo luận cũng như các bài thực hành thực tập tại phòng thí nghiệm và ở cơ sở sản xuất
- + Hoàn thành đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá của giáo viên

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Cấu tạo và chức năng sinh lý của cơ quan sinh dục cái

(Lý thuyết: 2 tiết; Thảo luận: 3 tiết; Thực hành: 3 tiết)

- 1.1 Cấu tạo và chức năng cơ quan sinh dục ngoài
 - 1.1.1. Môi sinh dục
 - 1.1.2. Tiền đình
 - 1.1.3. Âm vật
- 1.2. Cấu tạo và chức năng cơ quan sinh dục bên trong
 - 1.2.1 Âm đạo
 - 1.2.2 Cổ tử cung
 - 1.2.3 Thân tử cung
 - 1.2.4 Sừng tử cung
 - 1.2.5. Ống dẫn trứng
 - 1.2.6 Buồng trứng

Chương 2 . Đặc điểm sinh lý sinh sản ở gia súc cái

(Lý thuyết: 2 tiết; Thảo luận: 4 tiết; Thực hành: 3 tiết)

- 2.1. Các thời kỳ sinh trưởng và phát triển ở gia súc
 - 2.1.1. Thời kỳ trước sinh sản
 - 2.1.2. Thời kỳ sinh sản
 - 2.1.3. Thời kỳ sau sinh sản
- 2.2. Thành thực tính dục
 - 2.2.1 Định nghĩa tính thành thực tính dục
 - 2.2.2. Cơ chế tính dục
 - 2.2.3. Điều kiện quyết định tính thành thực
 - 2.2.4. Tuổi phối giống thích hợp
- 2.3 Đặc điểm tính thành thực tính dục
 - 2.3.1 Chu kỳ động dục
 - 2.3.2 Các giai đoạn xảy ra trong chu kỳ động dục
 - 2.3.3 Các loại chu kỳ động dục
 - 2.3.4 Thời gian biểu hiện động dục trở lại sau khi đẻ
- 2.4 Các phương pháp chẩn đoán gia súc động dục
 - 2.4.1. Phương pháp quan sát
 - 2.4.2. Phương pháp dùng đực thí tình
 - 2.4.3. Phương pháp khám qua trực tràng
 - 2.4.4. Phương pháp tinh khiết màng nhầy âm đạo
 - 2.4.5. Phương pháp Ostromet
 - 2.4.6 . Phương pháp định lượng hàm lượng estrogen trong huyết thanh

Chương 3. Quá trình chữa đẻ

(Lý thuyết: 3 tiết; Thảo luận: 4 tiết; Thực hành: 2 tiết)

- 3.1 Kiểu thụ thai
- 3.2 Bản chất sinh học của quá trình thụ thai
- 3.3 Sự hình thành và phát triển của phôi thai

- 3.3.1 Sự hình thành và phát triển của phôi
- 3.3.2 Sự phát triển của thai
- 3.3.3. Số lượng thai và thời gian mang thai của các loài
- 3.4 Sinh lý trong thời kỳ mang thai
 - 3.4.1 Sự biến đổi về nội tiết
 - 3.4.2 Sự biến đổi về sinh lý của một số hệ cơ quan
- 3.5 Phương pháp chẩn đoán gia súc có chửa
 - 3.5.1 Phương pháp chẩn đoán lâm sàng
 - 3.5.2 Phương pháp chẩn đoán bằng dụng cụ, hóa chất, máy
- 3.6. Quá trình đẻ
 - 3.6.1 Học thuyết về quá trình đẻ
 - 3.6.2 Vị trí - chiều hướng và tư thế thai
 - 3.6.3 Các giai đoạn xảy ra trong quá trình đẻ
 - 3.6.4 Kỹ thuật đỡ đẻ

Chương 4 . Bệnh trong thời kỳ mang thai

(Lý thuyết: 3 tiết; Thảo luận: 4 tiết; Thực hành: 2 tiết)

- 4.1 Sảy thai
 - 4.1.1 Phân loại sảy thai
 - 4.1.2. Cách can thiệp
- 4.2 Bệnh bại liệt
 - 4.2.1 Nguyên nhân
 - 4.2.2 Triệu chứng
 - 4.2.3 Phương pháp chẩn đoán
 - 4.2.4 biện pháp can thiệp
- 4.3 Bệnh âm đạo lộn bít tắt
 - 4.3.1 Nguyên nhân
 - 4.3.2 Triệu chứng
 - 4.3.3 Phương pháp chẩn đoán
 - 4.3.4 biện pháp can thiệp
- 4.4 Bệnh rặn đẻ quá sớm
 - 4.4.1 Nguyên nhân
 - 4.4.2 Triệu chứng
 - 4.4.3 Phương pháp chẩn đoán
 - 4.4.4 Biện pháp can thiệp

Chương 5. Bệnh trong khi đẻ

(Lý thuyết: 3 tiết; Thảo luận: 4 tiết; Thực hành: 2 tiết)

- 5.1 Bệnh rặn đẻ yếu
 - 5.1.1 Nguyên nhân
 - 5.1.2 Triệu chứng

- 5.1.3 Phương pháp chẩn đoán
- 5.1.4 Biện pháp can thiệp
- 5.2 Bệnh rạn đẻ quá mạnh
 - 5.2.1 Nguyên nhân
 - 5.2.2 Triệu chứng
 - 5.2.3 Phương pháp chẩn đoán
 - 5.2.4 Biện pháp can thiệp
- 5.3 Bệnh hẹp âm môn
 - 5.3.1 Nguyên nhân
 - 5.3.2 Triệu chứng
 - 5.3.3 Phương pháp chẩn đoán
 - 5.3.4 Biện pháp can thiệp
- 5.4 Bệnh xoắn cổ tử cung
 - 5.4.1 Nguyên nhân
 - 5.4.2 Triệu chứng
 - 5.4.3 Phương pháp chẩn đoán
 - 5.4.4 Biện pháp can thiệp
- 5.5 Bệnh hẹp chậu
 - 5.5.1 Nguyên nhân
 - 5.5.2 Triệu chứng
 - 5.5.3 Phương pháp chẩn đoán
 - 5.5.4 Biện pháp can thiệp
- 5.6 Bệnh hẹp cổ tử cung
 - 5.6.1 Nguyên nhân
 - 5.6.2 Triệu chứng
 - 5.6.3 Phương pháp chẩn đoán
 - 5.6.4 Biện pháp can thiệp
- 5.7 Bệnh Đẻ khô
 - 5.7.1 Nguyên nhân
 - 5.7.2 Triệu chứng
 - 5.7.3 Phương pháp chẩn đoán
 - 5.7.4 Biện pháp can thiệp
- 5.7 Các trường hợp tư thế - chiều hướng thai không bình thường
 - 5.7.1 Nguyên nhân
 - 5.7.2 Triệu chứng
 - 5.7.3 Phương pháp chẩn đoán
 - 5.7.4 Biện pháp can thiệp

Chương 6 Bệnh sau khi đẻ

(Lý thuyết: 3 tiết; Thảo luận: 4 tiết; Thực hành: 2 tiết)

6.1 Bệnh Sốt nhau

- 6.1.1 Nguyên nhân
- 6.1.2 Triệu chứng
- 6.1.3 Phương pháp chẩn đoán
- 6.1.4 Biện pháp can thiệp
- 6.2 Bệnh Tử cung lộn
- 6.2.1 Nguyên nhân
- 6.2.2 Triệu chứng
- 6.2.3 Phương pháp chẩn đoán
- 6.2.4 Biện pháp can thiệp
- 6.3 Bệnh Viêm tử cung
- 6.3.1 Nguyên nhân
- 6.3.2 Triệu chứng
- 6.3.3 Phương pháp chẩn đoán
- 6.3.4 Biện pháp can thiệp
- 6.4 Bệnh bại liệt
- 6.4.1 Nguyên nhân
- 6.4.2 Triệu chứng
- 6.4.3 Phương pháp chẩn đoán
- 6.4.4 Biện pháp can thiệp

Chương 7 . Bệnh về vú

(Lý thuyết: 2 tiết; Thảo luận: 3 tiết; Thực hành: 2 tiết)

- 7.1 Bệnh sốt sữa
- 7.1.1 Nguyên nhân
- 7.1.2 Triệu chứng
- 7.1.3 Phương pháp chẩn đoán
- 7.1.4 Biện pháp can thiệp
- 7.2 Viêm vú
- 7.2.1 Vài nét về cấu tạo tuyến vú
- 7.2.2 Quá trình phát triển của tuyến vú
- 7.2.3 Phân loại viêm vú
- 7.3.4 Một số bệnh viêm vú thường gặp

Chương 8 Bệnh vô sinh và chậm sinh

(Lý thuyết: 1 tiết; Thảo luận: 2 tiết; Thực hành: 2 tiết)

- 8.1 Khái niệm vô sinh và chậm sinh
- 8.2 Bệnh vô sinh và chậm sinh
- 8.2.1. Nhược năng buồng trứng
- 8.2.2 Thể vàng bảo lưu
- 8.2.3 Nang trứng

Chương 9 Bệnh ở gia súc đực

(Lý thuyết: 1 tiết; Thảo luận: 2 tiết; Thực hành: 2 tiết)

9.1 Mất tính hằng

9.2 Viêm bao dương vật

Phần thực hành

Bài 1: Kỹ thuật khám thai, khám buồng trứng ở trâu (bò) qua trực tràng (10 tiết)

Bài 2: Kỹ thuật phong bế và khâu mép âm môn và mổ khám cơ quan sinh dục cái trên gia súc (10 tiết)

4. Yêu cầu của môn học:

- Sinh viên cần đạt tối thiểu 80% giờ lý thuyết, tham gia đầy đủ các buổi thảo luận, Seminar và thực hành môn học.
- Sinh viên cần làm bài tập đầy đủ và tự nghiên cứu các bài thảo luận theo yêu cầu của giáo viên, hoàn thành bài thu hoạch sau khi thực hành.

5. Phương pháp giảng dạy:

Phương pháp giảng dạy: Áp dụng các phương pháp thuyết giảng kết hợp tổ chức dạy học theo nhóm, dạy học dựa trên vấn đề, sử dụng câu hỏi trắc nghiệm khách quan trong giảng dạy, sử dụng phim tư liệu trong giảng dạy, giảng dạy thông qua thảo luận, giảng dạy thông qua tham quan thực tế.

6. Kế hoạch tư vấn:

- Sinh viên phải chủ động tích cực trong học tập, tham gia đầy đủ các giờ học và thảo luận trên lớp, chuẩn bị bài theo yêu cầu của giáo viên trước khi lên lớp. Có đầy đủ 4 bài kiểm tra thường xuyên, 1 bài kiểm tra giữa kỳ và 1 bài thi cuối kỳ.

- Sinh viên được cán bộ giảng dạy giới thiệu các nguồn tài liệu tham khảo có liên quan tới nội dung của học phần dùng cho việc học các tiết lý thuyết trên lớp, nội dung thảo luận nhóm, các bài viết chuyên đề, bài thu hoạch cá nhân các phần tự nghiên cứu có hướng dẫn của giáo viên.

- Thái độ học tập cần nghiêm túc, nhiệt tình, ham học hỏi, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu giảng viên giao cho.

- Việc tham gia đầy đủ và chuyên cần các hoạt động học tập trên lớp, kết quả chuẩn bị các buổi thảo luận, tinh thần và ý thức tích cực tham gia thảo luận được đánh giá qua điểm rèn luyện thường xuyên của sinh viên.

- Tham gia đầy đủ các bài thực hành trong phòng thí nghiệm, cũng như ở cơ sở sản xuất, nắm vững phần lý thuyết của các bài thực hành. - Có bài viết thu hoạch phần tự học theo hướng dẫn của giáo viên được cụ thể trong lịch trình tuần. Viết và nộp bài thu hoạch đúng thời gian quy định.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính

1. Bang Đăng Phong (2000), *Bệnh ở gia súc sinh sản*, NXB Nông nghiệp

9.2. Tài liệu tham khảo

1. Lê Khắc Thiện (2000), *Sinh lý sinh sản gia súc*, NXB Nông nghiệp

2. Đàm Văn Tiệp (2008), *Giáo trình sinh lý gia súc*, Trường ĐH NL Huế

b, SINH SẢN GIA SÚC/VETERINARY THERIOGENOLOGY 4TC (28,39,25)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: BM Khoa học Vật nuôi

- Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu – mô động vật, sinh lý động vật

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Thời điểm giao phối thích hợp và theo dõi chu kỳ sinh dục ở gia súc. Quá trình thụ thai. Sự phát triển của phôi – thai, Quá trình đẻ ở gia súc. Các bệnh sinh sản thường gặp ở gia súc

Năng lực đạt được: Người học trình bày được các kiến thức cơ bản về cấu tạo, chức năng của cơ quan sinh dục cái, quá trình chữa – đẻ. Chẩn đoán và điều trị các bệnh sinh sản thường gặp trên gia súc.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức

- Quá trình thụ thai. Sự phát triển của phôi, thai.
- Biến đổi về sinh lý khi gia súc có chữa.
- Miêu tả được quá trình đẻ ở gia súc, các học thuyết về quá trình đẻ.
- Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng của các bệnh xảy ra trong thời kỳ sinh sản

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Xác định được thời điểm phối giống.
- Thực hiện được các thao tác khám tử cung, buồng trứng để chẩn đoán gia súc động dục, có chữa
- Xác định được thời điểm gia súc đẻ và đỡ đẻ được cho gia súc.
- Chẩn đoán được các bệnh sản khoa thường gặp và đưa ra được các phác đồ điều trị bệnh sản khoa thường gặp ở gia súc.

2.3. Mục tiêu về thái độ

- + Xác định được vị trí của môn học, vai trò của nó trong sản xuất
- + Tự nghiên cứu bài trước khi đến lớp, ôn bài sau mỗi tiết học
- + Tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp các buổi thảo luận cũng như các bài thực hành thực tập tại phòng thí nghiệm và ở cơ sở sản xuất
- + Hoàn thành đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá của giáo viên

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. QUÁ TRÌNH THỤ THAI VÀ PHÁT TRIỂN PHÔI THAI Ở GIA SÚC

(Lý thuyết: 2 tiết; Thảo luận: 4 tiết; Thực hành: 2 tiết)

- 1.1 Các phương pháp chẩn đoán gia súc động dục
 - 1.1.1. Phương pháp quan sát
 - 1.1.2. Phương pháp dùng đực thí tình
 - 1.1.3. Phương pháp khám qua trực tràng
 - 1.1.4. Phương pháp tinh khiết màng nhầy âm đạo
 - 1.1.5. Phương pháp Ostromet
 - 1.1.6 . Phương pháp định lượng hàm lượng estrogen trong huyết thanh
- 1.2 Bản chất sinh học của quá trình thụ thai
- 1.3 Sự hình thành và phát triển của phôi thai
 - 1.3.1 Sự hình thành và phát triển của phôi
 - 1.3.2 Sự phát triển của thai
 - 1.3.3. Số lượng thai và thời gian mang thai của các loài
- 1.4 Sinh lý trong thời kỳ mang thai
 - 1.4.1 Sự biến đổi về nội tiết
 - 1.4.2 Sự biến đổi về sinh lý của một số hệ cơ quan

CHƯƠNG 2 QUÁ TRÌNH ĐẼ Ở GIA SÚC

(Lý thuyết: 4 tiết; Thảo luận: 6 tiết; Thực hành: 2 tiết)

- 2.1 Phương pháp chẩn đoán gia súc có chửa
 - 2.1.1 Phương pháp chẩn đoán lâm sàng
 - 2.1.2 Phương pháp chẩn đoán bằng dụng cụ, hóa chất, máy
- 2.2 Quá trình đẻ ở gia súc
 - 2.6.1 Học thuyết về quá trình đẻ
 - 2.6.2 Vị trí - chiều hướng và tư thế thai
 - 2.6.3 Các giai đoạn xảy ra trong quá trình đẻ
 - 2.6.4 Kỹ thuật đỡ đẻ

CHƯƠNG 3 . BỆNH TRONG THỜI KỲ MANG THAI

(Lý thuyết: 4 tiết; Thảo luận: 6 tiết; Thực hành: 2 tiết)

- 3.1 Sảy thai
 - 3.1.1 Phân loại sảy thai
 - 3.1.2. Cách can thiệp
- 3.2 Bệnh bại liệt
 - 3.2.1 Nguyên nhân
 - 3.2.2 Triệu chứng
 - 3.2.3 Phương pháp chẩn đoán
 - 3.2.4 biện pháp can thiệp
- 3.3 Bệnh âm đạo lộn bít tắt
 - 3.3.1 Nguyên nhân
 - 3.3.2 Triệu chứng

- 3.3.3 Phương pháp chẩn đoán
- 3.3.4 biện pháp can thiệp
- 3.4 Bệnh rạn đẻ quá sớm
- 3.4.1 Nguyên nhân
- 3.4.2 Triệu chứng
- 3.4.3 Phương pháp chẩn đoán
- 3.4.4 Biện pháp can thiệp

CHƯƠNG 4. BỆNH TRONG KHI ĐẼ

(Lý thuyết: 4 tiết; Thảo luận: 5 tiết; Thực hành: 2 tiết)

- 4.1 Bệnh rạn đẻ yếu
- 4.1.1 Nguyên nhân
- 4.1.2 Triệu chứng
- 4.1.3 Phương pháp chẩn đoán
- 4.1.4 Biện pháp can thiệp
- 4.2 Bệnh rạn đẻ quá mạnh
- 4.2.1 Nguyên nhân
- 4.2.2 Triệu chứng
- 4.2.3 Phương pháp chẩn đoán
- 4.2.4 Biện pháp can thiệp
- 4.3 Bệnh hẹp âm môn
- 4.3.1 Nguyên nhân
- 4.3.2 Triệu chứng
- 4.3.3 Phương pháp chẩn đoán
- 4.3.4 Biện pháp can thiệp
- 4.4 Bệnh xoắn cổ tử cung
- 4.4.1 Nguyên nhân
- 4.4.2 Triệu chứng
- 4.4.3 Phương pháp chẩn đoán
- 4.4.4 Biện pháp can thiệp
- 4.5 Bệnh hẹp chậu
- 4.5.1 Nguyên nhân
- 4.5.2 Triệu chứng
- 4.5.3 Phương pháp chẩn đoán
- 4.5.4 Biện pháp can thiệp
- 4.6 Các trường hợp tư thế - chiều hướng thai không bình thường
- 4.6.1 Nguyên nhân
- 4.6.2 Triệu chứng
- 4.6.3 Phương pháp chẩn đoán
- 4.6.4 Biện pháp can thiệp

CHƯƠNG 5 BỆNH SAU KHI ĐỀ

(Lý thuyết: 2 tiết; Thảo luận: 4 tiết; Thực hành: 2 tiết)

5.1 Bệnh Sốt nhau

5.1.1 Nguyên nhân

5.1.2 Triệu chứng

5.1.3 Phương pháp chẩn đoán

5.1.4 Biện pháp can thiệp

5.2 Bệnh Tử cung lộn

5.2.1 Nguyên nhân

5.2.2 Triệu chứng

5.2.3 Phương pháp chẩn đoán

5.2.4 Biện pháp can thiệp

5.3 Bệnh Viêm tử cung

5.3.1 Nguyên nhân

5.3.2 Triệu chứng

5.3.3 Phương pháp chẩn đoán

5.3.4 Biện pháp can thiệp

5.4 Bệnh bại liệt

5.4.1 Nguyên nhân

5.4.2 Triệu chứng

5.4.3 Phương pháp chẩn đoán

5.4.4 Biện pháp can thiệp

Phần thực hành

Bài 1: Kỹ thuật phát hiện gia súc có chữa và xác định thời gian đẻ (10 tiết)

Bài 2: Kỹ thuật đỡ đẻ cho gia súc (10 tiết)

4. Yêu cầu của môn học:

- Sinh viên cần đạt tối thiểu 80% giờ lý thuyết, tham gia đầy đủ các buổi thảo luận, Seminar và thực hành môn học.

- Sinh viên cần làm bài tập đầy đủ và tự nghiên cứu các bài thảo luận theo yêu cầu của giáo viên, hoàn thành bài thu hoạch sau khi thực hành.

5. Phương pháp giảng dạy:

Phương pháp giảng dạy: Áp dụng các phương pháp thuyết giảng kết hợp tổ chức dạy học theo nhóm, dạy học dựa trên vấn đề, sử dụng câu hỏi trắc nghiệm khách quan trong giảng dạy, sử dụng phim tư liệu trong giảng dạy, giảng dạy thông qua thảo luận, giảng dạy thông qua tham quan thực tế.

6. Kế hoạch tư vấn:

- Sinh viên phải chủ động tích cực trong học tập, tham gia đầy đủ các giờ học và thảo luận trên lớp, chuẩn bị bài theo yêu cầu của giáo viên trước khi lên lớp. Có đầy đủ 4 bài kiểm tra thường xuyên, 1 bài kiểm tra giữa kỳ và 1 bài thi cuối kỳ.

- Sinh viên được cán bộ giảng dạy giới thiệu các nguồn tài liệu tham khảo có liên quan tới nội dung của học phần dùng cho việc học các tiết lý thuyết trên lớp, nội dung thảo luận nhóm, các bài viết chuyên đề, bài thu hoạch cá nhân các phần tự nghiên cứu có hướng dẫn của giáo viên.

- Thái độ học tập cần nghiêm túc, nhiệt tình, ham học hỏi, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu giảng viên giao cho.

- Việc tham gia đầy đủ và chuyên cần các hoạt động học tập trên lớp, kết quả chuẩn bị các buổi thảo luận, tinh thần và ý thức tích cực tham gia thảo luận được đánh giá qua điểm rèn luyện thường xuyên của sinh viên.

- Tham gia đầy đủ các bài thực hành trong phòng thí nghiệm, cũng như ở cơ sở sản xuất, nắm vững phần lý thuyết của các bài thực hành. - Có bài viết thu hoạch phần tự học theo hướng dẫn của giáo viên được cụ thể trong lịch trình tuần. Viết và nộp bài thu hoạch đúng thời gian quy định.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính

1. Phan Vũ Hải (2013) Giáo trình sinh sản vật nuôi. NXB NN 1.

9.2. TL tham khảo

1. Lê Khắc Thận (2000) Sinh lý sinh sản gia súc. NXB NN

2. Đàm Văn Tiệp (2008) Giáo trình sinh lý gia súc. ĐH NL Huế

9.38. CHỌN MỘT TRONG HAI HỌC PHẦN

a, BỆNH KÝ SINH TRÙNG/ VETERINARY PARASITOLOGY 3TC (20,30,20)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: BM Khoa học Vật nuôi

- Điều kiện tiên quyết: Động vật học

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Sán lá và những bệnh do sán lá gây nên; Sán dây và những bệnh do sán dây gây nên; Giun tròn và những bệnh do giun tròn gây nên; Chân đốt ký sinh và những bệnh do chúng gây nên; Động vật đơn bào ký sinh và những bệnh do chúng gây nên.

Năng lực đạt được: Người học trình bày được các kiến thức cơ bản các loại lý sinh trùng thường gặp gây bệnh trên gia súc, gia cầm. Có thể chẩn đoán và điều trị các bệnh do ký sinh trùng thường gặp gây ra.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đặc điểm sinh học của ký sinh trùng, tính chất gây bệnh, các biểu hiện của bệnh và các phương pháp chẩn đoán cũng như các biện pháp phòng và điều trị các bệnh do ký sinh trùng thường gặp gây ra ở vật nuôi

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Mô tả được các triệu chứng và bệnh tích của bệnh ký sinh trùng thường gặp. Khái quát được các đặc điểm dịch tễ của một số loại sán, gian, tiết túc và động vật nguyên bào gây bệnh. Chẩn đoán và điều trị được các bệnh do sán, gian, tiết túc và động vật nguyên bào gây ra.

2.3. Mục tiêu về thái độ

+ Tôn trọng các nhà khoa học, giảng viên giảng dạy môn học này cũng như các môn học khác có trong chương trình.

+ Tự nghiên cứu bài trước khi đến lớp và ôn bài sau khi học trên lớp

+ Tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp cũng như các buổi thảo luận, các buổi thực hành thực tập tại phòng thí nghiệm và ngoại sản xuất.

+ Hoàn thành đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá của giảng viên

+ Thực hành môn học: Thực hiện tốt các thao tác mà nội yêu cầu.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ SINH HỌC CỦA KÝ SINH TRÙNG

(Lý thuyết: 3 tiết; Thảo luận: 3 tiết; Thực hành: 2 tiết)

1.1. Đặc điểm đời sống ký sinh

1.1.1. Đặc điểm sinh thái của ký sinh trùng

1.1.2. Đặc điểm sinh sản, biến thái, phát dục của ký sinh trùng

1.1.3. Các loại vật chủ

1.2. Tác động ngoại cảnh đến ký sinh trùng

1.2.1. Điều kiện tự nhiên

1.2.2. Sự phân tán và sức chống đỡ của ký sinh trùng

1.2.3. Sự phát triển bệnh ký sinh trùng

1.3. Dịch tễ học của bệnh ký sinh trùng

1.3.1. Học thuyết về nguồn dịch tự nhiên của E.N. Pavlovsky

1.3.2. Học thuyết về diệt trừ bệnh giun sán của K.I. Skrjabin

1.3.3. Nguyên tắc chung về phòng trừ giun sán

CHƯƠNG 2: SÁN LÁ VÀ NHỮNG BỆNH DO SÁN LÁ GÂY NÊN

(Lý thuyết: 4 tiết; Thảo luận: 6 tiết; Thực hành: 4 tiết)

2.1. Đặc điểm hình thái, vòng đời và phân loại

2.1.1. Hình thái

2.1.2. Vòng đời

2.1.3. Phân loại sán lá

- 2.2. Những bệnh do sán lá gây nên
 - 2.2.1. Bệnh sán lá gan của gia súc nhai lại (*Fasciola*)
 - 2.2.2. Bệnh sán lá ruột lợn (*Fasciolopsis*)
 - 2.2.3. Bệnh sán lá dạ cỏ (*Faramphis tomatidae*)
 - 2.2.4. Bệnh sán lá sinh sản ở gia cầm (*Prosthogonimus*)
 - 2.2.5. Bệnh sán lá ruột gia cầm (*Echinostmatidae*)

CHƯƠNG 3: SÁN DÂY VÀ NHỮNG BỆNH DO SÁN DÂY GÂY NÊN

(Lý thuyết: 4 tiết; Thảo luận: 6 tiết; Thực hành: 4 tiết)

- 3.1. Đặc điểm hình thái, vòng đời và phân loại
 - 3.1.1. Hình thái
 - 3.1.2. Vòng đời
 - 3.1.3. Phân loại sán dây
- 3.2. Những bệnh do sán dây gây nên
 - 3.2.1. Bệnh sán dây ở gà
 - 3.2.2. Bệnh sán dây ở động vật ăn thịt
- 3.3. Những bệnh ấu trùng sán dây
 - 3.3.1. Bệnh gạo lợn (*Cysticercus Cellulosae*)
 - 3.3.2. Bệnh gạo bò (*Cysticercus bovis*)
 - 3.3.3. Bệnh kén nước

CHƯƠNG 4: GIUN TRÒN VÀ NHỮNG BỆNH DO GIUN TRÒN GÂY NÊN

(Lý thuyết: 4 tiết; Thảo luận: 6 tiết; Thực hành: 4 tiết)

- 4.1. Đặc điểm hình thái, vòng đời và phân loại
 - 4.1.1. Hình thái
 - 4.1.2. Vòng đời
 - 4.1.3. Phân loại giun tròn
- 4.2. Những bệnh do giun tròn gây nên
 - 4.2.1. Bệnh giun đũa lợn (*Ascaris suum*)
 - 4.2.2. Bệnh giun đũa bê, nghé (*Neoascaris Vilulorum*)
 - 4.2.3. Bệnh giun đũa gà (*Ascaris diosis Galli*)
 - 4.2.4. Bệnh giun kim gà (*Heterakidae Galli*)
 - 4.2.5. Bệnh giun phổi lợn (*Metastroengylidae*)
 - 4.2.6. Bệnh giun phổi ở gia súc nhai lại (*Dictyocaulus*)

CHƯƠNG 5: ĐỘNG VẬT CHÂN ĐÓT KÝ SINH VÀ NHỮNG BỆNH DO CHÚNG GÂY NÊN (Lý thuyết: 3 tiết; Thảo luận: 5 tiết; Thực hành: 3 tiết)

- 5.1. Đặc điểm của động vật tiết túc
 - 5.1.1. Hình thái cấu tạo
 - 5.1.2. Phân loại

- 5.2. Bộ ve bét (Acarina)
 - 5.2.1. Ve cứng
 - 5.2.2. Cái ghê và bệnh do cái ghê
- 5.3. Côn trùng ký sinh gây bệnh và truyền bệnh
 - 5.3.1. Đặc điểm chung về côn trùng ký sinh
 - 5.3.2. Họ mòng và các tác hại của họ mòng
 - 5.3.3. Ruồi trâu và các tác hại của ruồi trâu
 - 5.3.4. Bệnh giòi da bò

CHƯƠNG 6: ĐỘNG VẬT ĐƠN BÀO KÝ SINH VÀ BỆNH DO CHÚNG GÂY NÊN (Lý thuyết: 2 tiết; Thảo luận: 4 tiết; Thực hành: 3 tiết)

- 6.1. Đặc điểm hình thái và sinh học
 - 6.1.1. Hình thái
 - 6.1.2. Đặc điểm sinh học
- 6.2. Tác động gây bệnh của động vật đơn bào
 - 6.2.1. Đường cảm nhiễm
 - 6.2.2. Tác động của đơn bào trên cơ thể ký chủ
 - 6.2.3. Phản ứng của cơ thể ký chủ
 - 6.2.4. Chẩn đoán và phòng trị các bệnh do đơn bào
- 6.3. Các bệnh do lớp trùng roi: Bệnh tiên mao trùng
- 6.4. Các bệnh do lớp bào tử trùng gây nên
 - 6.4.1. Bệnh lê dạng trùng
 - 6.4.2. Bệnh biên trùng ở bò
 - 6.4.3. Bệnh cầu trùng ở gà
 - 6.4.4. Bệnh cầu trùng ở bò

Phần thực hành

Bài 1: Chẩn đoán bệnh giun sán (10 tiết)

1. Chẩn đoán lâm sàng
2. Xét nghiệm phân tìm trứng và ấu trùng

Bài 2: Phương pháp mổ khám toàn diện theo Skajabin (10 tiết)

4. Yêu cầu của môn học:

- Sinh viên cần đạt tối thiểu 80% giờ lý thuyết, tham gia đầy đủ các buổi thảo luận, Seminar và thực hành môn học.
- Sinh viên cần làm bài tập đầy đủ và tự nghiên cứu các bài thảo luận theo yêu cầu của giáo viên, hoàn thành bài thu hoạch sau khi thực hành.

5. Phương pháp giảng dạy:

Phương pháp giảng dạy: Áp dụng các phương pháp thuyết giảng kết hợp tổ chức dạy học theo nhóm, dạy học dựa trên vấn đề, sử dụng câu hỏi trắc nghiệm khách quan trong giảng dạy, sử dụng phim tư liệu trong giảng dạy, giảng dạy thông qua thảo luận, giảng dạy thông qua tham quan thực tế.

6. Kế hoạch tư vấn:

- Sinh viên phải chủ động tích cực trong học tập, tham gia đầy đủ các giờ học và thảo luận trên lớp, chuẩn bị bài theo yêu cầu của giáo viên trước khi lên lớp. Có đầy đủ 3 bài kiểm tra thường xuyên, 1 bài kiểm tra giữa kỳ và 1 bài thi cuối kỳ.

- Sinh viên được cán bộ giảng dạy giới thiệu các nguồn tài liệu tham khảo có liên quan tới nội dung của học phần dùng cho việc học các tiết lý thuyết trên lớp, nội dung thảo luận nhóm, các bài viết chuyên đề, bài thu hoạch cá nhân các phần tự nghiên cứu có hướng dẫn của giáo viên.

- Thái độ học tập cần nghiêm túc, nhiệt tình, ham học hỏi, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu giảng viên giao cho.

- Việc tham gia đầy đủ và chuyên cần các hoạt động học tập trên lớp, kết quả chuẩn bị các buổi thảo luận, tinh thần và ý thức tích cực tham gia thảo luận được đánh giá qua điểm rèn luyện thường xuyên của sinh viên.

- Tham gia đầy đủ các bài thực hành trong phòng thí nghiệm, cũng như ở cơ sở sản xuất, nắm vững phần lý thuyết của các bài thực hành. - Có bài viết thu hoạch phần tự học theo hướng dẫn của giáo viên được cụ thể trong lịch trình tuần. Viết và nộp bài thu hoạch đúng thời gian quy định.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính

1. Phạm Văn Khuê, Phan Lục (1996), Giáo trình Ký sinh trùng Thú y. NXB Nông nghiệp Hà Nội

9.2. Tài liệu tham khảo

1. Phạm Sỹ Lăng (1996) Ký sinh trùng và Bệnh ký sinh trùng vật nuôi. NXB NN

2. Phan Văn Lục (1996) Ký sinh trùng thú y. NXB NNb,

b, BỆNH DINH DƯỠNG VẬT NUÔI/NUTRITIONAL DISORDERS IN ANIMALS

3TC (20, 30, 20)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Khoa học vật nuôi

- Điều kiện tiên quyết: Dinh dưỡng động vật

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Một số bệnh do thiếu và thừa các chất dinh dưỡng; Độc tố nấm mốc trong thức ăn chăn nuôi; Kim loại nặng trong thức ăn chăn nuôi và nước uống; Một số chất có hại trong thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc thực vật và động vật; Một số bệnh dinh dưỡng xảy ra trên gia cầm, lợn và động vật nhai lại.

Năng lực đạt được: Người học vận dụng được những kiến thức về dinh dưỡng và bệnh dinh dưỡng của động vật vào chăm sóc, nuôi dưỡng, phòng và điều trị bệnh do dinh dưỡng. Người học được rèn luyện các kỹ năng về phát hiện ngăn ngừa các bệnh do dinh dưỡng gây ra và giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của chúng tới hoạt động và môi trường chăn nuôi.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức

- Người học hiểu và ứng dụng được các kiến thức về dinh dưỡng và bệnh dinh dưỡng của động vật vào thực tiễn sản xuất.
- Áp dụng kiến thức chuyên môn để phòng và chẩn đoán một số bệnh do dinh dưỡng thường gặp trên vật nuôi;

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Sau khi kết thúc học phần, người học có được các kỹ năng sau:

- Phân biệt được các bệnh do thiếu, thừa các chất dinh dưỡng, do chất độc, hại trong thức ăn.
- Thực hiện có hiệu quả chẩn đoán một số bệnh thường gặp trên vật nuôi và phòng ngừa chúng

2.3. Mục tiêu về thái độ

- Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.
- Có ý thức và trách nhiệm nghề nghiệp; Tự học và tự nghiên cứu để nâng cao trình độ trong lĩnh vực chăn nuôi và quản lý sức khỏe vật nuôi

3. Nội dung chi tiết học phần (Liệt kê theo chương mục)

CHƯƠNG 1. SỰ MẤT CÂN ĐỐI DINH DƯỠNG

(Lý thuyết: 2 tiết; Thảo luận: 4 tiết; Thực hành: 2 tiết)

- 1.1. Khái niệm
- 1.2. Nguyên nhân gây ra tình trạng thiếu đói và suy dinh dưỡng
- 1.3. Bệnh do khiếm dưỡng rất khó chẩn đoán
- 1.4. Chẩn đoán

CHƯƠNG 2. MỘT SỐ BỆNH DO THIẾU VÀ THỪA CÁC CHẤT DINH DƯỠNG

(Lý thuyết: 2 tiết; Thảo luận: 4 tiết; Thực hành: 3 tiết)

- 2.1. Bệnh do thiếu, thừa protein, axit amin;
- 2.2. Bệnh do thiếu, thừa vitamin
- 2.3. Bệnh do thiếu, thừa khoáng
- 2.4. Bệnh do thiếu, thừa axit béo quan trọng.

CHƯƠNG 3. MỘT SỐ CHẤT CÓ HẠI TRONG THỨC ĂN CHĂN NUÔI

(Lý thuyết: 4 tiết; Thảo luận: 5 tiết; Thực hành: 4 tiết)

- 3.1. Chất có hại trong thức ăn nguồn gốc thực vật
- 3.2. Chất có hại trong thức ăn nguồn gốc động vật
 - 3.2.1. NH₃ trong bột cá và bột thịt đến năng suất và sức khỏe lợn và gia cầm.

- 3.2.2. Bột thịt xương của loài nhai lại và bệnh bò điên
- 3.2.3. Ngộ độc urê ở loài nhai lại
- 3.2.4. Melamin và sức khỏe động vật.

CHƯƠNG 4. ĐỘC TỔ NẤM MỐC TRONG THỨC ĂN CHĂN NUÔI.

(Lý thuyết: 4 tiết; Thảo luận: 5 tiết; Thực hành: 4 tiết)

- 4.1. Một số loài nấm sinh độc tố trong thức ăn chăn nuôi
- 4.2. Độc tố nấm mốc trong nguyên liệu thức ăn chăn nuôi
 - 4.2.1. Một số độc tố nấm mốc trong nguyên liệu thức ăn chăn nuôi
 - 4.2.2. Tác hại của độc tố nấm mốc đến năng suất và sức khỏe của gia súc, gia cầm
- 4.3. Định lượng độc tố nấm mốc trong thức ăn chăn nuôi
- 4.4. Biện pháp kiểm soát, hạn chế và khử độc tố nấm mốc trong thức ăn chăn nuôi

CHƯƠNG 5. MỘT SỐ BỆNH XẢY RA TRÊN GIA CẦM

(Lý thuyết: 4 tiết; Thảo luận: 4 tiết; Thực hành: 2 tiết)

- 5.1. Bệnh hoại tử mỏ gà
- 5.2. Thiếu Biotin – Hội chứng thận và gan nhiễm mỡ
- 5.3. Co giật do canxi
- 5.4. Bệnh khuyu chân
- 5.5. Hội chứng xuất huyết gan nhiễm mỡ
- 5.6. Bệnh mổ cắn nhau
- 5.7. Hội chứng chết đột ngột

CHƯƠNG 6: MỘT SỐ BỆNH XẢY RA TRÊN LỢN

(Lý thuyết: 2 tiết; Thảo luận: 4 tiết; Thực hành: 2 tiết)

- 6.1. Bệnh thiếu máu ở lợn con
- 6.2. Bệnh á sừng
- 6.3. Bệnh hạ đường huyết ở lợn con
- 6.4. Bệnh viêm loét dạ dày ở lợn con
- 6.5. Bệnh thiếu vitamin E/Selenium
- 6.6. Bệnh bắp cơ trắng
- 6.7. Ngộ độc sắt và thiếu vitamin E

CHƯƠNG 7. BỆNH XẢY RA TRÊN GIA SÚC NHAU LẠI

(Lý thuyết: 2 tiết; Thảo luận: 4 tiết; Thực hành: 2 tiết)

- 7.1. Bệnh thể axit
- 7.2. Bệnh thể ketone
- 7.3. Bệnh chướng hơi dạ cỏ
- 7.4. Bệnh hạ đường huyết
- 7.5. Bệnh bò điên

7.6. Bệnh mất hồng cầu sau đẻ

THỰC HÀNH:

Bài 1: Đánh giá tổng quan tình trạng dinh dưỡng và bệnh dinh dưỡng trên đàn gia súc của cơ sở chăn nuôi (20 tiết)

4. Yêu cầu của môn học:

- Sinh viên đạt tối thiểu 80% giờ lý thuyết, tham gia đầy đủ các buổi thảo luận, bài tập và thực hành môn học.
- Sinh viên cần làm các bài thu hoạch phân tự nghiên cứu một cách đầy đủ, các bài thảo luận theo yêu cầu của giáo viên, hoàn thành các bài viết chuyên đề.

5. Phương pháp giảng dạy:

Phương pháp giảng dạy: Áp dụng các phương pháp thuyết giảng kết hợp tổ chức dạy học theo nhóm, dạy học dựa trên vấn đề, sử dụng câu hỏi trắc nghiệm khách quan trong giảng dạy, sử dụng phim tư liệu trong giảng dạy, giảng dạy thông qua thảo luận, giảng dạy thông qua tham quan thực tế.

6. Kế hoạch tư vấn: Dự kiến của GV

Trong buổi học đầu tiên, giảng viên nêu rõ nội dung, mục tiêu, chuẩn đầu ra của học phần, yêu cầu khác của học phần và định hướng những nhiệm vụ sinh viên cần làm cho phần thảo luận, tự học. Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan.

Cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

- Phòng học có máy chiếu
- Dụng cụ thực hành trong phòng thí nghiệm đầy đủ
- Thư viện đáp ứng đầy đủ các học liệu bắt buộc và học liệu tham khảo cho sinh viên.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.
- Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính

1. Nguyễn Nhật Xuân Dung, 2005. Giáo trình bệnh dinh dưỡng gia súc. NXB Đại học Cần Thơ.

9.2. Tài liệu tham khảo

1. Vũ Duy Giảng, Nguyễn Thị Lương Hồng, Tôn Thất Sơn (1997). *Dinh dưỡng và Thức ăn gia súc*. NXB Nông nghiệp

9.39. BỆNH NỘI NGOẠI KHOA GIA SÚC/INTERNAL,EXTERNAL DISEASE

4TC (28,39,25)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: BM Khoa học Vật nuôi

- Điều kiện tiên quyết: Dược lý, Chẩn đoán

1. Mô tả học phần:

Nội dung cốt lõi: Khái niệm về bệnh nội khoa, các nguyên lý điều trị học thú y. Nguyên nhân, triệu chứng và cách điều trị bệnh ở các hệ tiêu hoá, hô hấp, tiết niệu, thần kinh, nội tiết. Đại cương về bệnh ngoại khoa, phẫu thuật ngoại khoa: phương pháp cố định gia súc, nguyên tắc vô trùng, phương pháp gây mê, gây tê, cầm máu trong phẫu thuật, phương pháp khâu vá, băng bó vết thương. phẫu thuật hecni, mổ bụng lấy thai, mổ dạ cỏ, thiếu hoạn gia súc gia cầm. bệnh ngoại khoa chuyên khoa.

Năng lực đạt được: Sinh viên hiểu và trình bày được khái niệm, phạm vi nghiên cứu và các nguyên tắc trong điều trị bệnh nội khoa; biết được nguyên nhân, hiểu được cơ chế, biết các triệu chứng, chẩn đoán và lên phác đồ điều trị phù hợp cho từng ca bệnh nội khoa cụ thể. Hiểu được các quá trình bệnh lý, các triệu chứng lâm sàng,... của các bệnh ngoại khoa thú y; Thực hiện được các kỹ thuật phẫu thuật ngoại khoa cơ bản như: tiêm, mổ, cầm máu, khâu, gây tê, băng bó vết thương; Chẩn đoán và biết cách phẫu thuật, điều trị một số ca bệnh ngoại khoa và nhiễm trùng ngoại khoa thường gặp.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Hiểu được đặc điểm của bệnh nội khoa, các nguyên tắc điều trị bệnh nội khoa.

Trình bày được nguyên nhân gây ra các bệnh nội khoa và ngoại khoa, các đặc điểm về triệu chứng lâm sàng, các biểu hiện bệnh tích khi mổ khám của các bệnh. Từ đó áp dụng trong chẩn đoán lâm sàng trên gia súc, gia cầm bị bệnh.

- Trình bày được các nguyên tắc, các bước trong phẫu thuật ngoại khoa.

- Hiểu và thực hiện được các phương pháp chẩn đoán bệnh, các phương pháp điều trị, công tác phòng bệnh áp dụng để đạt hiệu quả cao trong công tác thú y sau khi ra trường.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Rèn luyện kỹ năng nhận biết và phân tích các nguyên nhân gây bệnh nội và ngoại khoa cho gia súc.

- Kỹ năng thu thập, phân tích các biểu hiện triệu chứng lâm sàng từ đó đưa ra kết luận bệnh chính xác.

- Kỹ năng về sử dụng thuốc, các dụng cụ ngoại khoa, cách lên phác đồ điều trị phù hợp cho từng ca bệnh. Kỹ năng đánh giá nhận biết về tiên lượng bệnh để có cách xử lý phù hợp trong điều trị.

2.3. Mục tiêu về thái độ

- Giúp người học có tinh thần, thái độ học tập đúng đắn, tích cực, nghiêm túc, có trách nhiệm với môn học.

- Phải chuẩn bị các nội dung theo yêu cầu của giáo viên trước khi lên lớp theo lịch trình (thảo luận, xemina, bài viết chuyên đề...)

- Tích cực tham gia thảo luận nhóm, xemina, viết báo cáo chuyên đề, viết bài thu hoạch tự học đầy đủ, có chất lượng.

- Giúp sinh viên yêu thích môn học và ngành học mình đã lựa chọn. Biết tôn trọng thầy cô giáo giảng dạy học phần.

3. Nội dung chi tiết học phần

PHẦN I: BỆNH NỘI KHOA

Chương 1: Phần mở đầu (3 LT; TL 1)

- 1.1. Khái niệm về môn học bệnh nội khoa gia súc
- 1.2. Nhiệm vụ của môn học
- 1.3. Đại cương về điều trị học
- 1.4. Những nguyên tắc cơ bản trong điều trị học
- 1.5. Các phương pháp điều trị
- 1.6. Phân loại điều trị
- 1.7. Một số thuốc, dịch truyền dùng trong điều trị

Chương 2: Bệnh ở hệ tim mạch (2 LT; TL 01)

- 2.1. Bệnh viêm ngoại tâm mạc
- 2.2. Bệnh viêm cơ tim cấp tính
- 2.3. Bệnh tích nước trong xoang bao tim

Chương 3: Bệnh ở hệ hô hấp

(2 LT; TL 04)

- 3.1. Bệnh chảy máu mũi
- 3.2. Bệnh viêm thanh quản cata cấp
- 3.3. Bệnh viêm phế quản cata cấp
- 3.4. Bệnh phế quản phế viêm
- 3.5. Bệnh viêm phổi thùy
- 3.6. Bệnh viêm màng phổi

Chương 4: Bệnh ở hệ tiêu hoá

(3 LT; TL 05)

- 4.1. Bệnh viêm thực quản, bệnh tắc thực quản
- 4.2. Bệnh bội thực dạ cỏ
- 4.3. Bệnh chướng hơi dạ cỏ cấp tính
- 4.4. Bệnh viêm dạ tổ ong do ngoại vật
- 4.5. Bệnh nghẽn dạ lá sách
- 4.6. Bệnh viêm dạ dày – ruột
- 4.7. Chứng táo bón
- 4.8. Bệnh viêm phúc mạc

Chương 5: Bệnh ở hệ tiết niệu, thần kinh, tạo máu

(1 LT; TL 03)

- 5.1. Bệnh viêm thận cấp tính
- 5.2. Viêm bàng quang
- 5.3. Cuội niệu
- 5.4. Cảm nắng, Cảm nóng
- 5.5. Chứng thiếu máu

Chương 6: Bệnh về rối loạn trao đổi chất, trúng độc và bệnh của gia súc non

(3 LT; TL 06)

- 6.1. Mềm xương, còi xương

- 6.2. Chứng xeton huyết
- 6.3. Chứng thiếu vitamin
- 6.4. Chứng nổi mẩn đay
- 6.5. Trúng độc
 - 6.5.1. Nguồn gốc các loại chất độc
 - 6.5.2. Khái niệm trúng độc
 - 6.5.3. Hoàn cảnh trúng độc
 - 6.5.4. Cơ chế gây trúng độc
 - 6.5.5. Triệu chứng
 - 6.5.6. Chẩn đoán
 - 6.5.7. Điều trị
- 6.6. Bệnh viêm ruột ở của gia súc non
- 6.7. Bệnh viêm phổi của gia súc non

PHẦN II: NGOẠI KHOA GIA SÚC

Chương 7: Đại cương về ngoại khoa thú y

(7 LT; TL 10)

- 7.1. Khái niệm
- 7.2. Phẫu thuật ngoại khoa đại cương
 - 7.2.1. Phương pháp cố định gia súc
 - 7.2.2. Nguyên tắc vô trùng
 - 7.2.3. Phương pháp gây mê toàn thân
 - 7.2.4. Phương pháp gây tê cục bộ
 - 7.2.5. Phương pháp cầm máu
 - 7.2.6. Phương pháp khâu vá băng bó vết thương
- 7.3. Phẫu thuật ngoại khoa chuyên khoa
 - 7.3.1. Phương pháp cưa sừng
 - 7.3.2. Phương pháp vá mũi trâu bò
 - 7.3.3. Phương pháp phẫu thuật cắt tai chó
 - 7.3.4. Phương pháp phẫu thuật hecni
 - 7.3.5. Phương pháp mổ bụng lấy thai
 - 7.3.6. Phương pháp mổ dạ cỏ
 - 7.3.7. Phương pháp thiến hoạn gia súc gia cầm

Chương 8: Bệnh ngoại khoa chuyên khoa

(5 LT; TL 05)

- 8.1. Chứng viêm
- 8.2. Tổn thương ngoại khoa
- 8.3. Viêm kết mạc mắt
- 8.4. Viêm giác mạc mắt
- 8.5. Viêm móng
- 8.6. Bệnh hà móng
- 8.7. Phát cước
- 8.8. Viêm khớp
- 8.9. Khối u

9.1. Khái niệm

9.2. Các loại nhiễm trùng ngoại khoa.

9.3. Những nhân tố thúc đẩy nhiễm trùng ngoại khoa phát triển

9.4. Một số nhiễm trùng ngoại khoa

9.4.1. Bệnh viêm lỗ chân lông

9.4.2. Mụn

9.4.9. Mụn nước

9.9.4. Áp xe

9.5. Nhiễm trùng ngoại khoa đặc biệt.

9.5.1. Bệnh uốn ván

9.5.2. Bệnh xạ khuẩn

Phần thực hành:

Bài 1: - Chẩn đoán bệnh các hệ cơ quan dựa trên lâm sàng và dựa trên bệnh tích (5 tiết)

Bài 2: Thực hành chẩn đoán và điều trị bệnh nội khoa thông thường (5 tiết)

Bài 3: Thực hành các thao tác khi tiến hành 1 ca phẫu thuật ngoại khoa (5 tiết)

Bài 4: Thực hành một ca điều trị, phẫu thuật ngoại khoa trên gia súc (10 tiết)

4. Yêu cầu của môn học:

- Sinh viên cần đạt tối thiểu 80% giờ lý thuyết, tham gia đầy đủ các buổi thảo luận, Seminar và thực hành môn học.

- Sinh viên cần làm bài tập đầy đủ và tự nghiên cứu các bài thảo luận theo yêu cầu của giáo viên, hoàn thành bài thu hoạch sau khi thực hành.

5. Phương pháp giảng dạy:

Phương pháp giảng dạy: Áp dụng các phương pháp thuyết giảng kết hợp tổ chức dạy học theo nhóm, dạy học dựa trên vấn đề, sử dụng câu hỏi trắc nghiệm khách quan trong giảng dạy, sử dụng phim tư liệu trong giảng dạy, giảng dạy thông qua thảo luận, giảng dạy thông qua tham quan thực tế.

6. Kế hoạch tư vấn:

- Sinh viên phải chủ động tích cực trong học tập, tham gia đầy đủ các giờ học và thảo luận trên lớp, chuẩn bị bài theo yêu cầu của giáo viên trước khi lên lớp. Có đầy đủ 4 bài kiểm tra thường xuyên, 1 bài kiểm tra giữa kỳ và 1 bài thi cuối kỳ.

- Sinh viên được cán bộ giảng dạy giới thiệu các nguồn tài liệu tham khảo có liên quan tới nội dung của học phần dùng cho việc học các tiết lý thuyết trên lớp, nội dung thảo luận nhóm, các bài viết chuyên đề, bài thu hoạch cá nhân các phần tự nghiên cứu có hướng dẫn của giáo viên.

- Thái độ học tập cần nghiêm túc, nhiệt tình, ham học hỏi, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu giảng viên giao cho.

- Việc tham gia đầy đủ và chuyên cần các hoạt động học tập trên lớp, kết quả chuẩn bị các buổi thảo luận, tinh thần và ý thức tích cực tham gia thảo luận được đánh giá qua điểm rèn luyện thường xuyên của sinh viên.

- Tham gia đầy đủ các bài thực hành trong phòng thí nghiệm, cũng như ở cơ sở sản xuất, nắm vững phần lý thuyết của các bài thực hành, từng bước tập các thao tác để tiến tới có thể sử dụng và sử dụng thành thạo dụng cụ phòng thí nghiệm; Những sinh viên thiếu giờ học phần thực hành phải thực hiện đầy đủ mới được tham gia thi kết thúc học phần cuối kỳ.

- Có bài viết thu hoạch phần tự học theo hướng dẫn của giáo viên được cụ thể trong lịch trình tuần. Viết và nộp bài thu hoạch đúng thời gian quy định.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính

1. Phạm Ngọc Thạch (2006), Giáo trình Bệnh nội khoa gia súc, NXB Nông nghiệp Hà Nội

2. Huỳnh Văn Kháng (1997), Giáo trình Phẫu thuật ngoại khoa thú y - Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội.

7.2. Học liệu tham khảo

1. Chu Đức Thắng, Hồ Văn Nam, Phạm Ngọc Thạch (2008), Giáo trình Chẩn đoán bệnh gia súc, NXB Nông nghiệp.

2. Bùi Thị Tho (2015) Giáo trình Dược lý học thú y, NXB Đại học Nông nghiệp.

3. Huỳnh Văn Kháng (2003), Giáo trình Bệnh ngoại khoa, Trường đại học Nông nghiệp Hà Nội.

9.40. PHÁP CHẾ THÚ Y/VETERINARY REGULATIONS 2TC (20,30,20)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: BM Khoa học Vật nuôi

- Điều kiện tiên quyết: Bệnh truyền nhiễm

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Pháp chế Thú y gồm có ba phần: Luật Thú y 2015: Quy định về hoạt động phòng, chống dịch bệnh động vật; kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm soát giết mổ động vật trên cạn, sơ chế, chế biến động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y; quản lý thuốc thú y; hành nghề thú y; Nghị định 35/2016/NĐ-CP: Quy định chi tiết một số điều khoản của Luật Thú y 2015 và Nghị định 119/2013/NĐ-CP: Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi.

Năng lực đạt được: Sinh viên biết được các quy phạm pháp luật về Thú y hiện hành; Hiểu và vận dụng được các điều khoản quy định vào việc phòng chống dịch bệnh và hành nghề thú y; Thực hiện được quy trình KĐĐV, KSGM, kiểm tra VSTY động vật và các sản phẩm động vật.

2. Mục tiêu học phần:

+ Nắm được các quy định hiện hành của Luật Thú y 2015 (Luật số: 79/2015/QH13) và các Nghị định có liên quan như: Nghị định 35/2016/NĐ-CP, Nghị định 119/2013/NĐ-CP

+ Hiểu được các khái niệm về từ ngữ chuyên môn như: ổ dịch, vùng dịch, bệnh dịch, dịch bệnh, động vật mắc bệnh, động vật nghi mắc bệnh...

+ Biết được phạm vi áp dụng của pháp chế thú y trong đời sống xã hội.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Thực hiện được các quy trình phòng, chống dịch; kiểm dịch động vật; kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y động vật và sản phẩm động vật.

2.3. Mục tiêu về thái độ

+ Người học có thái độ học tập đúng đắn: tích cực tham khảo tài liệu liên quan đến nội dung môn học. Tích cực trong vận dụng kiến thức môn học vào thực tiễn chăn nuôi.

+ Phải chuẩn bị các nội dung theo yêu cầu của giáo viên trước khi lên lớp theo lịch trình (thảo luận, tự học, bài viết chuyên đề...)

+ Tích cực đọc các tài liệu giáo viên đã hướng dẫn để chuẩn bị bài chu đáo. Tích cực tham gia thảo luận nhóm, viết báo cáo chuyên đề, viết bài thu hoạch tự học đầy đủ.

+ Có ý thức chấp hành các quy định của Pháp luật về công tác chăn nuôi – thú y trong điều kiện thực tiễn tại Việt Nam nhằm đảm bảo vấn đề sức khỏe và phúc lợi động vật.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Luật Thú y (Luật số: 79/2015/QH13) (LT: 8; TL: 10)

1.1. Những quy định chung

1.2. Phòng, chống dịch bệnh động vật

1.2.1. Quy định chung về phòng, chống dịch bệnh động vật.

1.2.2. Phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

1.2.3. Phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản.

1.3. Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật

1.3.1. Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn.

1.3.2. Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản.

1.3.3. Trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức, cá nhân về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật.

1.4. Kiểm soát giết mổ động vật; sơ chế, chế biến động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y

1.4.1. Kiểm soát giết mổ động vật trên cạn.

- 1.4.2. Kiểm soát sơ chế, chế biến động vật, sản phẩm động vật.
- 1.4.3. Kiểm tra vệ sinh thú y.
- 1.4.4. Trách nhiệm trong quản lý GMDV trên cạn; sơ chế, chế biến ĐV, SPĐV; kiểm tra VSTY
- 1.5. Quản lý thuốc thú y
- 1.5.1. Quản lý thuốc và đăng ký thuốc thú y.
- 1.5.2. Khảo nghiệm thuốc thú y.
- 1.5.3. Sản xuất, buôn bán, nhập khẩu, xuất khẩu thuốc thú y.
- 1.5.4. Thu hồi, tiêu hủy thuốc thú y.
- 1.6. Hành nghề thú y

Chương 2: Nghị định 35/2016/NĐ-CP (LT: 2; TL: 2)

- 2.1. Những quy định chung
- 2.2. Quy định cụ thể
 - 2.2.1. Hệ thống cơ quan quản lý chuyên ngành thú y và chế độ, chính sách đối với nhân viên thú y xã, phường, thị trấn
 - 2.2.2. Kinh phí phòng, chống dịch bệnh động vật
 - 2.2.3. Tạm ngừng xuất khẩu, nhập khẩu; cấm xuất khẩu, nhập khẩu động vật, sản phẩm động vật
 - 2.2.4. Điều kiện sản xuất, buôn bán, nhập khẩu, kiểm nghiệm, khảo nghiệm thuốc thú y
 - 2.2.5. Điều kiện hành nghề thú y

Chương 3: Nghị định 119/2013/NĐ-CP (LT: 5; TL: 8)

- 3.1. Những quy định chung
- 3.2. Hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực thú y
 - 3.2.1. Vi phạm về phòng bệnh, chữa bệnh, chống dịch bệnh cho động vật
 - 3.2.2. Vi phạm về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y
 - 3.2.3. Vi phạm về quản lý thuốc thú y; chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y; sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; hành nghề thú y
- 3.3. Hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực giống vật nuôi
- 3.4. Hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực thức ăn chăn nuôi
- 3.5. Thẩm quyền lập biên bản và xử phạt vi phạm hành chính

Thực hành:

Bài 1: đánh giá công tác vệ sinh thú y tại cơ sở chăn nuôi (5 tiết).

Bài 2 : thực hiện quy trình kiểm soát giết mổ gia súc – gia cầm (5tiết)

4. Yêu cầu của môn học:

- Sinh viên cần đạt tối thiểu 80% giờ lý thuyết, tham gia đầy đủ các buổi thảo luận, Seminar và thực hành môn học.
- Sinh viên cần làm bài tập đầy đủ và tự nghiên cứu các bài thảo luận theo yêu cầu của giáo viên, hoàn thành bài thu hoạch sau khi thực hành.

5. Phương pháp giảng dạy:

Phương pháp giảng dạy: Áp dụng các phương pháp thuyết giảng kết hợp tổ chức dạy học theo nhóm, dạy học dựa trên vấn đề, sử dụng câu hỏi trắc nghiệm khách quan trong giảng dạy, sử dụng phim tư liệu trong giảng dạy, giảng dạy thông qua thảo luận, giảng dạy thông qua tham quan thực tế.

6. Kế hoạch tư vấn:

- Sinh viên phải chủ động tích cực trong học tập, tham gia đầy đủ các giờ học và thảo luận trên lớp, chuẩn bị bài theo yêu cầu của giáo viên trước khi lên lớp. Có đầy đủ 3 bài kiểm tra thường xuyên, 1 bài kiểm tra giữa kỳ và 1 bài thi cuối kỳ.

- Sinh viên được cán bộ giảng dạy giới thiệu các nguồn tài liệu tham khảo có liên quan tới nội dung của học phần dùng cho việc học các tiết lý thuyết trên lớp, nội dung thảo luận nhóm, các bài viết chuyên đề, bài thu hoạch cá nhân các phần tự nghiên cứu có hướng dẫn của giáo viên.

- Thái độ học tập cần nghiêm túc, nhiệt tình, ham học hỏi, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu giảng viên giao cho.

- Việc tham gia đầy đủ và chuyên cần các hoạt động học tập trên lớp, kết quả chuẩn bị các buổi thảo luận, tinh thần và ý thức tích cực tham gia thảo luận được đánh giá qua điểm rèn luyện thường xuyên của sinh viên.

- Tham gia đầy đủ các bài thực hành trong phòng thí nghiệm, cũng như ở cơ sở sản xuất, nắm vững phần lý thuyết của các bài thực hành, từng bước tập các thao tác để tiến tới có thể sử dụng và sử dụng thành thạo dụng cụ phòng thí nghiệm; phân tích, đánh giá được thực trạng vệ sinh tại 1 cơ sở chăn nuôi. Những sinh viên thiếu giờ học phần thực hành phải thực hiện đầy đủ mới được tham gia thi kết thúc học phần cuối kỳ.

- Có bài viết thu hoạch phần tự học theo hướng dẫn của giáo viên được cụ thể trong lịch trình tuần. Viết và nộp bài thu hoạch đúng thời gian quy định.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính

1. Hoàng Văn Sơn (2019), Bài giảng Pháp chế Thú y, ĐH Hồng Đức.

9.2. Tài liệu tham khảo

2. Quang Minh (2015), Luật Thú y và các quy định mới nhất về nghiệp vụ công tác Thú y - NXB Lao động.

9.41. DỊCH TỄ THÚ Y/VETERINARY EPIDEMIOLOGY 3TC (20,30,20)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: BM Khoa học Vật nuôi
- Điều kiện tiên quyết: Vi sinh vật trong Chăn nuôi Thú y

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Đối tượng, mục tiêu, phạm vi, phương pháp nghiên cứu và nội dung của dịch tễ học. Khái niệm và thuật ngữ dùng trong dịch tễ, điều kiện để dịch bệnh phát triển, các mô hình dịch bệnh, các thuật ngữ thường dùng trong điều tra dịch tễ. Dịch tễ học bệnh truyền nhiễm, các biện pháp phòng chống bệnh truyền nhiễm và chống dịch. Các thông số đo lường dịch tễ: số liệu, bảng số, tỷ số, tỷ lệ, tỷ suất. Dịch tễ học mô tả. Các phương pháp nghiên cứu mô tả trong thú y. Giả thiết nhân quả trong dịch tễ học. Tình huống cho việc hình thành giả thiết. Dịch tễ học phân tích. Phương pháp nghiên cứu bệnh chứng trong dịch tễ học. Thiết kế và thực hiện nghiên cứu bệnh chứng, phân tích nghiên cứu bệnh chứng. Đánh giá kết quả nghiên cứu bệnh chứng. Phương pháp nghiên cứu thuần tập; Phương pháp nghiên cứu thực nghiệm.

Năng lực đạt được:

- Hiểu được các nội dung và các phương pháp nghiên cứu, thuật ngữ dùng trong điều tra dịch tễ và các thông số đo lường dịch tễ.
 - Thực hiện được việc chọn mẫu nghiên cứu, xác định được lượng mẫu cần thiết trong nghiên cứu, thu thập được số liệu điều tra.
 - Xử lý được các số liệu điều tra dịch tễ. Phân tích, đánh giá được các thông số đo lường dịch tễ thu được.
 - Trình diễn được số liệu điều tra bằng bảng biểu, đồ thị, biểu đồ.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức

- Nắm được đối tượng, mục tiêu, phạm vi của dịch tễ học. Nội dung và các phương pháp nghiên cứu dịch tễ.
 - Nắm được một số khái niệm và thuật ngữ dùng trong điều tra dịch tễ. Các mô hình dịch bệnh, quá trình truyền lây của bệnh truyền nhiễm. Các biện pháp phòng, chống bệnh truyền nhiễm.
 - Nắm được các thông số đo lường dịch tễ, nội dung của dịch tễ học mô tả, dịch tễ học phân tích.
 - Nắm được nội dung của phương pháp nghiên cứu thuần tập, phương pháp nghiên cứu thực nghiệm.
 - Nắm được kỹ thuật chọn mẫu cơ bản trong điều tra. Ước lượng được số lượng mẫu nghiên cứu.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Thực hiện được việc chọn mẫu nghiên cứu, xác định được lượng mẫu cần thiết trong nghiên cứu, thu thập được số liệu điều tra.
- Xử lý được các số liệu điều tra dịch tễ. Phân tích, đánh giá được các thông số đo lường dịch tễ thu được.
 - Trình diễn được số liệu điều tra bằng bảng biểu, đồ thị, biểu đồ.

2.3. Mục tiêu về thái độ

- + Người học có thái độ học tập đúng đắn: tích cực tham khảo tài liệu liên quan đến nội dung môn học. Tích cực trong vận dụng kiến thức môn học vào thực tiễn chăn nuôi.
- + Phải chuẩn bị các nội dung theo yêu cầu của giáo viên trước khi lên lớp theo lịch trình (thảo luận, tự học, bài viết chuyên đề...)
- + Tích cực đọc các tài liệu giáo viên đã hướng dẫn để chuẩn bị bài chu đáo. Tích cực tham gia thảo luận nhóm, viết báo cáo chuyên đề, viết bài thu hoạch tự học đầy đủ.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ CỦA DỊCH TỄ HỌC (2LT; 0TL)

1.1. ĐỐI TƯỢNG VÀ MỤC TIÊU CỦA DỊCH TỄ HỌC

1.1.1. Đối tượng

1.1.2. Mục tiêu

1.2. PHẠM VI CỦA DỊCH TỄ HỌC

1.2.1. Sử dụng dịch tễ học

1.2.2. Hoạt động dịch tễ học

1.3. VAI TRÒ CỦA DỊCH TỄ HỌC

1.4. NHIỆM VỤ CỦA DỊCH TỄ HỌC

1.5. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU DỊCH TỄ HỌC

1.5.1. Dịch tễ học mô tả

1.5.2. Dịch tễ học phân tích

1.5.3. Dịch tễ học can thiệp

1.5.4. Dịch tễ học thực nghiệm

1.5.5. Kinh tế dịch tễ học

1.5.6. Dịch tễ học lý thuyết khái quát

1.6. NỘI DUNG CỦA MÔN DỊCH TỄ HỌC

1.6.1. Nghiên cứu mối quan hệ giữa cơ thể - mầm bệnh - ngoại cảnh

1.6.2. Nghiên cứu các cơ chế phát sinh bệnh truyền nhiễm

1.6.3. Nghiên cứu nguyên nhân làm nở ra và lây lan dịch

1.6.4. Kết luận

1.7. CHU TRÌNH NGHIÊN CỨU DỊCH TỄ

CHƯƠNG 2: KHÁI NIỆM VÀ THUẬT NGỮ DÙNG TRONG DỊCH TỄ HỌC (2LT; 3TL)

2.1. QUÁ TRÌNH TỰ NHIÊN CỦA BỆNH

- 2.1.1. Giai đoạn cảm nhiễm
- 2.1.2. Giai đoạn tiền lâm sàng
- 2.1.3. Giai đoạn lâm sàng
- 2.1.4. Giai đoạn sau lâm sàng
- 2.2. ĐIỀU KIỆN ĐỂ BỆNH PHÁT TRIỂN
- 2.2.1. Quan niệm về nguyên nhân đa yếu tố
- 2.2.2. Những yếu tố cần thiết và cơ bản để bệnh phát sinh
- 2.2.3. Các dạng liên kết của các yếu tố (nhân tố)
- 2.2.4. Nguyên nhân tối thiểu
- 2.3. ĐỊNH ĐỀ KOCK
- 2.3.1. Định đề Kock
- 2.3.2. Nhận xét
- 2.3.3. Một số điểm bổ sung cho định đề Kock
- 2.4. CÁC MÔ HÌNH CỦA DỊCH BỆNH
- 2.4.1. Mô hình sinh thái học
- 2.4.2. Mô hình Reed Frost
- 2.5. MỘT SỐ THUẬT NGỮ THƯỜNG DÙNG
- 2.5.1. Nguy cơ, yếu tố nguy cơ
- 2.5.2. Tương tác quan hệ nhân quả
- 2.5.3. Quân thể
- 2.5.4. Thời điểm phát bệnh
- 2.5.5. Thời kỳ quan sát
- 2.6. THUẬT NGỮ DÙNG TRONG BỆNH TRUYỀN NHIỄM
- 2.6.1. Thời kỳ nung bệnh (incubation period)
- 2.6.2. Thời kỳ tiền phát (prepatent period)
- 2.6.3. Động vật mang trùng (carrier)
- 2.6.4. Động vật nhiễm bệnh
- 2.6.5. Động vật nghi nhiễm bệnh
- 2.6.6. Nguồn dịch (reservoir)
- 2.6.7. Sự nhiễm (infection)
- 2.6.8. Sự ô nhiễm (contamination)
- 2.6.9. Tính cường độc (virulence)
- 2.7. THUẬT NGỮ ĐỐI VỚI BỆNH KHÔNG TRUYỀN NHIỄM
- 2.7.1. Giai đoạn cảm ứng
- 2.7.2. Sự ô nhiễm

CHƯƠNG 3: DỊCH TỄ HỌC BỆNH TRUYỀN NHIỄM (2LT; 3TL)

- 3.1. QUÁ TRÌNH NHIỄM TRÙNG
- 3.1.1. Hiện tượng nhiễm trùng
- 3.1.2. Điều kiện để mầm bệnh gây được nhiễm trùng
- 3.1.3. Phương thức tác động của mầm bệnh

- 31.4. Các loại nhiễm trùng
- 32. SỰ THÍCH ỨNG BẢO VỆ TỰ NHIÊN CỦA CƠ THỂ
- 33. QUÁ TRÌNH TIẾN TRIỂN CỦA BỆNH
- 34. CÁC THỂ BỆNH NHIỄM TRÙNG
- 35. BÀI MẮM BỆNH
- 36. QUÁ TRÌNH TRUYỀN LÂY
 - 36.1. Ý nghĩa của quá trình truyền lây
 - 36.2. Nguồn bệnh
 - 36.3. Yếu tố truyền lây
 - 36.4. Động vật cảm thụ
 - 36.5. Cơ chế và phương thức truyền lây
 - 36.6. Ổ dịch
 - 36.7. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình truyền lây
 - 36.8. Tính chất dịch do các yếu tố tự nhiên, xã hội gây ra
 - 36.9. Tiến hoá của bệnh truyền nhiễm
- 37. CÁC DẠNG HÌNH THÁI, MỨC ĐỘ DỊCH
 - 37.1. Các dạng hình thái dịch
 - 37.2. Mức độ dịch
 - 37.3. Ý nghĩa sinh thái học của các dạng hình thái dịch
 - 37.4. Vẽ đồ thị và phân tích dịch lưu hành

CHƯƠNG 4: BIỆN PHÁP PHÒNG CHỐNG BỆNH TRUYỀN NHIỄM (2LT; 4TL)

- 4.1. NGUYÊN LÝ CỦA CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG CHỐNG BỆNH
- 4.2. CÔNG TÁC ĐIỀU TRA DỊCH TỄ HỌC
 - 4.2.1. Mục đích
 - 4.2.2. Công tác điều tra dịch tễ học
 - 4.2.3. Những yêu cầu cơ bản trong công tác điều tra một ổ dịch truyền nhiễm
 - 4.2.4. Thứ tự của các bước tiến hành điều tra
- 4.3. BIỆN PHÁP ĐỐI VỚI NGUỒN BỆNH
 - 4.3.1. Động vật mang trùng
 - 4.3.2. Động vật bệnh
 - 4.3.3. Động vật nghi mắc bệnh
 - 4.3.4. Động vật nghi lây
 - 4.3.5. Điều trị động vật bệnh
- 4.4. BIỆN PHÁP ĐỐI VỚI YẾU TỐ TRUYỀN LÂY
 - 4.4.1. Tiêu độc
 - 4.4.2. Tiêu diệt côn trùng tiết túc
 - 4.4.3. Tiêu diệt chuột
 - 4.4.4. Xử lý xác chết

4.5. BIỆN PHÁP BẢO VỆ ĐỘNG VẬT THỤ CẢM

- 4.5.1. Tăng cường sức đề kháng không đặc hiệu
- 4.5.2. Chọn lọc và tạo giống có sức đề kháng
- 4.5.3. Tạo miễn dịch chủ động bằng vacxin
- 4.5.4. Tạo miễn dịch bằng kháng huyết thanh
- 4.5.5. Tổ chức tiêm phòng

4.6. BIỆN PHÁP THỰC HIỆN TRONG Ổ DỊCH

- 4.6.1. Báo cáo ổ dịch
- 4.6.2. Xác định bệnh, xác định phạm vi ổ dịch
- 4.6.3. Thi hành quyết định công bố dịch
- 4.6.4. Bãi bỏ quyết định công bố dịch

4.7. CÔNG TÁC KHÔNG CHẾ VÀ THANH TOÁN DỊCH BỆNH

- 4.7.1. Để tự nhiên
- 4.7.2. Cách ly
- 4.7.3. Có thể giết hoặc tiêu huỷ
- 4.7.4. Tiêm phòng vacxin tạo miễn dịch
- 4.7.5. Điều trị dự phòng
- 4.7.6. Vận chuyển động vật
- 4.7.7. Bãi chăn thả
- 4.7.8. Khử trùng, tiêu độc
- 4.7.9. Chọn giống

CHƯƠNG 5: CÁC THÔNG SỐ ĐO LƯỜNG DỊCH TỄ HỌC

(2LT; 4TL; 5TH)

5.1. KHÁI NIỆM VỀ SỐ LIỆU VÀ BẢNG SỐ LIỆU

- 5.1.1. Số liệu (dữ kiện)
- 5.1.2. Bảng số liệu (bảng dữ kiện)
- 5.1.3. Phương pháp thu thập số liệu
- 5.1.4. Trao đổi dữ liệu

5.2. KHÁI NIỆM VỀ TỶ SỐ, TỶ LỆ, TỶ SUẤT

- 5.2.1. Tỷ số (Proportion)
- 5.2.2. Tỷ lệ (Rate)
- 5.2.3. Tỷ suất (Ratio)
- 5.2.4. Đặc điểm tử số của tỷ lệ
- 5.2.5. Đặc điểm mẫu số của tỷ lệ

5.3. CÁC THÔNG SỐ ĐO LƯỜNG DỊCH TỄ HỌC

- 5.3.1. Số mắc bệnh và tỷ lệ mắc bệnh
- 5.3.2. Tỷ lệ nhiễm
- 5.3.3. Số hiện mắc và tỷ lệ hiện mắc
- 5.3.4. Số mới mắc và tỷ lệ mới mắc
- 5.3.5. Liên quan giữa tỷ lệ hiện mắc và tỷ lệ mới mắc

- 5.3.6. Liên quan giữa tỷ lệ mới mắc tích lũy (CIR) và mật độ mới mắc (ID)
- 5.3.7. Các tỷ lệ chết chủ yếu

CHƯƠNG 6: DỊCH TỄ HỌC MÔ TẢ (3LT; 4TL; 5TH)

6.1. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU MÔ TẢ

6.1.1. Định nghĩa

6.1.2. Mục đích của nghiên cứu mô tả

6.2. CÁC PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU MÔ TẢ

6.2.1. Nghiên cứu tương quan

6.2.2. Các báo cáo ca bệnh hay đợt bệnh

6.2.3. Nghiên cứu ngang

6.3. NGHIÊN CỨU MÔ TẢ TRONG THÚ Y

6.3.1. Mô tả ca bệnh

6.3.2. Mô tả các ca bệnh hay mô tả một chùm bệnh

6.3.3. Khảo sát chung

6.3.4. Kết luận

6.4. GIẢ THUYẾT NHÂN QUẢ TRONG DỊCH TỄ HỌC

6.4.1. Yếu tố nguy cơ căn nguyên

6.4.2. Hậu quả

6.4.3. Mối quan hệ nhân quả

6.4.4. Quần thể

6.5. TÌNH HUỐNG CHO VIỆC HÌNH THÀNH GIẢ THUYẾT

6.5.2. Tình huống nguyên nhân ẩn

6.5.3. Tình huống song song

6.5.4. Tình huống cùng nguy cơ

6.5.5. Những tình huống khác

CHƯƠNG 7: DỊCH TỄ HỌC PHÂN TÍCH (3LT; 4TL; 5TH)

PHẦN 1: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU BỆNH CHỨNG

7.1. ĐỊNH NGHĨA

7.2. THIẾT KẾ VÀ THỰC HIỆN NGHIÊN CỨU BỆNH - CHỨNG

7.2.1. Định nghĩa và lựa chọn nhóm bệnh

7.2.2. Lựa chọn nhóm chứng

7.2.3. Thu thập thông tin về bệnh và t.nh trạng phơi nhiễm

7.3. PHÂN TÍCH NGHIÊN CỨU BỆNH - CHỨNG

7.3.1. Nguy cơ tương đối (Relative risk: RR)

7.3.2. Tỷ suất chênh (Odds ratio=OR)

7.3.3. Nguy cơ quy thuộc (Attributable Risk: AR)

7.3.4. Nguy cơ quy thuộc của quần thể (Population Attributable Risk: PAR)

7.4. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

7.4.1. Sai lệch lựa chọn (Selection Bias)

- 7.4.2. Sai lệch quan sát (Observation bias)
- 7.4.3. Sai lệch hồi tưởng (Recall bias)
- 7.4.4. Sai lệch phân loại

PHẦN 2: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU THUẬN TẬP

7.5. ĐỊNH NGHĨA

7.6. CÁC LOẠI NGHIÊN CỨU THUẬN TẬP

- 7.6.1. Nghiên cứu thuận tập hồi cứu
- 7.6.2. Nghiên cứu thuận tập tương lai
- 7.6.3. Nghiên cứu thuận tập vừa hồi cứu vừa tương lai
- 7.6.4. Nghiên cứu thuận tập lồng nghiên cứu bệnh chứng
- 7.7. THIẾT KẾ VÀ THỰC HIỆN NGHIÊN CỨU THUẬN TẬP

- 7.7.1. Lựa chọn quần thể có phơi nhiễm
- 7.7.2. Lựa chọn nhóm so sánh
- 7.7.3. Nguồn số liệu

7.8. PHÂN TÍCH KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

- 7.8.1. Nguy cơ tương đối (Relative risk: RR)
- 7.8.2. Nguy cơ quy thuộc và nguy cơ quy thuộc phần trăm
- 7.8.3. Nguy cơ quy thuộc quần thể và nguy cơ quy thuộc quần thể theo phần trăm

7.9. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

- 7.9.1. Vai trò của sai số có hệ thống
- 7.9.2. Ảnh hưởng của việc mất các đối tượng nghiên cứu trong quá trình theo dõi
- 7.9.3. Ảnh hưởng của sự không tham gia nghiên cứu

7.10. NHỮNG ƯU ĐIỂM VÀ HẠN CHẾ CỦA NGHIÊN CỨU THUẬN TẬP

- 7.10.1. Ưu điểm
- 7.10.2. Nhược điểm

CHƯƠNG 8: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU THỰC NGHIỆM (2LT; 4TL)

8.1. ĐỊNH NGHĨA

8.2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU THỰC NGHIỆM

- 8.2.1. Nguyên tắc và mục tiêu
- 8.2.2. Thực nghiệm trong điều kiện không kiểm soát
- 8.2.3. Thực nghiệm trong điều kiện có kiểm soát

8.3. CÁC LOẠI NGHIÊN CỨU THỰC NGHIỆM

- 8.3.1. Nghiên cứu thực nghiệm trong phòng thí nghiệm
- 8.3.2. Thử nghiệm lâm sàng

8.4. NHỮNG VẤN ĐỀ TRONG NGHIÊN CỨU THỰC NGHIỆM

- 8.4.1. Đạo đức
- 8.4.2. Khả năng thực hiện
- 8.4.3. Giá thành

8.5. THIẾT KẾ VÀ THỰC HIỆN THỬ NGHIỆM THỰC NGHIỆM

- 8.5.1. Lựa chọn quần thể nghiên cứu
- 8.5.2. Chỉ định chế độ nghiên cứu
- 8.5.3. Duy trì và đánh giá sự tuân thủ chế độ nghiên cứu
- 8.5.4. Xác định hậu quả bệnh với tỷ lệ cao và đồng nhất
- 8.5.5. Thiết kế giai thừa
- 8.6. VẤN ĐỀ KẾT THÚC SỚM THỬ NGHIỆM
- 8.7. SỨC MẠNH THỐNG KÊ VÀ CỖ MẪU
- 8.7.1. Cỡ mẫu
- 8.7.2. Tích lũy đủ số cá thể phát triển hậu quả bệnh
- 8.7.3. Ảnh hưởng của sự tuân thủ chế độ nghiên cứu
- 8.8. PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

CHƯƠNG 9: PHƯƠNG PHÁP CHỌN MẪU VÀ TÍNH SỐ MẪU NGHIÊN CỨU (2LT; 4TL; 5TH)

- 9.1. MỤC ĐÍCH VÀ Ý NGHĨA
- 9.2. CÁC KỸ THUẬT CHỌN MẪU CƠ BẢN
 - 9.2.1. Kỹ thuật chọn mẫu ngẫu nhiên đơn
 - 9.2.2. Kỹ thuật chọn mẫu hệ thống
 - 9.2.3. Kỹ thuật chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng
 - 9.2.4. Kỹ thuật chọn mẫu chùm
- 9.3. SỐ LƯỢNG MẪU NGHIÊN CỨU
 - 9.3.1. Cơ sở xác định số lượng mẫu trong nghiên cứu dịch tễ học
 - 9.3.2. Ứng dụng phương pháp khoảng tin cậy trong ước lượng các tham số quần thể
 - 9.3.3. Ước lượng sai số chuẩn (Standard Error = SE) tỷ lệ P của tham số quần thể nghiên cứu
 - 9.3.4. Ước định sai số ước lượng d (hay độ chính xác mong muốn d)
 - 9.3.5. Tính số lượng mẫu nghiên cứu n
 - 9.3.6. Phương pháp lấy mẫu bệnh phẩm để xác định bệnh
- 9.4. PHÂN TÍCH CHẨN ĐOÁN QUA XÉT NGHIỆM
 - 9.4.1. Xét nghiệm
 - 9.4.2. Tính chính xác và tính chuẩn xác của xét nghiệm
 - 9.4.3. Độ nhạy và tính đặc hiệu của xét nghiệm
 - 9.4.4. Giá trị dự báo hay tiên đoán của xét nghiệm
 - 9.4.5. Số mắc bệnh và số hiện mắc
 - 9.4.6. Sử dụng đặc biệt của xét nghiệm để khảo sát sự lưu hành

THỰC HÀNH: 20 Tiết

- Bài 1: Khảo sát tình hình dịch bệnh tại cơ sở sản xuất (10 tiết)
- Bài 2: Phân tích và xây dựng bản đồ dịch tễ. (10 tiết)

4. Yêu cầu của môn học: Liệt kê các điều kiện để hoàn thành được nội dung học phần

- Sinh viên cần đạt tối thiểu 80% giờ lý thuyết, tham gia đầy đủ các buổi thảo luận, Seminar và thực hành môn học.
- Sinh viên cần làm bài tập đầy đủ và tự nghiên cứu các bài thảo luận theo yêu cầu của giáo viên, hoàn thành bài thu hoạch sau khi thực hành.

5. Phương pháp giảng dạy:

Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

- Sinh viên phải chủ động tích cực trong học tập, tham gia đầy đủ các giờ học và thảo luận trên lớp, chuẩn bị bài theo yêu cầu của giáo viên trước khi lên lớp. Có đầy đủ 4 bài kiểm tra thường xuyên, 1 bài kiểm tra giữa kỳ và 1 bài thi cuối kỳ.

- Sinh viên được cán bộ giảng dạy giới thiệu các nguồn tài liệu tham khảo có liên quan tới nội dung của học phần dùng cho việc học các tiết lý thuyết trên lớp, nội dung thảo luận nhóm, các bài viết chuyên đề, bài thu hoạch cá nhân các phần tự nghiên cứu có hướng dẫn của giáo viên.

- Thái độ học tập cần nghiêm túc, nhiệt tình, ham học hỏi, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu giảng viên giao cho.

- Việc tham gia đầy đủ và chuyên cần các hoạt động học tập trên lớp, kết quả chuẩn bị các buổi thảo luận, tinh thần và ý thức tích cực tham gia thảo luận được đánh giá qua điểm rèn luyện thường xuyên của sinh viên.

- Tham gia đầy đủ các bài thực hành trong phòng thí nghiệm, cũng như ở cơ sở sản xuất, nắm vững phần lý thuyết của các bài thực hành, từng bước tập các thao tác để tiến tới có thể sử dụng và sử dụng thành thạo dụng cụ phòng thí nghiệm; phân tích, đánh giá được thực trạng vệ sinh tại 1 cơ sở chăn nuôi. Những sinh viên thiếu giờ học phần thực hành phải thực hiện đầy đủ mới được tham gia thi kết thúc học phần cuối kỳ.

- Có bài viết thu hoạch phần tự học theo hướng dẫn của giáo viên được cụ thể trong lịch trình tuần. Viết và nộp bài thu hoạch đúng thời gian quy định.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính

1. Nguyễn Như Thanh (2015), Giáo trình Dịch tễ học, Nhà XB NN

9.2. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Như Thanh, Trương Quang, Lê Thanh Hòa (2011), Phương pháp nghiên cứu dịch tễ thú y, Nhà XB Khoa học tự nhiên và Công nghệ.

2. Nguyễn Bá Hiên (2012), Giáo trình bệnh truyền nhiễm thú y,, Nhà XB NN Hà Nội.

9.42. CHỌN MỘT TRONG HAI HỌC PHẦN

a, LẬP VÀ QUẢN LÝ DỰ ÁN PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN/RURAL DEVELOPMENT PROJECT FORMULATION AND MANAGEMENT

3TC(20-30-20)

- Điều kiện tiên quyết: Không.

- Bộ môn phụ trách học phần: Khoa học cây trồng.

1. Mô tả học phần:

- Nội dung học phần gồm: Học phần cung cấp các kiến thức về dự án và xây dựng dự án, các bước trong việc tiến hành xây dựng một dự án theo phương pháp LFA; Các khâu trong việc thẩm định, đánh giá và giám sát một dự án; một số phương pháp, công cụ trong việc điều tra, đánh giá và thu thập thông tin cho việc xây dựng, thẩm định và giám sát một dự án phát triển nông thôn.

- Năng lực đạt được: Người học có thể tham gia công tác xây dựng và thực hiện được các dự án phát triển nông thôn tại các cộng đồng và địa phương.

2. Mục tiêu của học phần:

2.1. Về kiến thức

Người học có khả năng trình bày được:

- Các khái niệm cơ bản về dự án, các bước trong một chu trình dự án cũng như trong công tác quản lý dự án;

- Nội dung, phương pháp xây dựng, thực hiện dự án phát triển nông thôn;

- Nội dung phương pháp phân tích, thẩm định dự án; quy trình trong việc giám sát và đánh giá một dự án phát triển nông thôn.

2.2. Về kỹ năng

- Xây dựng và hoàn thiện được cây vấn đề và chuyển cây vấn đề thành cây mục tiêu cụ thể cho một cộng đồng, một địa phương cụ thể;

- Xây dựng được khung LFA hoàn chỉnh cho việc xây dựng một dự án phát triển nông thôn với qui mô nhỏ.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ DỰ ÁN

(6 Tiết: 3 LT; 3 TL)

1.1. Các khái niệm về dự án

1.2. Đặc điểm của dự án và phân loại dự án

1.2.1. Đặc điểm của dự án

1.2.2. Phân loại dự án

1.2.3. Dự án phát triển nông thôn

1.3. Chu trình của dự án

1.3.1. Khái niệm về chu trình dự án

1.3.2. Các giai đoạn của chu trình dự án

1.3.3. Nội dung cơ bản của chu trình dự án

- 1.4. Quản lý dự án
- 1.4.1. Khái niệm về quản lý dự án
- 1.4.2. Các chức năng của quản lý
- 1.5. Một số thuật ngữ dùng trong dự án

CHƯƠNG 2: XÂY DỰNG DỰ ÁN PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

(30 Tiết: 7 LT; 13 TL; 10 TH)

- 2.1. Khái niệm và đặc điểm của lập kế hoạch dự án
 - 2.1.1. Khái niệm
 - 2.1.2. Đặc điểm của lập kế hoạch dự án
 - 2.1.3. Các loại kế hoạch dự án (giai đoạn)
- 2.2. Phương pháp lập kế hoạch dự án định hướng theo mục tiêu
 - 2.2.1. Lịch sử hình thành phương pháp
 - 2.2.2. Ưu điểm của phương pháp LFA
 - 2.2.3. Nhược điểm của phương pháp LFA
- 2.3. Các bước lập kế hoạch dự án theo phương pháp LFA
 - 2.3.1. Phân tích các bên liên quan của một dự án phát triển nông thôn
 - 2.3.2. Phân tích vấn đề
 - 2.3.3. Phân tích mục tiêu
 - 2.3.4. Phân tích các khả năng
 - 2.3.5. Lập kế hoạch thực hiện sử dụng khung logic (LFA)
 - 2.3.6. Lập kế hoạch thực hiện dự án
 - 2.3.7. Những nội dung chính của bản đề xuất dự án
- 2.4. Hướng dẫn cách viết các phần trong bản đề xuất dự án
 - 2.4.1. Khung logic dự án
 - 2.4.2. Bối cảnh dự án
 - 2.4.3. Mục đích và mục tiêu dự án
 - 2.4.4. Các hoạt động và kết quả mong đợi
 - 2.4.5. Hệ thống giám sát, đánh giá
 - 2.4.6. Cơ cấu tổ chức của dự án
 - 2.4.7. Cơ quan thực hiện dự án
 - 2.4.8. Hiệu quả, tác động và tính bền vững của dự án
 - 2.4.9. Phân tích rủi ro (risk analyzing)
 - 2.4.10. Dự đoán kinh phí (budget estimation)
 - 2.4.11. Phục lục và các tài liệu bổ sung (Annexes)

CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH VÀ THẨM ĐỊNH DỰ ÁN PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

(6 Tiết: 2 LT; 4 TL)

- 3.1. Phân tích dự án
 - 3.1.1. Mục đích của phân tích dự án
 - 3.1.2. Phân tích tài chính

- 3.1.3. Phân tích kinh tế, xã hội và môi trường của dự án
- 3.2. Thẩm định dự án
 - 3.2.1. Khái niệm
 - 3.2.2. Mục đích, ý nghĩa của thẩm định dự án
 - 3.2.3. Sự cần thiết phải thẩm định dự án
 - 3.2.4. Yêu cầu đối với thẩm định dự án
 - 3.2.5. Nội dung của thẩm định dự án
 - 3.2.6. Phương pháp thẩm định dự án
 - 3.2.7. Quy trình thẩm định

CHƯƠNG 4. THỰC HIỆN DỰ ÁN PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN **(16 Tiết: 4 LT; 6 TL; 10 TH)**

- 4.1. Khái niệm
- 4.2. Tổ chức bộ máy để thực hiện dự án
 - 4.2.1. Hệ thống tổ chức ban quản lý
 - 4.2.2. Chức năng của ban quản lý dự án
 - 4.3. Vai trò của các tổ chức trong thực hiện dự án
 - 4.3.1. Vai trò của tổ chức Đảng và chính quyền thôn, cơ quan cấp vã
 - 4.3.2. Vai trò của các tổ chức quần chúng
 - 4.3.3. Vai trò của các tổ chức cộng đồng truyền thống
 - 4.3.4. Vai trò của các tổ chức cộng đồng của dự án PTNT
- 4.4. Lập kế hoạch thực hiện dự án
- 4.5. Quản lý tiến độ dự án
 - 4.5.1. Khái niệm
 - 4.5.2. Quản lý chất lượng
 - 4.5.3. Quản lý tài chính
 - 4.5.4. Quản lý nhân lực của dự án
 - 4.5.5. Quản lý vật tư
 - 4.5.6. Quản lý kỹ thuật
 - 4.5.7. Quản lý thông tin
- 4.6. Kết quả dự án
- 4.7. Các yếu tố thành công trong quản lý dự án

CHƯƠNG 5. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN **(8 Tiết: 4 LT; 4 TL)**

- 5.1. Khái niệm chung
 - 5.1.1. Phân biệt giám sát và đánh giá dự án
 - 5.1.2. Xây dựng chỉ tiêu trong giám sát và đánh giá
 - 5.1.3. Thu thập thông tin để giám sát và đánh giá
 - 5.1.4. Những người tham gia giám sát và đánh giá dự án
 - 5.1.5. Giám sát và đánh giá có sự tham gia của cộng đồng

5.2. Giám sát dự án

5.2.1. Khái niệm

5.2.2. Chức năng của hoạt động giám sát

5.2.2. Nội dung và hình thức giám sát

5.3. Đánh giá dự án (Project Evaluation)

5.3.1. Vai trò và ý nghĩa của đánh giá dự án

5.3.2. Các loại hình đánh giá dự án

5.3.3. Nội dung đánh giá dự án

5.3.4. Phương pháp đánh giá dự án

5.3.5. Một số vấn đề cần lưu ý khi đánh giá dự án

5.3.6. Thiết kế một kế hoạch đánh giá

5.3.7. Tổ chức đánh giá dự án

Thực hành:

Bài 1: Tổ chức các hoạt động: họp cộng đồng với người dân và phỏng vấn sâu chính quyền địa phương nhằm thu thập dữ liệu, viết đề xuất cây vấn đề và cây mục tiêu của địa phương đó (10 tiết).

Bài 2: Tổ chức các hoạt động: họp cộng đồng với người dân, Ban quản lý dự án và các bên liên quan của một dự án đang thực hiện nhằm xây dựng bản kế hoạch thực hiện cho dự án đó (10 tiết).

4. Yêu cầu của học phần

- Sinh viên có đủ tài liệu và đề cương học phần để học tập, nghiên cứu.
- Trong quá trình học tập phải tích cực, chủ động nghiên cứu bài học, thảo luận và thực hành để hiểu, trình bày được cơ sở khoa học, thao tác kỹ thuật.
- Đảm bảo tham gia ít nhất 80% số tiết lý thuyết, thảo luận và 100% tiết thực hành.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình giảng dạy, giáo viên có trách nhiệm hướng dẫn người học tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của người học.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- | | |
|------------------------------------|--------------|
| - Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: | Trọng số 30% |
| - Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: | Trọng số 20% |
| - Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: | Trọng số 50% |

Thang điểm: 10

9. Tài liệu dạy học

*** Tài liệu bắt buộc**

1. Hoàng Mạnh Quân, 2007. *Lập dự án đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn*, NXB NN Hà Nội

*** Tài liệu tham khảo**

1. Nguyễn Bạch Nguyệt (2012), Giáo trình lập dự án đầu tư. NXB Đại học Kinh tế quốc dân
2. Hoàng Việt (2001), Lập dự án đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn. NXB Thống kê HN

b, MARKETING NÔNG NGHIỆP/ AGRICULTURAL MARKETING

- Số tín chỉ: 03 (20, 30, 20)
- Điều kiện tiên quyết: Không
- Bộ môn phụ trách học phần: Khoa học cây trồng.

1. Mô tả học phần:

- Nội dung học phần gồm: Học phần Marketing nông nghiệp trang bị cho sinh viên các kiến thức về những nguyên lý cơ bản của marketing, những đặc điểm và chức năng của marketing, các chiến lược marketing sản phẩm, chiến lược giá cả, chiến lược phân phối sản phẩm trong kinh doanh nông nghiệp.
- Năng lực đạt được: Người học nhận thức được tầm quan trọng của marketing nông nghiệp và trách nhiệm của cán bộ kỹ thuật nông nghiệp trong sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa; marketing, tiêu thụ nông sản phẩm và các vật tư liên quan; Có năng lực xây dựng chiến lược kinh doanh, phân phối tiêu thụ sản phẩm và marketing hiệu quả.

2. Mục tiêu của học phần:

2.1. Về kiến thức

Hiểu và giải thích được những nguyên lý cơ bản của marketing; những đặc điểm và chức năng của marketing.

Hiểu được các chiến lược trong kinh doanh bao gồm về sản phẩm, giá sản phẩm và phân phối sản phẩm.

2.2. Về kỹ năng

Có khả năng vận dụng được các kiến thức về marketing trong sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cây trồng, vật nuôi và vật tư nông nghiệp.

Vận dụng được các chiến lược kinh doanh về sản phẩm, giá sản phẩm, chiến lược phân phối sản phẩm nhằm nâng cao hiệu quả các hoạt động marketing trong sản xuất, kinh doanh nông nghiệp.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ MARKETING, ĐẶC ĐIỂM VÀ CHỨC NĂNG CỦA MARKETING NÔNG NGHIỆP (6 tiết: 2LT, 4TL)

1.1. Hiểu biết chung về Marketing

1.2. Một số khái niệm cơ bản

1.3. Các quan hệ trong hướng kinh doanh

1.4. Các khái niệm và chức năng của Marketing nông nghiệp.

CHƯƠNG 2. THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN HÀNG HOÁ VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG MARKETING KINH DOANH NÔNG NGHIỆP

(10 tiết: 5LT, 5TL)

- 2.1. Khái niệm, vai trò và chức năng của thị trường
- 2.2. Đặc điểm về cung – cầu thị trường nông sản hàng hoá
- 2.3. Môi trường Marketing nông nghiệp
- 2.4. Thị trường người tiêu dùng và hành vi mua hàng của người tiêu dùng sản phẩm nông nghiệp
- 2.5. Thị trường các doanh nghiệp nông nghiệp
- 2.6. Phân khúc thị trường – lựa chọn thị trường mục tiêu

CHƯƠNG 3. CHIẾN LƯỢC SẢN PHẨM TRONG KINH DOANH NÔNG NGHIỆP (18 tiết: 4LT, 7TL, 7TH)

- 3.1. Sản phẩm hàng hoá và đặc điểm của sản phẩm hàng hoá nông nghiệp
- 3.2. Các quyết định Marketing về chiến lược sản phẩm hàng hoá trong kinh doanh nông nghiệp
- 3.3. Chu kỳ sống của sản phẩm
- 3.4. Một số chiến lược sản phẩm được áp dụng trong kinh doanh nông nghiệp

CHƯƠNG 4. CHIẾN LƯỢC GIÁ CẢ NÔNG SẢN HÀNG HOÁ TRONG KINH DOANH NÔNG NGHIỆP (18 tiết: 4LT, 7TL, 7TH)

- 4.1. Giá cả và vai trò của giá trong kinh doanh nông nghiệp
- 4.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến giá cả hàng hoá
- 4.3. Tiến trình xác định mức giá ban đầu
- 4.4. Các kiểu chiến lược giá
- 4.5. Chủ động và phản ứng đối với sự thay đổi giá và hạn chế rủi ro trong kinh doanh nông nghiệp

CHƯƠNG 5. CHIẾN LƯỢC PHÂN PHỐI NÔNG SẢN HÀNG HOÁ (18 tiết: 5LT, 7TL, 6TH)

- 5.1. Một số vấn đề chung
- 5.2. Cấu trúc kênh phân phối và các loại kênh phân phối
- 5.3. Quyết định lựa chọn kênh phân phối
- 5.4. Quản trị kênh phân phối sản phẩm hàng hoá nông nghiệp

Thực hành: Thăm quan, học tập trên mô hình sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa.

4. Yêu cầu của học phần

- Sinh viên có đủ tài liệu và đề cương học phần để học tập, nghiên cứu.
- Trong quá trình học tập phải tích cực, chủ động nghiên cứu bài học, thảo luận và thực hành để hiểu, trình bày được cơ sở khoa học, thao tác kỹ thuật.
- Đảm bảo tham gia ít nhất 80% số tiết lý thuyết, thảo luận và thực hành.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình giảng dạy, giáo viên có trách nhiệm hướng dẫn người học tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của người học.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính

9.1. Học liệu bắt buộc

1. Nguyễn Nguyên Cự. *Giáo trình Marketing nông nghiệp*. Trường đại học Nông nghiệp Hà Nội, 2008.

9.2. Học liệu tham khảo

1. Vũ Đình Thắng. *Giáo trình Marketing nông nghiệp*. NXB Thống kê, 2001.

2. Trần Minh Đạo. *Giáo trình Marketing căn bản*. Trường ĐH Kinh tế quốc dân, 2019.

9.43. CHỌN MỘT TRONG HAI HỌC PHẦN

a, NUÔI TRỒNG THỦY SẢN ĐẠI CƯƠNG/ BASIC AQUACULTURE 2TC (15,20,10)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Khoa học vật nuôi
- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần:

- *Nội dung học phần:* Học phần Nuôi trồng thủy sản đại cương cung cấp những kiến thức: Phân loại động vật thủy sản, đặc điểm sinh học chủ yếu của một số đối tượng thủy sản nuôi phổ biến (cá, tôm); Những đặc tính thuận lợi của nước đối với đời sống của động vật thủy sản, sự biến động các yếu tố thủy lý, thủy hoá, nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường nước ao nuôi thủy sản, biện pháp quản lý các yếu tố lý, hóa và sinh học trong ao nuôi thủy sản; Đặc điểm dinh dưỡng của động vật thủy sản, biện pháp tăng nguồn thức ăn tự nhiên trong thủy vực nuôi và các nguyên liệu sản xuất thức ăn nhân tạo cho động vật thủy sản; Kỹ thuật sản xuất giống và nuôi một số động vật thủy sản phổ biến.

- *Năng lực đạt được:* Sinh viên nhận diện và mô tả được hình thái cấu tạo, xác định được vị trí nội quan của một số loài động vật thủy sản nuôi phổ biến ở Việt Nam (cá, tôm, cua). Tiến hành đo được một số yếu tố lý hoá học của nước trong ao nuôi như nhiệt độ, độ trong, hàm lượng oxy hòa tan, pH,... Thực hiện được các bước tiêm kích dục tổ kích thích cá sinh sản nhân tạo cá nước ngọt. Sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức đã học để nuôi thủy sản kết hợp với chăn nuôi gia súc, gia cầm.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức

- Trình bày được đặc điểm sinh học: hình thái ngoài và cấu tạo các cơ quan, dinh dưỡng, sinh trưởng và phát triển của một số loài động vật thủy sản nuôi phổ biến ở Việt Nam (cá, tôm).

- Hiểu và trình bày được một số loại thức ăn phổ biến, biện pháp phát triển thức ăn tự nhiên trong thủy vực nuôi trồng thủy sản, phương pháp chế biến thức ăn nhân tạo cho các loài động vật thủy sản nuôi.

- Trình bày và phân tích được một số biện pháp quản lý môi trường trong thủy vực nuôi trồng thủy sản.

- Hiểu và giải thích được các biện pháp kỹ thuật sản xuất giống, kỹ thuật nuôi thương phẩm một số loài thủy sản nuôi phổ biến. Trình bày được một số mô hình nuôi thủy sản kết hợp (cá – lúa, cá – lợn, cá – vịt).

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Sau khi kết thúc học phần, người học có được các kỹ năng sau:

- Sinh viên mô tả được hình thái cấu tạo, xác định được vị trí nội quan của một số loài động vật thủy sản nuôi phổ biến ở Việt Nam (cá, tôm, cua).

- Tiến hành đo được một số yếu tố lý, hoá học của nước trong ao nuôi thủy sản như nhiệt độ, độ trong, hàm lượng oxy hòa tan, pH,...

- Thực hiện được các bước tiêm kích dục tổ kích thích cá sinh sản nhân tạo cá nước ngọt.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Nhận thức đầy đủ về vai trò và tầm quan trọng của việc nuôi thủy sản kết hợp với chăn nuôi gia súc, gia cầm, từ đó có thái độ nghiêm túc trong học tập, tự giác, tích cực, chủ động, sáng tạo, chuẩn bị các nội dung theo yêu cầu của giáo viên trước khi lên lớp theo thời khoá biểu (lý thuyết, thảo luận, seminar, thực hành), tích cực tham gia thảo luận nhóm, viết báo cáo chuyên đề, viết bài thu hoạch tự học đầy đủ, có chất lượng.

3. Nội dung chi tiết học phần (Liệt kê theo chương mục)

LÝ THUYẾT

Chương 1: ĐẶC ĐIỂM SINH HỌC CỦA ĐỘNG VẬT THỦY SẢN

(Lý thuyết: 4 tiết; Thảo luận: 5 tiết; Thực hành: 3 tiết)

1.1. Phân loại động vật thủy sản

1.1.1. Phân loại theo đặc điểm cấu tạo ngoài

1.1.2. Phân loại theo tính ăn

1.1.3. Phân loại theo môi trường sống

1.1.4. Phân loại theo khí hậu (nhiệt độ)

1. 2. Đặc điểm sinh học của cá

1.2.1. Hình thái ngoài của cá

1.2.2. Hệ tiêu hóa của cá

1.2.3. Hệ hô hấp

1.2.4. Hệ tuần hoàn

1.2.5. Đặc điểm sinh sản

1.2.6. Điều tiết áp suất thẩm thấu

- 1.2.7. Sinh trưởng, phát triển của cá
- 1.2.8. Đặc điểm sinh học của một số loài cá nuôi phổ biến
 - 1.2.8.1. Cá chép
 - 1.2.8.2. Cá trắm cỏ
 - 1.2.8.3. Cá rô phi
 - 1.2.8.4. Cá mè trắng
 - 1.2.8.5. Cá mè hoa
 - 1.2.8.6. Cá trôi.

1.3. Đặc điểm sinh học chủ yếu của một số loài giáp xác

- 1.3.1. Đặc điểm sinh học của tôm he
- 1.3.2. Tôm càng xanh

Chương 2. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC TRONG AO NUÔI THỦY SẢN (Lý thuyết: 3 tiết; Thảo luận: 4 tiết; Thực hành: 2 tiết)

2.1. Chất lượng nước trong nuôi trồng thủy sản

- 2.1.1. Nguồn nước trong nuôi trồng thủy sản
- 2.1.2. Những đặc tính của nước thuận lợi cho sự sống của thủy sinh vật
- 2.1.3. Một số thông số cơ bản để đánh giá chất lượng nước
 - 2.1.3.1. Một số thông số vật lý
 - 2.1.3.2. Một số thông số hóa học của nước

2.2. Nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường nước ao nuôi thủy sản

- 2.2.1. Nguyên nhân bên ngoài
- 2.2.2. Nguyên nhân bên trong

2.3. Biện pháp quản lý chất lượng nước trong nuôi thủy sản

- 2.3.1. Các phương pháp xử lý nâng cao chất lượng nước trước khi nuôi
- 2.3.2. Quản lý chất lượng nước trong quá trình nuôi
- 2.3.3. Phương pháp xử lý nước thải sau khi nuôi tôm, cá

Chương 3. DINH DƯỠNG VÀ THỨC ĂN CHO ĐỘNG VẬT THỦY SẢN

(Lý thuyết: 3 tiết; Thảo luận: 4 tiết; Thực hành: 0 tiết)

- 3.1. Những hiểu biết cơ bản về dinh dưỡng của động vật thủy sản
 - 3.1.1. Sự tiêu hóa thức ăn
 - 3.1.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình tiêu hóa ở cá
 - 3.1.3. Sự hấp thu các chất dinh dưỡng trong cơ thể động vật thủy sản
 - 3.1.4. Một số đặc điểm về dinh dưỡng động vật thủy sản
- 3.2. Thức ăn tự nhiên của động vật thủy sản
 - 3.2.1. Những hiểu biết cơ bản về thức ăn tự nhiên của động vật thủy sản
 - 3.2.2. Biện pháp phát triển cơ sở thức ăn tự nhiên
- 3.3. Thức ăn nhân tạo cho cá, tôm
 - 3.3.1. Khái niệm, thành phần thức ăn nhân tạo
 - 3.3.2. Nguyên lý sử dụng thức ăn nhân tạo
 - 3.3.3. Các chỉ số đánh giá giá trị dinh dưỡng của thức ăn nhân tạo
 - 3.3.4. Các loại nguyên liệu thức ăn thường dùng nuôi cá

- 3.3.5. Thức ăn hỗn hợp cho cá
- 3.4. Quản lý chế độ cho ăn
- 3.4.1. Khẩu phần thức ăn
- 3.4.2. Số lần cho ăn hàng ngày

Chương 4. KỸ THUẬT SẢN XUẤT GIỐNG VÀ NUÔI MỘT SỐ LOÀI THỦY SẢN

(Lý thuyết: 3 tiết; Thảo luận: 5 tiết; Thực hành: 2 tiết)

4.1. Kỹ thuật sản xuất giống một số loài cá nước ngọt

- 4.1.1. Nuôi vỗ cá bố mẹ
 - 4.1.1.1. Điều kiện ao nuôi vỗ
 - 4.1.1.2. Chuẩn bị ao nuôi vỗ
 - 4.1.1.3. Chọn cá bố mẹ nuôi vỗ
 - 4.1.1.4. Chăm sóc quản lý
- 4.1.2. Cho cá đẻ
 - 4.1.2.1. Chuẩn bị bể đẻ
 - 4.1.2.2. Chọn cá bố mẹ cho đẻ
- 4.1.3. Ấp trứng cá
- 4.1.4. Kỹ thuật ương nuôi cá giống
 - 4.1.4.1. Kỹ thuật ương nuôi cá bột lên cá hương
 - 4.1.4.2. Kỹ thuật ương nuôi cá hương lên cá giống
- 4.1.5. Phương pháp vận chuyển cá giống
 - 4.1.5.1. Luyện cá trước khi vận chuyển
 - 4.1.5.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến cá khi vận chuyển
 - 4.1.5.3. Các biện pháp khắc phục các nhân tố ảnh hưởng đến cá khi vận chuyển
 - 4.1.5.4. Các phương pháp vận chuyển cá

4.2. Kỹ thuật nuôi cá thương phẩm trong ao nước tĩnh

- 4.2.1. Điều kiện ao nuôi
- 4.2.2. Chuẩn bị ao nuôi
- 4.2.3. Thả cá giống
- 4.2.4. Quản lý và chăm sóc
- 4.2.5. Một số bệnh thường gặp ở cá
 - 4.2.5.1. Bệnh do virus (bệnh xuất huyết do virus)
 - 4.2.5.2. Bệnh do vi khuẩn
 - 4.2.5.3. Bệnh do động vật nguyên sinh
- 4.2.6. Thu hoạch

4.3. Kỹ thuật nuôi thủy sản kết hợp

- 4.3.1. Nguyên tắc của mô hình nuôi thủy sản kết hợp
- 4.3.2. Các mô hình nuôi cá kết hợp
 - 4.3.2.1. Kỹ thuật nuôi cá trong ruộng lúa
 - 4.3.2.2. Mô hình nuôi kết hợp cá- lợn
 - 4.3.2.3. Mô hình nuôi kết hợp cá- vịt

4.3.2.4. Mô hình nuôi kết hợp cá- gà

4.3.3. Mô hình nuôi tôm – lúa

4.3.3.1. Khái niệm các mô hình nuôi

4.3.3.2. Kỹ thuật nuôi

B. THỰC HÀNH (10 tiết)

Bài 1: Hình thái giải phẫu một số loài thủy sản phổ biến

Bài 2: Kỹ thuật tiêm kích dục tố kích thích cá sinh sản

Bài 3: Kỹ thuật đo một số yếu tố lý, hóa trong nước ao nuôi thủy sản

4. Yêu cầu của môn học:

- Sinh viên đạt tối thiểu 80% giờ lý thuyết, tham gia đầy đủ các buổi thảo luận, bài tập và thực hành môn học.

- Sinh viên cần làm các bài thu hoạch phân tự nghiên cứu một cách đầy đủ, các bài thảo luận theo yêu cầu của giáo viên, hoàn thành các bài viết chuyên đề.

5. Phương pháp giảng dạy:

Thuyết trình

Thảo luận,

Thực hành

6. Kế hoạch tư vấn: Dự kiến của GV

Trong buổi học đầu tiên, giảng viên nêu rõ nội dung, mục tiêu, chuẩn đầu ra của học phần, yêu cầu khác của học phần và định hướng những nhiệm vụ sinh viên cần làm cho phần thảo luận, tự học. Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan.

Cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

- Phòng học có máy chiếu

- Dụng cụ thực hành trong phòng thí nghiệm đầy đủ

- Thư viện đáp ứng đầy đủ các học liệu bắt buộc và học liệu tham khảo cho sinh viên.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính

1. Kim Văn Vạn (2009), *Giáo trình Nuôi trồng thủy sản đại cương*. NXB Nông nghiệp Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Đình Trung (2002), *Bài giảng Quản lý chất lượng nước trong ao nuôi thủy sản*. Trường Đại học thủy sản Nha Trang.

2. Đỗ Đoàn Hiệp – Phạm Tân Tiến (2009), Kỹ thuật nuôi trồng thủy sản. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

b, TRỒNG TRỌT ĐẠI CƯƠNG/GENERAL CULTIVATION2TC (15, 20, 10)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Khoa học cây trồng

- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần:

- *Nội dung học phần:* Học phần Trồng trọt đại cương cung cấp kiến thức cơ bản về lĩnh vực trồng trọt như Sinh lý thực vật, đất trồng trọt, phân bón, hệ thống canh tác và phòng trừ dịch hại cho cây trồng.

- *Năng lực đạt được:* Sinh viên hiểu được các đặc tính sinh lý của cây trồng, các đặc tính lý hóa học, một số biện pháp sử dụng và cải tạo đất trồng trọt, vai trò và sử dụng các loại phân bón cho cây trồng, hệ thống canh tác và các biện pháp phòng trừ dịch hại cho cây trồng. Sinh viên thực hiện được các bước xác định lượng phân bón hợp lý cho một số loại cây trồng phổ biến..

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Hiểu và trình bày đầy đủ, chính xác các nội dung về:

- Sinh lý tế bào thực vật, sự trao đổi nước ở thực vật, quang hợp ở thực vật, sự sinh trưởng và phát triển ở thực vật.

- Khái niệm và vai trò của đất, tính chất lý, hóa học của đất và các biện pháp sử dụng và cải tạo đất trồng trọt.

- Vai trò của phân bón, các loại phân bón hóa học và cơ sở xây dựng quy trình phân bón cho cây trồng.

- Đặc điểm của các hệ thống canh tác và cơ cấu cây trồng trong hệ thống canh tác.

- Các loại sâu hại và bệnh hại cây trồng, biện pháp phòng trừ và ứng dụng công nghệ sinh học trong việc bảo vệ các loại cây trồng

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Sinh viên thực hiện được các thao tác kỹ thuật để xác định được lượng phân bón hợp lý cho một số cây trồng phổ biến.

- Mô tả được một số hệ thống canh tác cây trồng ở địa phương

2.3. Mục tiêu về thái độ

- Người học nhận thức được vai trò quan trọng của học phần Trồng trọt đại cương trong chương trình đào tạo kỹ sư Nông, Lâm, Ngư nghiệp để có thái độ học tập nghiêm túc, có trách nhiệm.

- Chuẩn bị đầy đủ các nội dung theo yêu cầu của giáo viên trước khi lên lớp theo lịch trình (thảo luận, bài viết chuyên đề,...)

- Tích cực tham gia các bài thảo luận nhóm, viết bài thu hoạch tự học đầy đủ, có chất lượng.

3. Nội dung chi tiết học phần (Liệt kê theo chương mục)

A. Phần lý thuyết:

CHƯƠNG 1. SINH LÝ CÂY TRỒNG

(Lý thuyết: 4 tiết; Thảo luận: 3 tiết; Thực hành: 0 tiết)

1.1. Sinh lý tế bào thực vật

1.1.1. Tế bào là đơn vị của cơ thể sống

1.1.2. Hình thái và cấu tạo tế bào

1.1.3. Thành phần hóa học của chất nguyên sinh và vai trò sinh lý của chúng

1.1.4. Đặc tính vật lý và hóa keo của chất nguyên sinh

1.1.5. Hiện tượng thẩm thấu và sự xâm nhập nước vào tế bào

1.2. Trao đổi nước ở thực vật

1.2.1. Vai trò của nước trong đời sống thực vật

1.2.2. Sự hút nước của thực vật

1.2.3. Sự thoát hơi nước

1.2.4. Sự cân bằng nước trong cây

1.2.5. Cơ sở khoa học của tưới nước hợp lý

1.3. Quang hợp

1.3.1. Định nghĩa quang hợp - Phương trình quang hợp

1.3.2. Bộ máy quang hợp

1.3.3. Cơ chế quang hợp

1.3.4. Quang hợp và ngoại cảnh

1.3.5. Quang hợp và năng suất cây trồng

1.4. Hô hấp thực vật

1.4.1. Định nghĩa và vai trò của hô hấp ở thực vật

1.4.2. Bản chất của hô hấp

1.4.3. Các yếu tố ngoại cảnh ảnh hưởng đến hô hấp

1.5. Sinh trưởng và phát triển của thực vật

1.5.1. Khái niệm chung

1.5.2. Sự nảy mầm của hạt

1.5.3. Ảnh hưởng của các điều kiện ngoại cảnh đến khả năng nảy mầm của hạt

1.5.4. Sự hình thành của hoa ở thực vật

1.5.5. Sự hình thành quả và sự chín của quả

CHƯƠNG 2. ĐẤT TRỒNG TRỌT

(Lý thuyết: 2 tiết; Thảo luận: 3 tiết; Thực hành: 0 tiết)

2.1. Khái niệm và vai trò của đất

2.2. Sự hình thành đất

2.2.1. Đá và khoáng vật

2.2.2. Quá trình hình thành đất

2.2.3. Hình thái phẫu diện đất

2.3. Các tính chất của đất

2.3.1. Tính chất lý học của đất

2.3.2. Đặc tính hóa học của đất

- 2.3.3. Đặc điểm sinh học của đất
- 2.3.4. Một số biện pháp sử dụng và cải tạo đất trồng trọt

CHƯƠNG 3. PHÂN BÓN

(Lý thuyết: 3 tiết; Thảo luận: 4 tiết; Thực hành: 5 tiết)

3.1. Vai trò của phân bón, xu hướng nghiên cứu - sản xuất và sử dụng

- 3.1.1. Vai trò của phân bón
- 3.1.2. Xu hướng nghiên cứu, sản xuất và sử dụng phân bón trên thế giới và ở Việt Nam hiện nay

3.2. Các loại phân bón hóa học

- 3.2.1. Phân đạm
- 3.2.2. Lân và phân lân
- 3.2.3. Kali và phân kali
- 3.2.4. Phân hỗn hợp
- 3.2.5. Hướng dẫn cách tính toán lượng phân bón đa lượng
- 3.2.6. Cách làm mô hình thực nghiệm sử dụng phân bón trên đồng ruộng của hộ nông dân

3.3. Cơ sở khoa học xây dựng quy trình bón phân cho cây trồng

- 3.3.1. Định nghĩa
- 3.3.2. Các căn cứ để xây dựng quy trình bón phân hợp lí
- 3.3.3. Một số định luật chi phối việc xây dựng chế độ bón phân

3.4. Bón phân cân đối và hợp lý cho cây trồng để đảm bảo cân bằng dinh dưỡng

- 3.4.1. Đặt vấn đề
- 3.4.2. Các chất dinh dưỡng thiết yếu của cây trồng
- 3.4.3. Bón phân cân đối và hợp lý
- 3.4.4. Bón phân cân đối và hợp lý cho một số cây trồng ở Việt Nam

CHƯƠNG 4. HỆ THỐNG CANH TÁC

(Lý thuyết: 4 tiết; Thảo luận: 6 tiết; Thực hành: 5 tiết)

4.1. Khái niệm và các đặc điểm chung

- 4.1.1. Khái niệm
- 4.1.2. Các đặc điểm chung
- 4.1.3. Sự phát triển của nghiên cứu hệ thống canh tác

4.2. Hệ thống nông trại và môi trường xung quanh

- 4.2.1. Hệ thống nông trại
- 4.2.2. Môi trường xung quanh

4.3. Đặc điểm chung của canh tác ở vùng nhiệt đới

- 4.3.1. Tiềm năng đối với canh tác ở vùng nhiệt đới
- 4.3.2. Những khó khăn đối với canh tác ở vùng nhiệt đới

4.4. Các loại hệ thống canh tác

- 4.4.1. Hệ thống canh tác du canh, du mục
- 4.4.2. Hệ thống canh tác chuyên môn hóa

4.4.3. Các loại hệ thống canh tác kết hợp

4.5. Cơ cấu cây trồng trong hệ thống canh tác

4.5.1. Khái niệm

4.5.2. Cơ sở khoa học xác định cơ cấu cây trồng hợp lý

CHƯƠNG 5. PHÒNG TRỪ DỊCH HẠI CÂY TRỒNG

(Lý thuyết: 2 tiết; Thảo luận: 4 tiết; Thực hành: 0 tiết)

5.1. Phòng trừ sâu hại cây trồng

5.1.1. Khái niệm về côn trùng

5.1.2. Sự phá hại của côn trùng đối với cây trồng

5.1.3. Quá trình biến thái và sự phá hại của côn trùng

5.1.4. Các phương pháp phòng trừ sâu hại

5.2. Phòng trừ bệnh hại cây trồng

5.2.1. Khái niệm về bệnh hại cây trồng

5.2.2. Tác nhân gây bệnh hại cây trồng

5.2.3. Tác hại của bệnh hại cây trồng

5.2.4. Biện pháp phòng trừ bệnh hại cây trồng

5.3. Cỏ dại và biện pháp phòng trừ

5.3.1. Khái niệm và tác hại của cỏ dại

5.3.2. Đặc điểm sinh học của cỏ dại

5.3.3. Biện pháp phòng ngừa cỏ dại

5.4. Ứng dụng công nghệ sinh học trong bảo vệ thực vật

5.4.1. Khái niệm về công nghệ sinh học trong bảo vệ thực vật

5.4.2. Các kỹ thuật của công nghệ sinh học trong bảo vệ thực vật

5.4.3. Một số sản phẩm công nghệ sinh học phổ biến áp dụng trong phòng trừ dịch hại cây trồng

B. Phần thực hành

Bài 1: Tham quan một số mô hình canh tác cây trồng ở địa phương

Bài 2: Xác định lượng phân bón hợp lý cho một số cây trồng

4. Yêu cầu của môn học:

- Sinh viên đạt tối thiểu 80% giờ lý thuyết, tham gia đầy đủ các buổi thảo luận, bài tập và thực hành môn học.

- Sinh viên cần làm các bài thu hoạch phân tự nghiên cứu một cách đầy đủ, các bài thảo luận theo yêu cầu của giáo viên, hoàn thành các bài viết chuyên đề.

5. Phương pháp giảng dạy:

Thuyết trình

Thảo luận,

Thực hành

6. Kế hoạch tư vấn: Dự kiến của GV

Trong buổi học đầu tiên, giảng viên nêu rõ nội dung, mục tiêu, chuẩn đầu ra của học phần, yêu cầu khác của học phần và định hướng những nhiệm vụ sinh viên

cần làm cho phần thảo luận, tự học. Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan. Cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của sinh viên.

7. Trang thiết bị:

- Phòng học có máy chiếu
- Dụng cụ thực hành trong phòng thí nghiệm đầy đủ
- Thư viện đáp ứng đầy đủ các học liệu bắt buộc và học liệu tham khảo cho sinh viên.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính

1. Đặng Văn Minh (chủ biên), 2006. Giáo trình Trồng trọt đại cương. Nhà xuất bản Nông nghiệp Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo

1. Hoàng Minh Tấn (chủ biên), 2006. Giáo trình Sinh lý thực vật. Nhà xuất bản đại học sư phạm.
2. Nguyễn Bảo Vệ và Lê Thanh Phong (2011). Giáo trình Cây ăn trái. Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ.

9.44. CHỌN MỘT TRONG HAI HỌC PHẦN

a, **KHUYẾN NÔNG/ AGRICULTURE EXTENSION** **03TC (20-30-20)**

- Điều kiện tiên quyết: Không.
- Bộ môn phụ trách học phần: Khoa học cây trồng.

1. Mô tả học phần:

- Nội dung học phần gồm: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản trong hoạt động khuyến nông; Thực hiện lập kế hoạch, triển khai và đánh giá chương trình khuyến nông; Công tác truyền thông trong khuyến nông và một số phương pháp khuyến nông; Các vấn đề về công tác đào tạo trong khuyến nông; Một số phương pháp tiếp cận trong công tác khuyến nông.

- Năng lực đạt được: Người học nhận thức đúng vai trò và tầm quan trọng của công tác khuyến nông và vai trò, trách nhiệm của người cán bộ khuyến nông trong việc đào tạo, tập huấn, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và đưa các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, góp phần thúc đẩy sản xuất nhằm phát triển một nền nông nghiệp bền vững.

2. Mục tiêu của học phần:

2.1. Về kiến thức

- Hiểu và trình bày được những vấn đề cơ bản của khuyến nông bao gồm: quá trình hình thành, phát triển công tác khuyến nông, nguyên tắc cơ bản, nội dung hoạt động của khuyến nông, cơ cấu tổ chức quản lý khuyến nông và các hoạt động khuyến nông.

- Hiểu và giải thích được cách lập kế hoạch triển khai đánh giá một chương trình dự án khuyến nông; công tác đào tạo và tập huấn chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trong khuyến nông.

- Hiểu, giải thích và vận dụng được hoạt động của công tác truyền thông trong khuyến nông; nội dung, phương pháp khuyến nông và các cách tiếp cận trong công tác khuyến nông.

2.2. Về kỹ năng

- Biết cách lập kế hoạch khuyến nông và tham gia làm việc nhóm.

- Phối hợp hoặc tham gia công tác đào tạo tập huấn trong các chương trình khuyến nông.

- Đề xuất được cách khai thác sử dụng các thiết bị truyền thông cho các hoạt động khuyến nông trong điều kiện cụ thể.

- Biết lựa chọn cách tiếp cận phù hợp trong việc triển khai các hoạt động khuyến nông ở địa phương.

3. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: ĐẠI CƯƠNG VỀ KHUYẾN NÔNG (9 Tiết: 3 LT; 6 TL)

1.1. Những khái niệm cơ bản về khuyến nông

1.1.1. Lịch sử khuyến nông trên thế giới và ở Việt Nam

1.1.1.1. Lịch sử quá trình hình thành khuyến nông trên thế giới

1.1.1.2. Lịch sử khuyến nông ở Việt Nam

1.1.2. Khái niệm khuyến nông

1.1.3. Mục tiêu, chức năng và vai trò của khuyến nông

1.1.3.1. Mục tiêu của khuyến nông

1.1.3.2. Chức năng của khuyến nông

1.1.3.3. Vai trò của khuyến nông và cán bộ khuyến nông

1.1.4. Những nguyên tắc hoạt động cơ bản của khuyến nông

1.1.5. Nội dung hoạt động của khuyến nông

1.2. Tổ chức, quản lý khuyến nông và hoạt động khuyến nông Việt Nam

1.2.1. Những nguyên tắc cơ bản

1.2.2. Tổ chức khuyến nông

1.2.2.1. Tổ chức khuyến nông Trung ương

1.2.2.2. Tổ chức khuyến nông địa phương

1.2.2.3. Tổ chức khuyến nông cơ sở

1.2.2.4. Tổ chức khuyến nông khác

CHƯƠNG 2: LẬP KẾ HOẠCH, TRIỂN KHAI VÀ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN NÔNG (7 Tiết: 1 LT; 1 TL; 5 TH)

2.1. Lập kế hoạch

2.1.1. Mục đích của việc lập kế hoạch

2.1.2. Nội dung của kế hoạch khuyến nông

2.1.3. Những nguyên tắc cơ bản của lập kế hoạch khuyến nông

2.1.4. Các giai đoạn trong việc lập kế hoạch

2.2. Triển khai thực hiện kế hoạch

2.3. Giám sát, đánh giá

2.3.1. Mục đích đánh giá

2.3.2. Mức độ đánh giá

2.3.3. Nội dung đánh giá

2.3.4. Phương pháp thu thập thông tin để đánh giá

CHƯƠNG 3: CÔNG TÁC TRUYỀN THÔNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

KHUYẾN NÔNG

(23Tiết: 5 LT; 8 TL; 10 TH)

3.1. Lý luận về công tác khuyến nông

3.2. Một số phương pháp khuyến nông

3.2.1. Phương pháp khuyến nông cá nhân

3.2.1.1. Thăm nông dân trên hiện trường

3.2.1.2. Một số phương pháp cá nhân khác

3.2.2. Phương pháp khuyến nông nhóm

3.2.2.1. Hội họp

3.2.2.2. Trình diễn

3.2.2.3. Hội thảo đầu bờ

3.2.2.4. Tham quan

3.2.3. Sử dụng phương tiện thông tin đại chúng

3.2.3.1. Đặc điểm của phương tiện thông tin đại chúng

3.2.3.2. Phân loại phương tiện thông tin đại chúng

3.2.3.3. Những nguyên tắc sử dụng phương tiện thông tin đại chúng

CHƯƠNG 4: CÔNG TÁC ĐÀO TẠO TRONG KHUYẾN NÔNG

(18 Tiết: 5 LT; 8 TL; 5 TH)

4.1. Đặc điểm về vấn đề đào tạo trong công tác khuyến nông

4.1.1. Một số đặc điểm về nông nghiệp và nông thôn Việt Nam

4.1.2. Phương pháp đào tạo người lớn tuổi

4.1.2.1. Các hình thức thu thập kiến thức của con người

4.1.2.2 Đặc điểm dạy và học của người lớn tuổi

4.2. Tâm lý nông dân

4.3. Vận dụng lý luận truyền thông nâng cao hiệu quả tiếp thu trong giảng dạy

4.4. Yêu cầu của giảng viên khuyến nông

4.5. Đào tạo tiểu giáo viên khuyến nông (Training of trainer- TOT)

4.6. Đánh giá kết quả của một khóa huấn luyện khuyến nông

CHƯƠNG 5: CÔNG TÁC ĐÀO TẠO TRONG KHUYẾN NÔNG

(13 Tiết: 6 LT; 7 TL)

5.1. Tiếp cận khuyến nông truyền thống và khuyến nông có sự tham gia

5.1.1. Ưu điểm và hạn chế của tiếp cận khuyến nông truyền thống

5.1.2. Phương pháp tiếp cận khuyến nông có sự tham gia

5.1.2.1. Một số vấn đề về sự tham gia

5.1.2.2. Yêu cầu về phương pháp tiếp cận có sự tham gia trong khuyến nông.

5.2. Một số phương pháp khuyến nông có sự tham gia

5.2.1. Phương pháp tiếp cận khuyến nông PAEM (Participatory Agricultural Extension Method)

5.2.1.1. Khái niệm, mục tiêu, sự cần thiết của tiếp cận khuyến nông PAEM.

5.2.1.2 Các hoạt động tiến hành trong PAEM

5.2.1.3. Các thử nghiệm nông nghiệp

5.2.2. Phát triển kỹ thuật có sự tham gia PTD (Participatory Technology Development)

5.2.2.1. Giới thiệu về phát triển kỹ thuật có sự tham gia

5.2.2.2. Nguyên tắc và trình tự các bước xây dựng và thực hiện PTD.

5.2.2.3. Một số lưu ý khi áp dụng PTD

5.2.3. Lớp học hiện trường nông dân FFS (Farmer Field school)

5.2.3.1. Giới thiệu mô hình lớp học hiện trường nông dân

5.2.3.2. Lý do để chọn cách tiếp cận FFS trong khuyến nông và chuyên giao

5.2.3.3. Nguyên tắc của mô hình FFS

5.2.3.4. Một số lưu ý khi áp dụng tiếp cận FFS.

Thực hành, thực tế:

Bài 1: Lập kế hoạch cho công tác khuyến nông trong một năm tại địa phương. (5 tiết).

Bài 2: Chuẩn bị và tham gia các chương trình giảng dạy, tập huấn về công tác khuyến nông tại địa phương (5 tiết).

Bài 3: Xây dựng một mô hình trình diễn tại một địa phương cụ thể (10 tiết).

4. Yêu cầu của học phần

- Sinh viên có đủ tài liệu và đề cương học phần để học tập, nghiên cứu.

- Trong quá trình học tập phải tích cực, chủ động nghiên cứu bài học, thảo luận và thực hành để hiểu, trình bày được cơ sở khoa học, thao tác kỹ thuật.

- Đảm bảo tham gia ít nhất 80% số tiết lý thuyết, thảo luận và 100% tiết thực hành.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn: Trong quá trình giảng dạy, giáo viên có trách nhiệm hướng dẫn người học tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của người học.

7. Trang thiết bị: Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học:

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%

Thang điểm: 10

9. Tài liệu dạy học

9.1. Tài liệu bắt buộc

1. Nguyễn Văn Long. 2008. Giáo trình *Khuyến nông*. Trường Đại học Nông Nghiệp Hà Nội.

9.2. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Duy Hoan- Tống Khiêm- Đinh Ngọc Lan (2007), *Tài liệu tập huấn phương pháp Khuyến nông*. NXB Nông nghiệp.

b, HỆ THỐNG NÔNG NGHIỆP/ AGRICULTURAL SYSTEM 03TC(20,30,20)

- Điều kiện tiên quyết: Không
- Bộ môn phụ trách học phần: Khoa học cây trồng

1. Mô tả học phần

Học phần Hệ thống nông nghiệp trang bị cho sinh viên kiến thức về hệ thống, các khái niệm trong phân tích hệ thống, hệ sinh thái, hệ thống canh tác, hệ thống nông nghiệp; các loại hình hệ thống nông nghiệp như: nông nghiệp du canh, du mục, nông nghiệp cố định (trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp và các mô hình kết hợp giữa chúng), phân tích hiệu quả kinh tế của các hệ thống sản xuất; các khái niệm về nông nghiệp bền vững; khái niệm, nguyên tắc trong xây dựng nông nghiệp bền vững; nông nghiệp hữu cơ... ; những vấn đề trong nghiên cứu phát triển hệ thống nông nghiệp.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Về kiến thức

Trình bày và giải thích được:

- Các khái niệm cơ bản trong nghiên cứu hệ thống nông nghiệp;
- Các loại hình hệ thống nông nghiệp; nông nghiệp sinh thái; các loại mô hình nông nghiệp phổ biến hiện nay trong nước và trên thế giới;
- Hệ thống nông nghiệp bền vững và các phương pháp nghiên cứu phát triển hệ thống nông nghiệp.

2.2. Về kỹ năng

- Mô tả được các loại mô hình nông nghiệp phổ biến hiện nay tại Việt Nam và trên thế giới, các mô hình nông nghiệp sinh thái bền vững

-Thực hiện được việc thiết kế nội dung điều tra đánh giá, phân tích tình hình thực tế về sản xuất nông nghiệp tại địa phương

-Đề xuất ứng dụng được mô hình hệ thống nông nghiệp phù hợp với điều kiện khách quan tại địa phương

3. Nội dung chi tiết học phần

A. LÝ THUYẾT

CHƯƠNG I: KHÁI QUÁT LÝ THUYẾT HỆ THỐNG VÀ HỆ THỐNG NÔNG NGHIỆP

12 tiết (LT: 5; TL: 7)

1.1. Các khái niệm trong hệ thống nông nghiệp

1.1.1. Hệ thống

1.1.2. Hiện tượng phản hồi

1.1.3. Thành phần của hệ thống (hợp phần)

1.1.4. Môi trường của hệ thống

1.1.5. Cấu trúc của hệ thống

1.1.6. Giới hạn của hệ thống

1.1.7. Hệ thống thứ bậc

1.1.8. Các dòng vận chuyển

1.1.9. Các quan điểm và phương pháp nghiên cứu hệ thống

1.2. Hệ sinh thái và hệ sinh thái nông nghiệp

1.2.1. Hệ sinh thái

1.2.2. Hệ sinh thái nông nghiệp

1.2.3. Những đặc tính của hệ thống sinh thái nông nghiệp

1.3. Khái niệm về hệ thống canh tác và hệ thống nông nghiệp

1.3.1. Khái niệm về hệ thống canh tác (Farming system)

1.3.2. Khái niệm về hệ thống nông nghiệp (Agricultural system)

1.3.3. Những đặc trưng cơ bản của hệ thống nông nghiệp

1.3.4. Lịch sử phát triển của nông nghiệp

1.3.5. Môi hình nông nghiệp

1.3.6. Sự phát triển nông nghiệp nước ta trên quan điểm hệ thống

1.4. Sản xuất nông hộ trong hệ thống nông nghiệp

1.4.1. Khái niệm về nông hộ

1.4.2. Vai trò của nông dân trong nghiên cứu hệ thống nông nghiệp

1.4.3. Hoạt động của hộ nông dân theo cách tiếp cận cổ điển mới

CHƯƠNG II: CÁC LOẠI HỆ THỐNG NÔNG NGHIỆP

23 tiết (LT: 5; TL: 8; TH: 10)

2.1. Hệ thống nông nghiệp du canh

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Đặc điểm của nông nghiệp du canh

2.1.3. Đầu tư và lao động trong hệ thống nông nghiệp du canh

2.1.4. Những thay đổi trong hệ thống du canh hiện nay

2.2. Hệ thống nông nghiệp du mục

2.2.1. Định nghĩa

2.2.2. Đặc điểm của nông nghiệp du mục

2.2.3. Đầu tư trong hệ thống du mục

2.3. Hệ thống nông nghiệp cố định

2.3.1. Hệ thống nông nghiệp chuyên môn hóa

2.3.2. Hệ thống nông nghiệp hỗn hợp

CHƯƠNG III: HỆ THỐNG NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG (LT: 5; TL: 8)

3.1. Quan niệm về nông nghiệp bền vững

3.1.1. Các định nghĩa về nông nghiệp bền vững

3.1.2. Cách nghiên cứu về nông nghiệp bền vững

3.2. Nguyên tắc để xây dựng nông nghiệp bền vững

3.2.1. Đảm bảo bền vững môi trường và vi sinh vật

3.2.2. Đảm bảo tính bền vững về kinh tế của hệ thống

3.2.3. Đảm bảo bền vững kinh tế - xã hội

3.2.4. Đảm bảo tính không gian và thời gian của hệ thống

3.2.5. Phân tích các ảnh hưởng đến hệ thống nông nghiệp

3.3. Đa dạng sinh học và tính bền vững của hệ thống nông nghiệp

3.3.1. Ý nghĩa của đa dạng sinh học trong nông nghiệp

3.3.2. Đa dạng sinh học trong hệ sinh thái nông nghiệp

3.4. Nông nghiệp hữu cơ

3.4.1. Khái niệm về nông nghiệp hữu cơ

3.4.2. Những nội dung chính của nông nghiệp hữu cơ

3.4.3. Tình hình nghiên cứu nông nghiệp hữu cơ trên thế giới

CHƯƠNG IV: ĐỐI TƯỢNG, NỘI DUNG, MỤC TIÊU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG NÔNG NGHIỆP

(LT: 5; TL: 7; TH: 10)

4.1. Đối tượng, nội dung, mục tiêu nghiên cứu của hệ thống nông nghiệp

4.1.1. Đối tượng nghiên cứu của hệ thống nông nghiệp

4.1.2. Các nội dung nghiên cứu phát triển hệ thống nông nghiệp

4.1.3. Mục tiêu hoạt động của nghiên cứu hệ thống nông nghiệp

4.1.4. Lựa chọn khu vực nghiên cứu và điểm nghiên cứu đối với hệ thống nông nghiệp

4.2. Phương pháp nghiên cứu phát triển hệ thống nông nghiệp

4.2.1. Mô tả hệ thống nông nghiệp

4.2.1.1. Mô tả khởi điểm nghiên cứu hệ thống nông nghiệp

4.2.1.2. Mô tả điểm nghiên cứu đầy đủ

4.2.2. Phương pháp nghiên cứu hệ thống nông nghiệp bằng phương pháp RRA/PRA

4.2.2.1. Ưu, nhược điểm của Phương pháp PRA

4.2.2.2. Các nguyên tắc cơ bản của PRA

4.2.2.3. Các bước cơ bản trong PRA

4.2.2.4. Thiết kế một kế hoạch PRA

4.2.2.5. Hướng dẫn cho việc thiết kế một cuộc đánh giá PRA

4.2.2.6. Các công cụ kỹ thuật cơ bản sử dụng trong RRA/PRA

4.2.2.7. Phương pháp thu thập thông tin từ nông dân

4.2.2.8. Chuẩn đoán những trở ngại

- 4.2.2.9. Nghiên cứu thử nghiệm kết quả nghiên cứu
- 4.2.2.10. Phân tích kinh tế trong hệ thống nông nghiệp
- 4.2.3. Nghiên cứu trên đồng ruộng của nông dân (Các phương pháp nghiên cứu trên đồng ruộng của nông dân)
- 4.2.4. Các phương pháp khuyến cáo kết quả nghiên cứu và chính sách phát triển kết quả nghiên cứu hệ thống nông nghiệp
- 4.2.4.1. Các Phương pháp khuyến cáo kết quả nghiên cứu
- 4.2.4.2. Các chính sách phát triển kết quả nghiên cứu hệ thống nông nghiệp

B. THỰC HÀNH

- Bài 1.** Học tập thực tế trên mô hình nông nghiệp hỗn hợp. 5 tiết
- Bài 2.** Học tập thực tế trên mô hình nông nghiệp chuyên canh. 5 tiết
- Bài 3.** Nghiên cứu trên đồng ruộng của nông dân 10 tiết

4. Yêu cầu của học phần

- Yêu cầu của giảng viên về điều kiện để tổ chức giảng dạy môn học gồm: Phòng học, phấn, bảng, projector, màn chiếu và máy tính (cho những buổi học và Xeminar)

- Sinh viên phải lên lớp nghe giảng ít nhất 80% tổng số tiết lý thuyết; thảo luận, xeminar, làm việc nhóm, tham gia đầy đủ các bài thực hành, có đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên; kiểm tra giữa kỳ và bài kiểm tra cuối kỳ. Tự học những phần đã được yêu cầu; Đọc tài liệu theo hướng dẫn.

5.Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận nhóm, thực hành ngoài đồng ruộng.

6. Kế hoạch tư vấn: Hướng dẫn người học tìm và sử dụng các tài liệu có liên quan đến học phần; giải đáp thắc mắc của sinh viên.

7.Trang thiết bị: Đầy đủ thiết bị dạy học: bảng, máy chiếu, ...

8. Phương pháp đánh giá học phần

-*Kiểm tra - đánh giá thường xuyên (4 bài):* Trọng số 30% (0.3)

Hình thức kiểm tra: vấn đáp hoặc viết, thảo luận, bài tập, bài thu hoạch phần tự học, thực hành.

4 bài kiểm tra viết được thực hiện vào tuần thứ 4,9,12,14.

- *Kiểm tra- đánh giá giữa kỳ (1 bài):* theo lịch của Nhà trường - Trọng số 20% (0.2)

- *Thi kết thúc học phần (1 bài):* Trọng số 50% (0,5)

Hình thức thi: tự luận. Thời gian thi được tiến hành theo lịch chung của Nhà trường.

9. Học liệu

9.1. Học liệu bắt buộc

1. Phạm Tiến Dũng(2013) *Hệ Thống Nông nghiệp*. NXB NN Hà Nội.

9.2. Học liệu tham khảo

1. Phạm Chí Thành, Phạm Tiến Dũng (1996), *Hệ thống nông nghiệp*. NXB Nông nghiệp

2. Trần Danh Thìn, Nguyễn huy Trí (2011), *Hệ thống nông nghiệp trong phát triển nông nghiệp bền vững*. NXB Nông nghiệp.

9.45. CHỌN MỘT TRONG HAI HỌC PHẦN

a, BẢO QUẢN VÀ CHẾ BIẾN SẢN PHẨM CHĂN NUÔI/PRESERVATION AND PROCESSING OF LIVESTOCK PRODUCTS 3TC (20-30-20)

- Điều kiện tiên quyết: Các học phần cơ bản và cơ sở ngành.

- Bộ môn phụ trách học phần: Khoa học Vật nuôi.

1. Mô tả học phần:

- *Nội dung học phần:* Cung cấp những kiến thức về: Thành phần hóa học của thịt; Giết mổ gia súc; Sự biến đổi của thịt gia súc sau khi giết mổ; Hệ vi sinh vật và các nguyên nhân gây hư hỏng thịt; Các phương pháp bảo quản thịt; Các phương pháp chế biến một số sản phẩm thịt; Thành phần hóa học và giá trị dinh dưỡng của sữa; Một số tính chất lí hoá của sữa; Hệ vi sinh vật của sữa; Kỹ thuật sơ chế và bảo quản sữa; Kỹ thuật chế biến các sản phẩm sữa; Cấu tạo, thành phần dinh dưỡng và phân loại trứng; Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng và thành phần quả trứng; Những biến đổi trong trứng khi bảo quản; Các phương pháp bảo quản trứng; Các phương pháp chế biến một số sản phẩm trứng.

- *Năng lực đạt được:* Biết được các kiến thức về thịt, trứng, sữa và công nghệ bảo quản và chế biến một số sản phẩm từ thịt, trứng, sữa. Đánh giá được chất lượng thịt, trứng, sữa và thực hiện được kỹ thuật bảo quản và chế biến một số sản phẩm từ thịt, trứng, sữa.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Sinh viên cần biết được những kiến thức cơ bản về thành phần hóa học của thịt, trứng, sữa và những biến đổi của thịt, trứng, sữa trong quá trình bảo quản và chế biến; Những phương pháp bảo quản và chế biến thịt, sữa, trứng.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Sinh viên biết được các kỹ năng phân tích, kiểm tra và đánh giá chất lượng thịt, trứng, sữa và kỹ năng thực hành trong lĩnh vực chế biến thịt, trứng, sữa.

3. Nội dung chi tiết học phần:

CHƯƠNG 1 – CÔNG NGHỆ BẢO QUẢN VÀ CHẾ BIẾN THỊT

(28 Tiết: LT 8, TL 12, TH 8)

1.1. Cấu trúc và thành phần hoá học của thịt

1.1.1. Giới thiệu

1.1.2. Cấu trúc và thành phần dinh dưỡng của thịt

1.1.3. Thành phần hoá học và giá trị dinh dưỡng của thịt

1.1.4. Sản phẩm phụ giết mổ

1.2. Giết mổ gia súc

1.2.1. Phân loại gia súc giết mổ

1.2.2. Vận chuyển gia súc giết thịt

1.2.3. Chăm sóc và quản lý gia súc chờ giết mổ

1.2.4. Kỹ thuật giết mổ gia súc

1.2.5. Kiểm tra thú y

1.2.6. Pha cắt súc thịt và phân loại

1.3. Sự biến đổi của thịt gia súc sau khi giết mổ

1.3.1. Sự tê cứng

1.3.2. Sự chín tới

1.3.3. Quá trình phân huỷ thối rữa

1.3.4. Một số hiện tượng thường xảy ra đối với thịt

1.3.4.1. Hiện tượng PSE (pale-soft-exudative)

1.3.4.2. Hiện tượng DFD (dark-firm-dry)

1.4. Hệ vi sinh vật và các dạng hư hỏng của thịt

1.4.1. Hệ vi sinh vật của thịt

1.4.2. Các dạng hư hỏng của thịt

1.5. Các phương pháp bảo quản thịt

1.5.1. Bảo quản bằng nhiệt độ thấp

1.5.2. Phương pháp ướp muối

1.6. Các phương pháp chế biến một số sản phẩm thịt

1.6.1. Phương pháp chế biến thịt hun khói

1.6.2. Phương pháp chế biến xúc xích, lạp xường

1.6.3. Phương pháp chế biến patê thịt

1.6.4. Phương pháp chế biến thịt hộp

Thực hành bài 1: Xác định một số chỉ tiêu chất lượng của thịt lợn, thịt bò và thực hiện quy trình chế biến một sản phẩm từ thịt.

CHƯƠNG 2 – CÔNG NGHỆ BẢO QUẢN VÀ CHẾ BIẾN SỮA

(28 Tiết: LT 8, TL 12, TH 8)

2.1. Thành phần hóa học và giá trị dinh dưỡng của sữa

2.1.1. Nước

2.1.2. Chất khô

2.1.3. Giá trị dinh dưỡng của sữa

2.2. Một số tính chất lí hoá của sữa

2.2.1. Tỷ trọng của sữa

2.2.2. Độ axit của sữa

2.2.3. Tính kháng khuẩn của sữa

2.3. Hệ vi sinh vật của sữa

2.3.1. Các vi sinh vật bình thường của sữa

2.3.2. Vi sinh vật không bình thường trong sữa

2.3.3. Vi sinh vật gây bệnh trong sữa

2.4. Một số yếu tố ảnh hưởng đến thành phần và chất lượng sữa

2.4.1. Giống và tuổi

2.4.2. Chu kỳ vắt sữa

2.4.3. Thức ăn

2.4.4. Điều kiện môi trường

2.4.5. Tình trạng sức khỏe

2.5. Kỹ thuật sơ chế và bảo quản sữa

2.5.1. Những biến đổi của sữa trong quá trình bảo quản

2.5.2. Kỹ thuật sơ chế sữa, bảo quản sữa

2.6. Phương pháp chế biến một số sản phẩm sữa

2.6.1. Phương pháp chế biến sữa tươi thanh trùng

2.6.2. Phương pháp chế biến sữa tươi tiệt trùng

2.6.3. Phương pháp chế biến sữa hoàn nguyên

2.6.4. Phương pháp chế biến sữa bột

2.6.5. Phương pháp chế biến sữa chua

2.6.6. Phương pháp chế biến phomat

Thực hành bài 2: Xác định một số chỉ tiêu chất lượng của sữa và thực hiện quy trình chế biến một sản phẩm từ sữa.

CHƯƠNG 3 – CÔNG NGHỆ BẢO QUẢN VÀ CHẾ BIẾN TRỨNG

(14 Tiết: LT 4, TL 6, TH 4)

3.1. Cấu tạo của quả trứng

3.1.1. Hình dạng và màu sắc của trứng

3.1.2. Màng ngoài vỏ

3.1.3. Vỏ cứng

3.1.4. Màng trong vỏ và màng ngoài lòng trắng

3.1.5. Túi khí (buồng khí)

3.1.6. Lòng trắng trứng

3.1.7. Lòng đỏ trứng

3.2. Thành phần dinh dưỡng của trứng

3.2.1. Vỏ

3.2.1. Lòng trắng

3.2.3. Lòng đỏ

3.3. Phân loại trứng

3.3.1. Phân loại theo phẩm chất

3.3.2. Phân loại theo trọng lượng

3.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng và thành phần dinh dưỡng của trứng

3.4.1. Ảnh hưởng của thức ăn

3.4.2. Ảnh hưởng của giống

3.4.3. Ảnh hưởng của môi trường

3.4.4. Thu nhặt và vận chuyển trứng

3.5. Những biến đổi của trứng trong quá trình bảo quản

3.5.1. Biến đổi sinh hoá

3.5.2. Biến đổi do vi sinh vật

3.5.3. Biến đổi vật lý

3.6. Các phương pháp bảo quản trứng

- 3.6.1. Bảo quản lạnh
- 3.6.2. Bảo quản trong nước sôi
- 3.6.3. Bảo quản trong lớp màng bảo vệ
- 3.6.4. Bảo quản trứng trong môi trường khí trơ
- 3.6.5. Bảo quản bằng xử lý nhiệt

3.7. Các chế biến một số sản phẩm trứng

- 3.7.1. Phương pháp chế biến dịch trứng đông lạnh
- 3.7.2. Phương pháp chế biến bột trứng khô
- 3.7.3. Phương pháp làm trứng muối

Thực hành bài 3: Xác định một số chỉ tiêu chất lượng của trứng.

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), đầy đủ các bài kiểm tra thường xuyên, kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Trần Như Khuyên (2007) Giáo trình *Công nghệ bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi*. Nhà xuất bản Hà Nội.

9.2. Giáo trình, Tài liệu tham khảo:

1. Lê Văn Việt Mẫn (2011) Giáo trình *Công nghệ chế biến thực phẩm*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Lâm Xuân Thanh (2008) Giáo trình *Công nghệ các sản phẩm sữa*. Nhà xuất bản khoa học và kỹ thuật.
3. Trần Văn Chương (2001) *Công nghệ bảo quản chế biến sản phẩm chăn nuôi và cá*. Nhà xuất bản văn hóa dân tộc.

b, KIỂM NGHIỆM THỦ SẢN ANIMAL/PRODUCT TESTING 3TC (20-30-20)

- Điều kiện tiên quyết: Các học phần cơ bản và cơ sở ngành.

- Bộ môn phụ trách học phần: Khoa học Vật nuôi.

1. Mô tả học phần:

- *Nội dung học phần:* Cung cấp những kiến thức về: Kiểm dịch động vật và sản phẩm động vật; Yêu cầu vệ sinh thú y đối với nơi giết mổ, chế biến thịt động vật; Kiểm tra và chăm sóc gia súc, gia cầm trước khi giết mổ; Quá trình giết mổ và kiểm tra sau giết mổ; Kiểm tra và xử lý thân thịt, phủ tạng động vật không đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh; Kiểm tra vệ sinh thú y thịt và các sản phẩm từ thịt, trứng và các sản phẩm trứng, sữa và các sản phẩm sữa;

- *Năng lực đạt được:* Biết được các kiến thức về Kỹ thuật kiểm tra vệ sinh thú y động vật trước và sau khi giết mổ, kiểm tra sản phẩm động vật. Kiểm soát sát sinh và kiểm dịch động vật.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức:

Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về các sản phẩm vật nuôi (thành phần dinh dưỡng, sự hư hỏng của các sản phẩm có nguồn gốc động vật, những quy trình, thủ tục kiểm tra, đánh giá VSTY động vật và sản phẩm động vật, phương pháp bảo quản...), giúp sinh viên đánh giá các sản phẩm vật nuôi một cách hợp lý trên cơ sở khoa học và tính pháp lý, phục vụ thiết thực cho nền kinh tế.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng:

Sau khi học xong môn Kiểm nghiệm thú sản, sinh viên:

- Biết cách khám gia súc sau khi giết mổ.
- Làm được các phương pháp kiểm nghiệm thịt gia súc, trứng gia cầm.

3. Nội dung chi tiết học phần:

A. Phần lý thuyết

Mở đầu

Chương 1: Kiểm dịch động vật và sản phẩm động vật

(3 tiết: LT 1; TL 2; TH 0)

1.1. Ý nghĩa của hoạt động kiểm dịch động vật với công tác vận chuyển động vật và sản phẩm động vật.

1.2. Những quy định về thủ tục kiểm dịch động vật và sản phẩm động vật

1.3. Hiện tượng stress và vận chuyển

1.4. Bệnh phát sinh trong quá trình vận chuyển

Chương 2: Yêu cầu vệ sinh thú y đối với nơi giết mổ, chế biến thịt động vật

(3 tiết: LT 1; TL 2; TH 0)

2.1 Nguyên tắc chung

2.2 Yêu cầu vệ sinh thú y đối với nơi giết mổ và chế biến thịt động vật.

2.3 Hệ thống nước ở nơi giết mổ, chế biến sản phẩm thịt động vật.

Chương 3: Kiểm tra và chăm sóc gia súc, gia cầm trước khi giết mổ

(5 tiết: LT 2; TL 3; TH 0)

3.1 Mục đích của việc kiểm tra và chăm sóc gia súc, gia cầm trước khi giết mổ.

3.2 Kiểm tra và chăm sóc gia súc, gia cầm khi vận chuyển đến.

3.3 Phân loại gia súc, gia cầm giết thịt.

3.4 Biện pháp xử lý đối với thịt gia súc, gia cầm sau khi kiểm tra sống (kiểm tra trước khi giết mổ).

Chương 4: Quá trình giết mổ và kiểm tra sau giết mổ

(9 tiết: LT 4; TL 5; TH 0)

4.1 Quá trình giết mổ gia súc, gia cầm

4.1.1 Khái niệm về giết mổ gia súc, gia cầm

4.1.2 Quá trình giết mổ gia súc, gia cầm

4.2 Vệ sinh trong quá trình giết mổ gia súc, gia cầm

4.2.1 Vệ sinh khu vực giết mổ và các dụng cụ giết mổ

4.2.2 Vệ sinh đối với thịt và phủ tạng gia súc, gia cầm

4.2.3 Vệ sinh đối với công nhân giết mổ

4.3 Kiểm tra gia súc, gia cầm sau giết mổ

4.3.1 Mục đích của việc kiểm tra gia súc, gia cầm sau khi giết mổ

4.3.2 Yêu cầu trong công tác kiểm tra thân thịt và phủ tạng gia súc, gia cầm

4.3.3 ý nghĩa của việc kiểm tra các hạch lâm ba trong khám thịt, phủ tạng và sự phân bố hạch lâm ba trong cơ thể

4.3.4 Trình tự kiểm tra sau khi giết mổ

4.3.5 Kiểm tra và xử lý thân thịt và phủ tạng của gia súc mắc bệnh truyền nhiễm, bệnh ký sinh trùng và các chứng bệnh khác

4.3.6 Ghi chép kết quả và kết luận về kết quả kiểm tra sau khi giết mổ

Chương 5. Kiểm tra và xử lý thân thịt, phủ tạng động vật không đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh

(5 tiết: LT 2; TL 3; TH 0)

5.1. Bệnh truyền nhiễm

5.2. Bệnh ký sinh trùng

5.3. Các bệnh khác

Chương 6: Kiểm tra vệ sinh thú y thịt và các sản phẩm từ thịt

(10 tiết: LT 4; TL 6; TH 0)

6.1. Thành phần hoá học của thịt động vật nuôi

6.2. Hình thái học của thịt động vật nuôi

6.3 Đặc trưng của thịt một số vật nuôi

6.4. Những biến đổi của thịt gia súc, gia cầm sau khi giết mổ

6.5. Sự hư hỏng của thịt

6.6. Các phương pháp xác định độ tươi của thịt

6.7 Các phương pháp bảo quản thịt

6.8. Kiểm tra vệ sinh thú y các sản phẩm thịt

Chương 7: Kiểm tra vệ sinh thú y trứng và các sản phẩm trứng

(7 tiết: LT 3; TL 4; TH 0)

7.1 Hình thái và cấu tạo của trứng

7.2. Những tính chất của trứng

7.3. Đánh giá chất lượng trứng

7.4. Bảo quản và vận chuyển trứng

Chương 8: Kiểm tra vệ sinh thú y sữa và các sản phẩm sữa

(8 tiết: LT 3; TL 5; TH 0)

8.1 Thành phần hóa học của sữa

8.2 Tính chất đặc trưng của sữa

8.3 Các dạng hư hỏng của sữa

8.4 Các phương pháp bảo quản sữa

8.5 Kiểm nghiệm sữa và các sản phẩm sữa

B. Thực hành

(20 tiết: LT 0; TL 0; TH 20)

Bài 1: Quy trình khám gia súc sau khi giết mổ.

Bài 2: Kiểm nghiệm độ tươi của thịt

Bài 3: Kiểm nghiệm độ tươi của trứng

Bài 4: Kiểm nghiệm độ tươi của sữa

4. Yêu cầu của môn học:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), đầy đủ các bài kiểm tra thường xuyên, kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

5. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ : Trọng số 20%

- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ : Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

9.1. Giáo trình chính:

1. Nguyễn Thị Bình Tâm, Dương Văn Nhiệm (2010) Giáo trình kiểm nghiệm thú sản, NXB Khoa học tự nhiên và công nghệ.

9.2. Giáo trình, Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Thị Kim Lan, Nguyễn Văn Quang (2000) Giáo trình Kiểm tra vệ sinh thú y, Nhà xuất bản Nông nghiệp.

2. Lương Đức Phẩm (2005) Vi sinh vật học và an toàn vệ sinh thực phẩm, Nhà xuất bản Nông nghiệp, 2005.

3. Nguyễn Bá Hiên, Nguyễn Quốc Doanh, Nguyễn Thị Kim Thành (2008) Vi sinh vật bệnh truyền nhiễm vật nuôi, Nhà xuất bản giáo dục.

9.46. RÈN NGHỀ THÚ Y/VETERINARY PROFESSIONAL TRAINING

3 TC (0. 0. 135)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: BM Khoa học Vật nuôi

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Thực hiện các thao tác cơ bản trong ngành chăn nuôi – thú y và phục vụ sản xuất tại các cơ sở sản xuất

Năng lực đạt được: Hiểu được cấu tạo và chức năng của các dụng cụ dùng trong Chăn nuôi – Thú y. Sử dụng thành thạo các dụng cụ dùng trong Chăn nuôi – Thú y. Thực hiện được quy trình khám, mổ, thu thập và xử lý bệnh phẩm. Thực hiện thành thạo quy trình sử dụng, bảo quản và tiêm phòng vắc xin cho các loại gia súc, gia cầm.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức

- Nắm được cấu tạo và chức năng của các dụng cụ dùng trong Thú y.

- Nắm được các con đường đưa thuốc vào cơ thể, các cách khâu vá, mổ xẻ, thu thập và xử lý bệnh phẩm

- Nắm được các quy trình bảo quản và sử dụng vắc xin phòng các bệnh ở gia súc – gia cầm

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Sử dụng thành thạo các dụng cụ dùng trong Chăn nuôi – Thú y

- Tiếp cận và đưa được thuốc vào cơ thể các loại gia súc – gia cầm một cách an toàn

- Thực hiện tốt các khâu tổ chức tiêm phòng tại cơ sở sản xuất.

2.3. Mục tiêu về thái độ

+ Người học có thái độ học tập đúng đắn: tích cực rèn luyện các thao tác nghề nghiệp đã được hướng dẫn.

+ Nghiêm chỉnh chấp hành các nội quy, quy định tại cơ sở sản xuất

+ Hoàn thành các nhiệm vụ được giáo viên hướng dẫn và cán bộ Thú y cơ sở giao. Tích cực học hỏi kiến thức thực tế từ địa bàn sản xuất, viết báo cáo chuyên đề, viết bài thu hoạch tự học đầy đủ.

3. Nội dung chi tiết học phần

Phần 1: Rèn thao tác cơ bản chuyên ngành Chăn nuôi Thú y

(TH: 50)

Bài 1: Sử dụng kính hiển vi, cân kỹ thuật, dụng cụ thú y

Bài 2: Kỹ thuật pha chế, bảo tồn và kiểm tra phẩm chất tinh dịch lợn

Bài 3: Xét nghiệm phân tìm trứng giun sán

Bài 4: Phương pháp tiếp cận và khống chế gia súc, gia cầm

Bài 5: Phương pháp đưa thuốc vào cơ thể vật nuôi

Bài 6: Kỹ thuật dẫn tinh cho gia súc

Bài 7: Các phương pháp phẫu thuật ngoại khoa

Bài 8: Phương pháp khám, thu thập, bảo quản và xử lý bệnh phẩm

Bài 9: Phương pháp bảo quản và sử dụng vắc xin

Phần 2: Khảo sát, đánh giá tại các cơ sở sản xuất trong tỉnh (TH:20)

Phần 3: Thực hiện công tác tiêm phòng tại cơ sở sản xuất (TH: 65)

4. Yêu cầu của môn học: Liệt kê các điều kiện để hoàn thành được nội dung học phần

- Sinh viên có mặt 100% giờ học.
- Sinh viên cần làm bài tập đầy đủ và tự nghiên cứu các bài thảo luận theo yêu cầu của giáo viên, hoàn thành bài thu hoạch sau khi thực hành.

5. Phương pháp giảng dạy:

Thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn:

- Sinh viên phải chủ động tích cực trong học tập, tham gia đầy đủ các giờ học. Có 1 bài thu hoạch sau đợt học.

- Sinh viên được cán bộ giảng dạy giới thiệu các nguồn tài liệu tham khảo có liên quan tới nội dung của học phần.

- Thái độ học tập cần nghiêm túc, nhiệt tình, ham học hỏi, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu giảng viên giao cho.

- Tham gia đầy đủ các bài thực hành trong phòng thí nghiệm, cũng như ở cơ sở sản xuất, nắm vững phần lý thuyết của các bài thực hành, từng bước tập các thao tác để tiến tới có thể sử dụng và sử dụng thành thạo dụng cụ phòng thí nghiệm; phân tích, đánh giá được thực trạng vệ sinh tại 1 cơ sở chăn nuôi. Những sinh viên thiếu giờ học phần thực hành phải thực hiện đầy đủ mới được tham gia thi kết thúc học phần cuối kỳ.

- Có bài viết thu hoạch phân tự học theo hướng dẫn của giáo viên được cụ thể trong lịch trình tuần. Viết và nộp bài thu hoạch đúng thời gian quy định.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính và các vật tư, hoá chất phục vụ công tác rèn nghề.

8. Phương pháp đánh giá môn học

Sau khi thực hiện xong, sinh viên làm báo cáo thu hoạch. Kết quả đánh giá dựa vào báo cáo thu hoạch và quá trình tham gia thực hành của sinh viên.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo chính:

1. Cục Thú y (2012). *Tài liệu đào tạo Thú y cơ sở*. NXB ĐH Nông nghiệp.

9.47. THỰC TẬP GIÁO TRÌNH/FIELD PRACTICE 3 TC (0.0.135)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: BM Khoa học Vật nuôi

- Điều kiện tiên quyết: Các học phần chăn nuôi thú y

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Thực hiện các công việc chăm sóc nuôi dưỡng gia súc gia cầm, lai tạo giống, công tác phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi tại các cơ sở nghiên cứu, các trang trại chăn nuôi chuyên ngành.

Năng lực đạt được: Thực hiện được các công việc chăm sóc nuôi dưỡng gia súc gia cầm, lai tạo giống, công tác phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi.

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng:

- Thực hiện được các quy trình chăm sóc nuôi dưỡng, quy trình vệ sinh phòng bệnh phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ sở sản xuất
- Hiểu và phân tích, đánh giá được các yếu tố môi trường ảnh hưởng đến chăn nuôi
- Đề xuất thực hiện các biện pháp vệ sinh chuồng trại, vệ sinh thức ăn, vệ sinh vật nuôi.
- Thực hiện được các biện pháp xử lý chất thải chăn nuôi, các biện pháp vệ sinh môi trường, vệ sinh phòng bệnh.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Thực hiện được các kỹ thuật chăm sóc nuôi dưỡng phù hợp với từng đối tượng vật nuôi, các thao tác kỹ thuật thú y, vệ sinh phòng bệnh cho vật nuôi.
- Thực hiện thành thạo các biện pháp xử lý chất thải chăn nuôi.
- Kiểm soát và xử lý được môi trường trong chăn nuôi.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Nhận thức đúng vai trò và tầm quan trọng việc rèn luyện kiến thức, kỹ năng từ thực tế cơ sở sản xuất, chăm sóc tốt đàn vật nuôi, vệ sinh môi trường, quản lý chất thải trong chăn nuôi, giảm thiểu tác hại của hoạt động chăn nuôi đối với Môi trường.

3. Nội dung chi tiết học phần

Môn Di truyền - Giống gia súc: (LT: 0; TL: 0; TH: 15 tiết)

Nội dung: Giống và công tác giống lợn, giống và công tác giống gia cầm, giống và công tác giống dê - thỏ, giống và công tác giống trâu - bò, giống và công tác giống đà điểu, giống và công tác động vật quý hiếm

Địa điểm: Các trung tâm, viện nghiên cứu và cơ sở chăn nuôi trong và ngoài tỉnh

Môn Công nghệ sinh sản: (LT: 0; TL: 0; TH: 20 tiết)

Nội dung: Thu tế bào trứng và phân loại, đặt Catheter, phân loại phôi và cắt phôi, kỹ thuật cấy phôi

Địa điểm: Các trung tâm, viện nghiên cứu và cơ sở chăn nuôi trong và ngoài tỉnh

Môn Dinh dưỡng và TĂCN: (LT: 0; TL: 0; TH: 20 tiết)

Nội dung: Phân tích các chỉ tiêu dinh dưỡng của thức ăn chăn nuôi, quy trình công nghệ sản xuất thức ăn hỗn hợp cho gia súc, gia cầm của nhà máy thức ăn Guyomarch, quy trình trồng, chăm sóc và sản xuất - bảo quản, chế biến các loại cỏ làm TĂ chăn nuôi.

Địa điểm: Các trung tâm, viện nghiên cứu và cơ sở chăn nuôi trong và ngoài tỉnh

Môn sinh sản gia súc và kỹ thuật TTNT: (LT: 0; TL: 0; TH: 15 tiết)

Nội dung: Quan sát và phát hiện bò động dục bằng các biện pháp lâm sàng và phi lâm sàng. Chẩn đoán gia súc có chửa bằng các biện pháp lâm sàng và phi lâm sàng. Kỹ thuật dẫn tinh cho bò - lợn - gia cầm.

Địa điểm: Các trung tâm, viện nghiên cứu và cơ sở chăn nuôi trong và ngoài tỉnh

Môn Chăn nuôi Trâu - Bò: (LT: 0; TL: 0; TH: 20 tiết)

Nội dung: Nghe cơ sở báo cáo tình hình phát triển chăn nuôi bò thịt kết hợp sinh sản và cày kéo, chăn nuôi bò sữa - bò thịt. Quy trình nuôi dưỡng, chăm sóc bò sữa - thịt và quy trình vắt sữa bò

Địa điểm: Các trung tâm, viện nghiên cứu và cơ sở chăn nuôi trong và ngoài tỉnh

Môn Chăn nuôi Gia cầm: (LT: 0; TL: 0; TH: 20 tiết)

Nội dung: Nghe cơ sở báo cáo tình hình phát triển chăn nuôi Gia cầm và trực tiếp học tập quy trình nuôi dưỡng, chăm sóc gia cầm.

Địa điểm: Các trung tâm, viện nghiên cứu và cơ sở chăn nuôi trong và ngoài tỉnh.

Môn Chăn nuôi Lợn: (LT: 0; TL: 0; TH: 20 tiết)

Nội dung: Nghe cơ sở báo cáo tình hình phát triển chăn nuôi Lợn và trực tiếp học tập quy trình nuôi dưỡng, chăm sóc Lợn.

Địa điểm: Các trung tâm, viện nghiên cứu và cơ sở chăn nuôi trong và ngoài tỉnh

4. Yêu cầu của môn học:

Ghi chép đầy đủ các nội dung thực tập để làm cơ sở cho viết thu hoạch.

Trong thời gian thực tập sinh viên phải chấp hành đầy đủ nội quy của trường và cơ sở thực tập.

Sinh viên phải chấp hành sự phân công, quản lý và hướng dẫn của trưởng đoàn và giáo viên phụ trách môn học.

Nộp kết quả thực tập đúng thời gian quy định

5. Phương pháp giảng dạy:

Thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn

- Sinh viên phải chủ động tích cực trong học tập, tham gia đầy đủ các giờ thực hành tại cơ sở chăn nuôi.

- Sinh viên được cán bộ giảng dạy giới thiệu các nguồn tài liệu tham khảo có liên quan tới nội dung của học phần

- Thái độ học tập, thực hành nghiêm túc, nhiệt tình, ham học hỏi, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu giảng viên giao cho.

- Tham gia đầy đủ và chuyên cần các hoạt động thực hành tại cơ sở chăn nuôi, kết quả chuẩn bị các buổi thảo luận, tinh thần và ý thức tích cực tham gia thảo luận, thực hành được đánh giá qua điểm rèn luyện thường xuyên của sinh viên.

- Tham gia đầy đủ các bài thực hành trong phòng thí nghiệm, cũng như ở cơ sở sản xuất, nắm vững phần lý thuyết của các bài thực hành, từng bước tập các thao tác để tiến tới có thể sử dụng và sử dụng thành thạo dụng cụ phòng thí nghiệm; phân tích, đánh giá được thực trạng vệ sinh tại 1 cơ sở chăn nuôi. Những sinh viên thiếu giờ học phần thực hành phải thực hiện đầy đủ mới được tham gia thi kết thúc học phần cuối kỳ.

- Có bài viết thu hoạch phần tự học theo hướng dẫn của giáo viên được cụ thể trong lịch trình tuần. Viết và nộp bài thu hoạch đúng thời gian quy định.

7. Trang thiết bị:

Cơ sở chăn nuôi, phòng thí nghiệm thực hành phải có đầy đủ các phương tiện, vật nuôi, đối tượng thí nghiệm phục vụ quá trình thực hành, thực tập của sinh viên.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá tinh thần thái độ học tập, chấp hành nội quy, quy chế của cơ sở chăn nuôi và nhà trường: Trọng số 50%.

- Kiểm tra, đánh giá kết quả báo cáo, viết thu hoạch: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9.48. CÔNG TRÌNH TỔNG HỢP/INTEGRATED WORKS 3TC (0. 0. 135)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: BM Khoa học Vật nuôi

- Điều kiện tiên quyết: Các học phần chăn nuôi, thú y

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Thực hiện quy trình chăn nuôi lợn, gà tại trường hoặc các trang trại chăn nuôi trong và ngoài tỉnh.

Năng lực đạt được: Thực hiện hoàn chỉnh quy trình chăn nuôi một số đối tượng vật nuôi..

2. Mục tiêu học phần:

2.1. Mục tiêu về kiến thức

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng:

- Thực hiện được các quy trình chăm sóc nuôi dưỡng, quy trình vệ sinh phòng bệnh phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ sở sản xuất

- Hiểu và phân tích, đánh giá được các yếu tố môi trường ảnh hưởng đến chăn nuôi

- Đề xuất thực hiện các biện pháp vệ sinh chuồng trại, vệ sinh thức ăn, vệ sinh vật nuôi.

- Thực hiện được các biện pháp xử lý chất thải chăn nuôi, các biện pháp vệ sinh môi trường, vệ sinh phòng bệnh.

2.2. Mục tiêu về kỹ năng

- Thực hiện được các kỹ thuật chăm sóc nuôi dưỡng phù hợp với từng đối tượng vật nuôi, các thao tác kỹ thuật thú y, vệ sinh phòng bệnh cho vật nuôi.

- Thực hiện thành thạo các biện pháp xử lý chất thải chăn nuôi.

- Kiểm soát và xử lý được môi trường trong chăn nuôi.

2.3. Mục tiêu về thái độ

Nhận thức đúng vai trò và tầm quan trọng việc rèn luyện kiến thức, kỹ năng từ thực tế cơ sở sản xuất, chăm sóc tốt đàn vật nuôi, vệ sinh môi trường, quản lý chất thải trong chăn nuôi, giảm thiểu tác hại của hoạt động chăn nuôi đối với Môi trường.

3. Nội dung chi tiết học phần

Môn Chăn nuôi Gia cầm:

(LT: 0; TL: 0; TH: 65 tiết)

Nội dung: Trực tiếp thực hiện các quy trình chăm sóc nuôi dưỡng gia cầm theo các giai đoạn: úm, hậu bị, sinh sản và thương phẩm

Địa điểm: Khu thực hành thực tập Khoa Nông Lâm Ngư nghiệp, trường Đại học Hồng Đức, Các cơ sở chăn nuôi trong và ngoài tỉnh.

Môn Chăn nuôi Lợn: (LT: 0; TL: 0; TH: 70 tiết)

Nội dung: Trực tiếp thực hiện các quy trình chăm sóc nuôi dưỡng lợn theo các giai đoạn: Lợn con theo mẹ, lợn con sau cai sữa, lợn thịt thương phẩm, lợn nái hậu bị, lợn nái chữa, lợn nái đẻ và nái nuôi con. Các kỹ thuật chăm sóc nuôi dưỡng lợn đực giống, kỹ thuật TTNT.

Địa điểm: Khu thực hành thực tập Khoa Nông Lâm Ngư nghiệp, trường Đại học Hồng Đức, Các cơ sở chăn nuôi trong và ngoài tỉnh.

4. Yêu cầu của môn học:

Ghi chép đầy đủ các nội dung thực tập để làm cơ sở cho viết thu hoạch.

Trong thời gian thực tập sinh viên phải chấp hành đầy đủ nội quy của trường và cơ sở thực tập.

Sinh viên phải chấp hành sự phân công, quản lý và hướng dẫn của trưởng đoàn và giáo viên phụ trách môn học.

Nộp kết quả thực tập đúng thời gian quy định

5. Phương pháp giảng dạy:

Thực hành theo nhóm.

6. Kế hoạch tư vấn

- Sinh viên phải chủ động tích cực trong học tập, tham gia đầy đủ các giờ thực hành tại cơ sở chăn nuôi.

- Sinh viên được cán bộ giảng dạy giới thiệu các nguồn tài liệu tham khảo có liên quan tới nội dung của học phần

- Thái độ học tập, thực hành nghiêm túc, nhiệt tình, ham học hỏi, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu giảng viên giao cho.

- Tham gia đầy đủ và chuyên cần các hoạt động thực hành tại cơ sở chăn nuôi, kết quả chuẩn bị các buổi thảo luận, tinh thần và ý thức tích cực tham gia thảo luận, thực hành được đánh giá qua điểm rèn luyện thường xuyên của sinh viên.

- Tham gia đầy đủ các bài thực hành trong phòng thí nghiệm, cũng như ở cơ sở sản xuất, nắm vững phần lý thuyết của các bài thực hành, từng bước tập các thao tác để tiến tới có thể sử dụng và sử dụng thành thạo dụng cụ phòng thí nghiệm; phân tích, đánh giá được thực trạng vệ sinh tại 1 cơ sở chăn nuôi. Những sinh viên thiếu giờ học phần thực hành phải thực hiện đầy đủ mới được tham gia thi kết thúc học phần cuối kỳ.

- Có bài viết thu hoạch phần tự học theo hướng dẫn của giáo viên được cụ thể trong lịch trình tuần. Viết và nộp bài thu hoạch đúng thời gian quy định.

7. Trang thiết bị:

Cơ sở chăn nuôi phải có đầy đủ các phương tiện, vật nuôi, đối tượng thí nghiệm phục vụ quá trình thực hành, thực tập của sinh viên.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá tinh thần thái độ học tập, chấp hành nội quy, quy chế của cơ sở chăn nuôi và nhà trường: Trọng số 50%.

- Kiểm tra, đánh giá kết quả báo cáo, viết thu hoạch: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Tài liệu tham khảo

9.1. Giáo trình chính: Toàn bộ các tài liệu chính chuyên ngành ở các học phần đã học.

9.2. Tài liệu tham khảo: Toàn bộ các tài liệu tham khảo chuyên ngành ở các học phần đã học.

9.49. THỰC TẬP TỐT NGHIỆP/FINAL INTERNSHIP: 4TC (0. 0. 180)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Khoa học Vật nuôi

- Điều kiện tiên quyết: Người học tích lũy tối thiểu từ 126 tín chỉ trở lên

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Sinh viên được tiếp cận cơ sở trong một thời gian nhất định. Được tham gia vận hành, sản xuất ở các đơn vị thực tập như một kỹ sư thực sự. Năng lực đạt được: Sinh viên có được các kỹ năng quan sát, tìm hiểu, nắm bắt quy trình công nghệ, cách thực làm việc, vận hành của các nhà máy hoặc các công trình về điện. Sinh viên hình thành được kỹ năng, tư duy làm việc trong tổ chức, hiểu biết được mô hình tổ chức, cách thức quản lý, cách thức lập báo cáo đánh giá hiệu quả trong công việc trong quá trình vận hành, sản xuất. Sinh viên có khả năng nghiên cứu, tìm hiểu và báo cáo những vấn đề được phân công thuộc nội dung về kỹ thuật và tổ chức xây dựng - kết hợp đi thực tế. Viết báo cáo các kết quả đã thực hiện trong quá trình thực tập.

2. Mục tiêu của học phần

*** Kiến thức:**

Sinh viên có được các kiến thức về điều kiện an toàn khi làm việc trong nhà máy, khu công nghiệp hoặc ở địa điểm sinh viên thực tập. Có kiến thức về cách thức tổ chức công việc, phương pháp làm việc với những việc cụ thể mà người học được giao trong quá trình thực tập. Có kiến thức tư duy vào công việc cụ thể, định hình và lập kế hoạch làm việc ở thời điểm hiện tại và tương lai.

*** Kỹ năng:**

Sinh viên có khả năng tiếp thu nhanh chóng các công việc được giao, làm việc thuận thực với tư duy chuyên môn phù hợp, có kỹ năng sắp xếp thời gian cho công việc, sắp xếp trình tự công việc và thực hiện công việc được giao một cách hoàn chỉnh. Có kỹ năng tổ chức công việc và tùy thuộc vào tình hình cụ thể trong sản xuất mà có những thay đổi phù hợp để hoàn thành tốt các công việc được giao trong quá trình thực tập.

*** Thái độ:**

Sinh viên có thái độ tích cực với công việc được giao, luôn nhiệt tình và cầu thị trong công việc.

3. Nội dung chi tiết học phần

9. Học liệu:

9.1. Giáo trình chính: Toàn bộ các tài liệu chính chuyên ngành ở các học phần đã học.

9.2. Tài liệu tham khảo: Toàn bộ các tài liệu tham khảo chuyên ngành ở các học phần đã học.

9.50. Đồ án tốt nghiệp/Graduation thesis: 10TC (0,0,450)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Khoa học vật nuôi

- Điều kiện tiên quyết: Người học phải thực hiện thực xong tập tốt nghiệp, Tính đến thời điểm ra quyết định có điểm trung bình chung tích lũy tối thiểu đạt từ 2.0 và số tín chỉ bị điểm F không quá 8%.

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Xây dựng đề cương khóa luận tốt nghiệp; Thiết kế phiếu điều tra hoặc bố trí thí nghiệm; Triển khai nghiên cứu tại cơ sở; Xử lý và phân tích số liệu; Viết báo cáo và hoàn thiện khóa luận tốt nghiệp; bảo vệ khóa luận tốt nghiệp.

Năng lực đạt được: Phân tích và đánh giá được các yếu tố tác động đến sản xuất giống, dinh dưỡng và chăm sóc sức khỏe vật nuôi. Phân tích và đánh giá được hiệu quả sản xuất giống, dinh dưỡng, chăm sóc vật nuôi. Phối hợp được các kiến thức chuyên môn để tổ chức chăn nuôi phù hợp với các điều kiện thực tế đảm bảo lợi ích kinh tế, xã hội, môi trường và phúc lợi động vật. Vận dụng được kỹ năng tư duy sáng tạo và phản biện vào giải quyết vấn đề đơn giản trong quá trình chăn nuôi. Vận dụng được kỹ năng giao tiếp và kỹ năng hợp tác trong hoạt động trong sản xuất chăn nuôi có hiệu quả.

2. Mục tiêu của học phần:

*** Kiến thức:**

Tư vấn về kỹ thuật và công nghệ trong chăn nuôi bền vững phù hợp với điều kiện thực tế sản xuất. Tư vấn về kỹ thuật và công nghệ trong phát triển chăn nuôi bền vững.

*** Kỹ năng:**

Thực hiện thành thạo và có cải tiến đối với các qui trình kỹ thuật trong chăn nuôi phù hợp với sự thay đổi. Sử dụng được công nghệ thông tin và các trang thiết bị hiện đại của ngành Chăn nuôi phục vụ sản xuất, kinh doanh đạt mục tiêu đề ra

*** Thái độ:**

Thể hiện hành vi tôn trọng pháp luật, quy định nội bộ và giữ gìn đạo đức nghề nghiệp. Thể hiện hành vi bảo vệ môi trường, sức khỏe cộng đồng và tôn trọng phúc lợi động vật. Có tinh thần khởi nghiệp và không ngừng học tập nâng cao kiến thức và kỹ năng chuyên môn.

3. Nội dung chi tiết học phần

1. Bộ môn phân giáo viên hướng dẫn

2. Giáo viên hướng dẫn thực hiện giao nội dung đề tài cho từng sinh viên.

3. Sinh viên nhận đề tài và viết đề cương theo các hướng đề tài cụ thể như sau:
 - Nghiên cứu, đánh giá về lĩnh vực sản xuất con giống gia súc, gia cầm
 - Nghiên cứu, đánh giá về lĩnh vực kỹ thuật chăn nuôi gia súc, gia cầm
 - Nghiên cứu về lĩnh vực phòng và trị bệnh cho gia súc, gia cầm
4. Sinh viên thông qua đồ án hàng tuần dưới sự kiểm tra tiến độ của giáo viên hướng dẫn.
5. Giữa thời gian quy định làm đồ án, sinh viên báo cáo tiến độ trước bộ môn, bộ môn sẽ kiểm tra xem sinh viên có đảm bảo được tiến độ cũng như nội dung công việc để quyết định việc cho thực hiện tiếp hoặc dừng làm đồ án.
6. Cuối thời gian thực hiện: Sinh viên viết báo cáo toàn bộ nội dung các công việc liên quan đến quá trình phân tích, xây dựng, thực hiện đồ án dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn. Giáo viên hướng dẫn và sinh viên phải chịu trách nhiệm về nội dung công việc của sinh viên trong quá trình thực hiện đồ án.
7. Sinh viên bảo vệ đồ án trước hội đồng đánh giá đồ án do bộ môn quy định.

4. Yêu cầu đối với môn học

Yêu cầu sinh viên chuẩn bị đầy đủ các tài liệu chính, tài liệu tham khảo liên quan đến đề tài được giao. Thực hiện các công việc theo tiến độ được giao dưới sự dẫn dắt của giáo viên hướng dẫn. Có thái độ nghiêm túc trong học tập (chuẩn bị các báo cáo liên quan đến kiểm tra tiết độ và bảo vệ đồ án...).

5. Phương pháp giảng dạy:

Phương pháp giảng dạy: trước khi đi thực tập tại cơ sở, sinh viên sẽ được hướng dẫn làm đề cương đồ án tốt nghiệp; phổ biến nội dung và kế hoạch làm đồ án tốt nghiệp, đồng thời được giảng viên hướng dẫn giải đáp các thắc mắc liên quan đến lĩnh vực chăn nuôi thú y.

6. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan. Cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của Sinh viên.

7. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Điểm do giáo viên hướng dẫn đánh giá: Trọng số 25%.
- Điểm do giáo viên phản biện đồ án đánh giá: Trọng số 25%
- Điểm do hội đồng bảo vệ đồ án đánh giá: Trọng số 50%.

Thang điểm: 10

9. Học liệu:

9.1. Giáo trình chính: Toàn bộ các tài liệu chính chuyên ngành ở các học phần đã học.

9.2. Tài liệu tham khảo: Toàn bộ các tài liệu tham khảo chuyên ngành ở các học phần đã học.